

**GIÁO TRÌNH
KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN**

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
HỌC VIỆN PHẬT GIÁO VIỆT NAM TẠI HÀ NỘI



Biên dịch: TT. THÍCH TRÍ HẢI

GIÁO TRÌNH KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

教程經大般涅槃

(Tái bản lần thứ nhất)

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

GIÁO TRÌNH
KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

教程經大般涅槃

LỜI NÓI ĐẦU

Kinh Đại Bát Niết Bàn, gọi tắt là Kinh Niết Bàn một bộ kinh quan trọng nhất thuộc tư tưởng Đại thừa. Đại thừa Phật giáo rất chú trọng việc vận dụng tinh thần, tư tưởng của kinh để phát huy những nét sáng đẹp của văn hóa địa phương, dân tộc, phù hợp với chân lý giác ngộ giải thoát. Niết Bàn quả vị của Phật, Ngài đã khẳng định Ngài chỉ là người chứng ngộ, đạt đến, và chúng sinh bình đẳng; vì Phật và chúng sinh đồng một chân tâm bản tính. Phật là người đã thành, chúng sinh là người đang thành, sẽ thành, nếu phát nguyện, thực hành tu tập theo chánh pháp và nỗ lực tinh tấn, bước lên con đường vô thượng Bồ Đề.

Sau phẩm Duyên Khởi Niết Bàn thứ nhất, kinh văn nói về Như Lai Thọ Mệnh, đức Thế Tôn đã khai bày pháp môn Thanh Phật Trụ Thế; Ngài đã giải thích cặn kẽ về Chân ngã hay tánh Phật, chính là bản thể thường hằng bất biến của tất cả chúng sinh, mênh mông như hư không, vốn thường trụ bất hoại. Tuy nhiên, Bản thể ấy không phải tất cả chúng sinh chung cùng, nhưng cũng không phải sai khác. Với ý nghĩa này, vượt ngoài tư tưởng thông thường của đời sống tương đối hiện tượng, đây là ý nghĩa Bất Khả Tư Nghì, có nghĩa là không thể nghĩ bàn; nhưng lại là cái bản thể chân thật của mọi chúng sinh, không phải là cái bản ngã ô nhiễm, vướng mắc đầy phiền não buộc ràng. Đây chính là Chân tâm, Phật tính, là Như Lai Pháp Thân thường trụ.

Đồng thời Đức Thế Tôn đã ân cần khuyến tấn các hàng đệ tử nên tinh tấn, nỗ lực cần tu trước khi Ngài vào đại định Niết Bàn, qua bộ kinh này. Dựa trên cơ sở đó người con Phật ứng dụng tu hành, không những đã tháo gỡ mọi khổ đau phiền lụy nơi tự thân, chứng nhập Pháp Thân thường trú; mà còn hướng dẫn mọi người đến nơi Vô sở đắc, thành tựu viên mãn quả vị Vô thượng Bồ đề.

Nhận thấy tư tưởng Pháp Thân thường trú của Kinh Niết Bàn, cao siêu mầu nhiệm, mà cũng là điều cốt yếu của người tu học Phật. Nên mạo muội biên dịch, lược giải và ấn hành. Đồng thời đáp ứng chương trình tu học của tăng ni sinh viên, năm thứ tư, Khoá VII (2014-2018) Học Viện Phật giáo Việt Nam tại Hà Nội, mà chúng tôi đảm trách hướng dẫn bộ môn.

Với thiện ý chỉ mong có tài liệu giúp Quý Tăng Ni, thuận tiện trong việc nghiên tâm tu học giáo nghĩa Kinh Đại Bát Niết Bàn. Mặc dù chúng tôi đã cố gắng trong việc biên dịch, nhưng thiết nghĩ khó tránh khỏi những thiếu sót. Kính mong các Bậc cao minh từ bi hoan hỷ.

Nam mô Công Đức Lâm Bồ tát, Ma ha tát.
Khê thủ

Tỳ kheo THÍCH TRÍ HẢI

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN



TỔNG LUẬN

Đức Thích Tôn vì lòng từ bi xuất hiện nơi thế gian, tùy cơ nghi thuyết giáo, lập ra mọi phương tiện, để hóa độ chúng sinh thoát khỏi biển sanh tử, đầy phiền não khổ đau. Thế nên, suốt bốn mươi chín năm, những chúng sanh hữu duyên Ngài đều đã độ hết, trước khi nhập vào đại định Niết bàn, Ngài ân cần dạy bảo hàng Thích tử, qua bộ Kinh Niết Bàn.

Kinh Niết Bàn là nói tắt, gọi đủ là Đại Bát Niết Bàn Kinh, cũng có tên gọi là Phật Thuyết Bát Nê Hoàn Kinh. Do đức Phật Thích Ca Mâu Ni [1] giảng dạy trước khi Ngài Nhập Niết Bàn. Có hai bản kinh Niết Bàn; một của Phật giáo Nam Truyền; một của Phật giáo Bắc Truyền. Kinh Đại Bát Niết Bàn của Phật giáo Nam Truyền, được tìm thấy trong Kinh Trường Bộ (Kinh Đại Bát Niết Bàn, Hệ Pali). Còn Kinh Đại Bát Niết Bàn của Phật giáo Bắc Truyền bao gồm hai bản: Phật Thuyết Phương Đẳng Bát Nê Hoàn Kinh [2], do ngài Dharmakṣa (Đàm Vô Sấm, 385-433), đời Tây Tấn dịch và Đại Bát Nê Hoàn Kinh [3], Đại Bát Niết Bàn Kinh [4] do Ngài Pháp Hiển và Buddha-badhra (Phật Đà Bạt Đà La, Hán dịch Giác Hiền, 359-429) đời Đông Tấn (317-420) dịch.

Kinh Đại Bát Niết Bàn là cuốn kinh số 7 trong Đại Tạng kinh [5]. Đại Bát Niết Bàn (Mahāparinirvāna): Hán dịch là Đại Nhập Diệt Tức; Đại Diệt Độ; Đại Viên Tịch Nhập... Đại là lời

khen đức Tịch Diệt, có tính cách sâu, rộng lớn; Diệt là diệt phiền não nơi thân tâm; Tức là yên nghỉ, Độ là vượt qua bể sinh tử. Viên tịch là công đức viên mãn, tịch diệt phiền não.

Kinh Đại Bát Niết Bàn là một bộ kinh nói về trạng thái trước, trong và sau khi đức Phật Nhập diệt, ghi chép lại những lời Di huấn tối hậu của Ngài. Kinh này có chia ra Tiểu Thừa Niết Bàn và Đại Thừa Niết Bàn. Tiểu thừa Niết Bàn chỉ ghi chép về sự thật khi Đức Phật nhập diệt; còn Đại thừa Niết Bàn thì nói rõ về Pháp Thân Thường Trụ của Đức Phật, trong 40 quyển, Kinh Đại Bát Niết Bàn do Ngài Đàm Vô Sấm dịch.

Bản giáo trình này y cứ, Kinh Đại Bát Niết Bàn do Ngài Pháp Hiển, dịch từ Phạn văn sang Hán văn, vào thời đại Đông Tấn, gồm 3 quyển: Thượng, Trung, Hạ. Nhận thấy ý văn trong kinh liên tục, nên khi biên dịch chúng tôi không theo sự phân chia thành từng quyển như trong bản Hán bộ, nhưng đến cuối mỗi quyển chúng tôi có ghi như: Đại Bát Niết Bàn Kinh, quyển thượng hoàn, tiếp đến quyển trung, để lưu lại dấu xưa. Và, muốn cho dễ nhận định và ký ức, chúng tôi ghi thêm danh đề của mỗi đoạn, tạm gọi là Phẩm; như Đoạn thứ nhất là Duyên Khởi Niết Bàn, phẩm đệ nhất...

1 - THÍCH NGHĨA ĐỀ KINH

Phật: 佛 là dịch âm tiếng Phạn, nói tắt của chữ Phật đà (Bouddha). Chữ Phật, Hán dịch là Giác giả, có nghĩa là sáng suốt hoàn toàn, tức là chỉ cho những bậc Đại giác, Đại ngộ. Những bậc này biết rõ tất cả sự lý trong vũ trụ một cách chân chính, cùng tột và không còn một chút mê lầm,

điên đảo, do đó còn được gọi là Vô thượng Biến Chánh giác. Có đầy đủ ba đức tánh giác ngộ là Tự giác, Giác tha, và Giác hạnh viên mãn.

1. Tự Giác: 自覺 Tự trở nên giác ngộ; Bậc tự giác thì không giống như hạng phàm phu chưa được giác ngộ. Những người tu theo Nhị thừa đều có thể tự trở nên giác ngộ; vì thế, họ đều khác hẳn kẻ phàm phu.

2. Giác Tha: 覺他 Làm cho người khác trở nên giác ngộ. Hàng Nhị thừa có thể trở nên giác ngộ, nhưng họ không giác ngộ người khác. Do đó, người có thể khiến cho người khác trở nên giác ngộ là bậc Bồ Tát. Bồ Tát đã có thể tự giác, lại có thể giác tha; và vừa làm lợi cho mình vừa có thể làm lợi cho người khác.

3. Giác Hạnh Viên Mãn: 覺行圓滿 Bậc Bồ Tát tuy có thể giác ngộ người khác, nhưng vẫn chưa thể đạt được giác hạnh viên mãn. Trong khi đó, chư Phật đã có thể tự trở nên giác ngộ, lại có thể làm cho người khác được giác ngộ, và hoàn thành viên mãn hạnh tự giác giác tha của mình nữa. Chính nhờ đã hoàn tất trọn vẹn cả ba hạnh nguyện này nên các ngài đã thành Phật.

Phật Thùy Bát Niết Bàn 佛垂般涅槃. Thùy Bát Niết Bàn, nghĩa là: Sấp đến giờ vào Niết bàn. Đức Phật ân cần khuyến tấn di huấn lời dặn dò căn kế cho các đệ tử được ghi lại trong kinh này, nên gọi là Kinh Phật Thùy Bát Niết Bàn là vậy.

Niết Bàn (H. 寂滅, 涅槃 S. Nirvirvāṇa; P. Nibbāna; [Ja.](#) Nehan) Dịch âm là Nê Hoàn (泥洹), Niết Bàn Na (涅槃那) Niết Lệ Bàn Na (涅槃那). Từ dịch âm tiếng Phạn

Nirvāṇa; Pāli Nibbāna. Nibbāna. Nirvāṇa nguyên là phân từ thụ động quá khứ của động từ Niḥ-vvā; Nirvāti với ý nghĩa Dập tắt và như thế thì Nirvāṇa mang nghĩa đã bị dập tắt, thối tắt. Niết (Nir): Ra khỏi, Bàn hay Bàna (Vana): Rừng, tức là ra khỏi cảnh rừng mê tối, rừng phiền não. Trong Kinh A Hàm (P. Āgama, H. 阿含), Định nghĩa là diệt tận tham dục, sân nhuế và ngu si. Như trong Kinh Tạp A Hàm (雜阿含), 18 có đoạn rằng: Vân hà vi Niết Bàn? Xá Lợi Phất ngôn: Niết Bàn giả, tham dục vĩnh tận, sân nhuế vĩnh tận, ngu si vĩnh tận, nhất thiết chư phiền não vĩnh tận, thị danh Niết Bàn 云何爲涅槃? 舍利弗言: 涅槃者, 貪欲永盡, 嗔恚永盡, 愚癡永盡, 一切諸煩惱永盡, 是名涅槃. Thế nào là Niết Bàn? Ngài Xá Lợi Phất bảo rằng: Niết Bàn là, hết sạch tham dục, hết sạch sân nhuế, hết sạch ngu si, tất cả các phiền não dứt sạch, gọi là Niết Bàn. Qua đó mà thuật ngữ Nirvāṇa cũng được dịch nghĩa là Khổ diệt, Diệt tận, Diệt độ, Tịch diệt (H. 滅, 滅盡, 滅度, 寂滅), Bất sinh, Viên tịch (H. 不生, 圓寂). Vì khổ diệt là tôn chỉ, là mục đích tối hậu của người tu học Phật nên Nirvāṇa cũng được dịch là Giải thoát (H. 解脫).

Ngài Huyền Trang thích nghĩa từ ngữ Niết bàn - Nirvana: 1, Nir: Ra khỏi, ly khai; vana: Con đường quanh quẩn, đổi thay. Nirvana là xa lìa, ly khai con đường quanh quẩn, sinh tử luân hồi; 2, Nir: Vô, không; vana: Uế trược, dơ bẩn, Nirvana là không uế trược, nhiễm ô; 3, Nir: Xả ly, đào thải; vana: Rừng rậm, Nirvana là xa lìa phiền tạp. Mặc dù các cách hiểu này không đồng nhất song đều có chung một nghĩa căn bản: Niết bàn là sự đoạn trừ dục vọng, dứt nghiệp báo luân hồi, thanh tịnh tuyệt đối. Đó là sự thanh tịnh tuyệt đối nơi tâm

linh sâu thẳm của con người; là một trạng thái hoàn toàn thanh thản, yên tĩnh, sáng suốt, không vọng động, xả ái dục, sạch vô minh, dứt mọi khổ đau, ràng buộc.

2 - CÁC NHÀ PHIÊN DỊCH

Ngài Pháp Hiển (337 – 422): Vị Tăng đời Đông Tấn (317 – 420), người xứ Vũ Dương, Bình Dương (Sơn Tây), họ Cung, hoặc nói rằng sư sinh tại Đông Tấn Hàm Khang thứ 6 (340). Sau đó do cảm thán Tăng đoàn và Kinh Luật tàn khuyết, liền cùng với đồng học là Huệ Cảnh, Đạo Chính, Huệ Ứng, Huệ Ngôi, đến Thiên Trúc Cầu Pháp, lúc đó tuổi khoảng 60. Thời gian mất 10 năm, đi qua 30 nước, mang về nước rất nhiều Phạn bản kinh Phật. Năm Nghĩa Hy thứ 9 (413), từ Tô Môn Đáp Lạp (Sumatra) trở về nước. Trong thời gian đó sư đã học được Luật, Trường A Hàm, Tạp A Hàm, Niết Bàn Kinh.

Sau khi trở về nước, tại chùa Đạo Tràng, cùng với Phật Đà Bạt Đà La (Buddhabhadra 359 – 429) dịch ra Ma Ha Tăng Kỳ Luật, Đại Bát Nê Hoàn Kinh, Tạp Tạng kinh, Tạp A Tỳ Đàm Tâm Luận. Ngài đem những chỗ thấy nghe trong các cuộc lễ hành, ghi chép thành sách, đó là quyển Phật Quốc Ký, sáng tác Cao tăng Pháp Hiển truyện, miêu tả Ấn Độ thời đó cho đến sự tình của Trung Á, có đầy đủ ý nghĩa trọng yếu trên Văn hiến. Sau này thị tịch tại Kinh Châu Tân Sự, suy niên đại thị tịch của sư khoảng năm Nghĩa Hy thứ 14 (418) đến đầu năm Cảnh Bình (423), tuổi tịch không rõ, có thuyết nói 86, hoặc 82. Ngài cùng với Huyền Trang (602 – 664), Nghĩa Tịnh (635 – 713) Thế kỷ 7, là những danh Tăng Nhập Trúc Cầu Pháp.

Cũng gọi Cao Tăng Pháp Hiển Truyện, Phật Quốc Ký, Lịch Du Thiên Trúc Ký Truyện, Cao Tăng Truyện. Truyện ký do ngài Pháp Hiển biên soạn vào đời Đông Tấn, được thu vào Đại Chính Tạng, tập 51. Nội dung sách này ghi lại quá trình ngài Pháp Hiển đi qua các nước Tây Vực đến Ấn Độ cầu pháp. Đây là bộ sách xưa nhất trong các bộ Du Ký của những vị cao tăng Trung Quốc sang Ấn Độ cầu pháp hiện còn. Bộ sách này cùng với các bộ: Đại Đường Tây Vực Ký của ngài Huyền Trang và bộ Nam Hải Ký Quy nội pháp truyện của ngài Nghĩa Tịnh đều là những tư liệu quan trọng về lịch sử, địa lý của thời Trung Cổ. Vào thế kỉ XIX, sách này rất được các học giả Âu Tây coi trọng và đã được dịch ra các thứ tiếng sau đây: Foekoue Ki ou Relation des royaumes bouddhiques Paris, 1836 par A. Rémusat. -Travels of Fa-hian and Sung yun, Buddhist Pilgrims from China to India London, 1869, by S. Beal. -Record of the Buddhistic Kingdoms, London, 1877, by H.A. Giles. -A Record of the Buddhistic Kingdoms, being an Account by the Chinese Monk Fa-hsien Oxford, 1886, by J.Legge. [X. Xuất Tam Tạng Ký Tập Q.15; Cao Tăng Truyện Q.3; Đại Đường Nội Điển Lục Q.3; Trinh Nguyên Tân Định Thích Giáo Mục Lục Q.30].

Phật Đà Bạt Đà La: Buddhahadra (359 – 429): Cũng gọi là Phật Độ Bạt Đà La, Phật Đại Bạt Đà, Phật Đà Bạt Đà, dịch ý là Giác Hiền, Phật Hiền, là vị Tăng dịch kinh trú danh Thế kỷ 5. Thời đại Nam Bắc Triều (420 – 589) đời Hậu Tần (384 – 417) đến đất Hán. Năm Nghĩa Hy 11 (415) triều đại Đông Tấn (317 – 420) đến Kiến Khang (nay là Nam Kinh), trụ tại Đạo Tràn tự, chuyên theo công việc phiên dịch, dịch chung với

Ngài Pháp Hiển (337 – 422) có Ma Ha Tăng Kỳ Luật, Đại Bát Nê Hoàn Kinh... cũng có dịch riêng Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh, 60 quyển, tổng cộng 13 bộ 125 quyển. Thời đại Lưu Tống (420 – 479) năm Nguyên Gia thứ 6 (429) thị tịch, thế thọ 71. Đời gọi Ngài là Thiên Trúc Thiên Sư, làm một vị trong Lô Sơn Thập Bát cao hiền.

Ngài Chi Lô Ca Sấm – Lokasema (147 - ?): Vị Tăng dịch kinh đời Hán (206 TCN – 220 TL), cũng gọi là Chi Sấm, người nước Đại Nguyệt Chi (nước cổ Trung Á). Vào những năm cuối đời của vua Hán Hoàn Đế (132 – 168), Ngài Chi Sấm đến Lạc Dương, theo sự nghiệp dịch kinh. Khoảng năm Quang Hòa đến năm Trung Bình (178 – 189), đời vua Linh Đế (156 – 189), kinh sách Ngài dịch như: Đạo Hạnh Bát Nhã Kinh, Bồ Tát Nê Hoàn Kinh, Ban Chu Tam Muội Kinh, A Xà Thế Vương Kinh, Tạp Thí Dụ Kinh, Thủ Lăng Nghiêm Kinh, Vô Lượng Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh, Bảo Tích Kinh, trên 20 bộ, nhưng số kinh hiện còn chỉ có 12 bộ, sư là vị Tăng đầu tiên phiên dịch và truyền bố lý luận Bát Nhã Học của Phật giáo tại Trung Quốc.

Ngài Đàm Vô Sấm – Dharma raksa (385 – 433): Tăng dịch kinh đời Bắc Lương (401 – 439, một trong Thập Lục quốc), cũng gọi là Đàm Mâu Sấm, Đàm Vô La Sấm, Đàm Ma Sấm, Đàm Mô Sấm, Đàm La Vô Sấm, dịch ý là Pháp Phong, người xứ Trung Ấn Độ, xuất thân trong chủng tộc Bà La Môn. Ban đầu học tập giáo pháp Tiểu thừa, bao gồm Ngũ Minh, thuyết giảng thao thao, ứng đáp khéo léo. Sau này gặp Bạch Đầu Thiên Sư, được truyền cho Đại Bát Niết Bàn Kinh, tự cảm thấy hổ thẹn, cải hối mà chuyên nghiên cứu Đại thừa.

quan hệ kinh điển của sư dịch ra, Xuất Tam Tạng Ký Tập nói Sư dịch kinh 11 bộ, 117 quyển; Đại Đường Nội Điển Lục thì nói 24 bộ, 151 quyển. Lại nữa, Hoa Nghiêm Kinh Sớ quyển 1 nói: Sư dựa vào Niết Bàn Kinh mà lập Bán Mãn nhị giáo, lấy Thanh Văn làm Bán Tự Giáo, Bồ Tát Tạng làm Mãn Tự Giáo.

Bắc Bản Niết Bàn: 40 quyển. Đàm Vô Sấm (Dharma raksa 385 – 433) thời Bắc Lương (397 – 439) dịch. Tức là Đại Bát Niết Bàn kinh. Nói tắt là Niết Bàn kinh. Tuyên thuyết Đại thừa tư tưởng Phật thân thường tại, và Nhất thiết chúng sinh đều có Phật tánh, khác với Nam bản Niết Bàn, nêu các hiện tượng trước, trong và sau khi Đức Thích Tôn thùý bát Niết Bàn, nên gọi riêng là Bắc Bản Niết Bàn kinh.

Ngài Huệ Nghiêm (363 – 443): Tăng đời Nam triều Lưu Tống (420 – 479). Người xứ Dự Châu (An huy), họ Phạm. Năm 12 tuổi làm Chư Sinh (Tú tài), hiểu rộng các sách. Năm 16 tuổi xuất gia, nghiên cứu sâu Phật lý. Nghe danh Ngài Cư Ma La Thập (344 – 413) đến Quan Trung, bèn theo Ngài La Thập học tập. Sư hiểu sâu Kinh luận, lại khéo ngôn thuyết, mọi người đều kính trọng sư. Sau khi Ngài La Thập thị tịch, sư trở lại Kiến Khang Đông An Tự, rất được Lưu Tống Cao Tổ (363 – 453) lên ngôi, cũng thường đem Phật pháp thỉnh dạy. Sư từng soạn Vô Sanh Diệt Luận và Lão Tử Lược Chú, lại cùng với Tạ Linh Vận (385 – 433), Huệ Quán, cùng chung giải thích Nam Bản Niết Bàn Kinh. Năm Nguyên Gia 20 thị tịch tại Chùa Đông An, thế thọ 81.

Tạ Linh Vận (385 – 433): Cư sĩ đời Lưu Tống (420 – 479) ở xứ Dương Hạ. Hiếu học đọc rộng, khéo Thư họa, Thi văn, một mình ngang dọc xứ Giang Tả, đã từng nhậm chức Thái

Úy Tham Quân, Thái Thú Vĩnh Gia. Bẩm tính giản dị, hào phóng, tự cao dám nói, đến nỗi bị ganh ghét mà không tự biết. Về sau, những người quyền quý ôm hận hãm hại, bị đày đi Quảng Châu, có người vu khống mưu phản, Văn Đế (407 – 453) cũng đổ kị tài danh của ông, bèn tháng 11 năm Nguyên Gia thứ 10 (433) mượn cớ chém ông tại Quảng Châu, lúc đó ông 49 tuổi. Linh Vận thuở nhỏ quy y Tam bảo, thâm nhập kinh tạng, thường qua lại với Trúc Đạo Sanh (355 – 434) Long Quang Tự để học hỏi, ghi lòng tạc dạ các nghĩa đốn ngộ và sáng tác Biện Tông Luận để giải thích nghĩa Đốn Ngộ của Đạo Sanh. Lại nữa, do biết được Huệ Duệ (355 – 439) Ông y tự hiểu thông Phạn ngữ, bèn đến xin giải nghĩa giúp các chữ trong kinh, thông hiểu nhiều âm mà khác ý. Gặp lúc Đại Niết Bàn Kinh mới đến đất Tống, vì phẩm số chú giải đơn giản, văn nghĩa khó mà lại, người mới học khó nhập, bèn cùng với Đông An Huệ Nghiêm (363 – 443), Đạo tràng Huệ Quán sửa đổi, lưu hành đến nay. Học thuyết Niết Bàn và thuyết Đốn Ngộ được lưu bố vào thời đó, công đức của ông Tạ không bị mai một. Biên soạn của ông có Kim Cang Bát Nhã Kinh Chú, Niết Bàn Kinh Sớ...

Nam Bản Niết Bàn: 36 quyển. Cũng gọi là Đại Bát Niết Bàn Kinh. Niết Bàn Kinh 40 quyển của Đàm Vô Sấm (385 – 433) thời đại Bắc Lương (397 – 439) dịch, do văn thô phát mộc mạc, phẩm mục quá đơn giản, sau đó do Sa môn Huệ Nghiêm (363 – 443), Huệ Quán và Tạ Linh Vận (385 – 433) thời Nam Triều Lưu Tống (420 – 479), y theo 6 quyển Nê Hoàn Kinh của Ngài Pháp Hiển mà sửa sang tu bổ, văn từ tinh luyện, thành 25 phẩm, 36 quyển. Thiên Thai Chương An

Tôn Giả (561 – 632) liền y theo bản này mà viết sớ, nhưng rất ít lưu thông nơi đời. Để phân biệt 2 bản dịch, cho nên dịch bản đầu tiên gọi là Bắc Bản Niết Bàn Kinh, bản tu sửa thì gọi là Nam Bản Niết Bàn kinh.

Ngài Huệ Tĩnh: Tăng đời Đông Tấn (317-420). Người xứ Đông A (Sơn Đông), họ Vương, năm sinh tử không rõ. Sư chuyên trì tụng các kinh Pháp Hoa, Tiểu Phẩm Bát Nhã. Sáng tác có Niết Bàn Lược Ký, Đại Phẩm Chỉ Quy, Đạt Mạng Luận, Chư Pháp Sư Lụy, và chú thích 2 kinh: Duy Ma, Tư Ích, nhưng phần nhiều chỉ lưu truyền Bắc thổ, không thấy tại Giang Nam. Giữa năm Nguyên Gia (424 – 453) thời đại Lưu Tống thị tịch, thế thọ 60.

Ngài Huệ Kiểu (Huệ Giáo – 497 – 554): Tăng đời Nam Triều Lương (502 – 557), người xứ Thượng Ngô (Chiết Giang), không biết họ. Trụ trì tại Gia Tường Tự, Cối kê (Chiết Giang, Thiệu Hưng). Học thông Nội điển Ngoại điển, nghiên cứu rộng Kinh luật. Sư sáng tác Cao Tăng Truyện 14 quyển, đời gọi là Lương Cao Tăng Truyện, là bộ Tăng truyện có hệ thống đầu tiên của Trung Quốc. Thể lệ sáng tác Tăng Truyện của sư, người đời đều noi theo. Năm Thừa Tánh thứ 2 (553), Ngài tránh loạn Hầu Cảnh, bèn đi về phía Tây đến Bồn Thành (Giang Tây, Cửu Giang). Tháng 2 năm sau thị tịch, thế thọ 58. Có sáng tác Phạm Võng Kinh Sớ, Niết Bàn Kinh Sớ 10 quyển...

Ngài Pháp Dao: Tăng đời Lưu Tống (420 – 479), người xứ Hà Đông, họ Dương, sinh tại thời đại Đông Tấn (317 – 420) vua An Đế (382 – 419). Từng phụng sắc đến Kinh sư cùng với đệ tử của Đạo Sanh (355 – 434) là Đạo Do luận bày ý nghĩa

Đốn Tiệm. Khi lên giảng tòa, xe bị cấm đường, bá quan giúp đỡ trải chiếu. Năm Nguyên Huy (473 – 477) thị tịch, thế thọ 76. Sáng tác có Nghĩa sử của Niết Bàn Kinh, Pháp Hoa Kinh, Đại Phẩm Bát Nhã Kinh, Thắng Man Kinh...

Ngài Tịnh Ảnh (Huệ Viễn 523 – 592): Tăng đời Tùy (581 – 618), người xứ Đôn Hoàng (Cam Túc), họ Lý. Cũng gọi là Tùy Viễn, Tiểu Viễn, Đại Viễn, Bắc Viễn. Thế thọ 70. Đời gọi sư là Thích Nghĩa Cao Tổ. Sáng tác có Đại Thừa Nghĩa Chương 26 quyển, Thập Địa Kinh Luận Nghĩa Ký 14 quyển, Hoa Nghiêm Kinh Sớ 17 quyển, Đại Bát Niết Bàn Kinh Nghĩa Ký 20 quyển, Pháp Hoa Kinh Sớ 7 quyển, Duy Ma Kinh Nghĩa Ký 4 quyển, Thắng Man Kinh Nghĩa Ký 3 quyển, Vô Lượng Thọ Kinh Nghĩa Sớ 1 quyển.

Ngài Chi Khiêm (Tk.3): Nhà dịch kinh của nước Ngô, thời đại Tam Quốc (220 – 280). Người nước Đại Nguyệt Thi (cuối Thế kỷ 3, tên chữ là Cung Minh). Ngài đến Đông Độ (Trung Quốc), cư ngụ tại Hà Nam. Thông hiểu ngôn ngữ của 6 nước, theo Chi Lượng (đệ tử của Chi Lô Ca Sấm 147 ?) thọ học, đọc rộng các kinh sách, người thời đó gọi Ngài là Trí Năng (túi trí), gọi chung với Chi Lô Ca Sấm và Chi Lượng là Tam Chi. Sau đó tránh loạn sang nước Ngô (222 – 280), được Ngô Vương là Tôn Quyền (182 – 252) kính trọng tôn làm **Bác sĩ**, dạy kèm Thái tử Tôn Lượng (243 – 260). Năm đầu Hoàng Vũ (222) của nước Ngô đến giữa năm Kiến Hưng (222 – 253), khoảng trên 30 năm, nỗ lực dịch kinh Phật sang Hán văn, dịch ra Duy Ma Cật Kinh, Thái Tử Thụy Ứng Bốn Khởi Kinh, Đại Bát Nê Hoàn Kinh, Đại Minh Độ Kinh. Ngôn từ trong kinh sách của Ngài dịch ra, người thời đó khen là rất thanh nhã.

Ngài Trúc Pháp Hộ - Dharmaraksa (239 – 361): Cũng gọi là Chi Pháp Hộ, là Cao tăng dịch kinh đời Tây Tấn (265 – 317). Dịch âm là Đàm Ma La Sát, tổ tiên là người nước Nguyệt Chi (Ấn Độ), sinh sống tại Đôn Hoàng. Sau này thị tịch vào đời vua Tấn Mẫn Đế (300 – 318) năm Kiến Hưng (313 – 316); hoặc nói đời vua Huệ Đế (tại vị 291 – 305) Ngài đi về Tây (Ấn Độ) và thị tịch, thế thọ 78. Những bộ kinh của Ngài dịch, trong Xuất Tam Tạng Ký Tập, quyển 2 có: Quang Tán Bát Nhã, Phổ Diệu, Đại Ai, Độ Thế Phẩm, Trì Tâm, Thủ Lăng Nghiêm, Hiền Kiếp, Duy Ma, Vô Lượng Thọ, Phương Đẳng Bát Nê Hoàn Kinh, Chánh Pháp Hoa... tổng cộng 154 bộ, 309 quyển; thời vua Vũ Đế khoảng năm Tần Thủy (265 – 274) đến đời vua Hoài Đế (284 – 313) năm Vĩnh Gia thứ 2 (308). Trong đó, năm Thái Khang thứ 6 (286) sau khi dịch Chánh Pháp Hoa Kinh Văn Thế, người Trung Quốc mới biết tên của Bồ Tát Quán Âm, do đó mà có thuyết linh nghiệm và bắt đầu tín ngưỡng Bồ Tát Quán Âm.

Ngài Đạo Lãng: Tăng đời Đông Tấn (317 – 420). Ban đầu cùng với Huệ Tung nhờ Nghĩa Học mà tiếng tăm vang lừng tại Hà tây. Đã từng trợ giúp Ngài Đàm Vô Sấm (385 – 433) phiên dịch Đại Bát Niết Bàn Kinh, cũng biên soạn Lời Tựa, Nghĩa Sớ, nỗ lực hoằng truyền Phật pháp. Sau đó, những người giảng Niết Bàn Kinh phần nhiều y theo nghĩa này. Ngài cũng viết Lời tựa của Trung Luận, tham dự khảo chứng văn nghĩa A Tỳ Đàm, Tỳ Bà Sa của Phật Đà Bạt Ma dịch. Năm nhập tịch không rõ. Đời sau cho rằng Tăng Lãng xứ Liêu Đông nỗ lực hoằng dương Tam Luận với Ngài là một người.

Về lịch sử truyền thừa dịch thuật Kinh Niết Bàn, từ Phạn văn thành Hán văn:

Bồ Tát Nê Hoàn Kinh, 2 quyển do Ngài Chi Lôu Ca Sấm (Lokaraksa) đời Hậu Hán (25-220 TL) dịch.

Đại Bát Nê Hoàn Kinh, 2 quyển do Ngài Chi Khiêm, thời Nhà Ngô (222-280 TL, thời Tam Quốc) dịch.

Phương Đăng Bát Nê Hoàn Kinh, 2 quyển do Ngài Trúc Pháp Hộ, thời Tây Tấn (265-317 TL) dịch.

Phật Thuyết Đại Bát Nê Hoàn Kinh 佛說大般泥洹經, 6 quyển, 18 phẩm [6] do Ngài Pháp Hiển (337 – 422) Ngài Buddhabhadra (Phật Đà Bạt Đà La, 佛陀跋陀羅 359-429) đời Đông Tấn (317-420) dịch.

Đại Bát Niết Bàn Kinh, 3 quyển do Ngài Pháp Hiển thời Đông Tấn (317-420) dịch.

Phật Di giáo Kinh, 1 quyển do Ngài Cưu Ma La Thập (Kumarajiva, 344-413) thời Diêu Tần dịch.

Đại Bát Niết Bàn Kinh, 40 quyển, 13 phẩm [7] do Ngài Đàm Vô Sấm thời Bắc Lương dịch.

Bát Nê Hoàn Kinh, 20 quyển do Ngài Trí Mãnh đời Lưu Tống dịch.

Đại Bát Niết Bàn Kinh Hậu Phần, 2 quyển do Ngài Nhã Na Bát Đa dịch.

Đại Bát Niết Bàn Kinh, do Ngài Huệ Nghiêm (363 – 443) với Cư sĩ Tạ Linh Vận (385 – 433), Huệ Quán, thêm vào Phần Tự và dịch, đời Lưu Tống (420 – 479).

Về dịch thuật Kinh Đại Bát Niết Bàn, từ Hán văn thành Việt văn:

1. Kinh Đại Bát Niết Bàn do Hòa thượng Thích Trí Tịnh (1917 -2014) dịch, y cứ vào Đại Bát Niết Bàn Kinh, do Ngài Huệ Nghiêm (363 – 443) với Cư sĩ Tạ Linh Vận (385 – 433), Huệ Quán, y cứ Nê Hoàn Kinh, thêm vào Phần Tự (y cứ Nê Hoàn Kinh gia chi Tự Phẩm) và dịch, đời Lưu Tống (420 – 479), gồm có 42 quyển – Hán bộ, dịch ra Việt ngữ thành 29 phẩm như sau:

Thứ 1 Phẩm Tự. Thứ 2 Phẩm Thuần Đà. Thứ 3 Phẩm Ai Thán. Thứ 4 Phẩm Trường Thọ. Thứ 5 Phẩm Kim Cang Thân. Thứ 6 Phẩm Danh Tự Công Đức. Thứ 7 Phẩm Tứ Tướng. Thứ 8 Phẩm Tứ Ý. Thứ 9 Phẩm Tà Chánh. Thứ 10 Phẩm Tứ Đế. Thứ 11 Phẩm Tứ Đảo. Thứ 12 Phẩm Như Lai Tánh. Thứ 13 Phẩm Văn Tự. Thứ 14 Phẩm Điều Dụ. Thứ 15 Phẩm Nguyệt Dụ. Thứ 16 Phẩm Bồ Tát. Thứ 18 Phẩm Hiện Bệnh. Thứ 19 Phẩm Thánh Hạnh. Thứ 20 Phẩm Phạm Hạnh. Thứ 21 Phẩm Anh Nhi Hạnh. Thứ 22 Phẩm Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương Bồ Tát. Thứ 23 Phẩm Sư Tử Hống Bồ Tát. Thứ 24 Phẩm Ca Diếp Bồ Tát. Thứ 25 Phẩm Kiều Trần Như. Thứ 26 Phẩm Di giáo. Thứ 27 Phẩm Ứng Tận Hườn Nguyên. Thứ 28 Phẩm Trà Tỳ. Thứ 29 Phẩm Cúng Dường Xá Lợi. 1. Kinh Đại Bát Niết Bàn, (Hệ Pali), Việt dịch: Hòa Thượng Thích Minh Châu dịch trong Kinh Trường Bộ.

2. Kinh Đại Bát Niết Bàn do Đoàn Trung Còn (Tỳ Kheo Thích Hồng Tại, 1908 - 1988). Dịch bản Hán Việt vào những năm 1971-1974, tại Sài Gòn.

3. Kinh Đại Bát Niết Bàn Trực Chỉ Đề Cương, do Hòa thượng Thích Từ Thông, dịch giải.

4. Kinh Đại Bát Niết Bàn, Việt dịch: Cư Sĩ Tuệ Khai.

5. Kinh Đại Bát Nê Hoàn, Sa Môn Pháp Hiển - Thích Nguyên Hùng Việt dịch.

3 - KẾT CẤU CỦA KINH

Như trên đã trình bày, Ngài Pháp Hiển sau chuyến Nhập Trúc Cầu Pháp trở về Trung Hoa, trong sự nghiệp phiên dịch Tam tạng giáo điển của Phật; riêng về Kinh Niết Bàn, Ngài dịch 2 bản: Một bản Ngài dịch chung với Ngài Phật Đà Bạt Đà La, với danh đề Phật Thuyết Đại Bát Nê Hoàn Kinh; một bản Ngài dịch với danh đề Đại Bát Niết Bàn Kinh. Chúng tôi y cứ vào bộ Đại Bát Niết Bàn Kinh, 3 quyển của Ngài Pháp Hiển dịch, làm bản giáo trình đây.

Về bố cục của Kinh Đại Bát Niết Bàn, cũng như các bộ Kinh [8] khác thuộc hệ thống Đại thừa giáo nghĩa, được phân định thành ba phần: Phần Tựa, Phần Chánh Tông và Phần Lưu Thông. Được phân định thành 18 phẩm như sau:

Phẩm 01 - Duyên Khởi Niết Bàn

Phẩm 02 – Như Lai Thọ Lượng

Phẩm 03 – Đại Chúng Ai Thán

Phẩm 04 – Phật Độ Ly Xa Phái

Phẩm 05 – Tứ Thánh Đế

Phẩm 06 – Tứ Quyết Thuyết

Phẩm 07 – Phất Ba Dục Đế

Phẩm 08 – Thuần Đà Cúng Phật

- Phẩm 09 – Phật Độ Phất Ca Sa
- Phẩm 10 – Sa La Thị Hiện Niết Bàn
- Phẩm 11 – Phật Thùỵ Bát Niết Bàn
- Phẩm 12 – Tích Cư Thi Na Thành
- Phẩm 13 – Phật Độ Lục Sĩ Phái
- Phẩm 14 – Phật Độ Tu Bạt Đà La
- Phẩm 15 – Phật Thuyết Di Giáo
- Phẩm 16 – Phật Nhập Niết Bàn
- Phẩm 17 – Pháp Đờ Duy Phật Thân
- Phẩm 18 – An Trí Cúng Dàng Xá Lợi Phật

Tự Phần [9]: Phần Tựa của Kinh này có 1 chương, cũng gọi Duyên Khởi Niết Bàn, phẩm thứ nhất. Phẩm này thuyết minh về Lục Chung Chứng Tín, Thế Tôn khai bày pháp môn Thịnh Phật trụ thế, và nhân thiên chúng phát khởi Đại Tín Tâm qua sự kiện Niết Bàn của Phật.

Chính Thuyết Phần: Phần Chánh Tông từ Phẩm Như Lai Thọ Lượng, thứ 2 cho đến Phẩm Phật Di giáo thứ 15, gồm có mười bảy đoạn lớn, Đức Thế Tôn đã ân cần khuyến giáo, các hàng đệ tử thất chúng, cho đến vua quan, Bà la môn, Trưởng giả, Cư sĩ ngoại đạo... mà tuyên nói lại các pháp cần yếu tu tập, y cứ hành trì, ứng dụng thực tiễn cuộc sống, tùy căn cơ hoàn cảnh, thời điểm trụ xứ, với ý nghĩa bao hàm tất cả pháp, từ Phương Tiện Diệu Pháp cho đến Tuyệt Diệu Diệu Pháp, quy nhiếp về Phật đã thành, tức Như Lai Pháp Thân thường trụ bất biến, cũng gọi Niết Bàn (bao hàm Thế Tôn hiện tướng Niết Bàn - trong Nam Bản, và Như Lai đại định Niết Bàn – trong Bắc Bản). Chúng tôi xin trình bày tóm lược trong phần Nội Dung ý nghĩa của Kinh.

Lưu Thông Phần: Phần Kết khuyến lưu thông, gồm 3 Phẩm, phẩm 16 – Phật Nhập Niết Bàn; phẩm 17 – Pháp Đồ Duy Phật Thân; phẩm 18 – An Trí Cúng Dàng Xá Lợi Phật, nơi bốn kinh đức Phật phó chúc, phương pháp Hỏa Táng thân Phật, Quân phân lưu bố và công đức cúng dường Xá Lợi Phật.

4 - NỘI DUNG CỦA KINH

Nội dung kinh này lấy quả vị Niết Bàn của Phật làm nơi y cứ nghĩa lý của kinh, tức Như Lai Pháp Thân thường trụ, Bản thể Phật Tính chư Phật và Chúng sinh vốn đồng không khác, Bản Thể ấy bất sinh bất diệt. Tuy những điều bàn luận phổ cập đến nhiều pháp môn tu tập: Tứ Thánh Đế, Tứ Quyết Thuyết, Bát Chính Đạo... cũng như Giới Luật môn; Phẩm Di Giáo, còn gọi là Phật Thùy Bát Niết Bàn Lược Thuyết Giáo Giới... thế nhưng đều y cứ vào Niết Bàn Phật Quả.

Niết Bàn quả vị của Phật, Ngài đã khẳng định Ngài chỉ là người chứng ngộ, đạt đến, và chúng sinh bình đẳng; vì Phật và chúng sinh đồng một chân tâm bản tính. Phật là người đã thành, chúng sinh là người đang thành, sẽ thành, nếu phát nguyện, thực hành tu tập theo chánh pháp và nỗ lực tinh tấn, bước lên con đường vô thượng Bồ Đề.

Sau phẩm Duyên Khởi Niết Bàn thứ nhất, Kinh vẫn nói về Như Lai Thọ Mệnh và Ngài đã khai bày pháp môn Thỉnh Phật Trụ Thế; Ngài đã giải thích cặn kẽ về Chân ngã hay tánh Phật, chính là bản thể thường hằng bất biến của tất cả chúng sinh, mênh mông như hư không, vốn thường trụ bất hoại.

Tuy nhiên, Bản thể ấy không phải tất cả chúng sinh chung cùng, nhưng cũng không phải sai khác. Với ý nghĩa này, vượt ngoài tư tưởng thông thường của đời sống tương đối hiện tượng, đây là ý nghĩa Bất Khả Tư Nghì, có nghĩa là không thể nghĩ bàn; nhưng lại là cái bản thể chân thật của mọi chúng sinh, không phải là cái bản ngã ô nhiễm, vướng mắc đầy phiền não buộc ràng. Đây chính là Chân tâm, Phật tính, là Như Lai Pháp Thân thường trụ.

5 – CÔNG ĐỨC CỦA KINH

Nói về Công đức của Kinh này, tức là nói về sự Ảnh hưởng diệu dụng của kinh.

Kinh văn dạy: Các thầy Tỳ kheo đối với mọi thứ công đức, các thầy hãy thường xuyên nhất tâm tu tập, tránh sự phóng dật như tránh giặc thù. Mọi thứ công đức là tất cả những công hạnh được đề cập từ đầu kinh cho đến cuối kinh, tất cả những công hạnh đó đều gom vào trong Tam vô lậu học: Giới, Định và Tuệ. Những gì đức Phật dạy, ngài khuyến khích hãy nỗ lực hành trì đừng để thời gian trống rỗng và đừng để cho tâm phóng túng có cơ hội khởi lên, lấy chánh pháp làm chỗ nương tựa, tâm lý được bảo bọc bởi chánh pháp sẽ được an ổn và thanh tịnh. Nhờ đó mà thành tựu các công đức dẫn đến trang nghiêm tự thân, giáo đoàn và hoằng truyền Phật pháp lợi lạc quần sinh.

Vì thế, người học Phật phải quán triệt, tứ đại lục trần do nhân duyên hòa hiệp, hư vọng giả huyễn, cho đến tất cả pháp môn tu tập là phương tiện, là hóa thành, là ngón tay chỉ

trắng... để không còn khổ đau, phiền não, buộc ràng, chấp trước. Ý này đã được Đức Phật xác định trong kinh Văn Thù rằng: Suốt bốn mươi chín năm ta chưa từng nói một lời... Hay trong kinh văn (Đại Bát Niết Bàn) Đức Phật dạy: (Tùng thị Bồ đề thọ, Nãi chí Bạt Đề hà, Ư nhị kỳ trung gian, Vị tăng thuyết nhứt tự). Từ Bồ đề đạo tràng, cho đến thành Thi Na, khoảng giữa hai nơi ấy, chưa từng nói một lời. Từ nơi bản thể tâm vô trụ, vô chấp, vô nhiễm, xả ly dẫn đến thấu rõ các pháp hữu vi qua lý duyên sanh, trùng trùng hiện khởi, giống như giấc mộng, như huyễn hóa, như bong bóng nước, như ảnh trong gương, như tia điện chớp... cũng có cũng không, tức sắc tức không, lần lần xả ly huyễn pháp, ngộ nhập lý chân không diệu hữu. Từ đó ta được tự tại an lạc, giải thoát ngoài vòng đối đãi sanh tử buộc ràng.

Chú Thích Từ Ngữ:

[1] Thích Ca Mâu Ni: S. Sàkyamuni, P. Sakya-muni, H. 釋迦牟尼, với ý nghĩa bậc Thánh Nhân xuất thân từ dòng họ Thích Ca, còn gọi là Thích Ca Mâu Nãi 釋迦牟尼, Thích Ca Văn 釋迦文, gọi tắt là 釋迦; Mâu Ni 牟尼 Văn Ni 文尼 Trung Hoa dịch là Năng Nhân 能仁 Năng Nhẫn 能忍 Năng Tịch 能寂 Tịch Mặc 寂默 Năng Mãn 能滿 Độ Ốc Tiêu 度沃焦 hay Thích Ca Tịch Tĩnh 釋迦寂靜 Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn 釋迦牟尼世尊 Thích Tôn (釋尊), là đấng giáo tổ của Phật giáo.

Nguyên do xưng hiệu của Ngài có thể tìm thấy trong Quán Chư Di Đạo Phẩm 觀諸異道品 của Phật Bản Hạnh Tập Kinh 佛本行集經, quyển 20. Căn Bản Thuyết Nhất Thiết

Hữu Bộ Tỳ Nại Da Tạp Sự (根本說一切有部毘奈耶雜事) quyển 20; A Tỳ Đàm Bát Kiền Độ Luận (阿毘談八犍度論) quyển 30... thuyết minh.

Đức Thích Tôn vốn là Thái Tử con vua Tịnh Phạn (S. Suddhodana, P. Suddhodana, H. 淨飯王) thành Ca Tỳ La Vệ (S. Kapilavastu, P. Kapilavatthu, H. 迦毘羅衛) thuộc miền Bắc Ấn Độ. Thành này hiện tại ở vùng phụ cận Tilorī- Kot (提羅里克 Đè La Lý Khắc) thuộc phía Nam Nepal (尼泊爾 Ni Bạc Nhĩ) phía Đông Bắc sông Rapti (拉布提 Lạp Bố Đè). Diện tích tiểu quốc này khoảng 320 km². Thuộc vào Vương quốc Kiêu Tát La (S. Kausala; Kosala, P. Kosala 憍薩羅). Đương thời Bắc Ấn thực hành Cộng Hòa quý tộc, phân chia đất nước thành 10 bang nhỏ, trong đó chọn ra vị lãnh đạo có thể lực nhất, và lúc bấy giờ vua Tịnh Phạn là vị lãnh tụ tối cao. Hoàng hậu Ma Da (S. Mada, H. 摩耶) mẫu thân của đức Thích Tôn, là con gái của chủ Thành Thiên Tý (S. Devadaha, H. 天臂) thuộc bộ tộc Cư Lợi (居利) lân quốc. Trước khi hạ sinh Thái Tử, theo tập tục đương thời Phu nhân phải quay về Thành Thiên Tý để chờ ngày lâm bồn, trên đường khi đang dừng chân nghỉ tại vườn Lâm Tỳ Ni (S, P. Lumbini 林毘尼) ngay dưới gốc cây Vô Ưu (S. Asoka, H. 無憂) Phu nhân hạ sinh Thái Tử. Theo Tu Hành Bản Khởi Kinh (修行本起經 quyển thượng, phẩm Giáng Thân 品降身) khi giáng sinh đức Thích Tôn đi bảy bước, tay chỉ lên nói rằng: Thiên thượng thiên hạ, duy ngã vi tôn, Tam giới giai khổ, ngô đương an chi (天上天下唯我爲尊三界皆苦吾當安之). Vị Tăng Hữu Pháp Kinh (未曾有法經) của Kinh Trung A Hàm (經中阿含), quyển 8. Dị Xuất Bồ Tát Bản Khởi Kinh (異出菩薩本起經) phẩm Dục Sinh Thời

Tam Thập Nhị Thụy (欲生時三十二瑞) của Phổ Diệu Kinh (普曜經) quyển 2, Quá Khứ Hiện Tại Nhân Quả Kinh (過去現在因果經) quyển 1, Chúng Hứa Ma Ha Đề Kinh (衆許摩訶提經) quyển 3, phẩm Thọ Hạ Đản Sinh (品樹下誕生) quyển 8, Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ Tỳ Nại Da Tạp Sự (根本說一切有部毘奈耶雜事) quyển 20... đều có ghi những hiện tượng khác lạ khi đấng Thích Tôn hạ sinh.

Sau khi trở về cung, Thái Tử được đặt tên cho là Tất Đạt Đa (悉達多) hay Tát Bà Tất Đạt (薩婆悉達) Tát Bà Ngạch Tha Tát Đà (薩婆額他悉陀) Tất Đạt La Tha (悉達羅他). Hán dịch với ý nghĩa Nhất Thiết Nghĩa Thành (一切義成) Nhất Thiết Sự Thành (一切事成). Sau khi sinh con được bảy ngày Hoàng Hậu Ma Da qua đời, Thái Tử được người dì là Ma Ha Ba Xà Ba Đề (摩訶波闍波提) nuôi dưỡng cho đến khi khôn lớn. Trong Phẩm Tập Học Kỹ Nghệ (品習學技藝) của Phật Bản Hạnh Tập Kinh, quyển 11. Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ Tỳ Nại Da Phá Tăng Sự (根本說一切有部毘奈耶破僧事) quyển 3... cho biết rằng: Thuở thiếu thời Thái Tử từng theo học tập văn chương với Bà la môn Tỳ Sa Mật Đa (S. H. 毘莎密多), học võ nghệ với Sần Đề Đề Bà (S. H. 孱提提婆) hết thầy đều thông hiểu.

Khi trưởng thành Thái Tử kết hôn với công chúa Da Du Đà La [1.1] (耶輸陀羅) con gái của Thiện Giác Vương (善覺王) thành chủ của Thiên Tý Thành, hạ sinh La Hầu La (羅睺羅). Trong Phẩm Du Quán (品遊觀) của Tu Hành Bản Khởi Kinh, quyển hạ, nói Thái Tử từng ra Bốn cửa thành du ngoạn, thấy các hiện tượng già, bệnh, chết và vị Sa môn tu theo Ấn giáo... thâm cảm nỗi khổ sinh, già, bệnh, chết cũng như hiện

tượng vô thường của kiếp số con người, bèn phát khởi ý chí xuất gia tu hành. Năm lên 29 tuổi (có thuyết nói 19 tuổi) nửa đêm Ngài rời khỏi vương cung, tự cởi bỏ áo mao để trở thành Sa môn. Trước tiên hết Thái Tử cầu học đạo với tiên nhân Bạt Già Bà (拔伽婆) của nước Tỳ Xá Ly (毘舍離), kế đến thọ giáo với các hiền giả A La La Ca Lam (阿羅邏迦藍) Uất Đà Ca La Ma Tử (鬱陀迦羅摩子) ở thành Vương Xá (城王舍). Sau rốt Ngài đến Khổ Hạnh Lâm ở thôn Ưu Lô Tần La (苦行林在村優樓瀕羅) thuộc phương Nam thành Già Da (伽耶) của vương quốc Ma Kiệt Đà (摩揭陀), bắt đầu cuộc sống tu hành khổ hạnh trong khoảng 6 năm và có năm người do vua Tịnh Phạn phái đến cùng tu. Trong thời gian này mỗi ngày Người chỉ ăn một hạt mè và một hạt lúa mạch, đến nỗi thân hình tiều tụy khô gầy, tâm thể suy kiệt, nhưng cuối cùng vẫn không thành đạo; nên Ngài mới ngộ ra rằng: Khổ hạnh không phải là chánh nhân thành tựu đạo quả, bèn rời khỏi khu rừng khổ hạnh. Lúc ấy 5 người bạn cùng tu với Ngài đã ngộ nhận rằng Thái Tử thối thất đạo tâm nên bỏ đi không tu tập nữa. Ngài đến tắm rửa nơi dòng sông Ni Liên Thiên (S. Nairanjana, P. Neranjarà, H. 尼連禪), thọ nhận bát sữa cúng dường của cô mục nữ. Sức khỏe hồi phục, Ngài đến dưới cây Tất Bát La (S. Pippala, H. 畢鉢羅) tại thôn Già Da, lấy cỏ Cát Tường làm thành tòa Kim Cang, ngồi Kiết già xoay mặt về hướng Đông, thân đoan chánh trang nghiêm, tâm tĩnh lặng mặc chiếu, nhiếp niệm tư duy về đạo giải thoát. Sau 49 ngày đêm, vào lúc trời hừng sáng ngày mùng 8 tháng 12 Ngài hoát nhiên đại ngộ, lúc đó Ngài 35 tuổi (có thuyết 30 tuổi). Do nhân duyên trên nên cây Tất Bát La, từ đó gọi là Bồ

Đề Thọ (S. Bodhivrksa, H. 菩提樹), chỗ cây Tất Bát La cũng được gọi là Bồ Đề Đạo Tràng [1.2]. Sự kiện đức Thích Tôn hàng phục ma quân, cho đến thành đạo được ghi lại trong các kinh như: La Ma Kinh của Trung A Hàm quyển 56 (羅魔經的中阿含卷五十六). Lục Niên Cần Khổ Phẩm và Hàng Ma Phẩm của Tu Hành Bản Khởi Kinh, quyển hạ (六年勤苦品及降魔品の修行本起經卷下). Quá Khứ Hiện Tại Nhân Quả Kinh, quyển 3; Phật Bản Hạnh Tập Kinh, quyển 26-30; Ngũ Phần Luật, quyển 15... đều nói: Sau khi thành đạo, đức Thích Tôn đến vườn Lộc Dã (S. Mrgadava, P. Migadava, H. 鹿野, 鹿宛) tại Thành Ba La Nại (S. Varanasi, P. Baranasi, H. 波羅奈), độ cho 5 người cùng tu tại Khổ Hạnh Lâm trước kia, là nhóm ông Kiều Trần Như (阿若憍陳如) A Thấp Bà Thị (阿濕婆恃) Bạt Đề (拔提) Ma Ha Nam (摩訶男) Bà Sa Ba (婆沙波即十力迦葉 tức Thập Lực Ca Diếp), đây là lần đầu tiên Đức Phật Chuyển Pháp Luân, diễn thuyết Tứ Thánh Đế (四聖諦) Bát Chánh Đạo (八正道)... Trong Chuyển Pháp Luân Kinh của Tạp A Hàm Kinh, quyển 15; Ngũ Phần Luật, quyển 15; Hữu Bộ Tỳ Nại Da Tạp Sự, quyển 39... có ghi chép đầy đủ các việc trên.

Sau khi Chuyển Pháp Luân lần đầu tiên, tại vườn Lộc Uyển, đức Phật đến nước Ma Kiệt Đà, hóa độ ba anh em ông Ưu Lâu Tần Loa Ca Diếp (S. Uruvilva-kasyapa, H. 優樓頻羅迦葉), Na Đề Ca Diếp (S. Nadi-kasyapa, H. 那提迦葉), Già Da Ca Diếp (S. Gaya-ka syapa, H. 伽耶迦葉) của phái Bái Hỏa Giáo và một ngàn đệ tử của họ. Tiếp theo, Ngài hóa độ Xá Lợi Phất (舍利弗) và Mục Kiền Liên (目犍連) thuộc Phái Ngụy Biện của Lục Sư Ngoại Đạo; về sau hai vị này là những đệ tử thượng túc của Phật. Sau đó, tại thành Vương Xá vua

Tần Bà Sa La (瀕婆娑羅) quy y theo Phật; nhà vua cho xây dựng Tịnh xá trong vườn Trúc do Trưởng giả Ca Lan Đà (迦蘭陀) dâng cúng, lấy tên là Ca Lan Đà Trúc Lâm Tinh xá (迦蘭陀竹林精舍). Đến đây giáo đoàn Phật giáo phát triển với thế lực mạnh. Về sau Đức Phật có trở về cố hương Thành Ca Tỳ La Vệ một lần, số người quy y theo rất đông, trong đó có người em cùng cha khác mẹ là Nan Đà (S, P. Nanda, H. 難陀), con trai La Hầu La, người em họ Đề Bà Đạt Đa (S, P. Devadatta, H. 提婆達多), người thợ hớt tóc Ưu Ba Ly (S, P. Upali, H. 優波離)... Ngài lại thuyết pháp giáo hóa Trưởng giả Tu Đạt Đa (S, P. Sudatta, H. 須達多) tại thành Xá Vệ (S. Sravasti, P. Savatthi, H. 舍衛), nhân đó Trưởng giả kiến lập ngôi Đại Tinh xá trong khu rừng do Thái Tử Kỳ Đà (S, P. Jeta, H. 祇陀) tặng, để dâng cúng dường Phật. Nơi đây gọi là Kỳ Hoàn Tinh xá (P. Jetavana- Anathapindikharama, H. 祇洹精舍) hay Kỳ Viên Tinh xá (祇園精舍). Vào lúc này vua Ba Tư Nặc (S. Prasenajit, P. Pasenadi, H. 波斯匿) cũng phát tâm quy y với Đức Phật. Sau khi vua Tịnh Phạn băng hà, Đức Phật một lần nữa trở về cố hương, sau đó bà Di mẫu Ma Ha Ba Xà Ba Đề (S. Mahaprajapati, P. Mahapajapati, H. 摩訶波闍波提), công chúa Da Du Đà La (耶輸陀羅) cũng xuống tóc xuất gia, và đây được xem như là khởi đầu cho giáo đoàn Tỳ Kheo Ni (比丘尼) trong đó Ma Ha Ba Xà Ba Đề là vị Tỳ Kheo Ni đầu tiên.

Từ đó về sau, Đức Thích Tôn đi khắp Ấn Độ thuyết pháp giáo hóa, bất luận giàu nghèo, sang hèn, nam nữ, thấy đều được lợi ích trong giáo pháp của Ngài. Giáo pháp ấy ảnh hưởng rất lớn đối với văn hóa cũng như tôn giáo Ấn Độ. Sau

khi Ngài thành đạo, những nơi Ngài đã từng trải qua Kết Hạ An Cư, đều được ghi rõ trong Tăng Già La Sát Sở Tập Kinh (僧伽羅刹所集經) quyển hạ. Theo đó, Đức Phật đã từng trú qua các nơi như nước Ba La Nại, núi Linh Thứu (S. Grdhrakuta, P. Gijjhakuta, H. 靈鷲山), núi Ma Câu La (S. Makula, H. 摩拘羅), cõi trời ba mươi ba, cõi quỷ thần, vườn Kỳ Thọ Cấp Cô Độc (祇樹給孤獨園) Chá Lê Sơn (柘梨山)... Theo trong Phật Thuyết Bát Đại Linh Tháp Danh Hiệu Kinh (從中佛說八大靈塔名號經) Đức Phật từng tu khổ hạnh trên núi Tuyết Sơn (雪山), sau từng sống trong rừng Tỳ La (毘沙林), đỉnh núi Nhã Lý (若里山), các tụ lạc Đại Dã (S. Alavi, H. 大野), Mao Nỗ (髦努)... Y cứ tích truyện Phật giáo Miến Điện, Thái Lan, bản Pháp Cú Kinh Chú (P. Dhammapada atthakatha, H. 法句經註) Tiếng Pali... Cho rằng sau khi kiến lập Tinh xá tại vườn Kỳ Thọ Cấp Cô Độc, Đức Phật đã từng trú tại Đại Lâm (P. Maha-vana, H. 大林) của thành Tỳ Xá Ly (S. VaiSali, H. 毘舍離), núi Ma Câu La, Tăng Ca Xá (P. Sankissa, H. 僧迦舍), Ba Lợi Lô Nhã Tạt (S. Parileyyaka, H. 巴利雷若卡). Trong sách Cao Tăng Pháp Hiển Truyện (高僧法顯傳) cũng có ký lục như vậy. Tổng các tư liệu trên, chúng ta thấy phần lớn Đức Phật hoằng pháp tập trung tại hai thành lớn Xá Vệ và Vương Xá.

Về những sinh hoạt cuối đời Ngài, trong Tăng Nhất A Hàm Kinh (增壹阿含經) quyển 26, Phật Thuyết Nghĩa Túc Kinh (佛說義足經) quyển hạ, Xuất Diệu Kinh (出曜經) quyển 16, Tỳ Ni Mẫu Kinh (毘尼母經) quyển 4, Ngũ Phần Luật quyển 3, 21, 25, Tứ Phần Luật quyển 46, Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ Tỳ Nại Da Phá Tăng Sự (根本說一切有部毘奈耶破僧事) quyển 13, 14, Thiện Kiến Luật quyển 2,... có

ghi rõ ràng. Lúc bấy giờ, Đề Bà Đạt Đa muốn bức bách Đức Phật phải nhường lại giáo đoàn tăng chúng cho ông, nhưng ý định không thành công, bèn phá tăng hoại Phật. Thêm vào đó, vua Lưu Ly con của vua Ba Tư Nặc, sau khi tức vị, tấn công thành Ca Tỳ La Vệ, cố hương của Phật diệt vong dòng họ Thích Ca. Vào năm cuối cùng khi Đức Phật còn tại thế, Ngài rời nước Ma Kiệt Đà, đi về phía Bắc Sông Hằng, trải qua thành Tỳ Xá Ly, đến thành Ba Bà, Ba Ba (S. Pava, H. 波婆, 波波), thọ nhận bữa cơm cúng dường của người thợ vàng Thuần Đà (S, P. Cunda, H. 純陀), và nhân vì ăn loại nấm Tô Ca Lạp Ma Đạt Phạt (S. Sukaramaddhava, H. 蘇迦拉摩達伐) tức nấm cây Chiên Đàn (栴檀) mà mắc bệnh. Trước khi Thị tịch [1.3] Niết Bàn, Ngài tắm lần cuối cùng tại dòng sông Câu Tôn, Ca Khuất Ta (P. Kakuttha, H. 拘孫河), rồi đến rừng Sa La Song Thọ (娑羅雙樹) ở thành Câu Thi Na (S. Kusinagara, P. Kusinagara, H. 拘尸那) đầu xoay về hướng Bắc, mặt hướng phía Tây, nằm thế Cát Tường (吉祥). Vào nửa đêm, Ngài để lại lời Di Giáo cuối cùng cho chúng đệ tử rồi an nhiên nhập vào Đại định Niết Bàn (大定涅槃).

Trước tiên di cốt của Phật được an trí tại Thiên Quan Tự (S. Makutabandhana-cetiya, H. 天冠寺) của bộ tộc Mạt La (S, P. Malla, H. 末羅), sau đó hỏa táng. Khi tham lễ Trà Tỳ có Sứ đoàn của 8 nước, gồm Câu Thi Na Yết La (拘尸那揭羅), Ba Bà (波波), Giá La (遮羅), La Ma Già (羅摩伽), Tỳ Lưu Đề (毘留提), Ca Tỳ La (迦毘羅), Tỳ Xá Ly (毘舍離), Ma Kiệt Đà (摩揭陀)... do vấn đề Phân chia Xá Lợi (S. Sarira, P. Sarira, H. 舍利) mà nảy sinh tranh chấp lẫn nhau. Sau đó nhờ sự điều đình của Bà La Môn Hương Tích (S. Dona, H. 婆

羅門香性) mà được yên ổn, cho nên Hương Tích có được Bình đưng Xá Lợi. Từ đây mỗi nước xây tháp cúng dường, và đây là phát xuất của truyền thống Thập Tháp. Trong năm Đức Phật nhập Niết Bàn, tại Hang Thất Diệp (S. Sapta-parnaguha, H. 七葉窟) của thành Vương Xá, cuộc Kết Tập Kinh Điển (結集經典) lần đầu tiên được tiến hành, do Ngài Ma Ha Ca Diếp (S. Mahakasyapa, P. Mahakassapa, H. 摩訶迦葉) triệu tập chủ trì; Ngài A Nan (阿難) và Ưu Ba Ly (優波離), trùng tuyên lại Kinh và Luật của Phật thuyết, trên cơ sở từng được nghe qua, rồi được đại chúng thảo luận, hiệu đính, nhất trí tán thành, để trở thành tiêu chuẩn cho tất cả Kinh, Luật truyền bá đời sau. Về sau, trải qua biết bao cuộc biến thiên, giáo pháp của Đức Thích Tôn, được phân thành hai hệ thống chính, truyền bá khắp nơi: Nam Truyền chủ yếu là tiếng Pali và Bắc Truyền chủ yếu là Kinh điển Hán dịch.

[1.1] Da Du Đà La (耶輸陀羅 Yacôdhara): Kinh Tỳ Ni Mẫu chép: Da Du Đà La, Da Thủ Đà La, dịch Liên Hoa Sắc, vợ của thái tử Sĩ Đạt Ta. Kiếp trước bà làm vị thần núi Tu Di, tên là Thiện Nhạo Hoa (善樂花), có chí nguyện thâm trọng yêu Phật và nguyện đời đời hể Phật giáng sanh, khi còn làm thái tử thì bà làm vợ, khi xuất gia thành Phật, thì bà cũng xuất gia làm Tỳ Kheo Ni... 耶輸陀羅亦捨俗出家爲比丘尼。

[1.2] Đạo Tràng (S. dòjò, H. 道場): Nguyên nghĩa là nơi đức Thích Tôn ngồi trên tòa Kim Cang thành đạo, bên bờ sông Ni Liên Thiên (S. Nairanjana, P. Neranjarà, H. 尼連禪河), hiện tại là sông Phalgu thuộc bang Bihar) thuộc nước Ma Kiệt Đà (S, P. Magadha, H. 摩揭陀) ở miền Trung Ấn Độ. Từ đó nó có nghĩa là nơi tu tập Phật đạo, cũng là tên

gọi khác của tự, viện ngày nay. Trong sách Hoa Nghiêm Đạo Tràng Khởi Chỉ Đại Lược (華嚴道場起止大略), Tục tạng kinh Vol. 74, No. 1474, quyển 1 có câu: Đồng du Hoa Tạng trang nghiêm hải, cộng nhập Bồ Đề đại đạo tràng 同遊花藏莊嚴海, 共入菩提大道場 Cùng dạo biển trang nghiêm Hoa Tạng, đều chứng Bồ Đề đại đạo tràng.

[1.3] Thị tịch 示寂 : Dịch ý của từ Phạn Nirvāṇa; Pāli Nibbāna; Hán涅槃那. Còn gọi là Viên tịch (圓寂), quy tịch (歸寂), Nhập tịch (入寂), Tịch diệt (寂滅). Đây là từ dùng để chỉ việc Thị hiện Niết Bàn xả báo thân của chư Phật, Bồ Tát và các vị cao Tăng. Như trong Thiền Đăng Thế Phổ (禪燈世譜), quyển 9, phần Thạch Đầu Hy Thiên (石頭希遷), có đoạn viết: Đường Đức Tông Trinh Nguyên lục niên Canh Ngọ thị tịch, thụy Vô Tế, tháp viết Kiến Tướng (唐德宗貞元六年庚午示寂諡無際塔曰見相) Sư thị tịch vào năm Canh Ngọ, Trinh Nguyên thứ 6 (790) đời vua Đức Tông (tại vị 779-805) nhà Đường thụy hiệu Vô Tế, tháp danh Kiến Tướng. Hay trong Phật Pháp Thang Biên, quyển 4 phần Võ Đế có đoạn: Thập tam niên Bảo Chí tương thị tịch, nghệ nội điện biệt Đế, Đế đại kinh 十三年寶誌將示寂, 詣內殿別帝, 帝大驚 Vào năm thứ 13 niên hiệu Thiên Giám (514 Đời vua Lương Võ Đế) Bảo Chí sắp thị tịch, bèn vào nội điện từ biệt nhà vua, vua vô cùng kinh ngạc.

[2] Phật Thuyết Phương Đẳng Bát Nê Hoàn Kinh 佛說方等般泥洹經, do ngài Dharmaakṣa (Đàm Vô Sấm, 385-433), đời Tây Tấn dịch.

[3] Đại Bát Nê Hoàn Kinh, 2 quyển do Ngài Pháp Hiền và

Buddhabadhra (Phật Đà Bạt Đà La, Hán dịch Giác Hiền, 359-429) đời Đông Tấn (317-420) dịch.

[4] Đại Bát Niết Bàn Kinh 大般涅槃經 , 3 quyển do Ngài Pháp Hiển thời Đông Tấn (317-419) dịch.

[5] Đại Tạng Kinh 大藏經 : Cũng gọi là Nhất Thiết Kinh, Nhất Đại Tạng Kinh, Đại Tạng, Tam Tạng Thánh Giáo. Chỉ cho bao hàm các tạng Thánh điển trong Tam Tạng, tức là lấy tổng tập kinh sách Phật giáo trong Tam tạng Kinh Luật Luận làm trung tâm. Danh từ Đại Tạng Kinh, không thấy ghi chép tại Ấn Độ hoặc thời kỳ sớm nhất của Trung Quốc, tại thời đại Nam Bắc Triều (420 – 589) Trung Quốc chỉ có xưng hô Nhất Thiết Chúng Tạng Kinh Điển 一切衆藏經典, Nhất Thiết Kinh Tạng, thẳng đến sau Tùy Đường (581 – 907) mới có xưng hô Đại Tạng Kinh, lúc đó chỉ cho Nhất Thiết Kinh, do triều đình ban lệnh biên tập.

[6] 18 phẩm, Phật Thuyết Đại Bát Nê Hoàn Kinh 佛說大般泥洹經 , 6 quyển do Ngài Pháp Hiển (337–422) đời Đông Tấn (317-420) dịch:

Phẩm 1 – Tự phẩm. Phẩm 2 – Đại Thân Bồ Tát. Phẩm 3 – Trưởng giả Thuần Đà. Phẩm 4 – Ai Thán. Phẩm 5 – Trường Thọ. Phẩm 6 – Kim Cương Thân. Phẩm 7 – Thụ Trì. Phẩm 8 – Tứ Pháp. Phẩm 9 – Tứ Y. Phẩm 10 – Phân Biệt Tà Chính. Phẩm 11 – Tứ Đế. Phẩm 12 – Tứ Đảo. Phẩm 13 – Như Lai Tánh. Phẩm 14 – Văn Tự. Phẩm 15 – Điều Dụ. Phẩm 16 – Nguyệt Dụ. Phẩm 17 – Vấn Bồ Tát. Phẩm 18 – Tỳ Hỷ

[7] 13 phẩm của Kinh Đại Bát Niết Bàn, 40 quyển, do Ngài Đàm Vô Sấm (385 – 433), thời đại Bắc Lương (401 –

439, một trong Thập Lục quốc) dịch:

- Phẩm 1 – Thọ Mạng
- Phẩm 2 – Kim Cương Thân
- Phẩm 3 – Danh Tự Công Đức
- Phẩm 4 – Như Lai Tánh
- Phẩm 5 – Nhất Thiết Chúng Sinh Sở Vấn
- Phẩm 6 – Hiện Bệnh
- Phẩm 7 – Thánh Hạnh
- Phẩm 8 – Phạm Hạnh
- Phẩm 9 – Anh Nhi Hạnh
- Phẩm 10 – Cao Quý Đức Vương Bồ Tát
- Phẩm 11 – Sư Tử Hống Bồ Tát
- Phẩm 12 – Ca Diếp Bồ Tát
- Phẩm 13 – Kiền Trần Như

[8] Kinh (經 S. Sùtra): Nguyên là chữ Phạn, Trung Hoa dịch là Kinh. Phàm những lời Phật dạy được kết tập lại có hệ thống gọi là Kinh. Có bốn nghĩa chính là: Quán (kết nối), Nhiếp (thâu vè), Thường, và Pháp.

1. Quán: 觀 là Quán xuyên sở thuyết nghĩa 觀 糾 所 說 義 ; nghĩa là nối kết những nghĩa lý đã được thuyết giảng lại với nhau. Các đạo lý trong Kinh được liên kết với nhau từng chữ, từng chữ một.

2. Nhiếp: 攝 là Nhiếp trì sở hóa cơ 攝 持 所 化 機 nghĩa là thâu phục, dẫn dắt tất cả chúng sanh có căn cơ và đã sẵn sàng để đón nhận sự giáo hóa.

3. Thường: 常 Thế nào gọi là Thường? Cổ kim bất biến viết Thường. Nghĩa là từ xưa đến nay không hề biến đổi thì

gọi là Thường. Những đạo lý chứa đựng trong Kinh vốn bất biến - trong quá khứ đã không thay đổi, ngay hiện tại cũng không thay đổi, và trong tương lai cũng sẽ không thay đổi, cho nên gọi là thường.

4. Pháp: 法 Tam thế đồng tuân viết Pháp, nghĩa là những gì mà tam thế đều đồng tuân theo thì gọi là Pháp. Tam thế là ba đời: Quá khứ, hiện tại và vị lai. Tất cả chúng sanh trong ba đời đều tôn thờ và noi theo giáo pháp trong Kinh mà tu hành.

Nói một cách khác chữ Kinh còn bao hàm Mười ý nghĩa như sau:

1 - Dũng tuyền 泉湧 : Nghĩa là suối phun nước có mạch ngầm dưới đất. Chân lý chứa đựng trong kinh như nước suối tuôn trào, gội sạch mọi phiền não cấu bẩn, khiến ta thân tâm thanh tịnh. Suối nước chảy trên mặt đất thì có thể cạn, còn suối nước có mạch ngầm dưới đất thì tương đối bất tận.

2 - Xuất sinh 出生 : Cũng như mặt trời, lúc nào cũng tỏa ra ánh sáng, lúc nào cũng phát ra năng lượng. Kinh cũng vậy, lúc nào cũng làm phát sinh đủ mọi công đức, đủ mọi pháp lành, bởi vì chân lý trong kinh có thể làm ta thức tỉnh, phát tâm bồ đề, rồi theo đó thực hành. Tam thế chư Phật đều từ chân lý trong kinh mà đắc giác ngộ.

3 - Hiển thị 顯示 : Hiển là làm lộ ra, Thị là chỉ cho thấy. Kinh làm hiển thị những định luật, chân lý của vũ trụ mà bình thường ta khó thấy rõ trong màn đêm vô minh của tâm trí. Nhờ kinh ta mới biết được những cảnh giới vô hình như những buổi thuyết pháp của Phật trên cung trời Đâu Suất.

Hoặc kinh diễn bày những triết lý giải thích về chân lý.

4 - Thằng mặc 繩纏 : Nghĩa là dây dọi hay thước đo. Thằng mặc ở đây mang hai ý nghĩa: Một là phương tiện đo đạc: Không có dây dọi thì chẳng sao xây nhà cho thẳng. Hai, là đơn vị đo lường tiêu chuẩn: Như các hệ thống đo lường trong toán học, vật lý hay hóa học; các đơn vị đo đạc trừu tượng dùng trong khoa kinh tế học, tâm lý học, xã hội học, đều là thằng mặc. Kinh là phương tiện đo đạc, và chân lý trong kinh là tiêu chuẩn đo đạc để ta theo đó tu hành. Những chân lý trong kinh là những tiêu chuẩn của thiện nghiệp, đạo đức, công hạnh tu tập, quá trình tu chứng, và quả vị. Thí dụ như kinh dạy rằng: Con đường giải thoát là giới định huệ.

5 - Quán xuyên 觀串 : Nghĩa là khâu kết lại với nhau. Chân lý trong kinh khâu kết mọi sự lý, mọi hiện tượng lại với nhau trong một quan hệ nhân quả. Kinh khâu kết những chuyện mà ta cảm thấy rời rạc không liên quan gì với nhau thành ra một bức hình toàn diện của vạn pháp (tổng tướng), trong đó mọi thành phần (biệt tướng) thì quan hệ mật thiết, không thể phân chia, tách rời.

6 - Nhiếp trì 攝持 : Nghĩa là nắm giữ, giữ gìn, không để cho biến mất hay hư hoại. Cũng giống như sức hút của trái đất, hay trọng lực, nhiếp trì tất cả mọi vật trên mặt đất, kinh nhiếp trì tất cả mọi chân lý. Kinh là một thứ hoàn toàn thanh tịnh, không phát sinh từ tham sân si, với năng lực vô song duy trì tâm thức của người tu trên con đường thanh tịnh và trí huệ.

7 - Thường 常 : Nghĩa là thường hằng bất diệt. Ví như hư

không: Chẳng sao phá hủy được nó. Cũng vậy, chân lý trong kinh chẳng ai có thể hủy hoại được. Ta có thể hủy báng, chê bai, thiêu đốt kinh sách, cấm cản phát hành, nhưng không sao thay đổi được những đạo lý trong kinh.

8 – Pháp 法 : Pháp ở đây có nghĩa là lý tất nhiên, lẽ đương nhiên. Kinh bao hàm những lý lẽ không sao phủ định được, mà ta gọi là chân lý, tức là Pháp (Tam thế chư Phật đồng tuân viết Pháp).

9 - Điển 典 : Có nghĩa là tập hợp những nghĩa lý tốt lành, không chút tà vạy. Điển là thứ ta có thể tin cậy để dựa vào, để nghiên cứu, để tìm hiểu, vì nó không có bóng dáng của lòng ích kỷ, thiên vị hay quan niệm lệch lạc. Khi những sách vở nói về một triết thuyết, học thuyết, hay quan điểm của một cá nhân thì nó chưa phải là điển. Khi nào những gì được trình bày trong sách vở ấy hoàn toàn vắng bật dấu vết của lòng truy cầu danh vọng, cảnh giới hẹp hòi nhỏ bé của bản ngã thì nó sẽ thành kinh điển.

10 – Kính Lộ 經路 : Nghĩa là con đường. Trong danh từ Hán Việt, chữ này đồng âm với chữ kinh của kinh điển. Con đường thì có to nhỏ, dài ngắn khác nhau. Những đạo lý trong kinh điển dạy cũng giống như con đường, hay nói đúng hơn là bản đồ để ta theo đó tu hành giải thoát sinh tử. Ngoại đạo là con đường dẫn ta đi ra khỏi Đạo, hướng ngoại, rời bỏ chân lý và chân tâm.

Già Đà: S. Gāthā (Pali đồng): Là một trong Cửu bộ giáo, Thập nhị bộ kinh, cũng gọi là Già tha, Kệ tha, Kệ. Dịch ý là Phúng tụng, Trùng tụng, Tạo tụng, Kệ tụng, Tụng, Cô khởi

tụng, Bát trùng tụng kệ, là danh từ do Ngữ căn Gai mà hình thành. Phạn ngữ Gai có ý nghĩa là Ca dao, cho nên Già đà, nghĩa rộng chỉ cho Ca dao, Thánh ca, nghĩa hẹp thì chỉ cho từng đoạn giáo thuyết, hoặc đoạn cuối của Kinh văn, dùng câu văn vần liên kết mà thành, nội dung không nhất định và văn trước sau có quan hệ. (Kỳ dạ, Geya; P. Geyya) tức là Trùng tụng, khác với Già đà.

[9] Tự Phần 序分 : Một trong 3 phần của Kinh, hợp chung với Chánh Tông phần và Lưu Thông phần gọi là Nhất kinh tam đoạn, Tam phân khoa kinh. Nội dung của một bộ kinh có thể phân ra 3 đoạn, đoạn thứ nhất trình bày bao quát lý do, nguyên nhân, gọi là Tự phần; đoạn thứ hai giảng thuyết bao quát Tông Chỉ Kinh, gọi là Chánh Tông phần; đoạn thứ ba nói về giáo pháp đó nên lưu truyền rộng trong tương lai, gọi là Lưu Thông phần.

CÂU HỎI ÔN TẬP:

1. Tóm tắt lược sử Ngài Pháp Hiển, và cho biết Ngài dịch Kinh Đại Bát Niết Bàn, từ Phạn sang Hán vào thời đại nào?
2. Trình bày ý nghĩa từ Niết Bàn?
3. Nêu ý nghĩa Quán, Nhiếp, Thường và Pháp?
4. Cho biết sao gọi là Nam Bản Niết Bàn và Bắc Bản Niết Bàn Kinh?

《大般涅槃經》CBETA 電子版
版本記錄: 1.1 完成日期: 2002/11/04
發行單位: 中華電子佛典協會 (CBETA)
cbeta@ccbs.ntu.edu.tw
資料底本: 大正新脩大正藏經 Vol. 1, No. 007
No. 7 [No. 1(2), Nos. 5, 6]

大般涅槃經卷上

東晉平陽沙門釋法顯譯(1)



緣起涅槃品第一

如是我聞。一時佛在毘耶離大林中重閣講堂。與大比丘眾千二百五十人俱。爾時世尊。而與阿難。於晨朝時。著衣持鉢。入城乞食。還歸所止。食竟洗漱。收攝衣鉢。告阿難言：汝可取我尼師壇來。吾今當往遮波羅支提。入定思惟。作此言已。即與阿難。俱往彼處。既至彼處。阿難即便敷尼師壇。於是世尊結跏趺坐。寂然思惟。阿難爾時去佛不遠；亦於別處。端坐入定。世尊須臾。從定而覺。告阿難言：此毘耶離。優陀延支提。瞿曇支提。菴羅支提。多子支提。娑羅支提。遮波羅支提。此等支提。甚可愛樂。

阿難。四神足人。尚能住壽滿於一劫若減一劫。如來今者有大神力。豈當不能住壽一劫若減一劫。

爾時世尊，既開如是可請之門。以語阿難。阿難默然。而不覺知。世尊乃至慇懃三說。阿難茫然，猶不解悟，不請如來住壽一劫若減一劫。利益世間諸天人民。所以者何？其為魔王，所迷惑故。爾時世尊。三說此語。猶見阿難心不開悟。即便默然。

爾時魔王，來至佛所。而白佛言：世尊今者宜般涅槃。善逝今者宜般涅槃。所以者何？我於往昔，在尼連禪河側。勸請世尊入般涅槃。世尊爾時而見答言：我四部眾。比丘比丘尼。優婆塞優婆夷。猶未具足。又未降伏諸餘外道。所以未應入般涅槃。世尊今者四部之眾。無不具足。又已降伏諸餘外道。所為之事皆悉已畢。今者宜應入般涅槃。于時魔王如是三請。如來，即便答言：善哉！我於往昔。在尼連禪河側。已自許汝。以四部眾，未具足故。所以至今。今已具足。却後三月當般涅槃。是時魔王。聞佛此語。歡喜踊躍。還歸天宮。

爾時世尊。即便捨壽。而以神力住命三月。是時大地十八相動。天鼓自鳴。以佛力故空中唱言：如來不久，當般涅槃。諸天人眾。忽聞此聲。心大悲懼遍體血現。是時世尊。即於彼處。而說偈言：

一切諸眾生	皆隨有生死
我今亦生死	而不隨於有
一切造作行	我今欲棄捨

爾時世尊。說此偈已。默然而住。

PHIÊN ÂM:

ĐẠI BÁT NIẾT BÀN KINH

Quyển Thượng

Đông Tấn, Bình Dương, Sa môn Thích Pháp Hiển dịch [1]

----- ॐ -----

DUYÊN KHỞI NIẾT BÀN

PHẨM ĐỆ NHẤT

Như thị ngã văn, nhất thời Phật tại Tỳ Da Ly [2], Đại Lâm trung, Trùng Các giảng đường [3], dữ đại Tỳ kheo chúng, thiên nhị bách ngũ thập nhân câu [4]. Nhĩ thời Thế Tôn, nhi dữ A Nan. Ư thần triêu thời, trước y trì bát [5], nhập thành Khất thực [6], hoàn quy sở chỉ, thực cánh tảo sấu, thân nhiếp y bát. Cáo A Nan ngôn: Nhữ khả thủ ngã Ni Sư Đản [7] lai, ngô kim đương vãng Già Ba La Chi Đề, nhập định tư duy. Tác

thử ngôn dĩ, tức dĩ A Nan, câu vãng bỉ xứ, ký chí bỉ xứ. A Nan tức tiện phu Ni Sư Đản, ư thị Thế Tôn Kiết Già Phu tọa [8], tịch nhiên tư duy. A Nan nhĩ thời khứ Phật bất viễn, diệc ư biệt xứ, đoan tọa nhập định.

Thế Tôn tu du, tòng định nhi giác, cáo A Nan ngôn: Thử Tỳ Da Ly, Ưu Đà Duyên chi đề, Cù Đàm chi đề, Am La chi đề, Đa Tử chi đề, Sa La chi đề, Già Ba La chi đề, thử đẳng chi đề, thậm khả ái lạc. A Nan tứ Thần Túc [9] nhân, thượng năng trụ thọ mãn ư nhất kiếp, nhược giảm nhất kiếp. Như Lai kim giả hữu đại thần lực, khởi đương bất năng trụ thọ nhất kiếp, nhược giảm nhất kiếp.

Nhĩ thời Thế Tôn ký khai như thị khả thỉnh chi môn, dĩ ngữ A Nan, A Nan mặc nhiên, nhi bất giác tri. Thế Tôn nãi chí ân cần tam thuyết, A Nan mang nhiên, do bất giải ngộ, bất thỉnh Như Lai trụ thọ nhất kiếp, lợi ích thế gian, chư thiên, nhân dân. Sở dĩ giả hà? Kỳ vi Ma Vương sở mê hoặc cố. Nhĩ thời Thế Tôn, tam thuyết thử ngữ, do kiến A Nan tâm bất khai ngộ, tức tiện mặc nhiên.

Nhĩ thời Ma Vương [10] lai chí Phật sở, nhi bạch Phật ngôn: Thế Tôn kim giả nghi bát Niết Bàn, Thiện Thệ [11] kim giả nghi bát Niết Bàn. Sở dĩ giả hà? Ngã ư vãng tích tại Ni Liên Thiên (Nairanjana) hà trắc, khuyến thỉnh Thế Tôn nhập bát Niết Bàn, Thế Tôn nhĩ thời nhi kiến đáp ngôn: Ngã tứ bộ chúng Tỳ kheo (Bhiksu), Tỳ kheo ni (Bhiksuni), Ưu bà tặc (Upāsaka), Ưu bà di (Upāsikà) do vị cụ túc, hựu vi hàng phục chư dư ngoại đạo, sở dĩ vị ưng nhập bát Niết Bàn, Thế Tôn kim giả tứ bộ chi chúng, vô bất cụ túc, hựu dĩ hàng phục chư dư ngoại đạo. Sở vi chi sự giai tất dĩ tất, kim giả nghi ưng

nhập bát Niết Bàn. Ư thời Ma Vương như thị tam thỉnh, Như Lai tức tiện đáp ngôn: Thiện tai! Ngã ư vãng tích tại Ni Liên Thiên hà trắc, dĩ tự hứa nhữ, dĩ tứ bộ chúng vị cụ túc cố, sở dĩ chí kim, kim dĩ cụ túc, tức hậu tam nguyệt nhi bát Niết Bàn. Thị thời Ma Vương văn Phật thử ngữ, hoan hỷ dững dưng, hoàn quy Thiên cung.

Nhĩ thời Thế Tôn, tức tiện xả thọ, nhi dĩ thần lực trụ mệnh tam nguyệt, thị thời đại địa, thập bát tướng động, thiên cổ tự minh, dĩ Phật lực cố hư không xướng ngôn: Như Lai bất cứu đương bát Niết Bàn, chư thiên nhân chúng, hốt văn thử thanh, tâm đại bi nùng biến thể huyết hiện. Thị thời Thế Tôn, tức ư bỉ xứ nhi thuyết kệ ngôn:

Nhất thiết chư chúng sinh, giai tùy hữu sinh tử, Ngã kim diệt sinh tử [12], nhi bất tùy ư hữu [11], nhất thiết tạo tác hành, ngã kim dục khí xả. Nhĩ thời Thế Tôn thuyết thử kệ dĩ, mặc nhiên nhi trụ.

DỊCH NGHĨA:**KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN**

Quyển Thượng

Đông Tấn, Bình Dương, Sa môn Thích Pháp Hiển dịch

----- ༄ ཨྎ ༄ -----

DUYÊN KHỞI NIẾT BÀN

PHẨM THỨ NHẤT

Tôi nghe như vậy: Một thuở nọ đức Phật ở nơi Trùng Các giảng đường, trong khu rừng lớn gần thành Tỳ Da Ly, cùng với một nghìn hai trăm năm mươi vị Tỳ Kheo câu hội.

Bấy giờ, đức Thế Tôn cùng với ngài A Nan, vào một buổi sáng nọ, mặc áo, mang bát vào thành khất thực. Khất thực rồi, trở về nơi cũ.

Sau khi thọ trai xong, súc miệng, rửa sạch đồ dùng, thu xếp y, bát, đức Phật bảo Ngài A Nan: Ông cầm giúp Thế Tôn cái ngọa cụ. Nay Thế Tôn muốn đến nơi tháp Già Ba La nhập định tư duy. Đức Phật nói lời ấy rồi, Ngài liền cùng với ông A Nan đi đến vườn Tháp. Đến nơi ông A Nan trải ngọa cụ, đức Phật ngồi Kết Già Phu, im lặng suy nghĩ. Khi ấy Ngài A Nan cũng ở riêng một nơi, thẳng mình ngồi nhập định, nhưng cách nơi đức Phật ngồi không xa lắm.

Trong giây lát, đức Thế Tôn từ nơi thiền định tỉnh dậy, Ngài gọi ông A Nan mà bảo rằng: Nơi thành Tỳ Da Ly đây, có nhiều tháp rất tôn quý, như tháp Ưu Đà Diên, tháp Cồ Đàm, tháp Am La, tháp Đa Tử, tháp Sa La, tháp Già Bà La. Nay A Nan! Người được bốn phép Thần Túc còn có thể ở trong cõi thọ trọn một kiếp hay non một kiếp, huống là Như Lai nay có sức Đại thần thông lớn, há lại không thể ở trong cõi thế gian thọ được một kiếp hay non một kiếp?

Đức Thế Tôn đã mở pháp môn, khuyến thỉnh trụ thế. Có thể thỉnh đức Thế Tôn lưu lại thế gian, để giáo độ nhân thiên, nhưng khi ấy Ngài A Nan vẫn im lặng, không biết thâm ý Phật. Đức Thế Tôn ân cần nói đến ba lần, Ngài A Nan vẫn không giải ngộ được và không thỉnh đức Như Lai ở lại cõi thọ trong một kiếp hay non một kiếp, đem lại lợi ích cho chư Thiên và chúng sinh trong thế gian. Sao vậy? Vì Ngài A Nan bị Ma Vương mê hoặc. Đức Thế Tôn nói lời ấy

đến ba lần, thấy tâm ông A Nan vẫn không khai ngộ, Ngài liền im lặng.

Bấy giờ Ma Vương đến nơi đức Phật, mà bạch với Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Nay đức Thế Tôn nên nhập Niết Bàn! Nay đấng Thiện Thệ nên nhập Niết Bàn! Vì sao vậy? Vì khi trước lúc đức Thế Tôn ở bên bờ sông Ni Liên Thiên, con khuyến thỉnh Thế Tôn nên nhập Niết Bàn, nhưng lúc ấy Thế Tôn thấy con khuyến thỉnh như thế, Ngài đã nói: Nay bốn bộ chúng của Thế Tôn là Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di chưa được đầy đủ và chưa hàng phục được các ngoại đạo, nên Thế Tôn chưa nhập Niết Bàn. Lạy đức Thế Tôn! Nay bốn bộ chúng của đức Thế Tôn đã đầy đủ, đã hàng phục được các ngoại đạo và những sự đáng làm, đều đã làm xong, vậy xin đức Thế Tôn nên nhập Niết Bàn!

Khi Ma Vương thưa thỉnh ba lần như thế, đức Như Lai liền đáp: Quý hóa thay! Trước kia bên bờ sông Ni Liên Thiên, Như Lai đã hứa với ông là bốn bộ chúng của Như Lai chưa được đầy đủ; cho đến hôm nay, đã đầy đủ rồi, sau đây ba tháng Như Lai sẽ vào Niết Bàn!

Ma Vương nghe đức Phật dạy lời ấy rồi, vui mừng hơn hởi, lễ tạ trở về Thiên cung. Ngay khi ấy đức Thế Tôn liền xả tuổi thọ thế gian, dùng sức thần thông, trụ lại nơi thân mệnh trong ba tháng.

Lúc đó, cõi đất có mười tám tướng rung chuyển, trống cõi trời tự nhiên kêu và do sức thần thông của Phật, tự nhiên trong không có tiếng xướng lên rằng: Đức Như Lai không bao lâu nữa sẽ nhập Niết Bàn. Chư Thiên, nhân

dân, chợt nghe tiếng nói ấy, tâm rất buồn rầu, khắp mình ửng huyết.

Bấy giờ đức Thế Tôn, liền nói bài kệ rằng: Hết thảy các chúng sinh, theo hữu mà sinh tử. Ta nay cũng sinh tử, Nhưng không theo nơi hữu. Mọi hành tướng tạo tác, Ta nay muốn vứt bỏ. Nói kệ trên xong rồi, Ngài lại ngồi im lặng.

ĐẠI Ý:

Kinh văn nêu rõ Lục Chung Thành Tự, tiếp trình bày sự sinh hoạt hằng ngày của Phật. Lục chung chứng tín, nói một cách khác; Ai nghe? Ai nói? Nói lúc nào? Nói tại đâu? Vì ai mà nói? Nói vấn đề gì? Kế đến, nói lên Duyên khởi Niết Bàn của Phật.

Chú Thích Từ Ngữ:

Các Chữ Viết Tắt: - S: nguyên tiếng Sanskrit (梵文 Phạn văn). - P: nguyên tác tiếng Pàli (巴利語 Ba Lợi Ngữ) - A: tiếng Anh - H: tiếng Hán (中文 Trung văn). - Td: Tân dịch. - Cd: Cựu dịch.

[1] Đông Tấn, Bình Dương, Sa môn Thích Pháp Hiển dịch (Mahāparinibbānasutta) Đại Bát Niết Bàn Kinh.

東晉平陽沙門釋法顯譯, Mahāparinibbānasutta 大般涅槃經.

Đông Tấn, An Đế - Long An tam niên (công nguyên 399), Pháp Hiển lục thập đa tuế đích cao linh, dữ đồng học Tuệ Cảnh, Đạo Chính, Tuệ Ứng, Tuệ Ngôi, tứ nhân kết bạn, tông Trường An (thời vi Hậu Tần đô thành) xuất phát Tây hành. Chí Trương Dịch hựu ngô kiến Trí Nghiêm, Tuệ giản,

Tăng Thiệu, Bảo Vân, Tăng Cảnh, cộng tiến chí Đôn Hoàng.

Đương thời đích Đôn Hoàng Thái thú Lý Hạo, cung cấp Pháp Hiển đẳng ngũ nhân độ Sa Hà (tháp khắc Lạp Mã Kiền Sa mạc) kinh thiện thiện chí Ô Kỳ quốc, dữ Pháp Hiển đồng hành đích tăng nhân, hoặc chí Cao Xương, hoặc chí Kế Tân, Pháp Hiển dữ kỳ tha tam nhân tắc độ quá Thông Lĩnh, đáo đạt Bắc Thiên Trúc.

Pháp Hiển dữ Tuệ Cảnh, Đạo Chỉnh dục tiền vãng trung Thiên Trúc, cầu thủ giới luật, Nam độ Tiểu Tuyết Sơn thời nhân bạo tuyết, Tuệ Cảnh tử ư tiểu Tuyết Sơn, Pháp Hiển dữ Đạo Chỉnh đáo đạt Trung Thiên Trúc, đắc đáo Ma Ha Tăng Kỳ Luật. Pháp Hiển tại Trung Thiên Trúc tam niên học tập Phạn ngữ. Đạo Chỉnh hậu lai quyết định lưu tại Thiên Trúc, Pháp Hiển tắc đái trước pháp bốn chuẩn bị phản hồi Trung quốc.

Đồ Trung lịch tần gian hiểm, ư Nghĩa Hy lục niên (410 niên) đáo đạt Sư Tử quốc (Tư Tỷ Lan Tạng) tại thủ đình lưu lững niên, đắc đáo Di Sa Tắc Luật, Trường A Hàm Kinh, Tạng A Hàm Kinh, cập Tạng Tạng đẳng.

Kim nhật tại Tư Tỷ Lan Tạng hoàn lưu hữu dĩ Pháp Hiển vi danh đích địa danh, như Pháp Hiển đồng.

Pháp Hiển (Tam tạng) tại cổ đô A Nỗ La Đà Thành (ba Anurādhā) đáo xứ tham học hậu. Ư Nghĩa Hy bát niên (412 niên) đái liễu đa bộ Phạn bốn điển tịch, tông hải hộ hồi quốc, Đồ Trung ngộ phong bạo kinh Da Bà Đề quốc đẳng địa, tối hậu Thanh Châu, Trường Nghiễn quận, Lao San Nam ngàn, thượng ngàn. Hồi quốc hậu định cư Nam Kinh, dữ Phật Đà Bạt Đà La hợp dịch kinh, luật, luận cộng lục bộ 24 quyển.

東晉安帝隆安三年（公元 399 年），法顯六十多岁的高齡，與同學慧景、道整、慧應、慧嵬四人結伴从长安（时为后秦都城）出发西行至張掖，又遇見智嚴、慧簡、僧紹、寶雲、僧景，共進至敦煌。

當時的敦煌太守李浩，供給法顯等五人渡沙河(塔克拉馬干沙漠)，經鄯善，至烏耆國。與法顯同行的僧人，或至高昌，或至屬賓，法顯與其他三人則渡過蔥嶺，到達北天竺。

法顯與慧景、道整，欲前往中天竺，求取戒律。南渡小雪山時，因暴雪，慧景死於小雪山。法顯與道整到達中天竺，得到《摩訶僧祇律》。法顯在中天竺三年，學習梵語。道整後來決定留在中天竺，法顯則帶著法本準備返回中國。

途中历尽艰险，于义熙六年（410 年）到达狮子国（斯里兰卡）。在此停留兩年，得到彌沙塞律、長阿含經、雜阿含經及雜藏等。今日在斯里蘭卡還留有以法顯為名的地名，如法顯洞。

法显在古都阿努羅陀城（巴 Anurādha）到处参学后，于义熙八年（412 年）帶了多部梵本典籍，从海路回国，途中遇风暴经耶婆提国等地，最后在青州长广郡牢山南岸上岸。回国后定居南京，与佛驮跋陀罗合译经、律、论共六部24卷。

[2] Phệ Xá Ly (Vaixāli): Tên nước cổ đại Trung Ấn Độ, cũng là tên của đô thành là một trong 16 nước lớn trong thời cổ Ấn Độ, một trong 6 ngôi thành lớn, cũng gọi là Tỳ Da Ly, Tỳ Xá Ly, Bệ Xá Ly, Bí Xá Ly, Bì Xà Ly Dạ, Duy Da, Duy Tà. Dịch ý là

Quảng bác, Quảng nghiêm, là đất cư trú của chủng tộc Ly Xa Tử (Licchavi). Trường A Hàm kinh quyển 3 Du Hành kinh ghi, nước này là dân chúng Ly Xa cư trú, khi Phật đà tại thế thì còn khá phồn vinh, Phật đà nhiều lần du hành thuyết pháp, nhân dân đều tín ngưỡng Phật giáo.

[3] Đại Lâm Tinh Xá: Đại Lâm, Phạn ngữ là: Mahā vana (Pali đồng). Nằm tại Trung Ấn Độ, gần thành Tỳ Xá Ly (Vaisālī). Cũng gọi là Già La Sa La (Kūtāgāra; P. Kūtāgāra sālā), Trùng Các giảng đường, Cao Các giảng đường, Trùng Các đường, Phổ Tập giảng đường, Trùng Các tinh xá, Cao Quán điện, Cao Lô đài quan. Căn cứ theo Thiện Kiến Luật Tỳ Bà Sa quyển 10 ghi, rừng này không có người trồng cây, tự nhiên hình thành, từ Ca Duy La Vệ quốc nối liền đến Tuyết Sơn, khu vực xa rộng, cho nên gọi là Đại Lâm, Phật từng trụ nơi đây thuyết Pháp. Trong Đại Lâm tinh xá có đền thờ Phật, hình trạng như chim nhọn, các thiết bị hoàn chỉnh đầy đủ. Căn cứ theo Đại Đường Tây Vực Ký quyển 7 ghi: Trùng Các giảng đường nằm gần Mi Hầu Trì Ngạn tinh xá (Markata hrada vihāra), Phật đà khi xưa du hóa đến vùng này bị Mi Hầu giệt lấy Bát (của Phật) leo lên cây để mật ong vào dâng cho Phật, và đào cho Phật một ao nước. Nhưng căn cứ Trung A Hàm quyển 21 Vô Thích kinh, Tăng Nhất A Hàm quyển 24 ghi: Đại Lâm tinh xá và Mi Hầu Trì Ngạn tinh xá đều không gần nhau, mà nằm trên 2 vùng đất khác nhau. Có thuyết khác cho rằng, Đại Lâm tinh xá và Mi Hầu Trì Ngạn tinh xá chỉ là một tinh xá; hoặc cho rằng Mi Hầu là tên của một cư dân trong Tỳ Xá Ly thành.

[4] Lục chủng Chứng Tín; tức sáu bằng chứng xác quyết niềm tin, cũng gọi Lục Chủng Thành Tự:

Như thị: Tín thành tựu, Tổng tướng của kinh này.

Ngã văn: Văn thành tựu, chính A Nan đã nghe và khi Kết tập Ngài trùng tuyên lại.

Nhứt thời: Thời thành tựu, chỉ thời gian thích hợp Phật thuyết kinh Đại Bát Niết Bàn.

Phật: Chủ thành tựu, chỉ đức Thích Ca Mâu Ni.

Thành Tỳ Da Ly - Vaisàli (tại Trùng Các giảng đường): Xứ thành tựu, chỉ trú xứ khởi nói kinh Niết Bàn.

Chúng thiên nhị bách ngũ thập nhân: Chúng thành tựu, chỉ chúng đại Tỳ kheo 1250 vị trong hội.

[5] Bát: Tiếng Phạn gọi là Bát Đa La, Hán dịch là Ứng Lượng Khí. Nói đủ là Bình bát, là vật dụng đựng thức ăn trưa (ngộ trai) của chư tăng. Xưa Phật còn tại thế, Ngài đã chế ra chiếc Bình bát này để mỗi buổi sáng, ngài cùng Chư Tỳ kheo đắp y, ôm bình bát đi khát thực.

[6] Khất Thực – Paindapātika: Là một loại hạnh nghi của Tăng nhân Ấn Độ cầu xin thực phẩm để nuôi thân, cũng gọi là Đoàn Đọa (đem thức ăn để vào bát), Phân vệ, Thác bát, Hành khát, là một trong 12 hạnh Đầu Đà. Ban đầu có 2 nghĩa: 1/ Tự lợi, vì dứt các Tục sự, phương tiện tu hành. 2/ Lợi tha, làm Phước điền lợi ích thế nhân, cho chúng sinh cơ hội gieo trồng Phước đức, cho nên Khất thực thuộc Chánh mạng của Tăng nhân, nếu làm các thứ kế sinh nhai để dưỡng thân, thì thuộc Tà mạng.

[7] Ni Sư Đàn 尼師壇: Đọc đủ là Ni-sư-đản-na, do tiếng Phạn Nisidana, dịch là Tọa cụ, một tên là Tỳ tọa y, cũng tên là Ngọa cụ. Cũng gọi là áo lót chân, áo theo chỗ ngồi, áo theo

chỗ nằm. Khi dùng để trải nằm thì gọi là Phu cụ, ngọa cụ. Khi trải ra để ngồi thì gọi là Tọa cụ. Khi dùng để lót dưới chân thì gọi là Y lót chân. Nghĩa là đồ để trải ra hoặc ngồi, hay nằm, để hộ cái thân được vệ sinh, và hộ chỗ ngồi chỗ nằm khỏi bị nhơ bẩn.

[8] Gia phu: Ngồi xếp bằng, hai bàn chân để chéo lên hai vế, cũng gọi ngồi Kiết Già. Bồ đoàn 蒲團 : Chiếu tròn, đồ lót ngồi, là đồ để dùng khi ngồi thiền và khi quỳ lạy. Ông Hứa Hồn có hai câu thi rằng: Ngô tăng tụng Kinh bái, bại nạp y Bồ đoàn: Nhà Sư nước Ngô tụng Kinh rồi, mặc áo vá nương ngồi chiếc Bồ đoàn. Chữ Bồ là lác, chữ Đoàn là tròn như hình hạt xoài. Nghĩa là hai mặt đương bằng sợi lác, giữa dòn bông gòn.

[9] Bốn phép Thần Túc: Còn gọi là Tứ như ý túc: Dục như ý túc, Niệm như ý túc, Tinh tiến như ý túc và Tuệ như ý túc.

[10] Ma Vương: Vị chúa trong loài Thiên ma, tức vị Ma chúa ở cõi Tha hóa tự tại thiên, là tầng trời thứ 6 thuộc Dục giới. Ma vương kia thường đôn đốc quyến thuộc hưởng về nhân gian, làm chướng ngại đạo Phật, nên còn gọi là Ba tuần. Nhưng tinh thần Đại thừa là cho đó là vị Bồ tát, dùng đại phương tiện, hiện Ma vương để thực hiện nghịch hạnh Bồ Tát giáo hóa chúng sinh.

[11] Thiện Thệ: (Tu Già Đà: Sugata): Một hiệu trong 10 hiệu của Phật và có nghĩa là đi tốt. Nói khác là: Dùng Nhất Thiết Trí làm xe, đi trên đường Bát Chính, rảo tới nơi Niết Bàn, nên gọi là Thiện Thệ.

[12] Hữu: Tức là Hữu Lậu nghiệp. Chúng sinh bị sinh tử luân hồi, đều do những hành vi tạo tác bất thiện huân tập và

hấp dẫn. Đức Thế Tôn cũng có thân ở trong sinh tử nhưng, vì độ sinh mà có và Ngài đã đạt tới chỗ vô lậu rồi. Nay tấm thân giả tạm do tứ đại hợp thành này Ngài muốn trả về bản hữu của nó.

CÂU HỎI ÔN TẬP:

1. Tóm tắt ý nghĩa Duyên khởi Niết Bàn?
2. Trình bày sơ lược việc Ma Vương thỉnh Phật nhập bát Niết Bàn?
3. Đại Lâm Tinh Xá còn có những tên gọi là gì?
4. Trình bày tên gọi của Tứ Như Ý Túc?
5. Tóm tắt danh tự Lục Chủng Thành Tựu, trong Phẩm thứ nhất Duyên Khởi Niết Bàn?

大般涅槃經卷上

東晉平陽沙門釋法顯譯

如來壽量品第二

是時阿難。見大地動。心大驚怖。而自念言：今者何故忽有是相。如此之事非為小緣。我今當往諮問世尊。作此念已。即從座起。到於佛前。頭面禮足白言：世尊我向於彼。別處思惟。忽見大地十八相動。又聞空中天鼓之聲。心大怖懼。不知此相。是何因緣。

佛言：阿難。大地震動。有八因緣。一者大地依於水住。又此大水依風輪住。又此風輪依虛空住。空中有時猛風大起。吹彼風輪。風輪既動。彼水亦動。彼水既動。大地乃動。二者比丘比丘尼優婆塞優婆夷。有修神通。始成就者。欲自試驗。故大地動。三者菩薩在兜率天。將欲來下。降神母胎。故大地動。四者菩薩初生。從右脅出。故大地動。五者菩薩捨於王宮。出家學道。成一切種智。故大地動。六者如來成道。始為人天轉妙法輪。故大地動。七者如來捨壽。以神通力住命而住。故大地動。八者如來般涅槃

時。故大地動。阿難。當知地動因緣。有此八事。

阿難。有八部眾。一者剎利。二者婆羅門。三者長者居士。四者沙門。五者四天王。六者忉利天。七者魔王。八者梵王。此八部眾。我觀其根應得度者。隨所現形。而為說法。彼亦不知是我所說。

阿難。有八勝處。一者內有色想外觀色少境界。二者內有色想外觀色無量境界。三者內無色想外觀色少境界。四者內無色想外觀色無量境界。五者觀一切色青。六者觀一切色黃。七者觀一切色赤。八者觀一切色白。此是行者上勝之法。

復次阿難。有八解脫。一者內有色想外觀色。二者內無色想外觀色不淨思惟。三者淨解脫。四者空處解脫。五者識處解脫。六者無所有處解脫。七者非想非非想處解脫。八者滅盡定解脫。此亦復是行者勝法。若能究竟此等法者。即於諸法。自在無礙。阿難。知不。我於往昔。初成道時。度優樓頻螺迦葉。在尼連禪河側。

爾時魔王來至我所。而請我言：世尊。今者宜般涅槃。善逝。今者宜般涅槃。何以

故？所應度者皆悉解脫。今者正是般涅槃時。如是三請。我即答言：今者未是般涅槃時。所以者何？我四部眾未具足故。所應度者皆未究竟。諸外道眾。又未降伏。如是三答。魔王聞已。心懷愁懼。即還天宮。向者又來。而請我言：世尊。今者宜般涅槃。善逝。今者宜般涅槃。所以者何？我於往昔。在尼連禪河側。勸請世尊而般涅槃。

世尊爾時即答我言：我四部眾。比丘比丘尼。優婆塞優婆夷。猶未具足。又未降伏諸餘外道。是以未應入般涅槃。世尊。今者四部之眾。無不具足。又已降伏諸餘外道。所為之事皆悉已畢。今者宜應入般涅槃。魔王乃至如是三請。我即答言：

我於往昔。在尼連禪河側。已自許汝。以四部眾未具足故。所以至今。今已具足。却後三月。當般涅槃。魔王聞我作此語已。歡喜踊躍還歸天宮。我既於此受魔請已。即便捨壽。住命三月。以是因緣大地震動。

爾時阿難聞佛此語。心大悲懼徧體血現。涕泣流淚。而白佛言：唯願世尊。哀愍我等。住壽一劫。若減一劫。利益世間諸天人民。如是三請。

爾時世尊。告阿難言：汝今非是請如來時。所以者何？我已許魔。却後三月。當般涅槃。汝今云何而請住耶？阿難。汝侍我來。頗曾聞我說二言不。阿難白佛：實不曾聞天人之師有二言也。我於往昔曾聞。世尊為四部眾。而說法言：四神足人。則能住壽。滿足一劫。若減一劫。況復如來。無量神力自在之王。今更不能住壽一劫。若減一劫。而便捨壽。住命三月。唯願世尊。哀愍我等。住壽一劫。若減一劫。

爾時世尊答阿難言：我今所以便捨壽者。正由汝故。所以者何？我前於此向汝說言：四神足人。尚能住壽。滿足一劫。若減一劫。如來今者有大神力。豈當不能住壽一劫。若減一劫。乃至如是慇懃三說。開勸請門。而汝默然。曾不請我。住壽一劫。若減一劫。是故我今住命三月。汝今云何方請我住？

爾時阿難聞佛此語。決定知佛入般涅槃不可勸請。心生苦痛。悶絕懊懷。泣涕流連。不能自勝。爾時，世尊既見阿難生大苦懷。而以梵音安慰之言：阿難。汝今勿生憂悲。有為之法皆悉如是。一切合會無不別

離。世尊即便而說偈言：

一切有為法	皆悉歸無常
恩愛和合者	必歸於別離
諸行法如是	不應生憂懷

於是阿難流淚而言：天人之師無上大尊。不久應當入般涅槃。我今云何而不憂懷。即便拍頭高聲唱言：嗚呼苦哉！世間眼滅。眾生不久。失於慈父。

爾時世尊又告阿難：汝今不應生於憂懷。設住一劫。若滅一劫。會亦當滅。有為之法。性相如是。汝勿於我獨生苦也。我今欲還重閣講堂。汝可取我尼師壇來。於是世尊。即與阿難俱。共還歸重閣講堂。

PHIÊN ÂM:

ĐẠI BÁT NIẾT BÀN KINH

Quyển Thượng

Đông Tấn, Bình Dương, Sa môn Thích Pháp Hiển dịch

----- ❧ -----

NHƯ LAI THỌ LƯỢNG

PHẨM ĐỆ NHỊ

Thị thời A Nan kiến Đại địa động, tâm đại kinh bố, nhi tự niệm ngôn: Kim giả hà cố hốt hữu thị tướng? Như thử chi sự phi vi tiểu duyên, ngã kim đương vãng tư vấn Thế Tôn. Tác

thử niệm dĩ, tức tông tòa khởi, đáo ư Phật tiền, đầu diện lễ
túc bạch ngôn: Thế Tôn ngã hướng ư bỉ, biệt xứ tư duy, hốt
kiến đại địa thập bát tướng động, hựu văn không trung thiên
cổ chi thanh, tâm đại bố cụ, bất tri thử tướng, thị hà nhân
duyên?

Phật ngôn: A Nan đại địa chấn động, hựu Bát nhân
duyên: Nhất giả đại địa y ư Thủy trụ, hựu thử đại thủy y
Phong luân trụ, hựu thử phong luân y Hư không trụ, không
trung hựu thời mãnh phong đại khởi, xuy bỉ phong luân,
phong luân ký động, bỉ thủy động, bỉ thủy ký động, đại địa
nãi động. Nhị giả Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Ưu bà tắc, Ưu bà di
hựu tu thần thông, thủy thành tựu giả, dục tự thí nghiệm,
cố đại địa động. Tam giả Bồ Tát (Bodhissattva) tại Đâu Suất
Thiên (Tusita), tương dục lai hạ, hàng thần mẫu thai, cố đại
địa động. Tứ giả Bồ Tát sơ sinh, tông hựu hiệp xuất, cố đại
địa động. Ngũ giả Bồ Tát xả ư vương cung, xuất gia học đạo,
thành Nhất Thiết Chứng Trí [1], cố đại địa động. Lục giả như
lai thành đạo, thủy vi nhân thiên Chuyển Diệu Pháp Luân [2],
cố đại địa động. Thất giả Như Lai xá thọ, dĩ thần thông lực trụ
mệnh nhi trụ, cố đại địa động. Bát giả Như Lai bát Niết Bàn
thời, cố đại địa động. A Nan đương tri địa động nhân duyên,
hựu thử bát sự.

A Nan hựu Bát bộ chúng: Nhất giả Sát Lợi [3], nhị giả Bà
la môn [4], tam giả Trưởng giả [5] Cư sĩ [6], tứ giả Sa môn [7],
ngũ giả Tứ Thiên Vương, lục giả Đao Lợi Thiên, thất giả Ma
Vương, bát giả Phạm Vương. Thử bát bộ chúng, ngã quán kỳ
căn ưng đặc độ giả, tùy sở hiện hình, nhi vi thuyết pháp, bỉ
diệc bất tri thị ngã sở thuyết.

A Nan, hữu Bát Thắng Xứ: Nhất giả nội hữu sắc tướng ngoại quán sắc thiếu cảnh giới. Nhị giả nội hữu sắc tướng ngoại quán sắc vô lượng cảnh giới. Tam giả nội vô sắc tướng ngoại quán sắc thiếu cảnh giới. Tứ giả nội vô sắc tướng ngoại quán sắc vô lượng cảnh giới. Ngũ giả quán nhất thiết sắc thanh. Lục giả quán nhất thiết sắc hoàng. Thất giả quán nhất thiết sắc xích. Bát giả quán nhất thiết sắc bạch. Thử thị hành giả thượng thắng chi pháp.

Phục thứ A Nan, hữu Bát Giải Thoát: Nhất giả nội hữu sắc tướng ngoại quán sắc. Nhị giả nội vô sắc tướng ngoại quán sắc bất tịnh tư duy. Tam giả tịnh giải thoát. Tứ giả không xử giải thoát. Ngũ giả thức xử giải thoát. Lục giả vô sở hữu xử giải thoát. Thất giả phi tướng phi phi tướng xử giải thoát. Bát giả Diệt tận định giải thoát.

Thử diệc phục thị hành giả thượng pháp, nhược năng cứu cánh thử đẳng pháp giả, tức ư chư pháp, tự tại vô ngại. A Nan tri bất, ngã ư vãng tích, sơ thành đạo thời, độ Ưu Lô Tần Loa Ca Diếp (Uruvilvàkàsyapa), tại Ni Liên Thiên hà trắc.

Nhĩ thời Ma Vương lai chí ngã sở, nhi thỉnh ngã ngôn: Thế Tôn, kim giả nghi Bát Niết Bàn. Thiện Thệ, kim giả nghi Bát Niết Bàn. Hà dĩ cố? Sở ưng độ giả giai tất giải thoát, kim giả chánh thị bát Niết Bàn thời. Như thị tam thỉnh. Ngã tức đáp ngôn: Kim giả vị thị bát Niết Bàn thời. Sở dĩ giả hà? Ngã tứ bộ chúng vị cụ túc cố, sở ưng độ giả giai vị cứu cánh, chư ngoại đạo chúng. Hựu vị hàng phục. Như thị tam đáp. Ma Vương văn dĩ, tâm hoài sầu nùng, tức hoàn thiên cung, hướng giả hựu lai, nhi thỉnh ngã ngôn: Thế Tôn, kim giả nghi

bát Niết Bàn. Thiện Thệ, kim giả nghi bát Niết Bàn. Sở dĩ giả hà? Ngã ư vãng tích, tại Ni Liên Thiên hà trắc, khuyến thỉnh Thế Tôn nhi bát Niết Bàn.

Thế Tôn nhĩ thì tức đáp ngã ngôn: Ngã tứ bộ chúng, Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Ưu bà tắc, Ưu bà di do vị cụ túc. Hựu vị hàng phục chư dư ngoại đạo, thị dĩ vị ưng nhập Niết Bàn. Thế Tôn, kim giả tứ bộ chi chúng, vô bất cụ túc, hựu dĩ hàng phục chư dư ngoại đạo, sở vi chi sự giai tất dĩ tất, kim giả nghi ưng nhập bát Niết Bàn. Ma Vương nãi chí như thị tam thỉnh. Ngã tức đáp ngôn: Ngã ư vãng tích, vãng tích tại Ni Liên Thiên hà trắc, dĩ tự hứa nhữ, dĩ tứ bộ chúng vị cụ túc cố, sở dĩ chí kim; kim dĩ cụ túc, tức hậu tam nguyệt, đương bát Niết Bàn. Ma Vương văn ngã tác thử ngữ dĩ, hoan hỉ dũng dực hoàn quy thiên cung. Ngã ký ư thử thụ Ma thỉnh dĩ, tức tiện xả thọ, trụ mệnh tam nguyệt, dĩ thị nhân duyên, đại địa chấn động.

Nhĩ thời A Nan văn phật thử ngữ, tâm đại bi nùng biến thể huyết hiện, thể khắp lưu lệ, nhi bạch phật ngôn: Duy nguyện Thế Tôn, ai mẫn ngã đẳng, trụ thọ nhất kiếp, nhược giảm nhất kiếp, lợi ích thế gian chư thiên nhân dân. Như thị tam thỉnh.

Nhĩ thời Thế Tôn cáo A Nan ngôn: Nhữ kim phi thị thỉnh Như Lai thời. Sở dĩ giả hà? Ngã dĩ hứa ma, tức hậu tam nguyệt, đương bát Niết Bàn. Nhữ kim văn hà nhi thỉnh trụ da. A Nan, nhữ thị ngã lai, pha tăng văn ngã thuyết nhị ngôn bất. A Nan bạch Phật: Thật bất tăng văn Thiên Nhân chi sự hữu nhị ngôn dã. Ngã ư vãng tích tăng văn, Thế Tôn vi tứ bộ chúng, nhi thuyết pháp ngôn: Tứ thần túc nhân, tắc năng trụ

thọ, mãn túc nhất kiếp, nhược giảm nhất kiếp, hưởng phúc Như Lai, vô lượng thần lực tự tại chi vương, kim canh bất năng trụ thọ nhất kiếp, nhược giảm nhất kiếp, nhi tiện xá thọ, trụ mệnh tam nguyệt. Duy nguyện Thế Tôn, ai mẫn ngã đấng, trụ thọ nhất kiếp, nhược giảm nhất kiếp. Nhĩ thời Thế Tôn đáp A Nan ngôn: Ngã kim sở dĩ tiện xả thọ giả, chánh do nhữ cố. Sở dĩ giả hà? Ngã tiền ư thử hướng nhữ thuyết ngôn: Tứ Thần Túc thượng năng trụ thọ, mãn túc nhất kiếp, nhược giảm nhất kiếp. Như Lai kim giả hữu đại thần lực, khởi đương bất năng trụ thọ nhất kiếp, nhược giảm nhất kiếp. Nãi chí như thị ân cần tam thuyết, khai khuyến thỉnh môn, nhi nhữ mặc nhiên, tăng bất thỉnh ngã, trụ thọ nhất kiếp, nhược giảm nhất kiếp. Thị cố ngã kim trụ mệnh tam nguyệt, nhữ kim vân hà phương thỉnh ngã trụ.

Nhĩ thời A Nan văn Phật thử ngữ, quyết định tri Phật nhập bát Niết Bàn bất khả khuyến thỉnh, tâm sanh khổ thống, muộn tuyệt áo nồng, khắp thể lưu liên, bất năng tự thắng. Nhĩ thời Thế Tôn ký kiến A Nan sanh đại khổ nồng, nhi dĩ Phạm Âm [8] an úy chi ngôn: A Nan, Nhữ kim vật sanh ưu bi, hữu vi chi pháp giai tất như thị, nhất thiết hợp hội vô bất biệt ly. Thế Tôn tức tiện nhi thuyết kệ ngôn:

Nhất thiết hữu vi pháp. Giai tất quy Vô thường

Ân ái hòa hợp giả. Tất quy ư biệt ly

Chư hành pháp như thị. Bất ứng sanh ưu nồng

Ư thị A Nan lưu lệ nhi ngôn: Thiên nhân chi sư Vô Thượng đại tôn, bất cử ưng đương nhập bát Niết Bàn. Ngã kim vân hà nhi bất ưu? Tức tiện phách đầu cao thanh xướng

ngôn: Ô hô, khổ tai! Thế gian nhĩ diệt, chúng sanh bất cứu, thất ư Từ phụ.

Nhĩ thời Thế Tôn hựu cáo A Nan: Nhữ kim bất ưng sanh ư ưu nòng. Thiết trụ nhất kiếp, nhược giảm nhất kiếp, hội diệt đương diệt, hữu vi chi pháp, tính tướng như thị. Nhữ vật ư ngã độc sanh khổ dã, ngã kim dục hoàn Trùng Các giảng đường. Nhữ khả thủ ngã Ni Sư Đản lai, ư thị Thế Tôn, tức dữ A Nan câu cộng hoàn quy Trùng Các giảng đường.

DỊCH NGHĨA:

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

Quyển Thượng

Đông Tấn, Bình Dương, Sa môn Thích Pháp Hiển dịch

----- 卍 卍 卍 -----

NHƯ LAI THỌ LƯỢNG

PHẨM THỨ HAI

Khi ấy Ngài A Nan thấy cõi đất rung động, tâm sợ hãi quá ông mới tự nghĩ: Cớ sao ngày nay bỗng có sự tướng ấy. Và, việc như thế, không phải là duyên nhỏ, nay ta nên đến hỏi đức Thế Tôn!

Nghĩ thế rồi, Ngài A Nan liền từ tòa ngồi của mình đứng dậy, đến trước đức Phật, đầu mặt lễ xuống chân Phật, bạch Phật rằng: Lạy đức Thế Tôn! Lúc nãy con ở riêng nơi kia, ngồi thiền suy nghĩ, bỗng đâu con thấy cõi đất này có mười tám tướng rung động; con lại nghe thấy những tiếng trống của cõi trời trong hư không, tâm con sợ quá,

không biết tướng ấy là nhân duyên gì, kính xin đức Thế Tôn chỉ giáo cho!

Đức Phật dạy: Này A Nan! Cõi đất này rung động vì tám nhân duyên: Một là cõi đất nhờ nước mà đứng vững, nước này nhờ guồng gió mà còn, gió này nhờ hư không mà trụ. Trong hư không có lúc gió mạnh bốc lên, thổi vào guồng gió kia, guồng gió kia động; guồng gió kia đã động, nước kia cũng động; nước kia đã động, cõi đất này động. Hai là các vị Tỳ kheo hoặc Tỳ kheo ni, Ưu bà tắc, Ưu bà di, tu về thần thông, mới được thành tựu, các vị muốn tự thí nghiệm, nên cõi đất này động. Ba là khi Bồ Tát ở nơi cung trời Đâu Suất, sắp giáng thần vào mẫu thai, nên cõi đất này động. Bốn là khi Bồ Tát mới sinh từ nơi hông bên hữu ra, nên cõi đất này động. Năm là khi Bồ Tát bỏ cung vua xuất gia, học đạo, thành Nhất thiết chủng trí, nên cõi đất này động. Sáu là khi Như Lai thành đạo, bắt đầu vì Nhân, Thiên chuyển pháp luân, nên cõi đất này động. Bảy là khi Như Lai xả tuổi thọ thế gian, dùng sức thần thông trụ lại nơi thân mệnh, nên cõi đất này động. Tám là khi Như Lai nhập Niết Bàn, nên cõi đất này động. Này A Nan! Ông nên biết nhân duyên của cõi đất này động, có tám sự như thế!

Này A Nan! Có tám bộ chúng: Một là Sát lỵ. Hai là Bà la môn. Ba là Trưởng giả, Cư sĩ. Bốn là Sa môn. Năm là Tứ Thiên Vương. Sáu là Đạo Lỵ Thiên. Bảy là Ma Vương. Tám là Phạm Vương. Tám bộ chúng ấy Như Lai xem căn khí của họ, người nào đủ duyên được độ, Như Lai tùy chỗ hiện hình vì họ nói pháp, mà người kia cũng không biết là Như Lai nói.

Này A Nan! Có tám chỗ thượng thắng (thắng xứ): Một là trong tâm có tướng về sắc tướng, ngoài quán về sắc tướng ít đi. Hai là trong tâm có tướng về sắc tướng, ngoài quán về sắc tướng nhiều lên. Ba là trong tâm không tướng về sắc tướng, ngoài quán về sắc tướng ít đi. Bốn là trong tâm không tướng về sắc tướng, ngoài quán về sắc tướng nhiều lên. Năm là quán hết thấy sắc đều xanh. Sáu là quán hết thấy sắc đều vàng. Bảy là quán hết thấy sắc đều đỏ. Tám là quán hết thấy sắc đều trắng. Đó là phương pháp thượng thắng của người tu hành về Thiền định!

Lại nữa, Này A Nan! Có tám pháp giải thoát: Một là trong tâm có tướng về sắc, ngoài cần quán về sắc. Hai là trong tâm không tướng về sắc, ngoài quán về sắc bằng cách suy nghĩ là bất tịnh. Ba là tịnh giải thoát, Bốn là không xứ giải thoát. Năm là Thức xứ giải thoát. Sáu là Vô sở hữu xứ giải thoát. Bảy là Phi tướng, phi phi tướng xứ giải thoát. Tám là Diệt tận định giải thoát. Tám pháp giải thoát này cũng là pháp thượng thắng của người tu hành về Thiền định. Nếu ai đạt tới chỗ cứu cánh của những pháp này, tức là đối với mọi pháp được tự tại vô ngại.

Này A Nan! Ông có biết không: Trước kia khi Ta thành đạo, hóa độ nhóm ông Ưu Lô Tần Loa Ca Diếp, ở bên sông Ni Liên Thiên, bấy giờ Ma vương đến chỗ Như Lai mà thưa thỉnh rằng: Lạy đức Thế Tôn! Nay đức Thế Tôn nên nhập Niết Bàn! Lạy đấng Thiện Thệ! Nay đấng Thiện Thệ nên nhập Niết Bàn! Vì sao vậy? – Vì những người nên độ, đều được giải thoát cả rồi! Nay chính là lúc đức Thế Tôn nên nhập Niết Bàn! Ma vương thỉnh ba lần như thế, Ta đã

đáp: Nay chưa phải lúc Ta nhập Niết Bàn! – Sao vậy? – Bốn bộ chúng của ta chưa được đầy đủ, những người nên độ, đều chưa đạt tới chỗ cứu cánh, những đồ chúng ngoại đạo, chưa hàng phục được! Thế Tôn đáp như thế ba lần, Ma vương nghe rồi, mang lòng buồn rầu, trở về Thiên cung.

Do duyên xưa kia, nay Ma vương lại và lại thỉnh Ta: Lạy đức Thế Tôn! Nay đức Thế Tôn nên nhập Niết Bàn! Lạy đấng Thiện Thệ! Nay đấng Thiện Thệ nên nhập Niết Bàn! Sao vậy? Trước kia khi ở bên bờ sông Ni Liên Thiên, con khuyến thỉnh đức Thế Tôn nhập Niết Bàn, nhưng lúc ấy đức Thế Tôn thấy con khuyến thỉnh như thế, Ngài đáp: Nay bốn bộ chúng của Như Lai là Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Ưu bà tắc, Ưu bà di chưa được đầy đủ, lại chưa hàng phục được các ngoại đạo, thế nên Như Lai chưa nhập Niết Bàn. Lạy đức Thế Tôn! Nay bốn bộ chúng của đức Thế Tôn đã đầy đủ, đã hàng phục được các ngoại đạo và những sự đáng làm đều đã làm xong, vậy nay Thế Tôn nên nhập Niết Bàn! Ma vương thỉnh Như Lai đến ba lần như thế, Như Lai đáp: Trước kia bên bờ sông Ni Liên Thiên, Như Lai đã hứa với ông bốn bộ chúng của Như Lai chưa được đầy đủ, cho tới nay, nay đầy đủ rồi, sau đây ba tháng Như Lai sẽ nhập Niết Bàn. Ma vương nghe Như Lai nói lời ấy rồi, vui mừng hơn hở, trở về Thiên cung. Nơi đây Ta nhận lời thỉnh của Ma vương rồi. Như Lai liền xả tuổi thọ thế gian, tạm trụ nơi thân mệnh ba tháng, vì nhân duyên ấy, nên cõi đất này chấn động!

Bấy giờ ông A Nan nghe đức Phật nói lời ấy rồi, tâm ông buồn rầu quá, khắp mình ửng huyết, khóc lóc thướt mướt, bạch Phật rằng: Lạy đức Thế Tôn! Kính xin đức Thế

Tôn thương xót chúng con, ở lại cõi thọ chừng một kiếp hay non một kiếp, đem lại lợi ích cho chư Thiên và nhân dân trong thế gian!

Ngài A Nan thỉnh đức Thế Tôn đến ba lần như thế. Lúc đó, đức Thế Tôn bảo ông A Nan: Bây giờ không phải lúc ông thỉnh Như Lai lưu lại thế gian nữa! Sao vậy? Vì Như Lai đã hứa với Ma vương, sau đây ba tháng Như Lai nhập Niết Bàn, nay ông làm sao thỉnh Như Lai lưu lại thế gian được? Nay A Nan! Ông thị giả Như Lai từ trước tới nay, ông đã từng nghe thấy Như Lai nói hai lời bao giờ chưa? Ngài A Nan bạch Phật rằng: Lạy đức Thế Tôn! Con chưa từng nghe thấy đấng Thiên Nhân Sư nói hai lời bao giờ! Trước kia con chỉ từng nghe thấy đức Thế Tôn, vì bốn bộ chúng nói pháp rằng: Người được bốn phép Thần túc, có thể ở trong cõi thọ trọn một kiếp hay non một kiếp, huống chi Như Lai là bậc có vô lượng sức thần thông tự tại, nay lại không thể ở trong cõi thọ được một kiếp hay non một kiếp, liền xả tuổi thọ thế gian, tạm trụ thân mệnh ba tháng, vậy kính xin đức Thế Tôn thương xót chúng con, ở lại cõi thọ chừng một kiếp hay non một kiếp!

Đức Thế Tôn liền đáp lời A Nan: Nay Như Lai sở dĩ xả tuổi thọ, chính là do ông! Vì sao vậy? Trong khi này, tại nơi đây, Như Lai hướng vào ông mà nói: Người được bốn phép Thần Túc còn có thể ở trong cõi thọ trọn một kiếp hay non một kiếp, huống là Như Lai nay có sức thần thông lớn lao, há lại không thể ở trong cõi thọ trọn một kiếp hay non một kiếp? Như Lai ân cần tuyên nói như thế ba lần, để mở ra cái cửa cho ông khuyến thỉnh Thế Tôn lưu lại thế gian, mà

ông cứ im lặng, từng không có lời thỉnh Như Lai ở lại cõi đời thọ một kiếp hay non một kiếp. Vì thế, nay Như Lai chỉ tạm trụ thân mệnh ba tháng, sao nay ông mới thỉnh Như Lai trụ lại thế gian?

Ngài A Nan nghe đức Phật nói lời ấy, biết hẳn là đức Phật quyết nhập Niết Bàn, không sao khuyến thỉnh được, tâm sinh đau khổ, buồn bã, áo não, khóc lóc sụt sướt, không thể kèm hãm được.

Đức Thế Tôn thấy Ngài A Nan sinh khổ não quá, Ngài liền dùng Phạm Âm an ủi: Này A Nan! Ông chớ nên sinh tâm lo buồn như thế! Nên biết: Các pháp hữu vi đều như thế cả; hết thấy sự hội hợp, đều phải biệt ly! Liền đó, đức Thế Tôn nói bài kệ rằng:

Hết thấy pháp hữu vi, Đều quay về vô thường. Sự ân ái hòa hợp, Tất về nơi biệt ly. Hành tướng sự vật thế, Không nên sinh lo buồn!

Bấy giờ, Ngài A Nan rơi lệ bạch rằng: Đấng Thiên Nhân Sư bậc vô thượng tôn, không bao lâu nữa sẽ nhập Niết Bàn, nay con làm sao mà không lo buồn được! Bạch rồi liền khóc lóc, lớn tiếng xướng lên rằng: Than ôi, khổ lắm! Con mắt của thế gian mất rồi, không bao lâu nữa chúng sinh, mất người cha lành!

Đức Thế Tôn lại bảo Ngài A Nan: Nay ông không nên sinh tâm lo buồn, dù Như Lai có ở lại cõi thọ một kiếp hay non một kiếp, nhưng hội hợp rồi cũng phải ly biệt; tính và tướng của pháp hữu vi như thế, ông chớ nên đối với việc Như Lai nhập Niết Bàn mà riêng chịu sự đau khổ! Giờ Như

Lai muốn trở về Trùng Các giảng đường, ông cầm giúp cái ngọạ cụ về! Liền đó, đức Thế Tôn cùng Ngài A Nan trở về Trùng Các giảng đường.

Chú Thích Từ Ngữ:

[1] Nhất Thiết Chủng Trí: Tức là Phật trí, có nghĩa là trí tuệ thấy biết suốt hết thầy pháp.

[2] Chuyển Pháp Luân (quay bánh xe pháp): Giáo pháp của Phật gọi là pháp luân (bánh xe pháp); truyền nói giáo pháp gọi là chuyển (quay). Nghĩa là giáo pháp của Phật, quay vòng khắp chúng sinh giới, phá tan những phiền não. Và, chuyển còn có nghĩa là chuyển pháp tự tâm mình, chuyển di sang tâm người khác.

[3] Sát Lỵ (Ksatriya): Cũng gọi là Sát Đế Lợi. Giai cấp vua chúa. Giai cấp thứ 2 trong 4 giai cấp của Ấn Độ.

[4] Bà La Môn (Brahmana): Giai cấp tu sĩ của Ấn Độ giáo, Tàu dịch là Tịnh hạnh; Tịnh chí, Tĩnh chí. Giai cấp thứ nhất, trong 4 giai cấp của Ấn Độ.

[5] Trưởng giả: Tiếng Phạm gọi là Nghị Lực Hạ Bát Đế (Drha pati). Tiếng gọi thông thường chỉ cho người nhiều của, đủ đức. Bộ Pháp Hoa Huyền Tán quyển 10 nói: Trưởng giả là người tâm bình, tính thẳng, nói thực, làm chăm, tuổi nhiều, của lắm.

[6] Cư sĩ: Tiếng Phạm gọi là Ca La Việt (Kulapati): Là người có của ở nhà không ra làm việc đời; là người ẩn dật ở nơi nhà mình không ra làm quan; hay là người Phật tử tại gia có chí hướng về Phật đạo. Bộ Pháp Hoa Huyền Tán quyển 10

nói: Giữ đạo tự điền đạm, chứa đức ít muốn, gọi là Cư sĩ.

[7] Sa môn (Srmana): Xưa dịch là Túc tâm, Tĩnh chí, Bần đạo v.v... Nay dịch là Công lao, Cần tức, đều có nghĩa là vị tu hành siêng năng tu tập, ngăn dứt phiền não nơi tâm, làm yên lặng, trong sạch thần chí, có công cần cù khó nhọc tinh tiến tu về đạo giải thoát.

[8] Phạm Âm: Phạn ngữ giả, vị Thiên Trúc nhân âm, dữ Phạm Thiên ngữ đồng (vô vị). Cố danh Phạn ngữ. Phạn ngữ ấy, nghĩa là tiếng của người Thiên Trúc, không khác với tiếng nói của trời Phạm, nên gọi là Phạm âm, Phạn ngữ.

CÂU HỎI ÔN TẬP:

1. Trình bày ý nghĩa Niết Bàn và Phật Bát Niết Bàn?
2. Nói danh nghĩa Đệ Tử. Cựu viết Đệ tử. Học tại sư hậu danh Đệ, giải tùng sư sanh danh Tử. 梵語室洒。此云所教。舊曰弟子。學在師後名弟。解從師生名子。
3. Cho biết 18 nhân duyên Đại Địa Chuyển Động?
4. Trình bày ý nghĩa Như Lai Thọ Lượng?

大般涅槃經卷上

東晉平陽沙門釋法顯譯

大衆哀歎品第三

爾時世尊告阿難言：汝今可語。此大林中。重閣講堂。諸比丘眾。皆悉令往大集講堂。阿難奉勅。即便普語諸比丘眾。世尊皆令往大集堂。比丘集已。阿難白佛：諸比丘眾悉皆已集。唯願如來。自知其時。

爾時如來。從重閣講堂。往大集堂。敷座而坐告諸比丘。我昔為汝所說諸法。常思惟之。誦習勿廢。淨修梵行。護持禁戒。福利世間諸天人民。諸比丘。我昔為汝說何等法？汝思惟之。勿生懈怠。三十七道品法。所謂四念處。四正勤。四如意足。五根。五力。七覺支。八聖道分。汝應修習精勤思惟。此法能令到解脫處。

復次比丘。一切諸法皆悉無常。身命危脆猶如驚電。汝等不應生於放逸。汝等當知。如來不久。却後三月。當般涅槃。爾時世尊即說偈言：

我欲棄捐此	朽故之老身
今已捨於壽	住命留三月

所應化度者	皆悉已畢竟
是故我不久	當入般涅槃
我所說諸法	則是汝等師
頂戴加守護	修習勿廢忘
汝等勤精進	如我在無異
生死甚危脆	身命悉無常
常求於解脫	勿造放逸行
正念清淨觀	善護持禁戒
定意端思惟	攝情於外境
若能如此者	是則護正法
自到解脫處	利益諸天人

爾時諸比丘聞佛此語。心大苦痛。涕泣交流。遍體血現。迷悶懊懷。而白佛言：

世尊。唯願住壽。勿般涅槃。利益眾生。增長人天。唯願住壽。勿般涅槃。開諸眾生智慧之眼。一切眾生墮於黑暗。唯願如來。為作明照。一切眾生皆悉漂沒生死大海。唯願如來。為作舟航。舉手拍頭。搥胸大叫。嗚呼苦哉。如來不久當般涅槃。一切眾生。何所歸依？

爾時世尊告諸比丘：一切諸法。皆悉無常。恩愛合會。無不別離。汝等不應請我住世。何以故？今者非是勸請我時。向為汝等

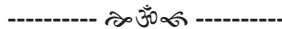
略說法要。當善奉持如我無異。日既晚暮。
世尊即與阿難俱共還歸重閣講堂。

PHIÊN ÂM:

ĐẠI BÁT NIẾT BÀN KINH

Quyển Thượng

Đông Tấn, Bình Dương, Sa môn Thích Pháp Hiền dịch



ĐẠI CHÚNG AI THÁN

PHẨM ĐỆ TAM

Nhĩ thời Thế Tôn cáo A Nan ngôn: Nhữ kim khả ngữ, thử đại lâm trung, Trùng Các giảng đường, chư Tỳ Kheo [1] chúng, giai tất lệnh vãng, đại tập giảng đường. A Nan phụng sắc, tức tiện phổ ngữ chư Tỳ Kheo chúng. Thế Tôn giai lệnh vãng Đại Tập Đường, Tỳ Kheo tập dĩ. A Nan bạch Phật: Chư Tỳ Kheo chúng tất giai tập dĩ. Duy nguyện Như Lai, tự tri kỳ thời.

Nhĩ thời Như Lai, tòng Trùng Các giảng đường vãng Đại Tập Đường phu tòa nhi tọa cáo chư Tỳ Kheo: Ngã tích vi nhữ sở thuyết chư pháp, thường tư duy chi, tụng tập vật phế, tịnh tu phạm hành, hộ trì cấm giới, phúc lợi thế gian chư thiên nhân dân. Chư Tỳ Kheo: Ngã tích vi nhữ thuyết. Hà đẳng pháp? Nhữ tư duy chi, vật sinh giải đãi, Tam Thập Thất đạo phẩm [2], sở vị Tứ Niệm Xứ, Tứ Chính Cần, Tứ Như Ý Túc, Ngũ Căn, Ngũ Lực, Thất giác chi, Bát Thánh đạo phần... Nhữ ưng tu tập tinh cần tư duy, thử pháp năng lệnh đáo giải thoát xứ.

Phục thứ Tỳ Kheo, nhất thiết chư pháp giai tất vô thường, thân mệnh nguy thúy, do như kinh điện, nhữ đẳng bất ưng sanh ư phóng dật. Nhữ đẳng đương tri, Như Lai bất cửu, tức hậu tam nguyệt, đương bát Niết Bàn. Nhĩ thời Thế Tôn, tức thuyết kệ ngôn:

Ngã dục khí quyên trừ
 Hủ cố chi lão thân
 Kim dĩ xả ư thọ
 Trụ mệnh lưu tam nguyệt
 Sở ưng hóa độ giả
 Giai tất dĩ tất cánh
 Thị cố ngã bất cửu
 Đương nhập bát Niết Bàn
 Ngã sở thuyết chư pháp
 Tất thị nhữ đẳng sự
 Đảnh đái gia thủ hộ
 Tu tập vật phế vong
 Nhữ đẳng cần tinh tiến
 Như ngã tại vô dị
 Sinh tử thậm nguy thúy
 Thân mệnh tất vô thường
 Thường cầu ư giải thoát
 Vật tạo phóng dật hành
 Chính niệm thanh tịnh quán
 Thiện hộ trì cấm giới
 Định ý đoan tư duy
 Nhiếp tình ư ngoại cảnh
 Nhược năng như thử giả

Thị tắc hộ chính pháp
 Tự đáo giải thoát xứ
 Lợi ích chư thiên nhân.

Nhĩ thời chư Tỳ Kheo văn Phật thử ngữ, tâm đại khổ thống, thể khắp giao lưu, biến thể huyết hiện, mê muộn áo nồng, nhi bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Duy nguyện trụ thọ, vật bát Niết Bàn, lợi ích chúng sinh, tăng trưởng nhân thiên. Duy nguyện trụ thọ, vật bát Niết Bàn, khai chư chúng sinh trí huệ chi nhãn, nhất thiết chúng sinh đọa ư hắc ám. Duy nguyện Như Lai, vi tác minh chiếu, nhất thiết chúng sinh giai tất phiêu một sinh tử đại hải. Duy nguyện Như Lai, vi tác tác chu thuyền, cử thủ phách đầu, chùy hung đại khiếu.

Ô hô! Khổ tai! Như Lai bất cứu đương bát Niết Bàn, nhất thiết chúng sinh, hà sở quy y? Nhĩ thời Thế Tôn cáo chư Tỳ Kheo: Nhất thiết chư pháp, giai tất vô thường, ân ái hội hợp, vô bất biệt ly. Nhữ đẳng bất ưng thỉnh ngã trụ thế. Hà dĩ cố? Kim giả phi thị khuyến thỉnh ngã thời, hướng vi nhữ đẳng lược thuyết pháp yếu, đương thiện phụng trì, như ngã vô dị. Nhật ký vãng mộ. Thế Tôn tức dĩ A Nan câu cộng hoàn quy Trùng Các giảng đường.

DỊCH NGHĨA:**KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN****Quyển Thứợng**

Đông Tấn, Bình Dương, Sa môn Thích Pháp Hiển dịch

----- ൐ ൓ -----

ĐẠI CHÚNG AI THẦN

PHẨM THỨ BA

Đức Thế Tôn bảo Ngài A Nan: Nay ông đi bảo tất cả các vị Tỳ Kheo nơi Trùng Các giảng đường, trong khu rừng rộng này, đều về cả Đại Tập đường!

Ngài A Nan vâng lời đức Phật dạy, liền đi bảo khắp các vị Tỳ Kheo rằng: Đức Thế Tôn bảo các vị về cả Đại Tập đường!

Các vị Tỳ Kheo tập họp đông đủ, Ngài A Nan bạch Phật: Lay đức Thế Tôn! Các vị Tỳ Kheo đều về họp đông đủ, kính xin đức Như Lai biết cho giờ định họp ấy!

Khi ấy, đức Như Lai từ Trùng Các giảng đường đến Đại Tập đường, Ngài trái tòa ngồi và bảo các vị Tỳ kheo: Xưa kia Thế Tôn vì các vị nói ra mọi pháp, các vị luôn luôn suy nghĩ và tu tập những pháp ấy đừng lãng quên! Các vị tu phạm hạnh cho thanh tịnh, gìn giữ giới cấm, làm phúc lợi cho chư Thiên, nhân dân thế gian. Các vị Tỳ Kheo! Xưa kia Tôi vì các vị nói những pháp gì, các vị nên suy nghĩ những pháp ấy, chớ sinh biếng nhác. Thế Tôn giảng nói ba mươi bảy đạo phẩm pháp như: Bốn niệm xứ, Bốn chính cần, Bốn Như Ý Túc, Năm căn, Năm lực, Bảy giác chi và Tám thánh đạo phần, các vị nên tu tập, suy nghĩ tinh cần những pháp ấy có thể làm cho các vị đến nơi giải thoát!

Lại nữa, các vị Tỳ Kheo! Hết thầy các pháp đều thuộc vô thường, thân mệnh nguy ngập, cũng như chớp giật, các vị không nên sinh ra buông lung! Các vị nên biết: Như Lai không bao lâu, chỉ sau ba tháng nữa sẽ nhập Niết Bàn!

Bấy giờ, đức Thế Tôn liền nói bài kệ rằng: Ta muốn bỏ thân này, Tấm thân già suy yếu. Nay xả tuổi thọ rồi, Tạm nương mệnh ba tháng! Những người nên hóa độ, Hết thầy đã xong xuôi; Thế nên không bao lâu, Ta sẽ nhập Niết Bàn. Những pháp Ta nói xưa, Pháp ấy thầy các vị; Các vị kính trọng, giữ, Tu tập đừng bỏ quên! Các vị cần tinh tiến, Như Ta sống khác gì? Sinh tử nguy ngập quá, Thân mệnh đều vô thường! Thường mong đường giải thoát, Đừng tạo hạnh buông lung! Niệm chính, quán thanh tịnh, Giữ trọn giới cấm răn. Định ý, suy nghĩ thẳng, Ngoại cảnh, nén giữ tình. Nếu ai làm được thế, Là hộ trì chính pháp. Tự đến nơi giải thoát, Lợi ích cả Nhân, Thiên.

Sau khi các vị Tỳ Kheo nghe những lời ấy của đức Thế Tôn, tâm các vị rất đau khổ, khóc lóc sụt sùi, khắp mình ửng huyết, mê buồn áo não, mà bạch Phật rằng: Lạy đức Thế Tôn! Kính xin đức Thế Tôn, ở lại cõi thọ, đừng vội nhập Niết Bàn, đem lại lợi ích cho chúng sinh, làm tăng trưởng Nhân, Thiên. Kính xin đức Thế Tôn, ở lại cõi thọ, đừng nhập Niết Bàn, mở tỏ con mắt trí tuệ cho chúng sinh. Hết thầy chúng sinh sa đọa nơi đen tối, kính xin đức Như Lai mà soi sáng cho họ. Hết thầy các chúng sinh đắm trong bể sinh tử, kính xin đức Như Lai vì họ làm thuyền bè mà cứu vớt cho họ!

Thưa bạch xong, các vị Tỳ Kheo lại khoa tay, bứt đầu, đấm ngực, kêu to: Than ôi, khổ lắm! Đức Như Lai không bao lâu nữa sẽ nhập Niết Bàn, hết thầy chúng sinh biết nương tựa vào đâu!

Đức Thế Tôn bảo các vị Tỳ Kheo: Hết thầy các pháp đều thuộc vô thường, ân ái hội hợp, đều phải biệt ly, các vị không nên cầu thỉnh Như Lai lưu lại thế gian! Vì sao vậy? Vì nay không phải là lúc các vị khuyến thỉnh! Trước đây Như Lai vì các vị nói những pháp yếu, các vị nên vâng giữ, thời cũng như Ta còn trụ ở đời không khác!

Bấy giờ trời (ngày nay) đã tối, đức Thế Tôn cùng với Ngài A Nan trở về nơi Trùng Các giảng đường.

Chú Thích Từ Ngữ:

[1] Tỳ Kheo: (比丘Bhikṣu) vốn là tiếng Phạn, và có ba nghĩa: Phá ác, Bố ma, và Khất sĩ. Vì bao hàm tới ba nghĩa, cho nên nếu dịch Tỳ Kheo là Khất sĩ thì thiếu mất nghĩa Phá ác và Bố ma; mà nếu dịch là Phá ác thì lại thiếu mất nghĩa Bố ma và Khất sĩ. Như vậy, từ ngữ Tỳ Kheo thuộc loại chứa đựng nhiều nghĩa và do đó không cần dịch ra. Đây là một trong năm loại từ ngữ không nên phiên dịch đó là: Ngũ chủng Bất Phiên 五種不繇 :

1. Đa hàm bất phiên (từ ngữ nào bao hàm nhiều nghĩa thì không nên dịch).

2. Tôn trọng bất phiên (từ ngữ nào được dùng vì sự tôn trọng thì không nên dịch).

3. Thử phương vô bất phiên (những từ ngữ chỉ các thứ mà nơi này không có thì không nên dịch).

4. Thuận cổ bất phiên (những từ ngữ được dùng là do tùy thuận theo lẽ lối xưa thì không nên dịch).

5. Bí mật bất phiên (từ ngữ nào chứa đựng các ý nghĩa bí mật thì không nên dịch).

Vậy, do có ba nghĩa nên từ ngữ Tỳ Kheo được giữ nguyên theo âm tiếng Phạn (Bhikṣu) và không dịch ra. Ba nghĩa của từ ngữ Tỳ Kheo là:

1. Phá Ác: Hàng Tỳ kheo đem ngày chuyên tâm tu Giới, Định, Huệ, để phá trừ ác nghiệp, làm phát sinh và tăng trưởng các thiện nghiệp, nên gọi là Phá ác. Nói khác, chúng ta có phiền não, đó là ác. Tỳ Kheo là người phá hủy cái ác.

2. Khất Sĩ: Thượng khất Pháp ư chư Phật, Hạ khất thực ư chúng sanh. Thầy Tỳ Kheo trước xin Pháp của chư Phật để làm tăng trưởng huệ mạng của mình, sau xin thức ăn là để giúp chúng sanh trồng ruộng phước.

3. Bồ Ma: Vì người xuất gia mong cầu giải thoát, tiêu diệt tất cả vọng tưởng điên đảo, do đó bọn ma vương thấy thì sanh lòng sợ sệt.

[2] Tam Thập Thất đạo phẩm: Gồm Tứ Niệm Xứ, Tứ Chính Cần, Tứ Như Ý Túc, Ngũ Căn, Ngũ Lực, Thất giác chi, và Bát Thánh đạo phần.

Nói một cách khác, Ba mươi bảy đạo phẩm: 1 là, Bốn niệm xứ: Quán thân bất tịnh, quán thọ là khổ, quán tâm vô thường và quán pháp vô ngã. 2. Bốn chính cần: Ác đã sinh làm cho chóng dứt. Ác chưa sinh làm cho không sinh được. Thiện chưa sinh làm cho chóng sinh. Thiện đã sinh làm cho tăng trưởng. 3. Bốn thần túc: Dục, Niệm, Tiến và Tuệ. 4. Năm căn: Tín, Tinh tiến, Niệm, Định và Tuệ. 5. Năm lực: Cũng là 5 căn, nhưng, đây đứng về mặt đối trị mà nói. 6. Bảy Giác Chi: Trạch pháp, Tinh tiến, Hỷ, Khinh an, Niệm, Định và Hành xả. 7. Tám Thánh đạo: Chính kiến, Chính tư duy, Chính ngữ,

Chính nghiệp, Chính mệnh, Chính tinh tiến, Chính niệm và Chính định.

Tam Thừa: (S. yāna-traya, tri-yāna, 三乘): ba cỗ xe. Cỗ xe là ví dụ cho giáo lý dẫn dắt chúng sanh đi đến giác ngộ; có Nhất Thừa (一乘) cho đến Ngũ Thừa (五乘); đức Phật tùy theo căn cơ của chúng sanh là chậm chạp, trung bình, lanh lợi mà chế ra 3 loại pháp môn khác nhau gọi là Tam Thừa.

CÂU HỎI ÔN TẬP:

1. Trình bày tóm tắt ý nghĩa Tỳ Kheo?
2. Cho biết tên gọi các pháp số trong Ba Mươi Bảy Phẩm trợ đạo?
3. Sau khi đại chúng ai thán, về sự kiện Phật sắp Nhập Niết Bàn, Đức Phật đã dạy Bài Kệ gì?

大般涅槃經卷上

東晉平陽沙門釋法顯譯

佛度離車派品第四

爾時世尊既至明旦著衣持鉢。而與阿難入城乞食。既得食已。即便還歸重閣講堂。食訖澡漱與諸比丘。往乾茶村。路經毘耶離城。世尊迴顧。向城而笑。阿難即便頭頂禮足。而問佛言：無上大尊。非無因緣而妄笑也。

佛即答言：阿難。我今所以向城笑者。正為最後見此城故。當於如來說此言時。虛空之中。無雲而雨。於是阿難復白佛言：世尊。甚為奇特。虛空清淨。無有氣翳。忽然而降如此密雨。

佛告阿難：汝知之不。虛空諸天。聞我說言最後見於毘耶離城。心大懊懷。悲感涕泣。此是天淚。非為雨也。

爾時阿難及諸比丘。聞佛此語。心復悲懷。悶絕躡地。而白佛言：今者天人。極大苦痛。世尊云何而欲委捨般涅槃耶？

爾時如來。即以梵音。而安慰之。汝等不應生於憂苦。諸比丘言：世尊今者最後見

於毘耶離城。不久便當入般涅槃。我等云何而不憂苦。如是展轉。人人相告。乃至聲徹諸離車等？

時諸離車。聞此語已。心懷悲懷。遍體血現。舉手拍頭。搥膺大叫：嗚呼苦哉。世間眼滅。眾生於今無所歸依。互相語言。我等今者。應往佛所勸請世尊。住毘耶離。住壽一劫。若減一劫。利益世間諸天人民。即便嚴駕疾往佛所。既出城門遙覩如來。

又見阿難及諸比丘。涕泣流連。悶絕懊懷。諸離車等。倍增悲慟。前詣佛所。頭面禮足。而白佛言：世尊今者。欲般涅槃。一切眾生。失智慧眼。方當在於黑暗之中。云何能見所應行處？唯願世尊。住壽一劫。若減一劫。如是三請。

佛即答言：有為之法。皆悉無常。設住一劫。若減一劫。亦歸無常。爾時如來。即說偈言：

須彌雖高廣	終歸於消磨
大海雖淵曠	會亦還枯竭
日月雖明朗	不久則西沒
大地雖堅固	能負荷一切

劫盡業火然	亦復歸無常
恩愛合會者	必歸於別離
過去諸如來	金剛不壞身
亦為無常遷	今我豈獨異
諸佛法如是	汝等不應請
勿偏於我上	而更生憂惱

爾時世尊說此偈已。告諸離車：汝等可止啼泣之情。諦聽如來最後所說。諸離車言：善哉世尊。願樂欲聞。於是如來。敷尼師壇。結跏趺坐。諸比丘眾。及以離車。強自抑忍。各坐一面。

爾時世尊告離車言：汝等當知。有七種法。日就增進。而不減損。一者歡悅和同。無相違逆。二者共相曉悟。講論善業。三者護持禁戒。及持禮儀。四者恭敬父母及餘尊長。五者親戚和睦。各相承順。六者國內支提。修理供養。七者奉持佛法。親敬比丘及比丘尼。愛護優婆塞及優婆夷。如是七法。若受行者。令人威德日就增進。國土熾盛。人民豐樂。汝等從今至盡形壽。當奉持之。無得懈怠。

時諸離車。即白佛言：我等若於此七法中。修行一事。尚能令我威德增進。況復具

足修行七法。善哉世尊。我等今者。便得福利。當盡形壽奉持不忘。

爾時世尊告諸比丘：汝等從今亦當修習七法之行。一者歡悅和諧猶如水乳。二者常共集會講論經法。三者護持禁戒。不生犯想。四者恭敬於師及以上座。五者料理愛敬阿練比丘。六者勸化檀越。修營三寶所止住處。七者勤加精進。守護佛法。汝等當知。若有比丘行此七法。功德智慧。日就增進。

復次比丘。更有七法。汝等當修。一者不如白衣營資生業。二者不作戲論調謔之言。三者不樂睡眠廢於精勤。四者不論世間無益之事。五者遠惡知識。近於善友。六者正念。不生邪想。七者若於佛法有所得者。更求勝進。汝等若能行此七法。功德智慧日就增長。

復次比丘。更有七法汝等當行。一者於佛法僧。生堅固信。二者有慚。三者有愧。四者心常樂於多聞。五者心不輕躁。六者樂聞經義。七者樂修智慧。汝等若能修此七法。功德智慧日就增長。

復次比丘。更有七覺意法。汝等當行。一者擇法。二者精進。三者喜。四者念。五

者定。六者猗。七者捨。汝等若能行此七法。功德智慧日就增長。

復次比丘。更有七法。一者觀於無常。二者觀於無我。三者觀於不淨。四者觀苦。五者不樂世間。六者不著五欲。七者勤修寂滅。汝等若能行此七法。功德智慧日就增長。

復次比丘。更有七法。汝等當行。一者身常行慈。二者口常行慈。三者意常行慈。四者若有檀越種種布施。平等分與無使有偏。五者於深妙法。樂說不厭。六者不以世間典籍而教於人。七者見非同學不生憎嫉。汝等若能修此七法。功德智慧日就增長。

復次比丘。更有七法。汝等當行。一者於九部法。善能分別。二者善解其義。三者行道誦習。皆得其時。四者行住坐臥。善得儀中。五者為人說法。並自量忖。以其所長。而以教人。六者若婆羅門。刹利。長者居士。來欲聽法。當善籌量。隨根為說。七者善別愚智。汝等若能行此七法。功德智慧日就增長。則能守護我之正法

爾時國中諸離車妻。聞佛不久當般涅槃。今者最後見毘耶離。心大懊懷。悲泣流

連。各與五百眷屬。各辦五百乘車。載供養具。種種莊嚴。車牛白者。懸素幡蓋。如是玄黃。各隨牛色。次第出城。往至佛所。

爾時世尊遙見彼來。告諸比丘：汝等見此諸離車妻。前後導從。極嚴麗不。比丘答言：唯然見之。佛告比丘。此毘耶離。離車長者。及其妻。出入之儀。甚為光飾。與忉利天。等無異也。

時離車妻。既到佛所。頭面禮足。悲泣流連。不能自勝。以諸供具。而供養佛白言：世尊。唯願。住壽教化眾生。世尊今若般涅槃者。我等盲暝。永無開悟。受生薄福。為此女身。恒有限礙。不得自在。無緣而數親近世尊。世尊便欲般涅槃者。我等善根日就減損。

爾時如來而答之言：汝等從今至盡形壽。精勤持戒。如人護眼。意念端直。勿生諂嫉。此便即是。常得見我。諸離車妻。聞佛此語。倍增悲絕。不能自勝。却坐一面。

爾時菴婆羅女。顏容端正世界第一。聞佛不久當般涅槃。最後見於毘耶離城。心懷悲懊。涕泣交流。即與五百眷屬。嚴五百乘

車。次第出城。往詣佛所。

爾時世尊。遙見彼來。告諸比丘：菴婆羅女。今來詣我。形貌殊絕。舉世無雙。汝等皆當端心正念。勿生著意。比丘當觀此身。有諸不淨。肝膽腸胃心肺脾腎。屎尿膿血。充滿其中。八萬戶虫。居在其內。髮毛爪齒。薄皮覆肉。九孔常流。無一可樂。又復此身。根本始生。由於不淨。此身所可往來之處。皆悉能令不淨流溢。雖復飾以雕綵。熏以名香。

譬如寶瓶中藏臭穢。又其死時。臃脹腐爛。節節支解。身中有虫。而還食之。又為虎狼鴟梟鷲之所吞噬。世人愚癡。不能正觀。戀著恩愛。保之至死。橫於其中而生貪欲。何有智者？而樂此耶。爾時世尊。即說偈言：

雖復佩瓔珞	香華自嚴飾
屎尿及唾涕	不淨藏其內
眾生保惜之	迷惑不覺悟
猶如灰覆火	愚人蹈其上
智者當遠離	勿生染著心

爾時菴婆羅女到於佛前。頭面禮足。以諸供具。而供養佛。銜淚嗚咽。而白佛言：唯願世尊。住壽住世。不般涅槃。利益世間諸天人民。世尊若定般涅槃者。一切眾生。無復獎道。猶如嬰兒失於慈母。

爾時世尊。而告之言：一切諸行。性相如是。汝今不應生於悲懷。世尊即便普為來眾而說法言：汝等從今護持禁戒。勿得虧犯。破戒之人。天龍鬼神。所共憎厭。惡聲流布。人不憙見。若在眾中。獨無威德。諸善鬼神。不復守護。臨命終時。心識怖懼。設有微善。悉不憶念。死即隨業受地獄苦。經歷劫數。然後得出。復受餓鬼畜生之身。如是轉轉無解脫期。比丘持戒之人。天龍鬼神。所共恭敬。美聲流布。聞徹世間。處大眾中。威德明盛。諸善鬼神。常隨守護。臨命終時。正念分明。死即生於清淨之處。當於如來說此法時。六萬八千那由他天人八部。遠塵離垢。得法眼淨。六十比丘。漏盡意解。成阿羅漢。

爾時世尊。告諸離車。及與其妻。并菴婆羅女。我今欲進乾茶村中。汝等可各還歸所止。當知。諸行皆悉無常。但當修行我所

說法。勿如嬰兒涕泣悲懷。世尊即便從座而起。

時諸離車及與其妻。菴婆羅女。聞佛此言。搥胸拍頭。號咷大叫。緣路隨佛不肯旋返。世尊既見戀慕情深。非是言辭所可安慰。即以神力。化作河水。涯岸深絕。波流迅疾。

時諸離車及以眷屬。菴婆羅女。既見如來與比丘眾。在彼河岸。倍增悲慟。悶絕躡地。而以微聲。共相謂言：是處那忽有此大河。而復乃爾波湍驚急。當是如來見於我等隨從不捨。而故作此。絕行道耳。時諸離車及以其妻。菴婆羅女。既不得度心倍踊躍。俛仰哽咽。絕望乃還。

爾時如來。至乾茶村北林中住。告諸比丘：汝等當知。有四種法。一戒。二定。三慧。四解脫。若不聞知此四法者。斯人長夜在生死海。我於往昔。若不聞知此四法者。不能疾得阿耨多羅三藐三菩提。於是世尊。即說偈曰：

戒定慧解脫	我若不久聞
不能疾得證	無上正真道

汝等宜精進 修習此四法
能斷生死苦 天人上福田

爾時世尊說此偈已。為諸比丘。分別廣說此四法義。當於如來說此法時。千二百比丘。即於諸法。漏盡意解。成阿羅漢。

PHIÊN ÂM:

ĐẠI BÁT NIẾT BÀN KINH

Quyển Thượng

Đông Tấn, Bình Dương, Sa môn Thích Pháp Hiển dịch

----- 卍 卍 卍 -----

PHẬT ĐỘ LY XA PHÁI

PHẨM ĐỆ TỨ

Nhĩ thời Thế Tôn ký chí minh đản trước y trì bát. Nhi dữ A Nan nhập thành khát thực. Ký đắc thực dĩ, tức tiện hoàn quy Trùng Các giảng đường. Thực ngật táo sấu dữ chư Tỳ Kheo, vãng Kiền Đề thôn, lộ kinh Tỳ Da Ly thành. Thế Tôn hồi cố, hướng thành nhi tiểu. A Nan tức tiện đầu đỉnh lễ túc, nhi vấn Phật ngôn: Vô thượng Đại tôn, phi vô nhân duyên nhi vọng tiểu dã. Phật tức đáp ngôn: A Nan, ngã kim sở dĩ hướng thành tiểu giả, chánh vi tối hậu kiến thử thành cố. Đương ư Như Lai thuyết thử ngôn thời, hư không chi trung, vô vân nhi vũ.

Ư thị A Nan phục bạch Phật ngôn: Thế Tôn, thậm vi kỳ đặc, hư không thanh tịnh, vô hữu khí ế, hốt nhiên nhi hàng như thử mật vũ. Phật cáo A Nan: Nhữ tri chi bất, hư

không chư thiên, văn ngã thuyết ngôn tối hậu kiến ư Tỳ Da Ly thành, tâm đại áo nồng. Bi cảm thể khắp, thử thị thiên lệ, phi vi vũ dã.

Nhĩ thời A Nan cập chư Tỳ Kheo văn Phật thử ngữ, tâm phục bi? **Mu**ộn tuyệt tích địa, nhi bạch Phật ngôn: Kim giả thiên nhân, cực đại khổ thống. Thế Tôn vân hà nhi dục ỷ xả bát Niết Bàn da?

Nhĩ thời Như Lai, tức dĩ Phạm âm, nhi an úy chi. Nhữ đẳng bất ưng sanh ư ưu khổ. Chư Tỳ Kheo ngôn: Thế Tôn kim giả tối hậu kiến ư Tỳ Da Ly thành. bất cửu tiện đương nhập bát Niết Bàn [1]. Ngã đẳng vân hà nhi bất ưng khổ?

Như thị triển chuyển, nhân nhân tương cáo, nãi chí thanh triệt chư Ly Xa đẳng (Licchavi) [2]. Thời chư Ly Xa, văn thử ngữ dĩ, tâm hoài bi nồng. Biến thể huyết hiện, cử thủ phách đầu, chùy hung đại khiếu. Ô hô! khổ tai! Thế gian nhãn diệt, chúng sanh ư kim vô sở quy y. Hổ tương ngữ ngôn: Ngã đẳng kim giả, ưng vãng Phật sở khuyến thỉnh Thế Tôn, trụ Tỳ Da Ly trụ thọ nhất kiếp, nhược giảm nhất kiếp, lợi ích thế gian chư thiên nhân dân. Tức tiện nghiêm giá tậ vãng Phật sở. Ký xuất thành môn diêu đồ Như Lai.

Hựu kiến A Nan cập chư Tỳ Kheo, thể khắp lưu liên, muộn tuyệt áo nồng. Chư Ly Xa đẳng, bội tăng bi đồng, tiền nghệ Phật sở, đầu diện lễ túc, nhi bạch Phật ngôn: Thế Tôn kim giả, dục bát Niết Bàn, nhất thiết chúng sanh, thất trí tuệ nhãn. Phương đương tại ư hắc ám chi trung. Vân hà năng kiến sở ưng hành xử? Duy nguyện, Thế Tôn trụ thọ nhất kiếp, nhược giảm nhất kiếp. Như thị tam thỉnh. Phật tức đáp

ngôn: Hữu vi chi pháp, giai tất vô thường, thiết trụ nhất kiếp, nhược giảm nhất kiếp, diệc quy vô thường. Nhĩ thời Như Lai, tức thuyết kệ ngôn:

Tu Di tuy cao quảng
 Chung quy ư tiêu ma
 Đại hải tuy uyên khoáng
 Hội diệc hoàn khô kiệt
 Nhật nguyệt tuy minh lãng
 Bất cửu tắc tây một
 Đại địa tuy kiên cố
 Năng phụ hà nhất thiết
 Kiếp tận nghiệp hỏa nhiên
 Diệc phục quy vô thường
 Ân ái hợp hội giả
 Tất quy ư biệt ly
 Quá khứ chư Như Lai
 Kim cương bất hoại thân
 Diệc vi vô thường thiên
 Kim ngã khởi độc dị
 Chư phật pháp như thị
 Nhữ đẳng bất ứng thỉnh
 Vật thiên ư ngã thượng
 Nhi canh sanh ưu nã

Nhĩ thời Thế Tôn thuyết thử kệ dĩ, cáo chư Ly Xa: Nhữ đẳng khả chỉ đề khắp chi tình, đế Thính Như Lai tối hậu sở thuyết, chư Ly Xa ngôn: Thiện tai, Thế Tôn. Nguyện lạc dục văn. Thị Như Lai phu Ni Sư Đàn kết Già Phu tọa. Chư Tỳ Kheo chúng cập dĩ Ly Xa, cường tự ức nhẫn, các tọa nhất diện.

Nhĩ thời Thế Tôn cáo Ly Xa ngôn: Nhữ đẳng đương tri, hữu Thất Chung pháp, nhật tựu tăng tiến, nhi bất giảm tổn. Nhất giả hoan duyệt hòa đồng, vô tương vi nghịch. Nhị giả cộng tương hiểu ngộ, giảng luận thiện nghiệp. Tam giả hộ trì cấm giới, cập trì lễ nghi. Tứ giả cung kính phụ mẫu cập dư tôn trưởng. Ngũ giả thân thích hòa mục, các tương thừa thuận. Lục giả quốc nội chi đề, tu lý cúng dường. Thất giả phụng trì Phật pháp, thân kính Tỳ Kheo cập Tỳ Kheo Ni, ái hộ Ưu bà tắc cập Ưu bà di. Như thị Thất pháp. Nhược thụ hành giả, lệnh nhân uy đức nhật tựu tăng tiến, quốc thổ sí thịnh, nhân dân phong nhạc. Nhữ đẳng tòng kim chí tận hình thọ, đương phụng trì chi, vô đắc giải đãi.

Thời chư Ly Xa, tức bạch Phật ngôn: Ngã đẳng nhược ư thủ thất pháp trung, tu hành nhất sự, thượng năng lệnh ngã uy đức tăng tiến. Huống phục cụ túc tu hành thất pháp. Thiện tai, Thế Tôn ngã đẳng kim giả, tiện đắc phúc lợi, đương tận hình thọ phụng trì bất vong.

Nhĩ thời Thế Tôn cáo chư Tỳ Kheo: Nhữ đẳng tòng kim diệt đương tu tập thất pháp chi hành. Nhất giả hoan duyệt hòa hài do như thủy nữ. Nhị giả thường cộng tập hội giảng luận kinh pháp. Tam giả hộ trì cấm giới, **b**ất sanh phạm tướng. Tứ giả cung kính ư sư cập dĩ thượng tọa. Ngũ giả liêu lý ái kính a luyện Tỳ Kheo. Lục giả khuyến hóa đàn việt, tu doanh Tam Bảo sở chỉ trụ xứ. Thất giả cần gia tinh tiến, thủ hộ Phật pháp. Nhữ đẳng đương tri, nhược hữu Tỳ Kheo hành thủ thất pháp, công đức trí tuệ, nhật tựu tăng tiến.

Phục thứ Tỳ Kheo, cánh hữu Thất pháp, nhữ đẳng đương tu. Nhất giả bất như bạch y doanh tư sanh nghiệp.

Nhị giả bất tác hí luận điều hươc chi ngôn. Tam giả bất nhạc thụy miên phế ư tinh cần. Tứ giả bất luận thể gian vô ích chi sự. Ngũ giả viễn ác tri thức, cận ư thiện hữu. Lục giả chánh niệm, bất sanh tà tưởng. Thất giả nhược ư Phật pháp hữu sở đắc giả, cánh cầu thắng tiến. Nhữ đẳng nhược năng hành thử thất pháp, công đức trí tuệ nhật tựu tăng trưởng.

Phục thứ Tỳ Kheo, cánh hữu Thất pháp, nhữ đẳng đương hành. Nhất giả ư Phật Pháp Tăng, sanh kiên cố tín. Nhị giả hữu tâm. Tam giả hữu quý. Tứ giả tâm thường lạc ư đa văn. Ngũ giả tâm bất khinh táo. Lục giả nhạc văn kinh nghĩa. Thất giả nhạc tu trí tuệ. Nhữ đẳng nhược năng tu thử thất pháp, công đức trí tuệ nhật tựu tăng trưởng.

Phục thứ Tỳ Kheo, cánh hữu Thất Giác Ý [3] pháp, nhữ đẳng đương hành. Nhất giả Trạch pháp. Nhị giả Tinh tiến. Tam giả Hỷ. Tứ giả Niệm. Ngũ giả Định. Lục giả Ý. Thất giả Xả. Nhữ đẳng nhược năng hành thử thất pháp, công đức trí tuệ nhật tựu tăng trưởng.

Phục thứ Tỳ Kheo cánh hữu Thất pháp. Nhất giả quán ư vô thường. Nhị giả quán ư vô ngã. Tam giả quán ư bất tịnh. Tứ giả quán khổ. Ngũ giả bất lạc thể gian. Lục giả bất trước ngũ dục [4]. Thất giả cần tu tịch diệt. Nhữ đẳng nhược năng hành thử thất pháp, công đức trí tuệ nhật tựu tăng trưởng.

Phục thứ Tỳ Kheo, cánh hữu Thất pháp, nhữ đẳng đương hành. Nhất giả thân thường hành từ. Nhị giả khẩu thường hành từ. Tam giả ý thường hành từ. Tứ giả nhược hữu đàn việt chủng chủng bố thí. bình đẳng phân dữ vô sử hữu thiên. Ngũ giả ư thâm diệu pháp. nhạc thuyết bất yếm.

Lục giả bất dĩ thế gian điển tịch nhi giáo ư nhân. Thất giả kiến phi đồng học bất sanh tăng tậ. Nhữ đẳng nhược năng tu thử thất pháp, công đức trí tuệ nhật tựu tăng trường.

Phục thứ Tỳ Kheo, cánh hữu Thất pháp, nhữ đẳng đương hành. Nhất giả ư Cửu Bộ pháp [5], thiện năng phân biệt. Nhị giả thiện giải kỳ nghĩa. Tam giả hành đạo tụng tậ, giai đắc kỳ thời. Tứ giả hành trụ tọa ngọa, thiện đắc nghi trung. Ngũ giả vi nhân thuyết pháp, tịnh tự lượng thốn, dĩ kì sở trường, nhi dĩ giáo nhân. Lục giả nhược Bà la môn, Sát lợi, Trưởng giả, Cư sĩ, lai dục thính pháp, đương thiện trừ lượng, tùy căn vi thuyết. Thất giả thiện biệt ngu trí. Nhữ đẳng nhược năng hành thử thất pháp, công đức trí tuệ nhật tựu tăng trường, tắc năng thủ hộ ngã chi chánh pháp.

Nhĩ thời quốc trung chư Ly Xa thê, văn Phật bất cửu đương bát niết bàn. Kim giả tối hậu kiến Tỳ Da Ly tâm đại áo nồng, bi khắp lưu liên, các dữ ngũ bách quyển chúc, các bạn ngũ bách thừa xa, tái cung dưỡng cụ, chủng chủng trang nghiêm, xa ngưu bạch giả, huyền tố phiên cái, như thị huyền hoàng, các tùy ngưu sắc, thứ đệ xuất thành, vãng chí phật sở.

Nhĩ thời Thế Tôn diêu kiến bỉ lai, cáo chư Tỳ Kheo: Nhữ đẳng kiến thử chư Ly Xa thê, tiền hậu đạo tông, cực nghiêm lệ bất. Tỳ Kheo đáp ngôn: Duy nhiên kiến chi. Phật cáo Tỳ Kheo: Thử Tỳ Da Ly, Ly Xa Trưởng giả, cập dĩ kì thê, xuất nhập chi nghi, thậm vi quang sức, dữ Đao Lợi Thiên, đẳng vô dị dã. Thời Ly Xa thê, ký đáo Phật sở, đầu diện lễ túc, bi khắp lưu liên, bất năng tự thắng, dĩ chư cung cụ, nhi cúng dường Phật bạch ngôn: Thế Tôn, duy nguyện, trụ thọ giáo hóa chúng sanh, Thế Tôn kim nhược bát Niết Bàn giả, ngã đẳng manh

minh, vĩnh vô khai ngộ, thụ sanh bạc phúc, vi thử nữ thân, hằng hữu hạn ngại, bất đắc tự tại, vô duyên nhi sở thân cận Thế Tôn; Thế Tôn tiện dục bát Niết Bàn giả. Ngã đẳng thiện căn nhật tựu giảm tổn.

Nhĩ thời Như Lai nhi đáp chi ngôn: Nhữ đẳng tòng kim chí tận hình thọ, tinh cần trì giới, như nhân hộ nhãn, ý niệm đoan trực, vật sanh siểm tật, thử tiện tức thị, thường đắc kiến ngã. Chư Ly Xa thê, văn phật thử ngữ, bội tăng bi tuyệt, bất năng tự thắng, tức tọa nhất diện.

Nhĩ thời Am Bà La (Àm rà) nữ, nhan dung đoan chánh thế giới đệ nhất, văn Phật bất cửu đương bát Niết Bàn. Tối hậu kiến ư Tỳ Da Ly thành, tâm hoài bi áo. thế khắp giao lưu. Tức dữ ngữ bách quyến thuộc, nghiêm ngữ bách thừa xa, thứ đệ xuất thành, vãng nghệ Phật sở. Nhĩ thời Thế Tôn, diêu kiến bỉ lai, cáo chư Tỳ Kheo: Am Bà La nữ, kim lai nghệ ngã, hình mạo thù tuyệt, cử thế vô song. Nhữ đẳng giai đương đoan tâm chánh niệm, vật sanh trước ý. Tỳ Kheo đương quán thử thân, hữu chư bất tịnh, can đảm tràng vị tâm phế tì thân, thí niệu nùng huyết. sung mãn kỳ trung, bát vạn hộ trùng, cư tại kì nội, phát mao trào xỉ, bạc bì phúc nhục, cửu khổng thường lưu [6], vô nhất khả lạc. Hựu phục thử thân, căn bốn thủy sanh, do ư bất tịnh. Thử thân sở khả vãng lai chi xứ, giai tất năng lệnh bất tịnh lưu dật. Tuy phục sức dĩ điều thái, huân dĩ danh hương. Thí như bảo bình trung tàng xú uest, hựu kỳ tử thi? tướng hủ lạn, tiết tiết chi giải, thân trung hữu trùng, nhi hoàn thực chi. Hựu vi hổ lang? kiêu diêu thúu chi sở thôn phệ, thế nhân ngu si, bất năng chánh quán, luyến trước ân ái, bảo chi chí tử. Hoàn ư kỳ trung nhi

sanh tham dục, Hà hữu trí giả, nhi lạc thử da? Nhĩ thời Thế Tôn, tức thuyết kệ ngôn:

Uy phục bội Anh Lạc [7]
 Hương hoa tự nghiêm sức
 Thỉ niệu cập thóa di
 Bất tịnh tàng kỳ nội
 Chúng sanh bảo tích chi
 Mê hoặc bất giác ngộ
 Do như hôi phúc hỏa
 Ngu nhân đạo kỳ thươngng
 Trí giả đương viễn ly
 Vật sanh nhiễm trứ tâm

Nhĩ thời Am Bà La nữ đáo ư Phật tiền, đầu diện lễ túc, dĩ chư cúng cụ, nhi cúng dường Phật, hàm lệ ô yết, nhi bạch Phật ngôn: Duy nguyện Thế Tôn, trụ thọ trụ thế bất bát Niết Bàn, lợi ích thế gian chư thiên nhân dân. Thế Tôn nhược định bát Niết Bàn giả, nhất thiết chúng sanh, vô phục tướng đạo, do như Anh Nhi thất ư từ mẫu.

Nhĩ thời Thế Tôn, nhi cáo chi ngôn: Nhất thiết chư hành, tính tướng như thị, nhữ kim bất ứng sanh ư bi nòng. Thế Tôn tức tiện phổ vi lai chúng nhi thuyết pháp ngôn: Nhữ đẳng tông kim hộ trì cấm giới, vật đắc khuy phạm, phá giới chi nhân, thiên long quỷ thần, sở cộng tăng yếm, ác thanh lưu bố, nhân bất hý kiến. Nhược tại chúng trung, độc vô uy đức, chư thiện quỷ thần, bất phục thủ hộ, lâm mệnh chung thời, tâm thức phổ cụ, thiết hữu vi thiện, tất bất ức niệm, tử tức tùy nghiệp thụ địa ngục khổ, kinh lịch kiếp số.

Nhiên hậu đắc xuất, phục thụ ngạ quỷ súc sanh chi thân. Như thị chuyển chuyển vô giải thoát kỳ. Tỳ Kheo trì giới chi nhân, thiên long quỷ thần, sở cộng cung kính, mĩ thanh lưu bố, văn triệt thế gian. Xứ đại chúng trung, uy đức minh thịnh, chư thiện quỷ thần, thường tùy thủ hộ, lâm mệnh chung thời, chánh niệm phân minh, tử tức sanh ư thanh tịnh chi xứ. Đương ư Như Lai thuyết thử pháp thời, lục vạn bát thiên na do tha thiên nhân bát bộ, viễn trần ly cấu [8], đắc pháp nhãn tịnh [9], lục thập Tỳ Kheo, lậu tận ý giải [10], thành A La Hán [11].

Nhĩ thời Như Lai, cáo chư Ly Xa, cập dĩ kỳ thê, tịnh Am Bà La nữ, ngã kim dục tiến Kiền Đề Thôn trung, nhữ đẳng khả các hoàn quy sở chỉ, đương tri: Chư hành giai tất vô thường, dẫn đương tu hành ngã sở thuyết pháp, vật như Anh Nhi thế khắp bi? Thế Tôn tức tiện tòng tọa nhi khởi. Thời chư Ly Xa cập dĩ kỳ thê, Am Bà La nữ, văn Phật thử ngôn, chùy hung phách đầu, hào đào đại khiếu, duyên lộ tùy Phật bất khảng toàn phản. Thế Tôn ký kiến luyến mộ tình thâm, phi thị ngôn từ sở khả an úy, tức dĩ thần lực, hóa tác hà thủy, nhai ngạn thâm tuyệt, ba lưu tấn tậ.

Thời chư Ly Xa cập dĩ quyển chúc, Am Bà La nữ, ký kiến Như Lai dĩ Tỳ Kheo chúng, tại bỉ hà ngạn, bội tăng bi đồng, muộn tuyệt tích địa, nhi dĩ vi thanh, cộng tương vị ngôn: Thị xử na hốt hữu thử đại hà, nhi phục nãi nhĩ ba thoan kinh cấp, đương thị Như Lai kiến ư ngã đẳng tùy tòng bất xá, nhi cố tác thử, tuyệt hành đạo nhĩ. Thời chư Ly Xa cập dĩ kỳ thê, Am Bà La nữ, ký bất đắc độ tâm bội dũng dục, phủ ngưỡng ngạnh yết, tuyệt vọng nãi hoàn.

Nhĩ thời Thế Tôn, chí Kiền Đồ thôn Bắc Lâm Trung trụ, cáo chư Tỳ Kheo: Nhữ đẳng đương tri, hữu tứ chủng pháp: Nhất giới, Nhị định, Tam tuệ, Tứ giải thoát. Nhược bất văn tri thử tứ pháp giả, tư nhân trường dạ tại sanh tử hải, ngã ư vãng tích. Nhược bất văn tri thử Tứ pháp giả, bất năng tặc đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Ư thị Thế Tôn, tức thuyết kệ viết:

Giới định tuệ giải thoát.
Ngã nhược bất cứu văn.
Bất năng tặc đắc chứng.
Vô thượng chánh chân đạo.
Nhữ đẳng nghi tinh tiến.
Tu tập thử tứ pháp.
Năng đoạn sanh tử khổ.
Thiên nhân thượng phúc điền.

Nhĩ thời Thế Tôn thuyết thử kệ dĩ, vi chư Tỳ Kheo, phân biệt quảng thuyết thử Tứ Pháp Nghĩa, đương ư Như Lai thuyết thử pháp thời, thiên nhị bách Tỳ Kheo, tức ư chư pháp, lậu tận ý giải thành A La Hán.

DỊCH NGHĨA:

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

Quyển Thượng

Đông Tấn, Bình Dương, Sa môn Thích Pháp Hiền dịch



PHẬT HÓA ĐỘ PHÁI LY XA

PHẨM THỨ TƯ

Rạng sáng đức Thế Tôn mặc áo, mang bát, cùng Ngài A Nan vào thành khất thực. Khất thực rồi, Ngài lại trở về Trùng Các giảng đường. Ăn cơm xong, Ngài súc miệng, rửa thực dụng, rồi Ngài cùng các vị Tỳ Kheo đến thôn Càn Đồ. Đường đến thôn này phải qua thành Tỳ Da Ly. Khi qua thành này đức Thế Tôn quay lại, trông hướng lên thành, nhìn mà cười. Ngài A Nan thấy thế, liền cúi đầu đỉnh lễ, thưa hỏi đức Phật rằng: Kính lạy đức Thế Tôn! Đấng Vô Thượng Đại bi cười chắc có nhân duyên, vậy kính xin Thế Tôn chỉ giáo cho chúng con. Đức Thế Tôn liền đáp: Này A Nan! Sở dĩ Ta hướng lên thành mà cười, chính vì hôm nay là lần cuối cùng, Ta trông thấy thành này!

Đức Như Lai nói lời ấy, trong hư không, không có mây, tự nhiên mưa. Ngài A Nan thấy thế, lại bạch với Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Rất lạ lòng thay, hư không trong sạch, không có chút khí thấp che phủ nào, bỗng nhiên mưa xuống trận mưa lại nhiều hạt như thế?

Phật liền bảo A Nan: Này A Nan! Ông có biết việc ấy như thế nào không? Đó là chư Thiên trên hư không, nghe thấy Ta nói nay là lần cuối cùng trông thấy thành Tỳ Da Ly, tâm chư Thiên áo não, thương cảm khóc lóc. Đó là nước mắt của chư Thiên, không phải là mưa đâu!

Ngài A Nan cùng các vị Tỳ Kheo, nghe đức Phật nói lời ấy rồi, tâm lại đau sầu, buồn bã ngất xuống đất, bạch với Phật rằng: Lạy đức Thế Tôn! Ngày nay Thiên, Nhân đau khổ quá nhiều như vậy, Thế Tôn làm sao muốn ủy xả cả, mà nhập Niết Bàn được!

Đức Như Lai liền dùng phạm âm an ủi: Các vị! Các vị không nên sinh tâm lo buồn, sầu khổ nữa! Các vị Tỳ Kheo bạch Phật rằng: Lạy đức Thế Tôn! Nay lần cuối cùng đức Thế Tôn trông thành Tỳ Da Ly này, không bao lâu nữa, đức Thế Tôn sẽ nhập Niết Bàn, chúng con làm sao không lo buồn, đau khổ được!

Dần dà như thế, người người bảo nhau, tiếng lan đến cả những người dòng Ly Xa. Dòng Ly Xa này, nghe thấy lời nói ấy rồi, mang lòng buồn rầu, khắp mình ửng huyết, khoa tay, bứt đầu, đấm ngực, kêu to: Than ôi, khổ lắm! Con mắt của thế gian sắp mất rồi; chúng sinh ngày nay không còn nơi nương tựa!

Rồi, họ lại bảo lẫn nhau: Nay chúng ta nên đến nơi Phật, khuyến thỉnh Ngài ở lại thành Tỳ Da Ly và ở lại cõi thọ một kiếp hay non một kiếp, đem lại lợi ích cho chư Thiên, nhân dân thế gian. Nói rồi, họ liền chính nghiêm xe cộ, đến ngay nơi Phật.

Ra ngoài cửa thành, họ trông thấy đức Như Lai ở đằng xa, lại thấy Ngài A Nan, cùng các vị Tỳ Kheo, khóc lóc sụt sùi, buồn bã, áo não, các người dòng Ly Xa lại càng cảm động, thương xót. Họ liền đến nơi Phật ở, đầu mặt lễ xuống chân Phật bạch Phật rằng: Lạy đức Thế Tôn! Nay đức Thế Tôn, sắp nhập Niết Bàn, hết thảy chúng sinh sẽ mất con mắt trí tuệ; chúng sinh đương ở trong nơi đen tối, làm sao thấy được những chỗ nên làm. Kính xin đức Thế Tôn ở lại cõi thọ một kiếp hay non một kiếp hãy nhập Niết Bàn!

Họ thỉnh đức Thế Tôn đến ba lần như thế, đức Phật

đáp: Hết thảy pháp hữu vi, đều thuộc về vô thường; dù Ta có ở lại cõi thọ một kiếp hay non một kiếp, rồi cũng quay về vô thường!

Khi ấy đức Như Lai liền nói bài kệ: Núi Tu Di cao lớn, Sau cũng phải tiêu mòn. Biển cả tuy rộng, sâu, Rồi cũng phải khô cạn. Nhật, nguyệt dù trong sáng, Mấy nổi lặn phương Tây. Cõi đất tuy kiên cố, Mang gánh hết thảy vật; Kiếp tận lửa nghiệp cháy, Cũng lại về vô thường. Sự ân ái hội hợp, Tất về nơi biệt ly. Như Lai đời quá khứ, Thân kim cương bất hoại; Cũng bị vô thường chuyển, Nay Ta há khác sao? Chư Phật pháp như thế, Các vị không nên thịnh; Đừng riêng đối với Tôi, Mà sinh ra lo, buồn!

Khi đức Thế Tôn nói bài kệ ấy rồi, Ngài bảo các người dòng Ly Xa rằng: Các vị nên lắng lại cái tình khốc lóc, nghe kỹ lời Như Lai nói buổi sau cùng! Những người dòng Ly Xa kia bạch rằng: Quý hóa thay, lạ đức Thế Tôn! Kính xin đức Thế Tôn nói cho, chúng con mong muốn được nghe.

Bấy giờ đức Như Lai trải tọa cụ, ngồi Kết Gia Phu, các vị Tỳ Kheo, cùng những người dòng Ly Xa kia, tự gượng nén nhịn, ngồi về một bên. Đức Thế Tôn bảo những người dòng Ly Xa kia rằng: Các vị nên biết có Bảy phương pháp, ngày càng tiến thêm: Một là vui vẻ hòa đồng, không trái ngược nhau. Hai là cùng giác ngộ nhau và giảng bàn nghiệp thiện. Ba là giữ gìn giới cấm cùng giữ lễ nghi. Bốn là cung kính cha mẹ và các bậc tôn trưởng khác. Năm là thân thích hòa mục, thừa thuận lẫn nhau. Sáu là tháp miếu trong nước, sửa sang cúng dàng. Bảy là vâng giữ Phật pháp, thân kính

Tỳ Kheo và Tỳ Kheo ni; yêu mến giúp đỡ các Ưu Bà Tắc cùng Ưu Bà Di. Nếu ai chịu làm bảy pháp như thế, uy đức người ấy, ngày càng tiến thêm, đất nước hưng thịnh, nhân dân vui vẻ. Từ nay cho đến lúc hết đời, các vị nên vâng giữ bảy pháp ấy, không nên biếng nhác!

Những người dòng Ly Xa kia bạch Phật rằng: Lạy đức Thế Tôn! Trong bảy pháp ấy, nếu chúng con chỉ tu hành được một pháp, còn làm cho uy đức chúng con tiến thêm, huống là chúng con tu hành trọn vẹn được cả bảy pháp! Quý hóa thay, lạy đức Thế Tôn! Nay chúng con được phúc lợi này, trọn đời chúng con xin vâng giữ, không dám lãng quên!

Đức Phật bảo các vị Tỳ Kheo: Từ nay trở đi, các vị cũng phải nên biết Bảy pháp thăng tiến sau đây: Một là vui vẻ hòa hài, như nước với sữa. Hai là thường cùng tập họp giảng bàn kinh pháp. Ba là giữ gìn giới cấm, không sinh tư tưởng vi phạm. Bốn là cung kính thầy cùng các bậc Thượng tọa. Năm là lo liệu xếp đặt và kính mến các vị Tỳ Kheo tịnh tu nơi A Lan Nhã. Sáu là khuyến hóa đàn việt, sửa sang Tam Bảo cùng những nơi an nghỉ trong trụ xứ. Bảy là siêng chăm tinh tiến giữ gìn Phật pháp. Các vị nên biết, nếu Tỳ Kheo nào, làm được bảy pháp ấy, công đức, trí tuệ, ngày ngày thăng tiến thêm hơn!

Các vị Tỳ Kheo! Lại có bảy pháp, các vị nên tu trì: Một là không nên như hàng tại gia kinh doanh sinh nghiệp. Hai là không bàn nhảm, nói đùa. Ba là không ham ngủ nghỉ, bỏ sự tinh cần. Bốn là không bàn những việc thế gian vô ích.

Năm là tránh xa bạn ác, thân gần bạn lành. Sáu là thường nghĩ chính niệm, không sinh tà tưởng. Bảy là nếu trong Phật pháp, có chỗ chứng được, lại cầu tiến hơn. Nếu các vị làm được bảy pháp ấy, công đức trí tuệ ngày ngày tăng trưởng.

Các vị Tỳ Kheo! Có bảy pháp nữa các vị nên thực hành: Một là đối với Phật, Pháp, Tăng, sinh lòng tin kiên cố. Hai là biết thẹn. Ba là biết hổ. Bốn là tâm thường ham nghe nhiều. Năm là tâm không xúc nổi. Sáu là ham nghe nghĩa kinh. Bảy là ham tu trí tuệ. Nếu các vị tu được bảy pháp ấy, công đức trí tuệ ngày ngày tăng trưởng.

Các vị Tỳ Kheo! Lại có Bảy pháp Giác Ý, các vị nên làm: Một là Trạch pháp. Hai là Tinh tiến. Ba là Hỷ. Bốn là Khinh an. Năm là Niệm. Sáu là Định. Bảy là Xả. Nếu thực hành bảy pháp ấy, công đức, trí tuệ, ngày ngày tăng trưởng.

Các vị Tỳ Kheo! Lại có Bảy pháp nên quán sát: Một là quán Vô thường. Hai là quán Vô ngã. Ba là quán Bất tịnh. Bốn là quán Thọ khổ. Năm là không ham thế gian. Sáu là không mê ngũ dục. Bảy là siêng tu đạo tịch diệt. Nếu các vị làm được bảy pháp ấy, công đức, trí tuệ, ngày ngày tăng trưởng.

Các vị Tỳ Kheo! Lại có bảy pháp, các vị nên tinh tu: Một là thân thường hành thiện. Hai là miệng thường nói tốt. Ba là ý thường nghĩ lành. Bốn là nếu có đàn việt cúng thí, phân phát bình đẳng, không nên thiên vị. Năm là pháp màu sắc xa, ham nói không chán. Sáu là không đem sách vở thế gian dạy người. Bảy là thấy người không đồng học, không sinh tâm ghen ghét. Nếu các vị tu được bảy pháp ấy,

công đức, trí tuệ, ngày ngày tăng trưởng.

Các vị Tỳ Kheo! Lại có Bảy pháp, các vị nên phân biệt: Một là phân biệt rành rẽ Chín Bộ pháp. Hai là giải rõ nghĩa lý ấy. Ba là hành đạo, tụng đọc, đều phải hợp thời. Bốn là đi, đứng, ngồi, nằm đúng trong nghi tắc. Năm là thuyết pháp cho người phải lượng sức mình. Sáu là nếu Bà La Môn, Sát lợi, Trưởng giả, Cư sĩ, muốn lại nghe pháp, nên so lường khéo, nói theo căn cơ. Bảy là chia rành ngu, trí. Nếu các vị làm được bảy pháp ấy, công đức, trí tuệ, ngày ngày tăng trưởng, thời có thể gìn giữ được chính pháp của Ta!

Bấy giờ, vợ những người dòng Ly Xa nghe thấy đức Phật không bao lâu nữa sẽ nhập Niết Bàn và đây là lần cuối cùng Ngài nhìn thành Tỳ Da Ly, tâm họ rất áo não, thương khóc sụt mướt, cùng với năm trăm quyến thuộc, sắm sửa năm trăm cỗ xe, chở các đồ cúng dàng. Tất cả mọi xe đều trần thiết trang nghiêm: Cỗ xe do trâu trắng kéo, thời treo những phan cái trắng tinh; cho đến những cỗ xe sắc tím, đen, sắc vàng..., đều theo sắc trâu mà trần thiết. Các xe trang nghiêm rồi, họ lần lượt ra ngoài thành, đi đến chốn Phật. Khi ấy, đức Thế Tôn xa xa trông thấy những người kia đang đi lại, Ngài bảo các vị Tỳ Kheo: Các vị có trông thấy những người vợ của dòng Ly Xa, trước sau rầm rập, rất là trang nghiêm, mỹ lệ đi lại đây không? Các vị Tỳ Khuru đáp: Dạ, chúng con có trông thấy.

Đức Phật bảo các vị Tỳ Kheo: Đây là những người dòng Ly Xa, trưởng giả cùng vợ của họ thuộc thành Tỳ Da Ly này, dung nghi xuất nhập của họ, rất là bóng loáng, như chư thiên trên cung trời Đao Lợi không khác!

Lúc những người vợ của dòng Ly Xa kia đến nơi Phật rồi, đầu mặt lễ xuống chân Phật, thương khóc thướt mướt, không tự hãm được; họ đem các đồ cúng dâng lên Phật và bạch rằng: Lạy đức Thế Tôn! Kính xin đức Thế Tôn ở lại cõi thọ, giáo hóa chúng sinh. Nếu nay đức Thế Tôn nhập Niết Bàn, chúng con là kẻ mù tối, mãi mãi không thể khai ngộ được. Vả lại, chúng con phúc ít, thụ sinh thân nữ nhân, thường có những sự ngăn ngại, không được tự tại, không có duyên luôn luôn được thân cận đức Thế Tôn, đức Thế Tôn lại sắp nhập Niết Bàn, thiện căn chúng con ngày càng sút kém!

Khi ấy, đức Như Lai liền đáp rằng: Từ nay trở đi cho đến hết cõi thọ, các bà nên giữ giới tinh cần, như người giữ con mắt; ý niệm ngay thẳng, đừng sinh tâm xiểm nịnh, ghen ghét, như thế tức là thường được thấy Ta vậy! Những người vợ của dòng Ly Xa kia, nghe đức Phật nói lời ấy rồi, càng thêm thương xót, buồn bã, không tự kiềm hãm được, liền ngồi lủi về một bên.

Bấy giờ, nàng Am Bà La dung nhan đoan chính, đệ nhất thế giới, nghe đức Phật không bao lâu nữa, sẽ nhập Niết Bàn, nay là lần cuối cùng, Ngài nhìn thành Tỳ Da Ly, nàng mang lòng thương xót, áo não, khóc lóc sụt mướt, liền cùng năm trăm quyến thuộc của nàng, trang nghiêm năm trăm cỗ xe, lần lượt ra ngoài thành, đi đến nơi Phật.

Lúc đó, đức Thế Tôn xa xa trông thấy họ đi lại, Ngài bảo các vị Tỳ Kheo: Các vị! Nay nàng Am Bà La lại nơi Ta, hình dáng nàng ấy, đẹp lạ tuyệt vời, cả thế gian này, không

ai sánh kịp. Các vị đều nên đoan tâm, chính niệm, đừng sinh ý tưởng say mê. Là vị Tỳ Kheo nên quán thân này, có những thứ bất tịnh: Gan, mật, dạ dày, ruột, tim, phổi, thận, lá lách, phân, giải, máu, mủ... đầy dẫy trong ấy những thứ bất tịnh, lại có đến tám vạn con trùng ở ngay trong ấy và lông, tóc, móng, răng, da mỏng bọc thịt, chín lỗ thường chảy..., không một cái gì có thể vui thích được. Lại, căn bản đầu tiên sinh ra thân này, do nơi bất tịnh và chỗ có thể vãng lai của thân này, đều làm cho bất tịnh tuôn chảy. Tuy trang sức bằng những tơ lụa sặc sỡ, xông những hương thơm, nhưng, cũng ví như trong bình báu đựng đồ xú uế. Và, thân khi chết, trương phềnh, rữa nát, đốt đốt rời rã, trong thân có trùng, lại rửa thịt ăn; còn bị hùm beo, chim cú, chim cắt... mổ rĩa. Người đời ngu si, không biết quán sát chân chính, mê đắm ân ái, giữ cho đến chết, và ở trong ấy, vọng sinh tham dục. Người nào có trí, lại ưa muốn thế? Đức Thế Tôn liền nói bài kệ:

Tuy đeo đồ Anh Lạc,
 Hương, hoa tự sửa sang;
 Phân, giải cùng mũi, dãi,
 Bất tịnh đựng đầy trong.
 Chúng sinh mến tiếc, giữ,
 Mê lầm không giác ngộ;
 Cũng như tro phủ lửa,
 Người ngu xéo lên trên.
 Trí giả nên xa tránh,
 Đừng sinh tâm nhiễm trước.

Khi ấy nàng Am Bà La đến trước đức Phật, đầu mặt

lễ xuống chân Phật, đem các đồ cúng dàng, cúng dàng lên Phật, nuốt lệ nghẹn ngào, bạch Phật rằng: Lạy đức Thế Tôn! Kính xin đức Thế Tôn ở lại cõi thọ, lưu lại thế gian, không nhập Niết Bàn, đem lại lợi ích cho chư Thiên, nhân dân thế gian. Nếu đức Thế Tôn định nhập Niết Bàn, hết thầy chúng sinh, không còn ai dắt dẫn, như đứa trẻ mất mẹ hiền!

Lúc đó, đức Thế Tôn bảo nàng Am Bà La: Tính, tướng của hết thầy hành tướng sự vật như thế, nay nàng không nên sinh tâm bi não!

Đức Thế Tôn liền thuyết pháp cho tất cả mọi người lại nơi Phật nghe: Này các vị! Các vị từ nay trở đi nên giữ gìn giới cấm, không nên thiếu sót, vi phạm. Những người phá giới, Thiên, long, quỷ thần đều chán ghét, tiếng xấu đồn khắp, người không muốn thấy; nếu ở trong chúng, không có uy đức, các thiện quỷ thần lại không thủ hộ; khi mệnh sắp mất, tâm thức sợ hãi và dù có chút thiện nghiệp, đều không nhớ nghĩ, chết liền theo nghiệp, chịu sự đau khổ trong địa ngục, trải nhiều kiếp số, sau mới được ra lại chịu làm thân ngã quỷ, súc sinh. Cứ luân chuyển, thế, không biết kỳ nào sẽ được giải thoát. Trái lại, Tỳ Kheo giữ giới, Thiên, long, quỷ thần, đều cùng cung kính, tiếng tốt đồn khắp, cả thế gian hay; ở trong đại chúng, uy đức rõ thịnh, các thiện quỷ thần, thường theo thủ hộ, khi mệnh sắp mất, chính niệm phân minh, chết sinh ngay vào những nơi thanh tịnh.

Giữa lúc Như Lai nói pháp ấy, sáu vạn tám nghìn ức Thiên, Nhân tám bộ xa lìa trần cấu được pháp nhãn tịnh; sáu mươi vị Tỳ Kheo, lậu nghiệp hết, ý khai giải, thành bậc A La Hán.

Bấy giờ đức Thế Tôn bảo những người dòng Ly Xa cùng vợ họ và nàng Am Bà La rằng: Ta nay muốn đi đến thôn Càn Đò, các vị đều nên trở về nơi ở của mình và các vị nên biết: Tất cả các hành tướng (sự vật) đều là vô thường, các vị chỉ nên tu hành theo những pháp Tôi đã nói, các vị đừng nên làm như đứa trẻ khóc lóc, thương xót áo não!

Nói rồi đức Thế Tôn liền từ tòa ngồi của mình đứng dậy. Những người dòng Ly Xa cùng vợ họ và nàng Am Bà La, nghe đức Phật nói lời ấy, đấm ngực, bứt đầu, kêu gào, khóc lóc, noi đường theo Phật không chịu trở về.

Đức Thế Tôn thấy tình luyến mộ sâu xa như thế, không thể dùng lời nói an ủi được, Ngài liền dùng sức thần thông, hóa làm con sông ngập nước, bờ sông sâu thẳm, sóng rờ nước chảy vun vút. Khi ấy, những người dòng Ly Xa cùng vợ họ và nàng Am Bà La thấy đức Như Lai, các vị Tỳ Kheo đã ở bờ sông bên kia, tất cả càng thêm cảm động, thương xót, buồn bã, vật vã lăn ra đất, cùng nói nhỏ với nhau rằng: Quái lạ, bỗng dưng nơi đây lại có con sông lớn này, mà lại có sóng vỗ ầm ầm kinh sợ? Hẳn là đức Như Lai thấy chúng ta đi theo không bỏ, mà hóa làm ra thế, để cho hết đường đi vậy! Những người dòng Ly Xa kia cùng vợ họ và nàng Am Bà La, không qua sông được, lòng càng thổn thức, ngật ngheo, nghẹn ngào, tuyệt vọng trở về.

Bấy giờ đức Như Lai đến thôn Càn Đò, Ngài ngồi trong khu rừng phía Bắc, bảo các vị Tỳ Kheo rằng: Các vị nên biết có bốn pháp: Một là Giới, hai là Định, ba là Tuệ, bốn là Giải Thoát, nếu ai không nghe biết bốn pháp ấy, người ấy

đời đời ở trong bể sinh tử. Xưa kia Tôi nếu không nghe biết bốn pháp ấy, Tôi không thể chứng được đạo quả Vô thượng Chính đẳng, Chính giác được! Đức Thế Tôn liền nói bài kệ:

**Giới, Định, Tuệ, Giải thoát, Nếu Ta không nghe lâu;
Không thể chóng chứng được, Đạo vô thượng chính chân.
Các vị nên tinh tiến, Tu tập bốn pháp ấy; Dứt được khổ sinh tử,
Ruộng phúc nhất Thiên, Nhân.**

Đức Thế Tôn nói bài kệ ấy rồi, Ngài lại vì các Tỳ Kheo phân biệt và nói rộng nghĩa của Bốn pháp ấy. Trong lúc đức Như Lai nói những pháp ấy, một nghìn hai trăm vị Tỳ Kheo, tức thời đối với mọi pháp, lậu nghiệp hết, ý khai giải, thành bậc A La Hán.

Chú Thích Từ Ngữ:

[1] Bát Niết Bàn: Cũng gọi là Bát Nê Hoàn. Chỉ cho trạng thái dập tắt hoặc thối tắt. Sau khi Phiền não hỏa bị dập tắt, liền được hoàn thành Nhất Thiết Trí mà đạt đến cảnh giới Giác ngộ rốt ráo, cho nên Phật giáo lấy Cảnh giới này làm mục đích tối hậu; cũng gọi là Niết Bàn tịch tĩnh là một trong Tam Pháp ấn.

[2] Ly Xa (Licchavi): Tên dòng Vua, quan của thành Tỳ Da Ly. Từ thành Tỳ Da Ly đi thêm 12 dặm về phía Đông Nam và gặp địa điểm ở đó là bộ tộc, những người dòng họ Licchavi (Lê Xa, Ly Xa). Họ mong muốn tiến đưa Phật đến Sa La Song Thọ, nơi Ngài định nhập Niết Bàn. Nhưng đức Phật không hứa khả và họ cũng không chịu trở về. Đức Phật bèn hóa hiện một cái hố sâu trước mặt, khiến cho họ không làm sao

qua được; trước khi từ biệt Đức Phật cho họ một cái bình bát, để làm kỷ niệm và bảo họ lui về. Một trụ đá có khắc bia ký ghi lại sự việc, được dựng tại nơi này.

[3] Giác Ý: Ý niệm giác ngộ, tức Thất Giác Chi, hay Thất Bồ Đề Phần. Giác Chi – Sambodhyanga: Cũng gọi là Giác phần, Bồ đề phần. Giác, là Bồ đề, Khai ngộ; Chi, là Thành phần, Yếu tố. Có ý nói nội dung Đạo pháp cấu thành hạnh tu. Nghĩa rộng là chỉ cho Tam thập thất đạo phẩm (37 trợ đạo phẩm), nghĩa hẹp thì chỉ cho Thất Giác Chi (Niệm, Trạch, Tấn, Hỷ, Khinh an, Định, Xả).

[4] Ngũ Dục: Năm thứ ham muốn: Của cải, Sắc đẹp, Danh vọng, Ăn uống, Ngủ nghỉ. Hoặc là Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc: 5 trần cảnh.

[5] Cửu Bộ Pháp (tức Cửu bộ kinh): Chín bộ kinh: Trong kinh có chia làm 12 phần giáo: 1/ Tu Đa La (Sutra: Khế Kinh: Văn xuôi). 2/ Kỳ Dạ (Geya: Trùng tụng: Bài kệ nói lại nghĩa của văn xuôi). Già Đà (Gàthà: Phúng tụng: Bài kệ 4 câu đứng riêng, không liền với văn xuôi). 3/ Ni Đà Na (Nidàna: nhân duyên). Y Đế Mục Đa (Itivrtaka: Bản Sự: Nói những việc đời trước). 6/ Xà Đa Già (Jàtaka: Bản Sinh: Phật tự nói nhân duyên mình đời trước). 7/ A Phù Đạt Ma (Adbhuta dharma: Vị tăng hữu: Làm những sự hiếm có). 8/ A Ba Đà Na (Avadàna: Thí dụ). 9/ Ưu Bà Đề Xá (Upadesa: luận nghĩa). 10/ Ưu Đà Na (Udana: Tự Thuyết: Tự Phật nói, không đợi ai hỏi). 11/ Tỳ Phật Lược (Vaipulya: Phương Quảng: Văn nói về chân lý Phương chính, Quảng đại; tức là Đại thừa giáo). 12/ Hòa Già La (Vyàkarana: Thụ Ký). Tuy vậy, có chỗ Tiểu thừa bỏ: Phương Quảng, Thụ

Ký và Tự Thuyết đi còn 9 phần, gọi là Cửu Bộ Pháp (hay Cửu Bộ Kinh), và Đại thừa có chỗ bỏ: Nhân Duyên, Thí Dụ và Luận Nghĩa, thành cũng còn 9 bộ phận.

[6] Cửu Khiếu: Chín lỗ thường chảy: Trong thân người có chín lỗ hổng thường chảy những thứ như nhớt là: 2 mắt, 2 lỗ mũi, mồm và nơi đại, tiểu tiện.

[7] Anh Lạc: Tiếng Phạn gọi là Chỉ Do La (Keyūra): Chuỗi dây chuyền làm bằng ngọc để đeo vào cổ, vào mình, đồ trang sức.

[8] Trần Cấu: Chỉ cho phiền não, nhưng nay thường chỉ vào 88 kết sử của kiến hoặc.

[9] Pháp Nhãn tịnh: Nghĩa là thấy chân lý bằng cách rõ ràng.

[10] Lậu nghiệp hết, Ý khai giải: Bạc Tam thừa dùng Thánh trí dứt hết phiền não do ý căn tạo ra, ý thức được mở tỏ và giải thoát.

[11] A La Hán: (Arahat): Quả vị thứ tư trong 4 quả của bậc Thanh văn, A La Hán. Hán dịch là Bất sinh (cũng có chỗ gọi là Vô Sinh). Nghĩa là quả báo trong một đời diệt hết, được vào Niết Bàn tịch tịnh, không còn phải tái sinh trong 3 cõi nữa.

CÂU HỎI ÔN TẬP:

1. Trình bày Bảy pháp thăng tiến, Bảy pháp tu trì, Bảy pháp thực hành, Bảy pháp giác ý, Bảy pháp quán sát, Bảy pháp tinh tu, và Bảy pháp phân biệt?

2. Cho biết tên gọi của Cửu Bộ Pháp?

大般涅槃經卷上

東晉平陽沙門釋法顯譯



四聖諦品第五

爾時世尊。與諸比丘。即從座起。趣於象村。菴婆羅村。閻浮村乃至到於善伽城。到彼城已與諸比丘。前後圍遶。在一處坐。於是世尊。告諸比丘：有四聖諦。當勤觀察。一者苦諦。二者集諦。三者滅諦。四者道諦。比丘。

苦諦者。所謂八苦。一生苦。二老苦。三病苦。四死苦。五所求不得苦。六怨憎會苦。七愛別離苦。八五受陰苦。汝等當知。此八種苦。及有漏法。以逼迫故。諦實是苦。

集諦者。無明及愛。能為八苦而作因本。當知此集。諦是苦因。

滅諦者。無明愛滅絕於苦因。當知此滅。諦實是滅。

道諦者。八正道。一正見。二正念。三正思惟。四正業。五正精進。六正語。七正

命。八正定。此八法者。諦是聖道。若人精勤。觀此四法。速離生死。到解脫處。

汝等比丘。若於此法。已究竟者。亦當精勤為他解說。我若滅後。汝等亦應勤思修習。當於如來說此法時。五百比丘。漏盡意解。成阿羅漢。虛空諸天。其數四萬。於諸法中。遠塵離垢。得法眼淨。

PHIÊN ÂM:

ĐẠI BÁT NIẾT BÀN KINH

Quyển Thượng

Đông Tấn, Bình Dương, Sa môn Thích Pháp Hiển dịch

----- ❧ ❧ ❧ -----

TỨ THÁNH ĐẾ

PHẨM ĐỆ NGŨ

Nhĩ thời Thế Tôn, dữ chư Tỳ kheo, tức tông tòa khởi, thú ư Tượng thôn, A Bà La thôn, Diêm Phù thôn, nãi chí đáo ư Thiện Già thành. Đáo bỉ thành dĩ dữ chư Tỳ kheo, tiền hậu vi nhiều, tại nhất xứ tọa.

Ư thị Thế Tôn, cáo chư Tỳ kheo, hữu Tứ Thánh Đế [1], đương cần quán sát. Nhất giả Khổ đế, Nhị giả Tập đế, Tam giả Diệt đế, Tứ giả Đạo đế. Tỳ kheo.

Khổ đế giả: Sở vị Bát khổ; Nhất sinh khổ, Nhị lão khổ, Tam bệnh khổ, Tứ tử khổ, Ngũ cầu bất đắc khổ, Lục oán tăng hội khổ, Thất ái biệt ly khổ, Bát ngũ thụ ấm [2] khổ. Nhữ

đẳng đương tri, thử bát chủng khổ cập Hữu Lộ pháp [3], dĩ bức bách cố, đế thật thị khổ.

Tập đế giả, vô minh cập ái, năng vi bát khổ nhi tác nhân bản, đương tri thử tập đế thị Khổ nhân.

Diệt đế giả, vô minh ái diệt tuyệt ư khổ nhân, đương tri thử diệt, đế thật thị diệt.

Đạo đế giả, Bát chính đạo [4]: Nhất chính kiến, Nhị chính niệm, Tam chính tư duy, Tứ chính nghiệp, Ngũ chính tinh tiến, Lục chính ngữ, Thất chính mệnh, Bát chính định. Thử Bát pháp giả, đế thị Thánh đạo. Nhược nhân tinh cần, quán thử Tứ pháp, tốc ly sinh tử, đáo giải thoát xứ.

Nhữ đẳng Tỳ kheo, nhược ư thử pháp, dĩ cứu cánh giả, diệt đương tinh cần vị tha giải thuyết. Ngã nhược diệt hậu, nhữ đẳng diệt ưng cần tư tu tập, đương ư Như Lai thuyết thử pháp thời. Ngũ bách Tỳ Kheo, lậu tận ý giải, thành A La Hán [5], hư không chư thiên kỳ số tứ vạn, ư chư pháp trung, viễn trần ly cấu, đắc pháp nhãn [6] tịnh.

DỊCH NGHĨA:

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

Quyển Thượng

Đông Tấn, Bình Dương, Sa môn Thích Pháp Hiền dịch



TỨ THÁNH ĐẾ

PHẨM THỨ NĂM

Sau đó, đức Thế Tôn cùng các vị Tỳ Kheo, đều từ tòa ngòai của mình đứng dậy, đi đến thôn Tượng, thôn Am Bà La, thôn Diêm Phù, cho đến thành Thiện già. Đến thành kia, Ngài cùng các vị Tỳ Kheo đi quanh trước sau, rồi ngòai tại một nơi. Đức Thế Tôn bảo các vị Tỳ Kheo: Có bốn Thánh Đế, các vị nên siêng năng quán sát: Một là Khổ đế. Hai là Tập đế. Ba là Diệt đế. Bốn là Đạo đế.

Các vị Tỳ Kheo! Khổ Đế tức là Tám khổ: Một là khổ về sinh, Hai là khổ về già, Ba là khổ về bệnh, Bốn là khổ về chết, Năm là khổ về mong cầu không được, Sáu là khổ về sự oán ghét phải hội ngộ, Bảy là khổ về tình ân ái phải biệt ly, Tám là khổ về Năm ấm rở thịnh. Các vị nên biết: Tám thứ khổ ấy cùng pháp Hữu Lưu bức bách, nên thực là khổ.

Tập Đế, do vô minh tham ái làm nhân căn bản sinh ra tám khổ, nên biết Tập đế này là nhân của khổ.

Diệt Đế, do vô minh tham ái diệt, ngắt đứt nhân khổ, nên biết Diệt đế này thực là diệt.

Đạo Đế, tức thực hành Bát Chính Đạo: Một là Chính kiến. Hai là Chính tư duy. Ba là Chính ngữ. Bốn là Chính nghiệp. Năm là Chính mệnh. Sáu là Chính tinh tiến. Bảy là Chính niệm. Tám là Chính định. Tám pháp ấy, thực là con đường của Thánh nhân. Nếu ai tinh siêng quán được bốn Thánh đế ấy, nhất định chóng xa được bể sinh tử, đến nơi giải thoát.

Các vị Tỳ Kheo! Trong bốn Thánh đế ấy, nếu ai đã đạt tới chỗ cứu cánh, cũng nên cố gắng giải thuyết cho người khác. Sau khi Tòai diệt độ, các vị cũng nên siêng năng suy

ngĩ, tu tập. Giữa lúc đức Như Lai nói pháp này, năm trăm vị Tỳ Kheo lậu nghiệp hết, ý khai giải, thành bậc A La Hán; bốn vạn chư Thiên trên hư không, do nơi pháp này, xa lìa trần cấu, được pháp nhãn tịnh.

Chú Thích Từ Ngữ:

[1] Chuyển Pháp Luân - Tứ Đế: Pháp Luân có ba nghĩa: Nghiền nát ngũ trược phiền não; Có khả năng chuyển chúng sanh từ bến mê sang bờ giác; Biểu thị viên mãn đầy đủ các công đức.

Tứ Đế là Khổ, Tập, Diệt và Đạo; Pháp là phương pháp, phép tắc; Luân nghĩa là bánh xe; Chuyển tức là triển chuyển nghĩa là xoay vần, lăn chuyển không dứt. Bởi các Pháp do Đức Phật thuyết giảng đều là từ trong tâm tánh của Ngài tuôn trào ra, rồi lại luân lưu vào tâm chúng sanh, khiến cho chúng sanh thức tỉnh mà lìa bỏ bến mê quay về bến giác, nên gọi là Luân. Chữ Luân còn bao hàm ý nghĩa Tồi phục, Tồi phá làm bể nát; và Phục là hàng phục, làm cho kẻ khác phải chịu đầu hàng, vâng theo. Bánh xe có thể nghiền dập nát và cán vỡ vụn những thứ cứng rắn, ngay cả sự kiên cố của ngoại đạo và ma vương! Đó là ý nghĩa chữ Luân.

Pháp Tứ Đế là giáo pháp đầu tiên mà Đức Phật thuyết giảng ở thế gian này. Pháp luân Tứ Đế được chuyển ba lần, gọi là Tam Chuyển Pháp luân Tứ Đế:

1. Thị chuyển Pháp luân Tứ Đế: Lần chuyển thứ nhất gọi là Thị chuyển. Thị nghĩa là chỉ thị, chỉ bảo cho mà biết; chỉ rõ, cho biết về Pháp Tứ Đế. Thị chuyển còn được gọi là Sơ chuyển, bởi Đức Phật vừa bắt đầu chuyển Pháp luân. Bấy

giờ Đức Phật dạy: Đây là Khổ, tánh bức bách; Đây là Tập, tánh chiêu cảm; Đây là Diệt, tánh khả chứng; Đây là Đạo, tánh khả tu.

Đây là Khổ, tánh bức bách. Bức bách như thế nào? Cái Khổ nó làm cho ta cảm thấy đau đớn đến nỗi thở không ra hơi. Áp bức, đè ép, giày vò con người một cách ghê gớm chính là tánh cách bức bách của Khổ. Có bao nhiêu thứ khổ? Có Tam Khổ (Ba mối khổ), Bát Khổ (Tám mối khổ) và vô lượng vô biên nỗi khổ khác nữa.

Tam khổ: Khổ khổ, Hoại khổ và Hành khổ.

a) Khổ khổ: Thế nào là Khổ khổ? Khổ khổ tức là nỗi khổ này chồng chất lên nỗi khổ khác, trong mối khổ nọ còn thêm vào mối khổ kia.

Như có người tuy có được chỗ ở và cũng được đủ ăn, nhưng lại không có đủ áo quần mà mặc; thì đó cũng là một cảnh ngộ của nỗi khổ này xen lẫn trong nỗi khổ khác. Hoặc là mặc dù có đủ áo quần đắp đổi và có chỗ ở hảnh hoi, song lại không có cơm ăn; thì đó cũng là một trong những tình cảnh của cái khổ nọ chồng chất lên cái khổ kia vậy.

b) Hoại khổ: Như vậy, kẻ giàu sang phú quý thì không khổ sao? Người giàu sang thì phải chịu đựng Hoại khổ, cái khổ vì sự suy tàn.

c) Hành khổ: Người có thể không phải chịu đựng nỗi bần cùng khốn khổ và cũng không phải đương đầu với phú quý hoại khổ; thế nhưng, vẫn phải trải qua tiến trình của đời người sanh ra rồi lớn lên, rồi già đi, già rồi thì ắt chết, niệm niệm biến đổi, tưởng nghĩ liên tục, mãi

miết không ngừng. Đó gọi là Hành khổ, nỗi khổ đau, dẫn vật bởi vì sự biến chuyển.

Đó là nói về Tam Khổ. Còn về Bát khổ, tức là tám nỗi khổ, thì gồm có:

Sanh khổ: nỗi khổ của sự sanh ra đời.

Lão khổ: nỗi khổ của sự già nua.

Bệnh khổ: nỗi khổ của đau ốm, bệnh tật.

Tử khổ: nỗi khổ của sự chết.

Ái biệt ly khổ: nỗi khổ vì phải xa lìa những gì mà mình yêu thích. Oán tắng hội khổ: nỗi khổ vì phải gần gũi với những gì mà mình chán ghét. Cầu bất đắc khổ: nỗi khổ do mong cầu mà không được toại ý. Ngũ ấm xí thành khổ: nỗi khổ vì năm ấm hưng thịnh, thiêu đốt tâm thần.

Vì ngoài các mối khổ này ra vẫn còn có vô số mối khổ khác nữa, nên Đức Phật dạy: Đây là Khổ, tánh bức bách.

Đây là Tập, tánh chiêu cảm. Tập là tập trung, tích lũy phiền não. Tích tập phiền não là một loại có tánh chiêu cảm. Một khi trong lòng chúng ta có phiền não, thì phiền não ở bên ngoài sẽ lũ lượt kéo tới; và nếu thâm tâm chứa tham, sân, si, thì những chuyện không ưng ý từ bên ngoài sẽ đổ xô lại. Do đó, Phật dạy: Đây là Tập, tánh chiêu cảm.

Đây là Diệt, tánh khả chứng. Diệt là tịch diệt. đem đến an lạc. Sự an lạc này mỗi chúng ta đều có thể chứng được, bởi vì tánh nó là Khả chứng.

Đây là Đạo, tánh khả tu. Ở đây, Đạo tức là Giới đạo, Định đạo và Huệ đạo. Nói một cách, thì Đạo là Ba Mươi Bảy

Phẩm Đạo, và đó là: Thất Bồ Đề, Bát Chánh Đạo, Ngũ Căn, Ngũ Lực, Tứ Niệm Xứ, Tứ Chánh Cần, và Tứ Như Ý Túc. Đạo vốn tánh khả tu, nghĩa là chúng ta đều có thể tu Đạo.

Trên đây là lần đầu tiên, được gọi là Sơ Chuyển hay Thị Chuyển.

2. Khuyến chuyển Pháp luân Tứ Đế: Lần chuyển Pháp luân Tứ Đế thứ nhì là Khuyến chuyển Pháp luân Tứ Đế. Đức Phật dạy: Đây là Khổ, ông nên biết; Đây là Tập, ông nên dứt; Đây là Diệt, ông nên chứng; Đây là Đạo, ông nên tu.

Đó là Khuyến chuyển. Đức Phật khuyến khích mọi người tu học Pháp Tứ Đế. Lần chuyển Pháp luân Tứ Đế này được gọi là Khuyến chuyển.

3. Chứng chuyển Pháp luân Tứ Đế:

Đây là Khổ, Ta đã biết; Đây là Tập, Ta đã dứt; Đây là Diệt, Ta đã chứng; Đây là Đạo, Ta đã tu.

Lần chuyển Pháp luân Tứ Đế thứ ba Chứng chuyển Pháp luân Tứ Đế. Đức Phật dạy: Ta không những chỉ dạy các ông nên nhận biết Khổ, dứt trừ Tập, mền chuộng Diệt và tu học Đạo, mà còn cho các ông biết rằng: Đây là khổ, Ta đã biết. Đây là Tập, Ta đã dứt. Tập chính là phiền não và Ta đã cắt đứt phiền não rồi. Không phải là Ta bảo các ông dứt trừ phiền não còn riêng Ta thì khỏi phải đoạn tuyệt chúng đâu. Ta nay cảm thấy rất tự tại, thanh thản là nhờ đã dứt bỏ mọi phiền não. Cho nên, Ta khuyên các ông hãy dứt trừ phiền não và nhận thức cái khổ do phiền não mang lại. Đây là Diệt, Ta đã chứng. Ta đã chứng đắc trạng thái an lạc của sự tịch diệt rồi. Do đó, bây giờ Ta nói cho các ông biết là các ông

cũng cần phải đạt được sự an lạc của cảnh giới tịch diệt. Đây là Đạo, Ta đã tu. Ta đã hoàn tất việc tu Đạo rồi, và Ta không cần phải tu thêm nữa. Giờ đây, Ta mong rằng tất cả các ông đều có thể nhận biết Khổ, dứt trừ Tập, mền chuộng Diệt và tu học Đạo.

Như vậy, về Chuyển Pháp Luân có ba lần chuyển: Thị chuyển, Khuyến chuyển và Chứng chuyển về Tứ đế gồm Khổ Tập Diệt Đạo, gồm 12 pháp gọi là Thập Nhị Hành Chuyển Pháp Luân. Như Kinh Pháp Hoa dạy: Đại Thánh chuyển pháp luân. Chỉ bày các tướng pháp. Độ chúng sanh khổ não. Khiến đều đặng an vui.

Lại có thầy Tỳ kheo bày tỏ các chỗ còn nghi ngờ, hướng về Phật mà thỉnh Pháp, Đức Phật dạy bảo cảm hóa họ. Khiến ai nấy đều được khai ngộ. Đức Phật khai thị và giáo hóa, nên thầy Tỳ kheo nào cũng khai ngộ cả. Sau đó, các ngài cung kính chấp tay vâng lời, tuân thuận sự chỉ dạy của Đức Thế Tôn.

[2] Ngũ Ấm: Sắc, Thụ, Tưởng, Hành và Thức ấm. Ấm; Uẩn – S. Skandha; P. Khandha: Dịch âm là Tất Kiện Đà. Cựu dịch ý là Ấm, Chúng, có nghĩa là Tích tụ, nói rằng nhiều sự vật tụ tập một chỗ, chỉ cho Hữu vi pháp mà nói, như các Sắc (vật chất) của Ngũ căn, Ngũ cảnh tụ tập, thì gọi là Uẩn. Thuật ký nói: Khổ là nghĩa bức bách, Thế là Uẩn không phải bức bách cho nên không phải là Khổ. Văn luận tiếp theo nói rằng: Vì Chư hành (Hữu vi pháp) đối đãi nhau cho nên giả lập là Khổ.

[3] Hữu Lộ – Sāsra: Có ý nghĩa là tiết lộ, chảy mất, là dị danh của Phiền não. Tội lỗi và quả khổ của nhân loại do

phiền não sinh ra, khiến cho nhân loại sống trong thế giới Mê vọng lưu chuyển không ngừng, khó thoát khỏi biển khổ sinh tử, cho nên gọi là Hữu lậu.

Vô lậu – Anāsrahah: Đối xứng với Hữu lậu. Lậu, có ý là tiết lậu, là dị danh của Phiền não. Tham Sân..., phiền não, ngày đêm do Nhãn Nhĩ... Lục căn môn tiết lậu không dừng, cho nên gọi là Lậu. Lại nữa, Lậu cũng có ý là bị rơi rớt, Phiền não có thể khiến cho người ta rơi vào Tam ác đạo, cho nên gọi là Lậu. Do đó gọi các pháp có Phiền não là Hữu lậu; gọi các pháp thanh tịnh là Phiền não cấu nhiễm là Vô lậu, như Niết Bàn, Bồ Đề, và tất cả pháp có thể đoạn trừ Phiền não của Tam giới, đều thuộc Vô lậu.

[4] Bát Chi Thánh Đạo: Tức là Bát chánh đạo – Āryāstāngika māgāra), là Tám con đường chánh đi đến Niết bàn. Cũng gọi là Bát Thánh đạo, Bát chi thánh đạo, Bát Thánh đạo phần, Bát đạo hạnh, Bát trực hạnh, Bát chánh, Bát đạo, Bát chi, Bát pháp, Bát lộ, là 8 phẩm trong 37 phẩm trợ đạo, là pháp môn thực tiễn tu hành đại biểu của Phật giáo, cũng là 8 phương pháp chính xác hoặc 8 con đường tắc thông đến Niết bàn. Khi Thích Tôn chuyển Pháp luân, chỗ nói là Nhị biên (Lạc dục và Khổ hạnh) để hướng đến Trung đạo, tức là chỉ cho Bát Chánh Đạo này: 1/ Chánh Kiến, cũng gọi là Đế kiến, 2/ Chánh Tư Duy, cũng gọi là Chánh chí, Chánh phân biệt, Chánh giác, Đế niệm. Tức là không có Dục giác, Khuể giác và Hại giác, 3/ Chánh Ngữ, cũng gọi là Đế ngữ, 4/ Chánh Nghiệp, cũng gọi là Chánh hạnh, Đế hạnh. Tức là lìa Sát sanh, Bất dữ thủ . . ., 5/ Chánh Mạng, cũng gọi là Đế thọ, 6/ Chánh Tinh Tấn, cũng gọi là Chánh phương tiện, Đế pháp, Đế trị, 7/

Chánh Niệm, cũn^g gọi là Đế ý. Tức là lấy Tự tướng và Cộng tướng quán Thân, Thọ, Tâm, Pháp, 8/ Chánh Định, cũng gọi là đế định. Tức là lia các pháp Ác và bất thiện của Dục, thành tựu Sơ thiền cho đến Tứ thiền.

[5] A La Hán, Tứ Quả A La Hán: Quả vị A La Hán có tất cả bốn bậc; đó là Sơ quả A La Hán, Nhị quả A La Hán, Tam quả A La Hán và Tứ quả A La Hán. Phải chứng được Tứ quả A La Hán thì mới chính thức chấm dứt sanh tử!

A La Hán từ Sơ quả đến Tam quả thì đều ở vị trí còn phải học hỏi, gọi là Hữu Học vị. Tứ quả A La Hán được gọi là Chứng Đạo vị, tức là vị trí đắc Đạo; Nhị quả và Tam quả thì đều được gọi là Tu Đạo vị, tức là vị trí đang còn tu Đạo; và Sơ quả thì được gọi là Kiến Đạo vị, vị trí thấy được Đạo.

Sơ quả: Tu Đà Hoàn (Srotaapanna) là tiếng Phạn và có nghĩa là Nhập lưu, Dự lưu (tham dự vào dòng), hoặc Nghịch lưu (ngược dòng). Nhập lưu tức là Nhập Thánh nhân Pháp tánh lưu - gia nhập dòng Pháp tánh của Thánh nhân. Nghịch lưu nghĩa là Nghịch phàm phu Lục trần lưu, đi ngược lại dòng Lục trần của phàm phu, đã đoạn trừ được kiến hoặc.

Nhất Lai quả: Tức là Tư Đà Hàm (Sakrd ãgãmin; P. Sakad ãgãmin). Cũng gọi là Sa Yết Lợi Đà Đà Di. Dịch ý là Nhất Lai hoặc Nhất Lai Hướng, là quả thứ 2 trong 4 quả của Sa môn.

Bất Hoàn quả (A Na Hàm – anãgãmin): Cựu dịch âm là A Na Đà Di, A Na Đà Mê. Nói tắt là Na Hàm. Dịch ý là Bất Hoàn, Bất Lai, Bất Lai tướng, là bậc Thánh thứ 3 trong Tứ quả của Thanh Văn. Trong A Na Hàm quả, còn có sai biệt Ngũ Chủng bất hoàn, Thất Chủng bất hoàn, Cửu Chủng bất hoàn.

Vô Sanh Quả: A La Hán (Arhat) có ba nghĩa là Sát tặc, Ứng cúng và Vô sanh.

[6] Pháp Nhãn: Là một trong Ngũ Nhãn sau: Nhục nhãn: là mắt thịt của phàm phu, là mắt chướng ngại, vô minh. Thiên nhãn là mắt của chư thiên cõi sắc, thấy được tướng khổ vui của chúng sanh sáu đường, sanh đây tử kia, các thứ hình sắc chẳng luận gần xa, trong ngoài, sáng tối, nhưng chưa thấy được cõi Phật.

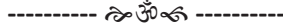
Pháp nhãn là mắt huệ của Bồ tát, thấy rõ các môn phương tiện, tùy cơ ứng hóa độ sanh. Huệ nhãn là mắt của người tu đắc đạo trong hai thừa Thanh văn, Duyên giác. Như dùng trí huệ soi tỏ chỗ chơn không vô tướng, duyên hợp duyên tan của các pháp mà đắc được huệ nhãn. Phật nhãn là mắt của Phật vô thượng chánh giác, rộng soi vô cùng vô tận, như vô lượng ánh sáng mặt trời bừng khắp. Phật nhãn bao gồm cả ngũ nhãn, diệu dụng phương tiện, cứu khổ độ sanh tùy cơ ứng hiện.

CÂU HỎI ÔN TẬP:

1. Trình bày tóm tắt ý nghĩa Chuyển Pháp Luân, và tại sao gọi là Thập Nhị Hành Chuyển Pháp Luân?
2. Trình bày ý nghĩa của Tam Khổ?
3. Cho biết tên gọi của các món trong Bát Khổ?
4. Cho biết danh đề của Bát chi Thánh đạo?

大般涅槃經卷上

東晉平陽沙門釋法顯譯



四決說品第六

爾時世尊告諸比丘。有四決定說。一者若有比丘。樂欲說法。作如是言：我親從佛聞。如是法善解其義。受持讀誦。極自通利。汝等宜應請之令說。應隨所聞善自思惟。為修多羅。為是毘尼。法相之中。有此法者。若修多羅及以毘尼法相之中。有此法者。宜應受持。稱讚善哉。若修多羅及以毘尼法相之中。無此法者。不應受持。亦勿稱讚。當知此法。非我所說。

二者若有比丘。樂欲說法。作如是言。我於某處。比丘僧眾。聞如是法。善解其義。受持讀誦。極自通利。汝等宜應請之令說。隨所聞法善自思惟。為修多羅。為是毘尼。為是法相。有此法耶。若修多羅。及以毘尼法相之中。有此法者。宜應受持。稱讚善哉。若修多羅及以毘尼法相之中。無此法者。不應受持。亦勿稱讚。當知此法非我所說。亦復非彼比丘眾說。

三者若有比丘樂欲說法。作如是言。我親從彼某僧伽藍某阿練若住處。眾多上座比丘。悉皆多聞。聰明智慧。聞如是法。善解其義。受持讀誦。極自通利。汝等宜應請之令說。應隨所聞。善思惟之。為修多羅。為是毘尼。為是法相中有此法耶。若修多羅。及以毘尼法相之中。有此法者。宜應受持。稱讚善哉。若修多羅及以毘尼法相之中。無此法者。不應受持。亦勿稱讚。當知此法。非我所說。

四者若有比丘。樂欲說法。作如是言。我親從某僧伽藍某阿練若住處。有一上座比丘。智慧多聞。聞如是法。善解其義。受持讀誦。極自通利。汝等宜應請之令說。應隨所聞。善思惟之。為修多羅。為是毘尼。為法相中有此法耶。若修多羅及以毘尼法相之中。有此法者。宜應受持。稱讚善哉。若修多羅及以毘尼法相之中。無此法者。不應受持。亦勿稱讚。當知此法。非我所說。

汝等宜應善分別。此四決定說。又亦以此分別說法。傳授餘人。設我在世。及般涅槃。虛偽真實。以此知之。時諸比丘而白佛言：善哉世尊。我等從今當能分別佛說魔說。

爾時，世尊與諸比丘。從座而起。趣鳩娑村。到彼村已。與比丘眾。前後圍繞。坐一樹下。時彼村中。諸婆羅門。長者居士。聞佛至已。皆悉馳競。來詣佛所。頭面禮足。却坐一面。而白佛言：世尊。今者與諸比丘。故來此村。別有餘趣。於是如來。

即答之言：我却後三月。當般涅槃。從毘耶離城。遍歷村邑。次第到此。爾時諸人。聞佛此語。悲泣懊懷。悶絕躡地。舉手拍頭。搥胸大叫。唱如是言：嗚呼！苦哉！世間眼滅。我等不久。失所歸導。垂涕白言：唯願世尊。住壽一劫。若減一劫。

爾時世尊。而答之言：汝等不應生此悲懷。所以者何？有為之法。性相如是。汝等可捨憂懷之情。靜心聽我最後所說。於是諸人。強自抑忍。低頭默聽。時彼座中。有一婆羅門。名弗波育帝。聰明智慧博聞強記。爾時如來。即告之言：汝等當知。在家之人。

有四種法。宜應修習。一者恭敬父母。盡心孝養。二者恒以善法。訓導妻子。三者愍念僮僕。知其有無。四者近善知識。遠

離惡人。汝等，若恒行此四法。現世為人之所愛敬。將來所生。常在善處。復次弗波育帝。在家之人。

有四樂法。一者不負他財。無慚愧色。二者極大巨富。自惜不用。父母妻子。親戚眷屬。皆不給與。又不供養沙門，婆羅門。三者極大巨富。身著麗服。口恣上味。供養父母親戚眷屬皆悉給與。奉事沙門及婆羅門。四者身口意業。竝不為惡。聰明智慧。樂欲多聞。

汝等當知。在家之人。雖復有此四種之樂。而不負他債及以慳貪。此法名為最下之樂。好行布施。名為中樂。身口意業不造於惡。聰明智慧。樂於多聞。此法名為上勝之樂。爾時如來。而說偈言：

不負債及慳	斯名為下樂
有財行布施	此名為中樂
身口意業淨	智慧樂多聞
此則為上樂	慧者之所行
汝等從今日	乃至盡形壽
長幼互相教	行此中上法。

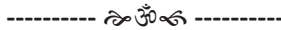
大般涅槃經卷上完

PHIÊN ÂM:

ĐẠI BÁT NIẾT BÀN KINH

Quyển Thượng

Đông Tấn, Bình Dương, Sa môn Thích Pháp Hiền dịch



TỨ QUYẾT THUYẾT

PHẨM ĐỆ LỤC

Nhĩ thời Thế Tôn cáo chư Tỳ Kheo, hữu Tứ Quyết Định Thuyết: Nhất giả, nhược hữu Tỳ Kheo, lạc dục thuyết pháp, tác như thị ngôn: Ngã thân tòng Phật văn, như thị pháp, thiện giải kỳ nghĩa, thụ trì đọc tụng, cực tự thông lợi. Nhữ đẳng nghi ưng thỉnh chi linh thuyết, ưng tùy sở văn, thiện tư duy chi, vi Tu Đa La, vi thị Tỳ Ni, vi thị pháp tướng trung hữu thủ pháp da. Nhược Tu Đa La, cập dĩ Tỳ Ni, pháp tướng chi trung, hữu thủ pháp giả, nghi ưng thọ trì, xưng tán thiện tai. Nhược Tu Đa La, cập dĩ Tỳ Ni, pháp tướng chi trung, vô thủ pháp giả, bất ưng thọ trì, diệc vật xưng tán, đương tri thủ pháp phi ngã sở thuyết.

Nhị giả, nhược hữu Tỳ Kheo lạc dục thuyết pháp, tác như thị ngôn: Ngã ư (mỗ), xứ Tỳ Kheo tăng chúng, văn như thị pháp thiện giải kỳ nghĩa, thụ trì đọc tụng, cực tự thông lợi. Nhữ đẳng nghi ưng thỉnh chi linh thuyết, tùy sở văn pháp thiện tự tư duy, vi Tu Đa La, vi thị Tỳ Ni, vi thị pháp tướng trung hữu thủ pháp da. Nhược Tu Đa La, cập dĩ Tỳ Ni, pháp tướng chi trung, hữu thủ pháp giả, nghi ưng thọ trì, xưng tán thiện tai. Nhược Tu Đa La, cập dĩ Tỳ Ni, pháp tướng chi trung,

vô thủ pháp giả, bất ưng thọ trì, diệc vật xưng tán, đương tri thủ pháp phi ngã sở thuyết, diệc phục phi bỉ Tỳ kheo chúng thuyết.

Tam giả, nhược hữu Tỳ Kheo lạc dục thuyết pháp, tác như thị ngôn: Ngã thân tòng bỉ (mỗ) Tăng già Lam (mỗ) A Lan Nhã trụ xứ. Chúng đa Thượng tọa, Tỳ Kheo, tất giai đa văn, thông minh trí tuệ, văn như thị pháp, thiện giải kỳ nghĩa, thụ trì đọc tụng, cực tự thông lợi. Nhữ đẳng nghi ưng thỉnh chi linh thuyết, ưng tùy sở văn, thiện tư duy chi, vi Tu Đa La, vi thị Tỳ Ni, vi thị pháp tướng trung hữu thủ pháp da. Nhược Tu Đa La, cập dĩ Tỳ Ni, pháp tướng chi trung, hữu thủ pháp giả, nghi ưng thọ trì., xưng tán thiện tai. Nhược Tu Đa La, cập dĩ Tỳ Ni, pháp tướng chi trung, vô thủ pháp giả, bất ưng thọ trì, diệc vật xưng tán, đương tri thủ pháp phi ngã sở thuyết.

Tứ giả nhược hữu Tỳ Kheo, lạc dục thuyết pháp, tác như thị ngôn: Ngã thân tòng mỗ Tăng Già Lam [1], mỗ A Lan Nhã [2] trụ xứ, hữu nhất Thượng tọa Tỳ kheo, trí huệ đa văn, văn như thị pháp, thiện giải kỳ nghĩa, thọ trì đọc tụng, cực tự thông lợi. Nhữ đẳng nghi ưng thỉnh chi linh thuyết, ưng tùy sở văn, thiện tư duy chi, vi Tu Đa La (3) vi thị Tỳ Ni (4), vi pháp tướng ưng hữu thủ pháp da. Nhược Tu Đa La cập dĩ Tỳ Ni pháp tướng chi trung, hữu thủ pháp giả, nghi ưng thụ trì, xưng tán thiện tai.

Nhược Tu Đa La cập dĩ Tỳ Ni pháp tướng chi trung, vô thủ pháp giả, bất ưng thụ trì, diệc vật xưng tán. Đương tri thủ pháp, phi ngã sở thuyết. Nhữ đẳng nghi ưng thiện phân biệt, thủ Tứ Quyết Định Thuyết, hựu diệc dĩ thủ phân biệt

Thuyết pháp, truyền thụ dư nhân, thiết ngã tại thế cập bát Niết Bàn, hư nguy chân thật, dĩ thử tri chi. Thời chư Tỳ Kheo nhi bạch Phật ngôn: Thiện tai! Thế Tôn, ngã đẳng tòng kim đương năng phân biệt Phật thuyết Ma thuyết.

Nhĩ Thời Thế Tôn dữ chư Tỳ Kheo, tòng tòa nhi khởi, thú Cưu Sa thôn. Đáo bỉ thôn dĩ, dữ Tỳ Kheo chúng, tiền hậu vi nhiểu, tọa nhất thụ hạ. Thời bỉ thôn trung, chư Bà la môn, Trưởng giả, Cư sĩ, văn Phật chí dĩ, giai tất trì cạnh, lai nghệ Phật sở, đầu diện lễ túc, tức tọa nhất diện. Nhi bạch Phật ngôn: Thế Tôn. kim giả dữ chư Tỳ Kheo cố lai thử thôn, biệt hữu dư thú.

Ư thị Như Lai, tức đáp chi ngôn: Ngã tức hậu tam nguyệt, đương bát Niết Bàn, tòng Tỳ Da Ly thành, biến lịch thôn ấp, thứ đệ đáo thử. Nhĩ thời chư nhân, văn Phật thử ngữ, Bi khắp áo nồng, muện tuyệt tích địa, cử thủ phách đầu, chùy hung đại khiểu, xướng như thị ngôn: Ô hô! Khổ tai! Thế gian nhĩ diệt! Ngã đẳng bất cứu, thất sở quy đạo, thùy thế bạch ngôn: Duy nguyện Thế Tôn, trụ thọ nhất kiếp, nhược giảm nhất kiếp.

Nhĩ thời Thế Tôn, nhi đáp chi ngôn: Nhữ đẳng bất ứng sanh thử bi? Sở dĩ giả hà? Hữu vi chi pháp [5], tính tướng như thị. Nhữ đẳng khả xá ưu? Chi tình, tĩnh tâm thính ngã tối hậu sở thuyết, ư thị chư nhân, cường tự ức nhĩ, đê đầu mặc thính.

Thời bỉ tọa trung, hữu nhất Bà La Môn, danh Phất Ba Dục Đế, thông minh trí tuệ bác văn cường ký. Nhĩ thời Như Lai, tức cáo chi ngôn: Nhữ đẳng đương tri, tại gia chi nhân.

Hữu tứ lạc pháp. Nhất giả bất phụ tha tài, vô tầm quý [6] sắc. Nhị giả cực đại cự phú, tự tích bất dụng, Phụ mẫu thâm tử, thân thích quyến thuộc, giai bất cấp dữ; hựu bất cúng dường Sa môn, Bà la môn. Tam giả cực đại cự phú, thân trước lệ phục, khẩu tứ thượng vi, cúng dường phụ mẫu thân thích quyến thuộc giai tất cấp dữ, phụng sự Sa môn cập Bà la môn. Tứ giả thân khẩu ý nghiệp, tịnh bất vi ác, thông minh trí tuệ, lạc dục đa văn.

Nhữ đẳng đương tri, tại gia chi nhân, tuy phục hữu tử Tứ chủng chi lạc, nhi bất phụ tha trái cập dĩ khan tham, tử pháp danh vi tối hạ chi lạc, hảo hành bố thí, danh vi trung lạc. Thân khẩu ý nghiệp bất tạo ư ác, thông minh trí tuệ, lạc ư đa văn, tử pháp danh vi thượng thắng chi lạc. Nhĩ thời Như Lai, nhi thuyết kệ ngôn:

Bất phụ trái cập khan
 Tư danh vi Hạ lạc
 Hữu tài hành Bố thí [7]
 Tử danh vi Trung lạc
 Thân khẩu ý nghiệp tịnh
 Trí tuệ lạc đa văn
 Tử tắc vi Thượng lạc
 Tuệ giả chi sở hành
 Nhữ đẳng tòng kim nhật
 Nãi chí tận hình thọ
 Trường ấu hõ tương giáo
 Hành tử Trung, Thượng pháp.

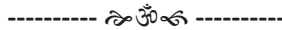
Đại Bát Niết Bàn Kinh - Quyển Thượng Hoàn

DỊCH NGHĨA:

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

Quyển Thượng

Đông Tấn, Bình Dương, Sa môn Thích Pháp Hiền dịch



BỐN QUYẾT ĐỊNH THUYẾT

PHẨM THỨ SÁU

Đức Thế Tôn lại bảo các vị Tỳ Kheo: Có Bốn pháp quyết định về sự nói: Một là nếu có vị Tỳ Kheo, ham thuyết pháp, nói là: Ta thân theo Phật, nghe Phật nói pháp như thế, tôi hiểu rành nghĩa của pháp ấy và tôi thụ trì, đọc tụng rất thông lợi; các vị nên thỉnh vị ấy nói, nhưng các vị nên theo chỗ nghe được ấy, tự suy nghĩ, rành rẽ, đúng trong Kinh, Luật, Luận có pháp ấy chăng? Nếu trong Kinh, Luật, Luận có pháp ấy các vị nên thụ trì, khen ngợi là quý lắm. Nếu ở nơi Kinh, Luật, Luận lại không có pháp ấy, các vị không nên thụ trì, cũng không nên khen ngợi. Các vị phải nên biết: Pháp ấy không phải Như Lai nói.

Hai là nếu có vị Tỳ Kheo ham thuyết pháp nói là: Tôi ở nơi chỗ kia... nghe các vị Tỳ Kheo Tăng học được pháp như thế, tôi hiểu rành nghĩa của pháp ấy. Và tôi thụ trì, đọc tụng rất thông lợi; các vị nên thỉnh vị ấy nói, nhưng, các vị nên theo chỗ nghe được pháp ấy, tự suy nghĩ rành rẽ, đúng trong Kinh, Luật, Luận có pháp ấy không? Nếu trong Kinh, Luật, Luận có pháp ấy, các vị nên thụ trì, khen ngợi là quý lắm. Nếu trong kinh, luật, luận không có pháp ấy, các vị không nên thụ trì, cũng không nên khen ngợi. Thời các

vị nên biết: Pháp ấy không phải do Thế Tôn nói cũng không phải các vị Tỳ Kheo kia nói.

Ba là nếu có vị Tỳ Kheo, ham thuyết pháp, nói là: tôi theo nơi Tăng Già Lam kia, nơi A Lan Nhã kia, có nhiều vị Tỳ Kheo thượng tọa, đều là các vị nghe nhiều, học giỏi, thông minh, trí tuệ, nói ra pháp ấy, tôi được nghe, tôi hiểu rành nghĩa của pháp ấy và tôi thụ trì, đọc tụng rất thông lợi; các vị nên thỉnh vị ấy nói, nhưng, các vị nên theo chỗ nghe được pháp ấy, tự suy nghĩ rành rẽ, đúng trong kinh, luật, luận có pháp ấy ư? Nếu ở trong Kinh, Luật, Luận có pháp ấy, các vị nên thụ trì, khen ngợi là quý lắm. Nếu trong Kinh, Luật, Luận không có pháp ấy, các vị không nên thụ trì, cũng không nên khen ngợi. Các vị phải nên biết: Pháp ấy không phải Thế Tôn nói.

Bốn là nếu có vị Tỳ Kheo ham thuyết pháp, nói là: tôi theo nơi Tăng Già Lam kia, nơi A Lan Nhã kia, có một vị Tỳ Kheo thượng tọa, trí tuệ, nghe nhiều, nói ra pháp ấy, tôi được nghe, tôi hiểu rành rẽ nghĩa của pháp ấy và tôi thụ trì, đọc tụng rất thông lợi; các vị nên thỉnh vị ấy nói, nhưng các vị nên theo chỗ nghe được pháp ấy, tự suy nghĩ rành rẽ, đúng trong kinh, luật, luận có pháp ấy chăng? Nếu trong kinh, luật, luận có pháp ấy, các vị nên thụ trì, khen ngợi là quý lắm. Nếu trong Kinh, Luật, Luận không có pháp ấy, các vị không nên thụ trì, cũng không nên khen ngợi! Các vị nên biết pháp ấy không phải Thế Tôn nói.

Các vị nên phân biệt rõ bốn Pháp Quyết Định về sự nói pháp ấy, lại cũng dùng pháp ấy phân biệt thuyết pháp,

trao truyền cho người khác.

Dù Thế Tôn còn ở đời hay Thế Tôn nhập Niết Bàn, dối trá hay chân thực, các vị dùng pháp ấy, mà biết rõ!

Khi ấy, các vị Tỳ Kheo bạch Phật rằng: Quý hóa thay, lạy đức Thế Tôn! Từ nay về sau, chúng con xin phân biệt lời Thế Tôn nói và lời Ma nói!

Bấy giờ, đức Thế Tôn cùng các vị Tỳ Kheo đều từ tòa ngòi của mình, đứng dậy, đi đến thôn Cưu Bà. Đến thôn kia, Ngài cùng các vị Tỳ Kheo, đi quanh trước sau, rồi ngòi xuống nơi một gốc cây.

Khi ấy, những người Bà La Môn, Trưởng giả, Cư sĩ trong thôn kia, nghe thấy đức Phật đã đến thôn mình, đều cùng nhau đổ xô đến chỗ của Phật. Đến nơi, đầu mặt lễ xuống chân Phật, rồi ngòi lui về một bên, bạch với Phật rằng: Lạy đức Thế Tôn! Nay đức Thế Tôn cùng các vị Tỳ Kheo tới thôn chúng con, chúng con riêng nhận có chủ ý khác!

Đức Như Lai liền đáp: Sau đây ba tháng Thế Tôn sẽ nhập Niết Bàn, nên từ thành Tỳ Da Ly, đi khắp thôn ấp lần lượt đến đây. Mọi người nghe đức Phật nói lời ấy, thương khóc áo não, buồn bã lặn ra đất, khoa tay, bứt đầu, đấm ngực kêu to: Than ôi, khổ lắm! Con mắt của thế gian mất rồi, chúng con không bao lâu nữa, mất nơi quy hướng, dẫn đạo! Kêu rồi họ sụt sùi bạch rằng: Lạy đức Thế Tôn! Kính xin đức Thế Tôn, ở lại cõi thọ trong một kiếp hay non một kiếp. Đức Thế Tôn đáp: Các vị không nên sinh tâm buồn rầu như thế! Vì sao như vậy? Vì tính, tướng của pháp Hữu vi như thế. Các vị nên bỏ tính lo buồn ấy đi, tĩnh tâm nghe Thế Tôn

thuyết pháp lần cuối cùng!

Lúc đó những người kia, tự gượng nín nhịn, cúi đầu lặng nghe. Khi ấy từ nơi chỗ ngồi, có một người Bà la môn, tên là Phất Ba Dục Đế, thông minh, trí tuệ, nghe nhiều, nhớ kỹ, đức Như Lai rõ biết liền bảo người ấy rằng: Các vị nên biết: Người tại gia có bốn pháp, phải nên tu tập: Một là cung kính cha mẹ, hết lòng hiếu dưỡng. Hai là thường đem pháp lành, dạy bảo vợ con. Ba là thương, nhớ tội đời, biết những thứ họ có hay không. Bốn là gần gũi Thiện tri thức, xa tránh người ác. Nếu các ông thường làm được Bốn pháp ấy, đời nay được người kính mến, đời sau thường sinh vào chốn thiện.

Lại nữa, này Phất Ba Dục Đế! Người tại gia có Bốn pháp vui: Một là không nợ tiền của người khác, thời không có sắc mặt hổ thẹn. Hai là người rất giàu có, tự tiếc không dám dùng gì, ngay đến cha mẹ, vợ con, thân thích quyến thuộc, đều không chu cấp và không cúng dàng các bậc Sa môn, Bà la môn. Ba là người rất giàu có, thân mặc áo đẹp, miệng ăn mùi ngon; biết cúng dàng cha mẹ, thân thích quyến thuộc đều chu cấp và phụng sự các bậc Sa môn, Bà la môn. Bốn là người được ba nghiệp: Thân, khẩu, ý, không làm ác; thông minh trí tuệ, ưa thích nghe nhiều.

Các ông nên biết: Người tại gia tuy có pháp vui ấy, nhưng, người không mang nợ người khác cùng người chỉ có tâm sên tham, thời pháp ấy gọi là pháp vui tối hạ; người hay làm việc bố thí, là pháp vui của bậc trung, còn người mà nghiệp thân, nghiệp khẩu, nghiệp ý, không tạo ác, thông

minh, trí tuệ, ưa thích nghe nhiều, thời pháp ấy là pháp vui hơn hết.

Đức Như Lai liền nói kệ: Không nợ cùng sển tham,
Gọi là vui tối hạ, Có của đem bố thí, Ấy là vui bậc trung.
Ba nghiệp luôn trong sạch, Trí tuệ, thích nghe nhiều; Đó là
vui hơn hết, Người trí tuệ chăm làm. Các vị từ ngày nay,
Cho đến hết cõi thọ; Già trẻ dạy lẫn nhau, Làm pháp trung,
thượng ấy.

Chú Thích Từ Ngữ:

[1] Tăng Già Lam (Samghàrama): Tăng già lam – Samghārama: Cũng gọi là Tăng Già Lam Ma, nói tắt là Già Lam. Dịch ý là Tăng viên, Tăng viện. Ban đầu chỉ cho lâm viên của Tăng chúng cư trú, nhưng thông thường dùng để gọi tự viện, Tăng xá của Tăng chúng, Tăng lữ cư trú. Hán dịch là Chúng Viên cái vườn hay rừng chúng tăng ở. Nay ta thường gọi là Chùa.

[2] A Lan Nhã (Àrinya): Tên gọi chung cho các tự viện, là nơi ở của các vị Tỳ Kheo. Nhưng, đúng ra A Lan Nhã là nơi xa vắng, yên tĩnh, nên Tàu dịch là Nhàn tịch.

[3] Tu Đa La: 修多羅, dịch là Kinh hay Khế kinh 契經. Có hai loại: Một là Liễu nghĩa, hai là Bất Liễu nghĩa. Liễu Nghĩa 了義 Tất cả các kinh, có một cách phân loại là liễu nghĩa (真實說 Chân thật thuyết) và bất liễu nghĩa (方便說 Phương tiện thuyết).

[4] Tỳ Ni: Xuất xứ nơi danh từ Tỳ Nại Da: Là dịch âm tắt Phạm ngữ Vinaya pitaka, dịch âm đủ là Tỳ Nại Da Tỷ Trá Ca.

Nói tắt là Tỳ Ni, Tỳ Nại Da, hoặc Phạn - Hán dùng chung gọi là Tỳ Ni Tạng, Tỳ Nại Da Tạng, là một trong Tam Tạng. Tỳ Nại Da (Vinaya) dịch là Luật, Tỳ Trá Ca (Pitaka) dịch là Tạng. Dịch ý là Luật tạng, Điều phục tạng. Chữ Điều, là Điều hòa chế ngự; chữ Phục, là Ngăn cấm diệt trừ. Cũng tức là Điều hòa Thân ngữ khởi nghiệp để chế phục diệt trừ ác nghiệp.

Nói cách khác, trong thuật ngữ Đại Thừa, Tỳ Ni là tiếng Ấn Độ, Trung Hoa dịch là Thiên Thọ. Ý nghĩa cho rằng Tỳ Ni là Thọ mạng của Phật pháp, cho nên Tỳ Ni tồn tại ở thế gian là Phật pháp cũng tồn tại ở thế gian. Nếu một mai Tỳ Ni bị mai một, không còn trên thế gian, thì Phật pháp cũng không còn trên cuộc đời này!

[5] Hữu Vi: Nói đủ là Hữu Vi Pháp. Chỗ nói Hành (Hạnh, S. Samskāra; P. Sankhāra) tức là biểu thị sự tạo tác của nhân duyên hòa hợp, vô thường, biến hoại. Trong Căn bản Phật giáo, hay gọi Chư hành đồng nghĩa với: Nhất thiết Chư pháp. Nhưng tại bộ phái Phật giáo, thì cho rằng Chư hành chỉ cho Hữu vi pháp, còn Nhất thiết và Chư pháp, không những chỉ cho Hữu vi pháp, mà cũng bao hàm Vô Vi pháp.

[6] Vô Tàm Quý: Nói đủ là Vô Tàm và Vô Quý. Thuộc tâm sở hữu pháp, trong mỗi tâm địa chúng sinh.

Tàm: Tự xấu hổ với mình. Tánh của Tâm sở này, mỗi khi làm điều gì quấy, tự mình xấu hổ; kính trọng người hiền và ưa việc phải. Nghiệp dụng đối trị tâm Không biết xấu hổ.

Quý: Thẹn thùng với người. Tánh của Tâm sở này, khi mình làm điều gì quấy, thấy người thẹn; không chịu gần người ác, chẳng làm việc dữ. Nghiệp dụng đối trị Tâm không

biết thẹn. Như vậy Vô Tàm Quý là: Không biết tự mình xấu hổ, mà cũng không biết thẹn với người.

[6] Bồ thí: Là một pháp trong 6 pháp Ba La Mật (Lục ba la mật – Sadpāramitā): Nói đủ là Lục Ba la mật đa, dịch ý là Lục độ, Lục độ vô cực, Lục đáu bỉ ngạn. Ba la mật dịch là Độ, có ý là Đáo bỉ ngạn, thành đạt lý tưởng, hoàn thành, là 6 đức mục thực tiễn để thành Phật đạo của hàng Bồ Tát trong Đại thừa Phật giáo: 1/ Bồ Thí Ba La Mật (Dāna pāramitā). 2/ Trì Giới Ba La Mật (Śīla pāramitā). 3/ Nhẫn Nhục Ba La Mật (Kṣānti pāramitā). 4/ Tinh Tấn Ba La Mật (Virya pāramitā). 5/ Thiền Định Ba La Mật (Dhyāna pāramitā). 6/ Trí Huệ Ba La Mật (Prajñā pāramitā).

Đàn Việt: Thí chủ Bồ thí. Việt: Công đức bồ thí, là nghĩa rằng đã vượt (việt) qua khỏi biển bần cùng. Truyện Ký Quy chép: Phạm ngữ là Dānapati (Đà-na-bát-để) dịch thí chủ, Đà-na là Thí, Bát-để là Chủ. Đàn Việt là ý nói do hành thí xả, có thể vượt qua cái giới bần cùng.

CÂU HỎI ÔN TẬP:

1. Trình bày ý nghĩa Quyết Thuyết thứ nhất?
2. Trình bày ý nghĩa Tăng Già Lam?
3. Cho biết Bốn Lạc Pháp của người tại gia?
4. Đọc chánh văn đoạn: Bất phụ trái cập khan. Tư danh vi Hạ lạc. Hữu tài hành Bồ thí. Thử danh vi Trung lạc. Thân khẩu ý nghiệp tịnh. Trí tuệ lạc đa văn Thử tắc vi Thượng lạc. Tuệ giả chi sở hành. Nhữ đẳng tòng kim nhật. Nãi chí tận hình thọ. Trường ấu hổ tương giáo. Hành thử Trung, Thượng pháp.

大般涅槃經卷中

東晉平陽沙門釋法顯譯



弗波育帝品第七

爾時，弗波育帝等。而白佛言：世尊。我等從今以中上法。互相開導。於是弗波育帝等五百人。

即於佛前。受三歸依并及五戒。弗波育帝等。重白佛言：唯願世尊。及比丘僧。明受我供。于時如來。默然許之。

弗波育帝等。知佛許已。即從座起。與其來眾。禮佛而退。還到其舍。通夕辦好香美飲食。既至明日。食時將到。遣信白言：唯願世尊。自知其時。

於是如來與比丘僧。前後圍繞。往詣其舍。次第而坐。弗波育帝。見佛及僧悉安坐已。便起行水。手自斟酌。諸美飲食。餘婆羅門長者居士。有五百人。各費美饌。亦在其舍。共供養佛。時諸比丘。當於食上。有不善攝身威儀者。諸婆羅門長者居士。既見之已。心不歡喜。

爾時世尊。知眾人心。而普告言：汝等當知。如來正法。深曠如海。不可測量。又復大海。有諸眾生。身體極大。長萬六千踰闍那。或復身長八千踰闍那。或復身長四千踰闍那。或復身長千踰闍那。或復身長一寸半寸。乃至極微。

如來法海。亦復如是。其中或有得阿羅漢。具足三明及以六通。有大威德福天人者。其中亦有得阿那含者。斯陀含者。須陀洹者。亦復有得四果向者。乃至亦有凡夫之人未得法利者。是故汝勿於法海中而生礙心。於是世尊。而說偈言：

一切眾川流 皆悉歸大海
若飯佛及僧 福歸已亦然

爾時如來。說此偈已。又為眾人。說種種法。于時弗波育帝等五百人。於諸法中。遠塵離苦。得法眼淨。

PHIÊN ÂM:

ĐẠI BÁT NIẾT BÀN KINH

Quyển Trung

Đông Tấn, Bình Dương, Sa môn Thích Pháp Hiển dịch

----- ॐ -----

PHẤT BA DỤC ĐẾ CÚNG TRAI PHẨM ĐỆ THẮT

Nhĩ thời Phất Ba Dục Đế đấng, nhi bạch Phật ngôn: Thế Tôn, ngã đấng tòng kim dĩ trung thượng pháp, hổ tương khai đạo. Ư Thị Phất Ba Dục Đế đấng ngũ bách nhân, tức ư Phật tiền, thụ Tam Quy Y [1] tịnh cập Ngũ Giới [2]. Phất Ba Dục Đế đấng, trùng bạch Phật ngôn: Duy nguyện Thế Tôn, cập Tỳ Kheo tăng, minh thụ ngã cúng. Ư Thời Như Lai, mặc nhiên hứa chi.

Phất Ba Dục Đế đấng, tri Phật hứa dĩ, tức tòng tòa khởi, dữ kỳ lai chúng, lễ Phật nhi thối, hoàn đáo kỳ xá, thông tịch bạn hảo hương mỹ ẩm thực. Ký chí minh nhật, thực thời tương đáo, khiến tín bạch ngôn: Duy nguyện Thế Tôn, tự tri kỳ thời.

Ư thị Như Lai dữ Tỳ Kheo tăng, tiền hậu vi nhiều, vãng nghệ kỳ xá, thứ đệ nhi tọa. Phất Ba Dục Đế kiến Phật cập tăng tất an tọa dĩ, tiện khởi hành thí, thủ tự chiêm chước, chư mỹ ẩm thực, dư Bà La Môn, Trưởng giả, Cư sĩ, hữu ngũ bách nhân, các phỉ mỹ soạn, diệc tại kỳ xá, cộng cúng dường Phật. Thời chư Tỳ Kheo đương ư thực thượng, hữu bất thiện nhiếp, thân uy nghi giả. Chư Bà La Môn, Trưởng giả, Cư sĩ, ký kiến chi dĩ, tâm bất hoan hỷ.

Nhĩ thời Thế Tôn, tri chúng nhân tâm, nhi phổ cáo ngôn: Nhữ đấng đương tri, Như Lai chính pháp, thâm khoáng như hải, bất khả trắc lượng; hựu phục đại hải, hữu chư chúng sinh, thân thể cực đại, trường vạn lục thiên Du Đờ Na, hoặc phục thân trưởng bát thiên Du Đờ Na, hoặc phục thân

trường tứ thiên Du Đờ Na, hoặc phục thân trường thiên Du Đờ Na, hoặc phục thân trường nhất thốn, bán thốn Du Đờ Na, nãi chí cực vi.

Như Lai pháp hải, diệc phục như thị, kỳ trung hoặc hữu đắc A La Hán, cụ túc Tam Minh [3] cập dĩ Lục Thông [4], hữu đại uy đức, phúc thiên nhân giả. Kỳ trung diệc hữu đắc A Na Hàm [5] giả, Tư Đà Hàm [6] giả, Tu Đà Hoàn [7] giả; diệc phục hữu đắc Tứ quả [8] hướng giả, nãi chí diệc hữu phạm phu chi nhân vi đắc pháp lợi giả. Thị cố, nhữ vật ư pháp hải trung ư sinh ngại tâm. Ư thị Thế Tôn, nhi thuyết kệ ngôn: Nhất thiết chúng xuyên lưu, giai tất quy đại hải, nhược phạm Phật cập tăng, phúc quy kỳ diệc nhiên.

Nhĩ thời Như Lai, thuyết thử kệ dĩ, hựu vi chúng nhân, thuyết chủng chủng pháp. Ư thời Phất Ba Dục Đế đẳng ngũ bách nhân, ư chư pháp trung, viễn trần ly khổ, đắc pháp nhãn tịnh.

DỊCH NGHĨA:

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

Quyển Trung

Đông Tấn, Bình Dương, Sa môn Thích Pháp Hiền dịch

----- 卍 -----

PHẤT BA DỤC ĐẾ CÚNG TRAI

PHẨM THỨ BẢY

**Bấy giờ, nhóm ông Phất Ba Dục Đế bạch Phật rằng:
Lạy đức Thế Tôn! Từ nay chúng con xin đem pháp trung và pháp thượng, mở tỏ và đìu dắt lẫn nhau!**

Khi ấy, bọn ông Phật Ba Dục Đế, năm trăm người liền ở trước Phật, thụ Tam quy y và Ngũ giới. Nhóm ông Phật Ba Dục Đế kia lại bạch Phật rằng: Lạy đức Thế Tôn cùng chư Tỳ Kheo Tăng, ngày mai hoan hỷ nhận sự cúng dàng của chúng con. Đức Như Lai mặc nhiên ưng thuận.

Nhóm ông Phật Ba Dục Đế biết đức Phật ưng thuận rồi, liền từ tòa ngồi của mình đứng dậy, cùng chúng nhân lại chiêm lễ ở đây, đều lễ Phật mà lui ra. Về đến nhà mình, suốt đêm họ đi sắm sửa các thức ăn uống thơm tho, ngon lành. Đến ngày mai, khi sắp đến giờ ăn, họ sai người tín thành tới bạch Phật: Kính xin Đức Thế Tôn, biết thì giờ thụ trai, việc trai soạn đã xong!

Khi ấy, đức Như Lai cùng các vị Tỳ Kheo Tăng, vây quanh trước sau Phật, đi tới nhà Phật Ba Dục Đế. Đến nơi, lần lượt ngồi xuống. Phật Ba Dục Đế, thấy đức Phật và chư Tăng, đều an tọa rồi, ông đi lấy nước, tự tay châm chước các thức ăn uống. Còn năm trăm người Bà la môn, Trưởng giả, cư sĩ, đều đem những cỗ cơm ngon tới nhà ấy, cùng cúng dàng lên Phật.

Giữa bữa ăn, trong các vị Tỳ Kheo, có vị không khéo giữ uy nghi nơi thân tướng, các người Bà la môn, Trưởng giả, Cư sĩ trông thấy vị ấy như thế, trong tâm không được vui vẻ.

Đức Thế Tôn biết tâm chúng nhân như thế, Ngài liền phổ cáo rằng: Các ông nên biết: chính pháp của Như Lai sâu rộng như bể, không thể sánh lường được. Trong bể lớn, có những chúng sinh thân thể rất to, dài đến một vạn sáu nghìn

Do tuần, hoặc có chúng sinh thân dài tám nghìn Do tuần, thân dài bốn nghìn Do tuần, thân dài một nghìn Do tuần, thân dài một tấc, nửa tấc, cho đến những thân cực nhỏ.

Bể pháp của Như Lai cũng thế, trong ấy hoặc có vị được quả A La Hán, đủ Ba phép minh cùng Sáu phép thần thông là vị có uy đức lớn, đem lại phúc lợi cho Nhân Thiên và trong ấy lại cũng có vị được quả A Na Hàm, Tư Đà Hàm, Tu Đà Hoàn, nghĩa là, trong ấy cũng có các vị được Tứ quả tứ hướng; cho đến cũng có những người phàm phu chưa được pháp lợi gì, tùy nơi căn tánh lợi độn. Thế nên, các vị không nên đối với trong bể pháp, sinh tâm nghi ngại!

Lúc đó đức Thế Tôn liền nói bài kệ: Hết thủy mọi dòng sông, Đều chảy về biển cả. Cúng cơm Phật và Tăng, Phúc về mình cũng vậy!

Đức Như Lai nói bài kệ ấy rồi, Ngài lại vì mọi người, nói hết thủy mọi pháp. Ở trong pháp ấy, nhóm ông Phất Ba Dục Đế năm trăm người, xa lìa trần khổ, được pháp nhãn tịnh.

Chú Thích Từ Ngữ:

[1] Tam Quy Y: Nói đủ là Quy y Tam Bảo: Phật bảo, Pháp bảo, Tăng bảo. Có nghĩa là trở về, nương tựa, vâng theo Ba ngôi báu của thế gian.

[2] Ngũ Giới 五戒 Panca Sīlāni: Chỉ cho 5 loại Giới của Phật chế. Năm loại Chế giới mà nam nữ tại gia thọ trì: 1./ Bất sát sanh, 2./ Bất Thâu đạo, Bất dữ thú, 3./ Bất Tà dâm, Phi phạm hạnh, 4./ Bất Vọng ngữ, Hư cuống ngữ, 5./ Bất Ám tửu. Cũng gọi là Ưu bà tắc ngũ giới, Ưu bà di ngũ giới (Không

sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối và không uống rượu).

[3] Ba phép minh: 1/ Túc mệnh minh. 2/ Thiên nhãn minh. 3/ Lậu tận minh.

[4] Sáu phép thần thông: Thần thông có nghĩa là phép có tác dụng tự tại vô ngại. Sáu phép ấy là: 1/ Thần Túc thông (Rddhividhi jnàna). 2/ Thiên Nhãn thông (Divya caksus). 3/ Thiên Nhĩ thông (Divya sirotra). 4/ Tha Tâm thông (Paracit jnàna). 5/ Túc Mệnh thông (Pur vanivàsànumsmrti jnàna). 6/ Lậu Tận thông (As ravaksaya jnàna).

[5] A Na Hàm (Angàmi): Quả vị thứ 3 trong 4 quả của Thanh Văn. A Na Hàm, Hán dịch là Bất Lai hay Bất Hoàn. Nghĩa là vị tu hành đã diệt hết hoặc nghiệp cõi Dục không phải trở lại lần nữa. Và, sau chỉ phải sinh lên cõi Sắc, cõi Vô Sắc mà thôi.

[6] Tư Đà Hàm (Sakrdàgàmi): Quả vị thứ 2 trong 4 quả của Thanh Văn. Tư đà hàm, Hán dịch là Nhất lai. Nghĩa là vị tu hành, đoạn cửu địa tư hoặc, được 6 phẩm trước, còn 3 phẩm sau, còn phải thụ sinh trong Dục giới một lần nữa, nên gọi là Nhất lai.

[7] Tu Đà Hoàn (Srotapanna phala): Quả thứ 1 trong 4 quả của bậc Thanh Văn. Hán dịch là Nhập lưu, Nghịch Lưu, Dự Lưu. Điều có nghĩa là vị tu hành đã đi ngược dòng sinh tử, phàm phu mà đã được dự vào dòng Thánh Đạo.

[8] Tứ quả: Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm, A La Hán. Tứ hướng: Tu Đà Hoàn Hướng, Tu Đà Hàm Hướng, A Na Hàm Hướng, A La Hán Hướng. Hướng có nghĩa là hướng

tới, đi đến.

Lợi căn 利根 S. Tiksa indriya. Lợi là nghĩa mau chóng; Căn là nghĩa căn cơ, căn tánh, căn khí, sinh khởi. Chỉ cho người thọ pháp tu hành, nhanh chóng khéo hiểu, mau tiến đến giải thoát. Đại Tỳ Bà Sa Luận nói: Người Lợi căn không tin người khác nói, tự xem Giáo điển mà được ngộ đạo, tùy theo Pháp mà khởi hạnh, gọi là Tùy Pháp hạnh.

Độn căn 鈍根 S. Mrdvindriya: Chỉ cho người có căn cơ chậm lụt. Cũng gọi là Hạ căn, tương đối với Lợi căn. Trên sự tu chứng của Phật đạo, Căn cơ lợi độn của có ảnh hưởng đến sự vượt tiến mau chậm và chứng quả hơn kém. Đại Tỳ Bà Sa Luận quyển 54 nói: Loại người Độn căn, tánh còn nhiều chậm lụt, vì tự mình không xem Giáo văn, chỉ tin vào ngôn thuyết của người khác mà được ngộ đạo, tùy theo Tín mà khởi hạnh, gọi là Tùy Tín hạnh.

CÂU HỎI ÔN TẬP:

1. Cho biết tên gọi Ba phép minh và Sáu phép thần thông?
2. Đọc chánh văn đoạn: Nhất thiết chúng xuyên lưu, giai tất quy đại hải, nhược phạm Phật cập tăng, phúc quy kỳ diệc nhiên?

大般涅槃經卷中

東晉平陽沙門釋法顯譯



淳陀供佛品第八

爾時世尊與比丘僧。從座而起。更復前行。趣波波城。弗波育帝等五百人。悲號啼泣。奉送如來。徘徊顧慕。絕望乃返。

爾時世尊。既至彼城。彼城之中。有工巧子。名曰淳陀。其人有園。極為閑靜。如來即便與諸比丘。前後圍繞。往住彼園。是時淳陀。聞佛及僧來其園中。歡喜踊躍。不能自勝。與其同類。俱詣佛所。頭面禮足。却住一面。而白佛言：不審世尊。何緣來此。有他趣耶。

爾時世尊。即答之言：我今所以來至此者。不久應當入般涅槃。是以故來。最後相見。是時淳陀及其同類。聞佛此語。心大悲懷悶絕於地良久。微聲而白佛言：世尊今者捨諸眾生。不慈念耶。云何便欲入般涅槃？唯願世尊。住壽一劫。若減一劫。即又拍頭搥胸大叫。作如是言：嗚呼！苦哉！世間眼

滅。一切眾生。從今以後。沒生死海。未有出期。所以者何？無上導師般涅槃故。

爾時世尊。告淳陀言。汝今不應生苦懷也。一切諸行法皆如是。悉為無常之所遷變。合會恩愛。必有別離。是故汝今勿生憂懷。

爾時淳陀。即白佛言：我今亦知諸行無常。合會恩愛。皆悉別離。然無上尊。當般涅槃。我今云何。而不悲懷。爾時世尊。即為淳陀。說種種法。淳陀聞已。憂悲小歇。便從座起。整身威儀。偏袒右肩。頂禮佛足。白言：世尊唯願。明日受我薄供。世尊即便默然許之。

爾時淳陀。知佛許已。禮足而退。淳陀還舍。通夕辦於多美飲食。至明食時。遣信白佛：唯願世尊。自知其時。於是如來。與諸比丘。前後圍繞。往詣其舍。次第就坐。是時淳陀。見佛坐已。即便行水。手自斟酌。下諸精饌。世尊及僧。食竟洗鉢。還歸本坐。淳陀亦坐。

爾時世尊。告淳陀言：汝今已作希有之福。最後供飯佛比丘僧。如此果報。無有窮

盡。一切眾生。所種諸福。無有能得等於汝者。宜應自生欣慶之心。我今最後受汝請訖。更不復受他餘供飯。

爾時世尊即說偈言：

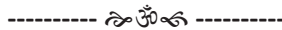
汝今已建立	希有之功德
最後得供飯	佛及比丘僧
功德日增長	永無窮竭時
汝今宜自應	深生欣慶心
一切所造福	無有等汝者。

PHIÊN ÂM:

ĐẠI BÁT NIẾT BÀN KINH

Quyển Trung

Đông Tấn, Bình Dương, Sa môn Thích Pháp Hiển dịch



THUẦN ĐÀ CÚNG DƯỜNG

PHẨM ĐỆ BÁT

Nhĩ thời Thế Tôn dữ Tỳ Kheo tăng, tòng tọa nhi khởi, cánh phục tiền hành, thú Ba Ba Thành, Phất Ba Dục Đế đẳng ngũ bách nhân, bi hào đề khắp, phụng tống Như Lai, bồi hồi cố mộ, tuyệt vọng nãi phản.

Nhĩ thời Thế Tôn ký chí bỉ thành, bỉ thành chi trung, hữu công xảo tử, danh viết Thuần Đà (Cunda), kỳ nhân hữu viên, cực vi nhàn tĩnh, Như Lai tức tiện dữ chư Tỳ Kheo, tiền hậu vi nhiều, vãng trụ bỉ viên. Thị thời Thuần Đà, văn Phật

cập tăng lai kỳ viên trung, hoan hỷ đồng dục, bất năng tự thắng, dữ kỳ đồng loại, câu nghệ Phật sở, đầu diện lễ túc, tức trụ nhất diện, nhi bạch Phật ngôn: Bất thắm Thế Tôn, hà duyên lai thử, hữu tha thú da?

Nhĩ thời Thế Tôn, tức đáp chi ngôn: Ngã kim sở dĩ lai chí thử giả, bất cứu ưng đương nhập bát Niết Bàn, thị dĩ cố lai, tối hậu tương kiến. Thị thời Thuần Đà cập kỳ đồng loại, văn Phật thử ngữ, tâm đại bi nòng, muộn tuyệt ư địa lương cửu vi thanh nhi bạch Phật ngôn: Thế Tôn kim giả xả chư chúng sinh, bất từ niệm da, vân hà tiện dục nhập bát Niết Bàn? Duy nguyện Thế Tôn trụ thọ nhất kiếp, nhược giảm nhất kiếp, tức hựu phách đầu chùy hung đại khiểu, tác như thị ngôn: Ô hô! Khổ tai! Thế gian nhãn diệt, nhất thiết chúng sinh, tông kim dĩ hậu, một sinh tử hải, vị hữu xuất kỳ. Sở dĩ giả hà? Vô Thượng đạo sư [1] bát Niết Bàn cố.

Nhĩ thời Thế Tôn, cáo Thuần Đà ngôn: Nhữ kim bất ưng sinh khổ nòng dã, nhất thiết chư hành pháp giai như thị, tất vi vô thường chi sở thiên biến, hợp hội ân ái tất hữu biệt ly, thị cố nhữ kim vật sinh ưu nòng.

Nhĩ thời Thuần Đà, tức bạch Phật ngôn: Ngã kim diệc tri chư hành vô thường, hợp hội ân ái giai tất biệt ly, nhiên Vô Thượng Tôn, đương bát Niết Bàn, ngã kim vân hà, nhi bất ưu nòng. Nhĩ thời Thế Tôn, tức vì Thuần Đà, thuyết chủng chủng pháp, Thuần Đà văn dĩ, ưu bi tiểu hiết, tiện tông tọa khởi, chỉnh thân uy nghi, thiên đản hữu kiên, đỉnh lễ Phật túc bạch ngôn: Thế Tôn, duy nguyện, minh nhật thọ ngã bặt cúng. Thế Tôn tức tiện mặc nhiên hứa chi.

Nhĩ thời Thuần Đà, tri Phật hứa dĩ, lễ túc nhi thối, Thuần Đà hoàn xá, thông tịch bạn ư đa mỹ ẩm thực [2], chí minh thực thời, khiến tín bạch Phật: Duy nguyện, Thế Tôn, tự tri kỳ thời. Ư Thị Như Lai dữ chư Tỳ kheo, tiền hậu vi nhiều, vãng nghệ kỳ xá, thứ đệ tự tọa. Thị thời Thuần Đà, kiến Phật tọa dĩ, tức tiện hành thủy, thủ tự châm chước, hạ chư tinh soạn. Thế Tôn cập tăng thực cánh tẩy bát [3], hoàn quy bốn tọa, Thuần Đà diệc tọa.

Nhĩ thời Thế Tôn, cáo Thuần Đà ngôn: Nhữ kim dĩ tác hy hữu chi phúc, tối hậu cúng phạn Phật, Tỳ Kheo tăng, như thử quả báo, vô hữu cùng tận, nhất thiết chúng sinh, sở chủng chư phúc, vô hữu năng đắc đẳng ư nhữ giả, nghi ưng tự sinh hân khánh chi tâm. Ngã kim tối hậu thọ nhữ thỉnh cật, cánh bất phục thọ tha dư cúng phạn.

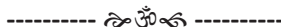
Nhĩ thời Thế Tôn, tức thuyết kệ ngôn: Nhữ kim dĩ kiến lập. Hy hữu chi công đức. Tối hậu đắc cúng phạn. Phật cập Tỳ Kheo tăng. Công đức nhật tăng trưởng. Vĩnh vô cùng kiệt thời. Nhữ kim nghi tự ưng. Thâm sinh hân khánh tâm. Nhất thiết sở tạo phúc. Vô hữu đẳng giả.

DỊCH NGHĨA:

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

Quyển Trung

Đông Tấn, Bình Dương, Sa môn Thích Pháp Hiền dịch



THUẦN ĐÀ CÚNG PHẬT

PHẨM THỨ TÁM

Sau đó, đức Thế Tôn cùng các vị Tỳ Kheo Tăng từ tòa ngai của mình đứng dậy, lại tiến về phía trước, đến thành Ba Ba. Khi ấy, bọn ông Phất Ba Dục Đế năm trăm người, thương xót kêu khóc, kính tiễn đức Như Lai lên đường, họ bồi hồi đoái nhìn mộ kính, đến khi không trông thấy nữa, họ mới trở về.

Sau khi đức Thế Tôn đến thành Ba Ba rồi, trong thành có người con của một thợ khéo, tên là Thuần Đà. Nhà ông Thuần Đà có một khu vườn, rất tĩnh mịch, đức Như Lai liền cùng các vị Tỳ Kheo vây quanh trước sau, đi đến nơi vườn kia.

Ông Thuần Đà nghe biết đức Phật cùng chúng Tăng đến vườn nhà mình, vui mừng hơn hở, không tự hãm được, ông cùng những người đồng loại, đều đến nơi Phật, đầu mặt lễ xuống chân Phật, rồi đứng lùi một bên, bạch Phật rằng: Lạy đức Thế Tôn! Chúng con không biết đức Thế Tôn, có duyên gì tới đây, hoặc có ý thú gì khác?

Đức Thế Tôn đáp: Nay Ta sở dĩ đến đây, là vì không bao lâu nữa Ta sẽ nhập Niết Bàn, Tôi muốn tương kiến lần cuối cùng!

Bấy giờ, ông Thuần Đà cùng những người đồng loại của ông, nghe đức Phật nói lời ấy, tâm não thương quá, buồn bã lặn ra đất, ngắt đi giờ lâu mới tỉnh, khể bạch Phật rằng: Lạy Đức Thế Tôn! Nay Ngài bỏ chúng sinh, không đem lòng từ, niệm đến họ nữa hay sao mà Ngài muốn nhập Niết Bàn? Kính xin Ngài hãy ở lại cõi thọ một kiếp hay non một kiếp! Tức thời, ông lại bứt đầu, đấm ngực, kêu to: Than ôi,

khổ lắm thay! Con mắt của thế gian mất rồi, hết thấy chúng sinh từ nay về sau chìm đắm trong bể sinh tử, không có kỳ nào ra khỏi được! Sao vậy? Đấng Vô Thượng Đạo Sư nhập Niết Bàn rồi!

Đức Thế Tôn bảo ông Thuần Đà: Nay ông không nên sinh tâm lo buồn, hết thấy mọi hành tướng của các pháp đều như thế, đều bị vô thường đổi dời; ân ái hội hợp, quyết có lúc ly biệt, nên nay ông đừng sinh tâm lo buồn nữa!

Ông Thuần Đà liền bạch Phật rằng: Lạy đức Thế Tôn! Nay chúng con cũng biết mọi hành tướng là vô thường, ân ái hội hợp đều phải ly biệt nhưng, đấng Vô Thượng Tôn sẽ nhập Niết Bàn, làm sao chúng con không thương xót, áo não được!

Khi ấy, đức Thế Tôn vì ông Thuần Đà nói hết thấy pháp. Ông Thuần Đà nghe rồi, tâm lo buồn hơi bớt, liền từ tòa ngồi của mình đứng dậy, thân chỉnh uy nghi, trẽ áo vai hữu, đỉnh lễ xuống chân Phật, mà bạch rằng: Lạy đức Thế Tôn! Ngày mai kính xin đức Thế Tôn, nhận sự cúng dàng đạm bạc của chúng con! Đức Thế Tôn mặc nhiên ưng thuận.

Lúc đó, ông Thuần Đà biết đức Phật đã ưng thuận, ông liền lễ xuống chân Phật, lui về. Ông Thuần Đà trở về nhà, suốt đêm sắm sửa nhiều thức ăn uống ngon lành. Ngày mai, khi sắp đến giờ ăn, ông sai người tín thành tới bạch Phật: Kính xin đức Thế Tôn biết thì giờ thụ trai, việc trai soạn đã xong!

Khi ấy, đức Như Lai cùng các vị Tỳ Kheo vây quanh trước sau Ngài, đến nhà ông Thuần Đà. Đến nơi, lần lượt

ngồi xuống. Ông Thuần Đà thấy đức Phật ngồi rồi, ông liền đi lấy nước, tự tay châm chước các đồ tinh soạn xuống bát. Đức Thế Tôn cùng chúng Tăng ăn xong, rửa bát, về chỗ ngồi cũ. Ông Thuần Đà cũng ngồi. Đức Thế Tôn bảo ông Thuần Đà: Nay ông đã làm được việc phúc hiếm có. Cúng dàng cơm Phật và các vị Tỳ Kheo Tăng lần cuối cùng, quả báo ấy, không bao giờ hết được. Mọi phúc của hết thảy chúng sinh gieo trồng, không có gì có thể so sánh được với phúc cúng dàng của ông, ông nên tự sinh ra tâm vui mừng. Nay lần cuối cùng ta nhận lời thỉnh của ông xong, Ta không nhận lời thỉnh cúng cơm của ai nữa!

Đức Thế Tôn liền nói bài kệ: Ông nay đã dựng nên, Một công đức hiếm có; Cuối cùng được cúng cơm, Phật cùng Tỳ Kheo Tăng. Công đức ngày thêm lên, Mãi mãi không cùng kiệt. Nay ông nên tự mình, Sinh tâm rất vui mừng; Hết thảy phúc người tạo, Không sánh kịp phúc ông!

Chú Thích Từ Ngữ:

[1] Vô Thượng Đạo Sư, Vô Thượng Tôn: Tiếng Phạn gọi là A Nậu Đa La dịch là Vô thượng. Có nghĩa là cao lớn không gì hơn được. Nói về địa vị tu chứng, khi so sánh với Thánh Phàm thì Phật là trên hết. Nói về pháp giải thoát thì Niết Bàn Tịch Tĩnh là trên hết.

[2] Đa mỹ ẩm thực: Tức là đầy đủ Ngũ vị. Ngũ vị - Panca rasāh: 1/ Nhũ vị (Ksīra, sữa). 2/ Lạc vị (Dadhi, váng sữa). 3/ Sinh tô vị (Nava nīta, sữa đặc). 4/ Thục tô vị (Ghrta, bơ). 5/ Đề hồ (Manda, Sarpirmanda, phô mát).

[3] Bát: Phạm ngữ là Patra (Bát-đa-la), đây dịch là ĐỒ ỨNG LƯỢNG. Nghĩa là thể, sắc và lượng ba ấy đều ứng hợp với pháp. Là thể: Dùng bát bằng ngói (sành hay gốm) hay bằng thiếc; sắc: Thì dùng các vị thuốc khói để xông hằm nên màu. Với lượng (đo lường), thì phân ra bậc thượng, bậc trung và bậc hạ. Kinh dạy: Thân nương thực mà vững, mạng nhờ thực mà còn. Khi được đồ ẩm thực trôi vào lục phủ ngũ tạng, thấm nhuần năm vóc, bổ ích da thân, khiến cho tâm an, dễ dàng tiến tu Đạo nghiệp. Nhưng phải vừa đủ (ứng lượng) không nên tham đắm quá độ. Chư Tỳ Kheo thọ thực, bắt tréo chân (kiết già, bán già) đắp y, trải khăn trên đầu gối (sợ cơm đổ trên y) tư duy quán chiếu mà ăn.

Tam y nhất bát: Là vật tùy thân của Tỳ Kheo. Trong Lục vật của Tỳ kheo, đặc biệt quan trọng có An Đà Hội, Uất Đa La Tăng, Tăng Già Lê. Ma Ha Tăng Kỳ Luật quyển 8 nói: Xuất gia lìa Đệ nhất lạc (Thiên lạc) mà tùy theo trụ xứ, thường cùng với Tam y, trì Bát khát thực, ví như 2 cánh chim thường liền với thân.

Khất thực – Paindapātika: Là một loại hạnh nghi của Tăng nhân Ấn Độ cầu xin thực phẩm để nuôi thân, cũng gọi là Đoàn đọa (đem thức ăn để vào bát), Phân vệ, Thác bát, Hành khất, là một trong 12 hạnh Đầu Đà. Ban đầu có 2 nghĩa: 1/ Tự lợi, vì dứt các Tục sự, phương tiện tu hành. 2/ Lợi tha, làm Phước điền lợi ích thế nhân, cho chúng sinh cơ hội gieo trồng Phước đức, cho nên Khất thực thuộc Chánh mạng của Tăng nhân, nếu làm các thứ kế sinh nhai để dưỡng thân, thì thuộc Tà mạng.

CÂU HỎI ÔN TẬP:

1. Trình bày tóm tắt ý nghĩa Phẩm Thuần Đà?

2. Viết bằng chữ Hán đoạn văn: 爾時世尊即說偈言:
汝今已建立希有之功德最後得供飯佛及比丘僧

功德日增長永無窮竭時汝今宜自應深生欣慶心一切
所造福無有等汝者。

3. Cho biết ý nghĩa của Bát Đa La?

大般涅槃經卷中

東晉平陽沙門釋法顯譯



佛度弗迦娑品第九

爾時世尊說此偈已。即語阿難：我今身痛。欲疾往彼鳩尸那城。爾時阿難與諸比丘并及淳陀。聞佛此語。生大苦痛。號泣流連。不能自勝。於是世尊即從座起。與諸比丘前後圍繞。趣向彼城。爾時淳陀亦與眷屬隨從如來。

世尊中路止一樹下。語阿難言：我於今者。極患腹痛。即將阿難。去樹不遠。而便下血。既還樹下。而勅阿難。汝可取我僧伽梨衣。四疊敷地。我欲坐息。不堪復前。阿難受勅。

世尊即便坐息樹下。又告阿難：我今患渴。汝可往至迦屈嗟河。取淨水來。阿難答言：向有商人。五百乘車。從河而過。其水必濁。恐不堪飲。如是再三。勅於阿難。阿難然後持鉢而去。既到河上。見水澄清。心大怖懼。身毛皆豎。而自念言：我於向者。

見諸商人。五百乘車。經此水過。意謂猶濁。不言便清。致令屢逆如來之勅。即持水歸而以供奉。作如是言：甚奇世尊。向見商人。五百乘車。從河而度妨於前後。十日之中猶未應清。世尊神力。俄爾之頃。而便澄潔。世尊即便受水飲之。

爾時有一滿羅仙人之子。名弗迦娑。是彼迦蘭仙人弟子。從鳩尸那。詣波波城。忽於中路。而見如來坐息樹下。合掌問訊却坐一面。而白佛言：夫出家法坐禪之業最為第一。調伏情根。使心不亂。專精寂靜。莫能驚恐。

所以者何。憶念往昔隨從我師迦蘭仙人。行於道路。既患疲乏。近於路側。止息樹下。我師即便坐禪思惟。當爾之時。有諸商人。乘五十乘車。從前而過。我師爾時猶故寂默。身不動搖。如是良久。方從禪起。我即便往而白師言：尊向在此坐禪之時。有諸商人。五十乘車。經前而過。聲如雷震。不審尊向為見之不。師答我言：都無所見。又復問言：聞其聲不。亦答不聞。即復白言：尊今衣上所以有此塵土汗者。是彼車過故致爾耳。我於爾時。深生奇特。知坐禪法

極可敬重。善攝情根無能亂者。

爾時世尊答弗迦娑。汝向所說。非為奇特。所以者何。若復有人。非是熟眠。亦復不入於滅盡定。端心坐禪。五百乘車從其前過。此人于時不覺不聞。如是乃可名為奇特。復次弗迦娑。斯亦未足為大奇特。若復有人。正念坐禪。遇天霹靂雷電震曜。時有耕者。兄弟二人。聞此驚怖。應聲而死。又有四牛。亦皆頓絕。而坐禪者。不覺不聞。斯可得名為奇特不。弗迦娑言：五百乘車。從前而過。不覺不聞。已為奇特。況復霹靂震曜動地。而不聞覺。極為希有。

爾時世尊告弗迦娑：我於往昔。在阿車摩村。於一樹下端坐思惟。時有商人。五百乘車。經我前過。而我禪思不覺不聞。諸商人等。經過良久。我方出定。時彼商人遙見我起。皆悉競來。見我身上塵坌污衣。即便拂之。而問我言：我等向者。五百乘車從此而過。世尊見不。即便答言：我不見也。彼復問言：世尊自可閉目不視。為聞聲不。我又答言：亦不聞聲。商人又問。世尊為眠。為是入於滅盡定耶。我又答言：我向不眠。亦非入定。但在禪思。故無聞見。彼諸商人

聞我此言：極生奇特歎未曾有。而作是言：坐禪之力。乃能如此。我即為其說種種法。時彼商眾。悉於諸法。遠塵離垢得法眼淨。

復次弗迦娑。我於往日。在彼村側田間獨坐。寂默禪思。不久忽然天大霹靂。雷電風雨震動天地。時有耕者。兄弟二人。忽聞此聲。同共怖死。又有四牛。亦復頓絕。時彼村人。聞有耕者二人怖死。或是父母妻子知識。合村相隨。涕泣來看。我於爾時。方從禪覺。見地泥水。又有眾人。集聚號哭。有一人來。我即問言：何故人眾聚此悲泣？

彼人答言：世尊向者不覺雷電霹靂聲耶。我村之中。兄弟二人在此而耕。同時為於霹靂所殺。及以四牛亦皆俱死。云何世尊？而不覺知。如來向者為是得眠。為是入於滅盡定耶。即答之言：我向不眠。亦不入定。端寂坐禪。故不聞耳。是時彼人聞佛此語。深生奇特歎未曾有。心自念言：坐禪乃有如此之力。我即為其種種說法。既聞法已。於諸法中。遠塵離垢得法眼淨。

時弗迦娑聞佛此言。生希有心。而白佛言：本見我師坐禪之時。五十車過。而不聞

知。謂為奇特。今者如來說此二事。百千萬倍不可為比。如來禪力不可思議。即便從佛受三歸依。如來為說種種妙法。

其聞法已。心開意悟。遠塵離垢得法眼淨。即語侍人。汝可取我金色劫貝二張持來。

我欲上佛。侍人奉勅。即取將來。時弗迦娑手執劫貝。長跪佛前而作是言：我今以此奉上世尊。唯願哀愍。即賜納受。

爾時世尊答弗迦娑。我今為汝受取一張。可以一張施於阿難。所以者何？阿難日夜。親侍我側。且又今日。看我疾病。若有施主。施於病人及看病者。斯則名為滿足大施。

時弗迦娑聞佛此語。歡喜踊躍。即以一張置佛足下。又持一張。至阿難所。長跪白言：我今以此奉施尊者。唯願納受。阿難答言：善哉善哉！汝今能信天人師言。令汝長夜永得安樂。我為汝受。於是弗迦娑還至佛所。

如來即復為說諸法。其聞法已。得阿那含果。時弗迦娑復白佛言：我今欲於佛法出

家。佛即喚言：善來比丘！鬚髮自落。袈裟著身。即成沙門。得阿羅漢。

PHIÊN ÂM:

ĐẠI BÁT NIẾT BÀN KINH

Quyển Thượng

Đông Tấn, Bình Dương, Sa môn Thích Pháp Hiển dịch

----- 卍 卍 卍 -----

PHẬT ĐỘ PHẤT CA SA

PHẨM ĐỆ CỬU

Nhĩ thời Thế Tôn thuyết thử kệ dĩ, tức ngữ A Nan: Ngã kim thân thống, dục tậ vãng bỉ Cưu Thi Na Thành. Nhĩ thời A Nan, dữ chư Tỳ Kheo tịnh cập Thuần Đà, văn Phật thử ngữ, sinh đại khổ thống, hào khắp lưu liên, bất năng tự thắng. Ư thị Thế Tôn, tức tòng tọa khởi, dữ chư Tỳ Kheo tiền hậu vi nhiểu, thú hương bỉ thành. Nhĩ thời Thuần Đà diệc dữ quyến thuộc tùy tòng Như Lai.

Thế Tôn trung lộ chỉ nhất thụ hạ, ngữ A Nan ngôn: Ngã ư kim giả, cực hoạn phúc thống, tức tương A Nan. Khứ thụ bất viễn, nhi tiện hạ huyết, ký hoàn thụ hạ, nhi sắc A Nan: Nhữ khả thủ ngã Tăng Già Lê Y [1]. Tứ Điệp Phu địa, ngã dục tọa tức, bất kham phục tiền, A Nan thụ sắc.

Thế Tôn tức tiện tọa tức thụ hạ, hựu cáo A Nan: Ngã kim hoạn khát, nhữ khả vãng chí Ca Khuất Ta hà, thủ tịnh thủy lai. A Nan đáp ngôn: Hương hữu thương nhân, ngữ bách thừa xa, tòng hà nhi quá, kỳ thủy tất trọc, khủng bất

kham ẩm. Như thị tái tam. Sắc ư A Nan. A Nan nhiên hậu trì bát nhi khứ, ký đáo hà thượng, kiến thủy trừng thanh, tâm đại bố cụ, thân mao giai thụ, nhi tự niệm ngôn: Ngã ư hướng giả, Kiến chư thương nhân, ngũ bách thừa xa, kinh thử thủy quá, ý vị do trọc, bất ngôn tiện thanh, trí lệnh lũ nghịch Như Lai chi sắc, tức trì thủy quy nhi dĩ cung phụng, tác như thị ngôn: Thậm kỳ Thế Tôn, hướng kiến thương nhân, ngũ bách thừa xa, tòng hà nhi độ phương ư tiền hậu, thập nhật chi trung do vị ứng thanh. Thế Tôn thần lực, nga nhĩ chi khoảnh, nhi tiện trừng khiết. Thế Tôn tức tiện thụ thủy ẩm chi.

Nhĩ thời hữu nhất Mãn La tiên nhân chi tử, danh Phất Ca Sa. Thị bĩ Ca Lan tiên nhân đệ tử, tòng Cưu Thi Na, nghệ Ba Ba thành, hốt ư trung lộ, nhi kiến Như Lai tọa tức thụ hạ, hiệp chưởng vấn tẩn, tức tọa nhất diện, nhi bạch Phật ngôn: Phu xuất gia pháp tọa thiện chi nghiệp tối vi đệ nhất, điều phục tình căn, sử tâm bất loạn, chuyên tinh tịch tĩnh, mạc năng kinh khủng.

Sở dĩ giả hà? Ưc niệm vãng tích tùy tòng ngã sư Ca Lan tiên nhân, hành ư đạo lộ, ký hoạn bì phạp, cận ư lộ trắc, chỉ tức thụ hạ, ngã sư tức tiện tọa thiện tư duy, đương nhĩ chi thì, hữu chư thương nhân, thừa ngũ thập thừa xa, tòng tiền nhi quá, ngã sư nhĩ thời do cố tịch mặc, thân bất động diêu, như thị lương cửu, phương tòng thiện khởi.

Ngã tức tiện vãng nhi bạch Sư ngôn: Tôn hướng tại thử tọa thiện chi thời. Hữu chư thương nhân, ngũ thập thừa xa, kinh tiền nhi quá, thanh như lôi chấn, bất thãm tôn hướng vi kiến chi bất. Sư đáp ngã ngôn: Đô vô sở kiến, hựu phục

vấn ngôn: Văn kỳ thanh bất, diệc đáp bất văn. Tức phục bạch ngôn: Tôn kim y thượng sở dĩ hữu thủ trần thổ ô giả, thị bỉ xa quá cố trí nhĩ nhĩ, ngã ư nhĩ thời, thâm sanh kỳ đặc, tri tọa thiện pháp cực khả kính trọng, thiện nhiếp tình căn vô năng loạn giả.

Nhĩ thời Thế Tôn đáp Phất Ca Sa: Nhữ hướng sở thuyết phi vi kỳ đặc. Sở dĩ giả hà? Nhược phục hữu nhân, phi thị thực miên. Diệc phục bất nhập ư Diệt Tận định, đoan tâm tọa thiện. Ngũ bách thừa xa tòng kỳ tiền quá, thủ nhân ư thời bất giác bất văn. Như thị nãi khả danh vi kỳ đặc. Phục thứ Phất Ca Sa, tư diệc vị túc vi đại kỳ đặc. Nhược phục hữu nhân, chánh niệm tọa thiện, ngộ thiên phích lịch lôi điện chấn diệu, thời hữu canh giả, huynh đệ nhị nhân, văn thủ kinh bố, ứng thanh nhi tử. Hựu hữu tứ ngưu, diệc giai đốn tuyệt, nhi tọa thiện giả, bất giác bất văn, tư khả đắc danh vi kỳ đặc bất. Phất giả sa ngôn: Ngũ bách thừa xa, tòng tiền nhi quá, bất giác bất văn, dĩ vi kỳ đặc. Huống phục phích lịch chấn diệu động địa, nhi bất văn giác, cực vi hy hữu.

Nhĩ thời Thế Tôn cáo Phất Ca Sa: Ngã ư vãng tích, tại A Xa Ma thôn, ư nhất thụ hạ đoan tọa tư duy, thời hữu thương nhân, ngũ bách thừa xa, kinh ngã tiền quá, nhi ngã thiện tư bất giác bất văn, chư thương nhân đẳng, kinh quá lương cửu, ngã phương xuất định, thời bỉ thương nhân diêu kiến ngã khởi, giai tất cạnh lai, kiến ngã thân thượng trần bộn ô y tức tiện phất chi, nhi vấn ngã ngôn: Ngã đẳng hướng giả, ngũ bách thừa xa tòng thủ nhi quá. Thế Tôn kiến bất, tức tiện đáp ngôn: Ngã bất kiến dã, bỉ phục vấn ngôn: Thế Tôn tự khả bế mục bất thị, vi văn thanh bất, ngã hựu đáp ngôn:

Diệt bất văn thanh.

Thương nhân hựu vấn: Thế Tôn vi miên, vi thị nhập ư Diệt Tận Định da? Ngã hựu đáp ngôn: Ngã hướng bất miên, diệt phi nhập định, dẫn tại thiện tư, cố vô văn kiến, bỉ chư thương nhân văn ngã thử ngôn: Cực sanh kỳ đặc thán vị tầng hữu, nhi tác thị ngôn: Tọa thiện chi lực, nãi năng như thử, ngã tức vi kỳ thuyết chủng chủng pháp. Thời bỉ thương chúng, tất ư chư pháp, viễn trần ly cấu đặc pháp nhãn tịnh.

Phục thứ Phất Ca Sa, ngã ư vãng nhật, tại bỉ thôn trắc điền gian độc tọa, tịch mặc thiện tư, bất cửu hốt nhiên thiên đại phích lịch, lôi điện phong vũ chấn động thiên địa, thì hữu canh giả, huynh đệ nhị nhân, hốt văn thử thanh, đồng cộng bố tử, hựu hữu tứ ngưu, diệt phục đốn tuyệt. Thời bỉ thôn nhân, văn hữu canh giả nhị nhân phố tử, hoặc thị phụ mẫu, thê tử, tri thức, hợp thôn tương tùy, thế khắp lai khán, ngã ư nhĩ thời, phương tòng thiện giác, kiến địa nê thủy, hựu hữu chúng nhân, tập tụ hào khóc, hữu nhất nhân lai, ngã tức vấn ngôn: Hà cố nhân chúng tụ thử bi khắp?

Bỉ nhân đáp ngôn: Thế Tôn hướng giả bất giác lôi điện phích lịch thanh da? Ngã thôn chi trung, huynh đệ nhị nhân tại thử nhi canh, đồng thì vi ư phích lịch sở sát, cập dĩ tứ ngưu diệt giai câu tử.

Vân hà Thế Tôn? Nhi bất giác tri. Như Lai hướng giả vi thị đặc miên, vi thị nhập ư Diệt Tận Định [2] da? Tức đáp chi ngôn: Ngã hướng bất miên, diệt bất nhập định, đoan tịch tọa thiện, cố bất văn nhĩ. Thị thời bỉ nhân văn Phật thử ngữ, thâm sanh kỳ đặc thán vị tầng hữu, tâm tự niệm ngôn: Tọa

thiện nãi hữu như thử chi lực, ngã tức vi kỳ chủng chủng thuyết pháp, ký văn pháp dĩ, ư chư pháp trung, viễn trần ly cấu đặc pháp nhãn tịnh.

Thời Phất Ca Sa văn Phật thử ngôn, sanh hy hữu tâm, nhi bạch Phật ngôn: Bốn kiến ngã sư tọa thiện chi thời, ngũ thập xa quá, nhi bất văn tri, vị vi kỳ đặc. Kim giả Như Lai thuyết thử nhị sự, bách thiên vạn bội bất khả vi bỉ, Như Lai thiện lực bất khả tư nghì, tức tiện tông Phật thụ tam quy y, Như Lai vi thuyết chủng chủng diệu pháp, kỳ văn pháp dĩ, tâm khai ý ngộ, viễn trần ly cấu đặc pháp nhãn tịnh.

Tức ngữ thị nhân, nhữ khả thủ ngã kim sắc kiếp bối nhị trương trì lai, ngã dục thượng Phật, thị nhân phụng sắc, tức thủ tương lai. Thời Phất Ca Sa thủ chấp kiếp bối, trường quỳ Phật tiền nhi tác thị ngôn: Ngã kim dĩ thử phụng thượng Thế Tôn, duy nguyện ai miễn, tức tứ nạp thụ.

Nhĩ thời Thế Tôn đáp Phất Ca Sa: Ngã kim vi nhữ thụ thủ nhất trương, khả dĩ nhất trương thi ư A Nan. Sở dĩ giả hà? A Nan nhật dạ, thân thị ngã trắc, thả hựu kim nhật, khán ngã tật bệnh, nhược hữu thi chủ. Thi ư bệnh nhân cập khán bệnh giả, tư tắc danh vi mãn túc đại thi. Thời Phất Ca Sa văn Phật thử ngữ, hoan hỉ dũng dục, tức dĩ nhất trương trí Phật túc hạ, hựu trì nhất trương, chí A Nan sở, trường quỳ bạch ngôn: Ngã kim dĩ thử phụng thi tôn giả, duy nguyện nạp thụ. A Nan đáp ngôn: Thiện tai, thiện tai! Nhữ kim năng tín Thiên Nhân Sư ngôn, lệnh nhữ trường dạ vĩnh đặc an lạc, ngã vi nhữ thụ. Ư thị Phất Ca Sa hoàn chí Phật sở.

Như Lai tức phục vi thuyết chư pháp, kỳ văn pháp dĩ,

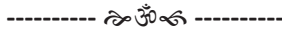
đắc A Na Hàm quả. Thời Phất Ca Sa phục bạch Phật ngôn: Ngã kim dục ư Phật pháp xuất gia. Phật tức hoán ngôn: Thiện lai Tỳ Kheo [3]! Tu phát tự lạc, Ca sa [4] trước thân, tức thành Sa môn, đắc A La Hán.

DỊCH NGHĨA:

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

Quyển Trung

Đông Tấn, Bình Dương, Sa môn Thích Pháp Hiển dịch



PHẬT ĐỘ ÔNG PHẤT CA SA

PHẨM THỨ CHÍN

Khi đức Thế Tôn nói bài kệ ấy rồi, Ngài liền bảo ông A Nan: Nay Ta thấy khắp mình đau nhức, muốn mau chóng đến thành Cưu Thi Na!

Bấy giờ, Ngài A Nan cùng các vị Tỳ Kheo và ông Thuần Đà, nghe đức Phật nói lời ấy, sinh tâm đau buồn, kêu khóc thướt mướt, không tự kèm được.

Ngay lúc đó, đức Thế Tôn từ tòa ngồi của mình đứng dậy, cùng các vị Tỳ Kheo vây quanh trước sau, đi về thành Cưu Thi Na. Ông Thuần Đà cùng quyến thuộc cũng đi theo đức Như Lai.

Nửa đường đức Thế Tôn ngồi nghỉ dưới một gốc cây, Ngài bảo ông A Nan: Nay Ta đau bụng quá! Ngài dựa vào ông A Nan mà đi. Đi cách chỗ kia chưa được xa mấy, Ngài lại thổ huyết bèn trở lại nơi dưới gốc cây cũ mà ngồi, Ngài

lại bảo ông A Nan: Ông cầm cái áo Tăng Già Lê, gấp bốn trái xuống đất, Ta muốn ngồi nghỉ đây, chứ không thể đi thêm được nữa! Ngài A Nan vâng lời đức Phật dạy, làm đúng y như thế.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo Ngài A Nan rằng: Nay Ta thấy khát nước, ông đến sông Ca Khuất Ta, tìm ít nước sạch về cho Ta uống!

Ngài A Nan bạch Phật rằng: Lạy Đức Thế Tôn! Vừa nãy có những người lái buôn cùng năm trăm cỗ xe qua sông ấy, sợ nước sông đục, không thể uống được!

Ngài A Nan bạch như thế đến ba lần. Đức Phật bảo ông A Nan: Ông cứ đi đi! Ông A Nan cầm bát đi, đến trên bờ sông, thấy nước sông lắng trong, tâm rất sợ hãi, rợn cả mình mẩy, đầy khắp chân lông, ông tự nghĩ rằng: Vừa rồi ta thấy những người lái buôn cùng năm trăm cỗ xe đi qua sông này, chắc hẳn còn đục, ngờ đâu lại trong, thành ra ta trái nghịch lời sai khiến của Như Lai!

Nghĩ rồi Ngài A Nan kiếm nước đem về dâng cúng dường Phật và nói lời rằng: Thật lạ lắm thay, lạy đức Thế Tôn! Vừa rồi con thấy những người lái buôn cùng năm trăm cỗ xe, trước sau qua sông, đáng lẽ trong vòng mười ngày, nước còn chưa trong, thế mà nhờ thần lực của đức Thế Tôn trong chốt lát đã trong mát rồi! Đức Thế Tôn liền bưng bát nước uống.

Bấy giờ, có một người con của Mãn La tiên nhân, tên là Phất Ca Sa, là đệ tử của Ca Lan tiên nhân. Ông này từ thành Cư Thi Na, đến thành Ba Ba, giữa đường tình cờ

thấy đức Như Lai ngồi nghỉ dưới gốc cây. Ông liền đến chấp tay thưa hỏi, rồi ngồi lui về một bên bạch Phật rằng: Lạy Đức Thế Tôn! Pháp tu xuất gia, sự nghiệp tọa thiền là tối đệ nhất, vì nó điều phục tình căn, làm cho tâm không rối loạn, chuyên tinh tịch tĩnh, không kinh sợ gì. Vì sao vậy? – Vì, tôi ghi nhớ rõ: Xưa kia tôi theo thầy tôi là Ca Lan tiên nhân, đi trên đường trường. Khi đã mỏi mệt, chúng tôi ngồi nghỉ dưới gốc cây bên đường. Thầy tôi liền tọa thiền tư duy. Giữa lúc đó, có những người lái buôn chở năm mươi cỗ xe qua trước, mà thầy tôi vẫn ngồi im lặng, thân không lay động. Và cứ như thế nhập định khá lâu, thầy tôi mới từ thiền định tỉnh dậy. Tôi liền bạch với thầy tôi rằng: Bạch thầy lúc thầy ngồi thiền tại đây, có những người lái buôn cùng năm mươi cỗ xe qua trước, tiếng kêu như sấm, không biết thầy có nghe thấy không? Thầy tôi đã dạy: Ta không nghe thấy gì. Tôi lại hỏi: Vậy thầy có nghe thấy tiếng xe đi không? Thầy tôi cũng đáp là không nghe thấy. Tôi liền thưa rằng: Bạch thầy, nay trên áo thầy sờ dĩ có những bụi bám như nhớt, là do những xe kia đi qua, gây nên như thế! Khi ấy, tôi cho là rất lạ lùng và biết rằng: Pháp tọa thiền thực đáng kính trọng, vì nó khéo điều nhiếp được tình căn, không làm rối loạn!

Đức Thế Tôn đáp lời ông Phất Ca Sa rằng: Sự việc ông vừa nói, không phải gì lạ lùng. Vì sao vậy? Nếu có người không phải ngủ say, cũng không phải nhập Diệt Tận Định, thân tâm đoan chính, an tọa ngồi Thiền, lúc đó có năm trăm cỗ xe đi qua, người ấy vẫn không biết, không nghe thấy gì, như thế mới là lạ lùng chứ!

Lại nữa, này Phất Ca Sa! Đây cũng chưa phải là rất lạ. Nếu có người chính niệm tọa thiền, gặp lúc trời sấm sét ầm ầm, sáng lóa khắp cả, bấy giờ có hai anh em người đi cày, nghe tiếng kinh sợ ấy, tức thời chết tươi và bốn con trâu gần đấy cũng chết ngay, mà người ngồi thiền kia không biết, không nghe thấy gì, thế được gọi là lạ lùng chăng? Ông Phất Ca Sa thưa: Lạ đức Thế Tôn! Năm trăm cỗ xe qua trước không biết, không nghe, đã là lạ lùng, phương chi lại sấm sét, sáng lóa, ầm ầm động đất mà lại không biết, không nghe, thò là rất hiếm có!

Đức Thế Tôn bảo ông Phất Ca Sa: Xưa kia ta chính tâm ngồi thiền, suy nghĩ dưới một gốc cây ở thôn A Xa Ma. Lúc đó, có những người lái buôn cùng năm trăm cỗ xe qua trước chỗ ta ngồi, ta suy nghĩ trong thiền định không biết, không nghe thấy gì. Những người lái buôn kia, đi qua giờ lâu, Ta mới xuất định. Họ vừa đi vừa ngoảnh lại trông. Lúc họ xa trông thấy Ta đứng dậy, họ ùa chạy lại, thấy cát bụi bám như nhớp trên áo Ta, họ liền phủ đi và hỏi rằng: Vừa rồi, chúng tôi cùng năm trăm cỗ xe đi qua đây, đức Thế Tôn có trông thấy không? Ta đã đáp: Ta không nghe thấy! Họ lại hỏi rằng: Đức Thế Tôn nhắm mắt nên không trông thấy, nhưng, chắc là nghe thấy tiếng? Ta đáp: Ta cũng không nghe thấy tiếng!

Họ lại hỏi: Vậy đức Thế Tôn ngủ say hay là nhập Diệt Tận Định? – Ta đã đáp rằng: Ta không ngủ say cũng không phải nhập Diệt Tận Định, Ta chỉ ở trong thiền định suy nghĩ, nên không nghe, không thấy gì! Họ nghe lời nói ấy của Ta, họ cho là rất lạ lùng, khen chưa từng có bao giờ và nói

rằng: Sức tọa thiền được như thế đấy! Ta liền vì họ, nói cho họ nghe mọi pháp và những người lái buôn kia, do nơi mọi pháp ấy, đều xa lìa trần cấu, được pháp nhãn tịnh.

Lại nữa, này Phất Ca Sa! Ngày trước Ta ngồi một mình trong khoảnh ruộng bên thôn kia, lặng lẽ suy nghĩ thiền, chốc lát tự nhiên sấm sét vang giập, gió mưa chấn động cả trời đất. Khi ấy có hai anh em người cày ruộng, chợt nghe thấy những tiếng ấy, đều cùng sợ mà chết; lại có bốn con trâu cũng đều chết tươi. bấy giờ, người trong thôn kia, nghe tin có hai người đi cày, nghe tiếng sét sợ chết, hoặc cha mẹ, vợ con, bạn bè, họ hàng hợp cùng những người trong thôn đi theo, khóc lóc lại xem; lúc đó, Ta mới ở trong thiền định tỉnh dậy, thấy mặt đất đầy nước bùn, lại có nhiều người, tụ tập gào khóc. Có một người đi lại, Ta liền hỏi: Sao lại có nhiều người tụ tập lại đây và khóc lóc như vậy? Người kia đáp: Vừa rồi đức Thế Tôn không nghe biết tiếng sấm, sét ư?

Có hai anh em nhà kia trong thôn con, cày ruộng tại nơi đây, hai người đồng thời bị sét đánh chết và cả bốn con trâu cũng đều bị chết, sao mà đức Thế Tôn không hiểu biết gì? Hay là, vừa rồi đức Như Lai ngủ say, hoặc là Ngài nhập Diệt Tận Định ư? – Ta đáp lời ấy: Không, vừa rồi Ta không ngủ say cũng không nhập Diệt Tận Định, Ta đoan chính tâm, im lặng ngồi thiền, nên Ta không nghe thấy đó? Người kia nghe đức Phật nói lời ấy, cho là rất lạ lùng, khen chưa từng có bao giờ. Tâm họ tự niệm: Tọa thiền có năng lực như thế! Ta liền vì họ, nói cho họ nghe mọi pháp. Họ nghe pháp rồi, do trong những pháp ấy, họ xa lìa trần cấu, được pháp nhãn tịnh.

Bấy giờ, ông Phất Ca Sa, nghe đức Phật nói lời ấy, sinh tâm hiềm có, bạch đức Phật rằng: Lạy đức Thế Tôn! Trước đây khi con thấy thầy của con ngồi thiền, năm mươi cỗ xe đi qua, không nghe, không biết gì, con cho là lạ lùng; nay đức Như Lai nói hai việc trên đây, gấp trăm, nghìn, vạn lần, không gì có thể so sánh được với năng lực Thiền định không thể nghĩ bàn của đức Như Lai! Thưa bạch rồi, ông Phất Ca Sa cầu xin theo Phật thụ Tam quy y. Đức Như Lai lại vì ông nói cho nghe mọi pháp nhiệm mầu. Ông ấy nghe pháp rồi, tâm ý khai ngộ, xa lìa trần cấu, được pháp nhãn tịnh.

Phất Ca Sa liền bảo người đi hầu: Người đi cầm hai tấm vải tốt màu vàng ròng của ta, đem lại đây cho ta, ta muốn dâng cúng Phật! Người hầu vâng lời, lấy vải đem đến; Phất Ca Sa tay cầm tấm vải, quỳ thẳng trước Phật, bạch rằng: Lạy đức Thế Tôn! Nay con đem tấm vải này dâng lên Thế Tôn, kính mong Thế Tôn thương con, nhận cho con!

Đức Thế Tôn đáp lời ông Phất Ca Sa: Ta nay vì lòng chân thành của ông, nhận cho ông một tấm, còn một tấm ông nên đem cúng ông A Nan! Sao vậy? – Vì, ông A Nan đêm ngày hầu cận bên Ta, vả lại, ngày nay ông trông nom sự đau yếu của Ta, nếu có thí chủ, bố thí cho người đau yếu cùng người trông nom người đau yếu ấy, thế gọi là đầy đủ sự Bố thí lớn lao, gọi là Mãn túc đại thí.

Ông Phất Ca Sa nghe đức Phật nói lời ấy, vui mừng hớn hở, liền để một tấm vải dưới chân Phật và cầm một tấm tới chỗ Ngài A Nan, quỳ thẳng, bạch rằng: Nay con đem tấm vải này cúng dường Tôn giả, kính mong Tôn giả

thương nhận cho! Ngài A Nan đáp: Quý hóa thay, quý hóa thay! Nay ông tin lời đấng Thiên Nhân Sư, tôi mong ông được an lạc mãi mãi, tôi thành tâm nhận vật bố thí của ông!

Sau đó ông Phất Ca Sa, trở về nơi đức Phật, đức Phật lại vì Phất Ca Sa nói cho nghe mọi pháp. Phất Ca Sa nghe pháp rồi, chứng được quả A Na Hàm. Khi ấy, ông Phất Ca Sa lại bạch Phật rằng: Lạy đức Thế Tôn! Nay con muốn xuất gia trong Phật pháp. Đức Phật liền gọi: Thiện lai Tỳ Kheo! Lúc đó râu tóc tự rơi rụng, áo Ca sa mặc vào mình, trở thành bạch Sa môn, chứng quả A La Hán.

Chú Thích Từ Ngữ:

[1] Tăng Già Lê (Samghàti): Pháp Y Chín điều (Đại Y) Tên một trong 3 y (Đại y, Trung y và Hạ y) của Tỳ Kheo. Áo này Hán dịch là Trùng hay là Hợp. Y này có nhiều thứ hoặc 9 điều, 11 điều, 13 điều, mỗi điều hai mảnh dài, 1 mảnh ngắn; 15, 17, 19 điều, mỗi điều 3 mảnh dài, 1 mảnh ngắn; 21, 23, 25 điều, mỗi điều 4 mảnh dài, 1 mảnh ngắn.

Pháp y Bảy điều, tiếng Phạm là Uttarasinga (Uất-đa-la-tăng) đây gọi là Thượng trước y. Cũng tên là Nhập chúng y. Phàm khi lạy Phật, tu sám, tụng kinh, tọa thiền đến thụ trai, đi nghe giảng, lễ bố tát, lễ tự tứ, đều phải đắp y đây.

Pháp y Năm điều, nguyên tên là An Đà Hội, đây dịch là Trung túc y. Cũng rằng hạ y. Cũng kêu là cái pháp y bận khi làm việc lật vật, pháp y năm điều đây đồ bận bậc hạ đấy, (Còn bảy điều là bậc trung, chín điều là bậc thượng). Nghĩa là trong tự viện, khi làm các công việc cực nhọc phải bận cái pháp y này.

Kinh Giới Đàn nói: Y Năm điều (An Đà Hội), dứt lòng tham, tịnh nghiệp thân. Y Bảy điều (Uất Đa La) dứt lòng sân, tịnh nghiệp khẩu. Y Chín điều, đại y (Tăng Già Lê) điều diệt lòng si, tịnh tịch ý thức.

Nên kinh Hoa Nghiêm nói: Người mặc cái áo Ca sa giữ đúng giới pháp, là xả ly được ba độc vậy.

Phật bảo A Nan rằng: Đệ tử của chư Phật đời quá khứ đã đắp pháp y như thế, đệ tử của chư Phật đời vị lai cũng sẽ đắp pháp y như thế. Như ta ngày hôm nay, dùng kéo cắt ra mỗi miếng ráp lại thành pháp y của Sa môn là, chẳng còn bị kẻ đạo tặc trộm cướp, thế là cái pháp y ruộng phúc, là đồ mặc giải thoát.

Nếu có người khởi một lòng ác đối với người bạn Ca sa, quả A La Hán, quả Bích Chi Phật và cả chư Phật ba đời, thì người ác tâm ấy đắc tội vô lượng! Sở dĩ là sao thế? Vì cái pháp y hoại sắc đây, là nêu cái hình thức bốn Thánh, ba Hiền. Nếu người mà hay dấy lòng cung kính người bạn pháp y nhuộm hoại sắc, thì người đó đắc phúc khó lường!

[2] Diệt Tận Định (Nirodhasamàpatti): Cũng gọi là Diệt Thụ Tướng Định, là 1 trong 2 Vô Tâm Định. Là môn thiền định diệt hết tâm, tâm sở, 6 thức, làm cho không phát khởi hiện hành được nữa.

[3] Thiện Lai Tỳ Kheo: Đây nói, khi thời Phật tại thế, người phát khởi thiện tâm xuất gia, do nguyện lực của đương nhân cùng sức uy thần của Phật, Phật hướng vào người xuất gia, gọi: Thiện lai Tỳ Kheo (vị Tỳ Kheo do thiện nguyện tới), tức thời thành vị Sa môn; hình tướng như dung

mạo, áo nhuộm, tự đầy đủ..., thân trang nghiêm thành tựu cụ túc giới.

[4] Ca sa (Kasàya): Có nghĩa là áo nhuộm hoại sắc, không để chính sắc. Là áo của các vị Tỳ Kheo. Áo này có 3 bậc: 5 điều, 7 điều và 9 điều... Như trong mục Tăng già Lê Y ở trước đã giải thích.

CÂU HỎI ÔN TẬP:

1. Viết bằng chữ Hán đoạn văn: Phu xuất gia pháp tọa thiện chi nghiệp tối vi đệ nhất, điều phục tình căn, sử tâm bất loạn, chuyên tinh tịch tĩnh, mạc năng kinh khủng. 夫出家法坐禪之業最為第一。調伏情根。使心不亂。專精寂靜。莫能驚恐。

2. Cho biết tên gọi và ý nghĩa của Ba pháp y (Năm điều, Bảy điều và Chín điều)?

3. Đọc chánh văn đoạn: Như Lai thiện lực bất khả tư nghì, tức tiện tông Phật thụ tam quy y, Như Lai vi thuyết chủng chủng diệu pháp, kỳ văn pháp dĩ, tâm khai ý ngộ, viễn trần ly cấu đắc pháp nhãn tịnh?

大般涅槃經卷中

東晉平陽沙門釋法顯譯

示現涅槃品第十

爾時如來從其面門。放種種光。青黃赤白。頗梨紅色。於是阿難頂禮佛足。長跪叉手。而白佛言：不審世尊。有何因緣。而現此瑞？

佛即答言：阿難。當知我有二時。放大光明。一者在菩提樹欲成佛時放大光明。二者欲般涅槃放大光明。阿難。知不。我成阿耨多羅三藐三菩提。盡於夜分般涅槃時。亦復如是。汝今當知。我於今者。後夜分盡。在鳩尸那城力士生地熙連河側娑羅雙樹間。入般涅槃。說此語已。諸比丘眾虛空諸天。悲號啼泣不能自勝。

爾時世尊與比丘眾。到迦屈蹉河。世尊即便入河洗浴。洗浴訖已。共比丘僧。坐於河側。爾時淳陀心自咎責。世尊因受我之供飯。而患腹痛。欲般涅槃。

爾時世尊知淳陀心。告阿難言：汝今當知。一切眾生。勿自責言。如來因受我之供飯。致使身患而般涅槃。所以者何？如來出

世。有二種人。獲福最上。一者欲成阿耨多羅三藐三菩提時。而來奉施。二者如來臨欲般涅槃時。最後供飯。此二人福正等無異。所獲果報不可稱計。如此二施。難可值遇。如優曇鉢花時時乃有。

爾時世尊即告淳陀。汝今心意正有此念。不應自生如此悔責。已獲無上難得之寶。宜應自生慶幸之情。百千萬劫。佛名難聞。雖得聞名。見佛又難。雖得見佛。供養又難。雖得供養。在此二施。亦又甚難。汝今已果。不久當獲辯才智慧色力壽命。爾時淳陀聞佛此語。心生歡喜不能自勝。而白佛言：快哉世尊。我今已得如此大利。爾時世尊而說偈言：

布施者獲福	慈心者無怨
為善者消惡	離欲者無惱
若行如此行	不久般涅槃

爾時世尊說此偈已。告淳陀言：汝今應以最後施福。廣為人說。令得聞者長夜獲安。

爾時世尊告阿難言：我今欲進鳩尸那城力士生地熙連河側娑羅雙樹間。阿難白言：唯然世尊。於是如來與諸比丘。前後圍繞。

而便進路。渡熙連河。住鳩尸那城力士生地娑羅林外。語阿難言：汝可往至娑羅林中。見有雙樹。孤在一處灑掃其下。使令清淨。安處繩床。令頭北首。我今身體極苦疲極。

爾時阿難及諸比丘。聞佛此語。倍增悲絕。阿難流淚奉勅而去。至彼樹下灑掃敷施。皆悉如法。還歸白言：灑掃敷施。皆悉已畢。

爾時世尊。與諸比丘。入娑羅林。至雙樹下。右脇著床。累足而臥。如師子眠。端心正念。爾時雙樹忽然生花。墮如來上。世尊即便問阿難言：汝見彼樹非時生花供養我不。阿難答言：唯然見之。

爾時諸天龍八部。於虛空中。雨眾妙花。曼陀羅花。摩訶曼陀羅花。曼殊沙花。摩訶曼殊沙花。而散佛上。又散牛頭栴檀等香。作天伎樂。歌唄讚歎。

佛告阿難：汝見虛空諸天八部供養我不。阿難白言：唯然已見。世尊又復告阿難言：欲供養我報於恩者。不必以此香花伎樂。淨持禁戒。讀誦經典。思惟諸法深妙之義。斯則名為供養我也。

爾時有一比丘。名優波摩那。如來昔日

未取阿難為侍者時。其恒執事看視如來。時優波摩那。既見如來臥雙樹下。心大苦懷。在佛前立。

爾時世尊而告之言：汝今不須當我前倚。優波摩那即却一面。爾時阿難心生疑念。我侍佛來。經歷年載。未曾見佛作如此語。今日何故。不聽前立。如來今者不久便當入般涅槃。而復不聽在前悲泣。

於是阿難即禮佛足。長跪叉手白言：世尊。我從昔來侍佛至今。數數在於世尊前立。而未曾聞令我却退。今者何故語優波摩那使避前耶。佛言：阿難。諸天龍神八部之眾。聞我在於娑羅雙樹右胸而臥。皆悉競來瞻視於我。從虛空中。累至于地。四面充滿。各三十二踰闍那。此優波摩那比丘。當我前立。天龍八部生不喜心。作如是念。如來今者在雙樹間。不久便當入般涅槃。我等最後瞻視之時。而此比丘。當佛前立。以是因緣故令之却。

阿難知不。今此八部。或有悲泣不能自勝。或有懊懷迷悶欲絕。或有以手自拔頭髮。或有牽絕嚴身具者。悉皆同聲唱如是言：如來今者入般涅槃。何其速哉？如來出

世難可值遇。如優曇鉢花時時乃現。而今不久入般涅槃。嗚呼苦哉！世間眼滅。我等從今誰為歸導。離欲諸天皆悉歎言。

嗚呼！世間極為無常。無有受生不歸滅者。又彼諸天。共相謂言：世尊昔日或在毘耶離城。或在王舍城。或在舍衛國并及餘處。安居訖已。

諸比丘眾從四方來。問訊世尊。我等因此。得於路側見諸比丘。禮拜供養。聽受經法。長獲福利。世尊今者既般涅槃。諸比丘僧。安居竟已。無復問訊。遊行處所。我等不復得於路側見諸比丘。禮拜供養。聽受經法。從今永失如此福利。

爾時如來告阿難言：若比丘比丘尼優婆塞優婆夷。於我滅後。能故發心。往我四處。所獲功德不可稱計。所生之處。常在人天。受樂果報。無有窮盡。

何等為四。一者如來為菩薩時。在迦比羅旃兜國藍毘尼園所生之處。二者於摩竭提國。我初坐於菩提樹下。得成阿耨多羅三藐三菩提處。三者波羅奈國鹿野苑中仙人所住轉法輪處。四者鳩尸那國力士生地熙連河側娑羅林中雙樹之間般涅槃處。是為四處。

若比丘比丘尼優婆塞優婆夷。并及餘人外道徒眾。發心欲往到彼禮拜。所獲功德。悉如上說。爾時阿難聞佛此語白言：世尊。我從今者當普宣告諸四部眾知此四處。若往禮拜。功德如是。

爾時阿難復白佛言：若有善心諸優婆夷。善持戒行。樂聽經法。欲見比丘。我等從今當云何耶？佛言：汝等從今勿與相見。阿難言：若脫遇會與之相逢。當復云何？佛言：勿與共語。阿難言：若不共語。其脫諮請。欲聞經法。當復云何？佛言：應為說法。但當善攝汝身口意。爾時阿難而白佛言：我等從今如是奉行。

PHIÊN ÂM:

ĐẠI BÁT NIẾT BÀN KINH

Quyển Trung

Đông Tấn, Bình Dương, Sa môn Thích Pháp Hiển dịch

----- ❧ ❧ ❧ -----

HIỆN TƯỢNG NIẾT BÀN

PHẨM ĐỆ THẬP

Nhĩ thời Như Lai tòng kỳ diện môn, phóng chủng chủng quang, thanh hoàng xích bạch, pha lê hồng sắc. Ư thị A Nan đĩnh lễ Phật túc, trường quy xoa thủ, nhi bạch Phật ngôn:

Bất phẩm Thế Tôn, hữu hà nhân duyên, nhi hiện thử thụ?

Phật tức đáp ngôn: A Nan, đương tri ngã hữu nhị thời, phóng đại quang minh. Nhất giả tại Bồ Đề thụ dục thành Phật thời phóng đại quang minh. Nhị giả dục bát Niết Bàn phóng đại quang minh. A Nan, tri bất ngã thành A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, tận ư dạ phân bát Niết Bàn thời, diệc phục như thị. Nhữ kim đương tri, ngã ư kim giả, hậu dạ phân tận, tại Cựu Thi Na Thành, Lực sĩ sanh địa [1] Ni Liên Hà trắc, Sa La Song Thụ gian, nhập bát Niết Bàn.

Thuyết thử ngữ dĩ, chư Tỳ kheo chúng hư không chư thiên, bi hào đề khắp bất năng tự thắng. Nhĩ thời Thế Tôn dữ Tỳ kheo chúng, đáo Ca Khuất Ta hà. Thế Tôn tức tiện nhập hà tẩy dục, tẩy dục cật dĩ, cộng Tỳ Kheo tăng, tọa ư hà trắc. Nhĩ thời Thuần Đà tâm tự cứu trách, Thế Tôn nhân thụ ngã chi cúng phạn, nhi hoạn phúc thống, dục bát Niết Bàn.

Nhĩ thời Thế Tôn tri Thuần Đà tâm, cáo A Nan ngôn: Nhữ kim đương tri, nhất thiết chúng sanh, vật tự trách ngôn, Như Lai nhân thụ ngã chi cúng phạn, trí sử thân hoạn nhi bát Niết Bàn. Sở dĩ giả hà? Như Lai xuất thế, hữu nhị chủng nhân, hoạch phúc tối thượng. Nhất giả dục thành A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề thời, nhi lai phụng thí. Nhị giả Như Lai lâm dục bát Niết Bàn thời, tối hậu cúng phạn, thử nhị nhân phúc chánh đẳng vô dị, sở hoạch quả báo bất khả xưng kể, như thử nhị thí, nan khả trị ngộ. Như Ưu Đàm Bát hoa [2] thời thời nãi hữu.

Nhĩ thời Thế Tôn tức cáo Thuần Đà: Nhữ kim tâm ý chánh hữu thử niệm, bất ứng tự sanh như thử hối trách. dĩ

hoạch vô thượng nan đắc chi bảo, nghi ưng tự sanh khánh hạnh chi tình, bách thiên vạn kiếp, Phật danh nan văn, tuy đắc văn danh, kiến Phật hựu nan, tuy đắc kiến Phật, cung dưỡng hựu nan, tuy đắc cúng dường, tại thử nhị thí, diệc hựu thậm nan. Nhữ kim dĩ quả, bất cứu đương hoạch biện tài trí tuệ sắc lực thọ mệnh. Nhĩ thời Thuần Đà văn Phật thử ngữ, tâm sanh hoan hỉ bất năng tự thắng, nhi bạch Phật ngôn: Khoái tai Thế Tôn, ngã kim dĩ đắc như thử đại lợi.

Nhĩ thời Thế Tôn nhi thuyết kệ ngôn: Bồ thí giả hoạch phúc, từ tâm giả vô oán, vi thiện giả tiêu ác, ly dục giả vô não. Nhược hành như thử hạnh, bất cứu bát Niết Bàn.

Nhĩ thời Thế Tôn thuyết thử kệ dĩ, cáo Thuần Đà ngôn: Nhữ kim ứng dĩ tối hậu thi phúc, quảng vi nhân thuyết, lệnh đắc văn giả trường dạ hoạch an.

Nhĩ thời Thế Tôn cáo A Nan ngôn: Ngã kim dục tiến Cưu Thi Na thành Lực sĩ sanh địa, Ni Liên Hà trắc, Sa La Song Thụ gian [3]. A Nan bạch ngôn: Duy nhiên Thế Tôn. Ư thị Như Lai dữ chư Tỳ kheo, tiền hậu vi nhiều, nhi tiện tiến lộ, độ Ni Liên Hà, trụ Cưu Thi Na thành lực sĩ sanh địa Sa La lâm ngoại, ngữ A Nan ngôn: Nhữ khả vãng chí Sa La lâm trung, kiến hữu song thụ, cô tại nhất xứ sái tảo kỳ hạ, sử lệnh thanh tịnh, an xử thăng sàng, lệnh đầu bắc thủ, ngã kim thân thể cực khổ bì cực. Nhĩ thời A Nan cập chư Tỳ Kheo, văn Phật thử ngữ, bội tăng bi tuyệt. A Nan lưu lệ phụng sắc nhi khứ, chí bỉ thụ hạ sái tảo phu thi, giai tất như pháp, hoàn quy bạch ngôn: Sái tảo phu thi, giai tất dĩ tất. Nhĩ thời Thế Tôn dữ chư Tỳ Kheo, nhập Sa La lâm, chí song thụ hạ, hữu hiếp trước sàng, luy túc

nhi ngọa, như Sư tử [52] miên, đoan tâm chánh niệm. Nhĩ thời Song Thụ hốt nhiên sanh hoa, đọa như lai thượng.

Thế Tôn tức tiện vấn A Nan ngôn: Nhữ kiến bỉ thụ phi thời sanh hoa cúng dường ngã bất. A Nan đáp ngôn: Duy nhiên kiến chi. Nhĩ thời chư Thiên, Long thần bát bộ, ư hư không trung, vũ chúng diệu hoa: Mạn đà la hoa, Ma ha Mạn Đà La hoa, Mạn Thù Sa hoa, Ma ha Mạn Thù Sa hoa [4], nhi tán Phật thượng, hựu tán ngưu đầu chiên đàn đẳng hương. Tác thiên kĩ nhạc, ca bá tán tán. Phật cáo A Nan: Nhữ kiến hư không chư thiên bát bộ cúng dường ngã bất. A Nan bạch ngôn: Duy nhiên dĩ kiến.

Thế Tôn hựu phục cáo A Nan ngôn: Dục cúng dường ngã báo ư ân giả, bất tất dĩ thử hương hoa kĩ nhạc, tịnh trì cấm giới, độc tụng kinh điển, tư duy chư pháp thâm diệu chi nghĩa, tư tắc danh vi cúng dường ngã dã. Nhĩ thời hữu nhất Tỳ Kheo, danh Ưu Ba Ma Na (Upamàna). Như Lai tích nhật vị thủ A Nan vi thị giả thời, kỳ hằng chấp sự khán thị Như Lai. Thời Ưu Ba Ma Na, ký kiến Như Lai ngọa Song Thụ hạ, tâm đại khổ nùng, tại Phật tiền lập.

Nhĩ thời Thế Tôn nhi cáo chi ngôn: Nhữ kim bất tu đương ngã tiền ỷ, Ưu Ba Ma Na tức tức nhất diện. Nhĩ thời A Nan tâm sanh nghi niệm: Ngã thị Phật lai, kinh lịch niên tái, vị tăng kiến Phật tác như thử ngữ. Kim nhật hà cố? Bất thính tiền lập. Như Lai kim giả bất cửu tiện đương nhập bát Niết Bàn nhi phục bất thính tại tiền bi khắp.

Ư thị A Nan tức lễ Phật túc, trường quỳ xoa thủ bạch ngôn: Thế Tôn ngã tòng tích lai thị Phật chí kim, số số tại vu

Thế Tôn tiền lập, nhi vị tăng văn lệnh ngã tức thối. Kim giả hà cố ngữ Ưu Ba Ma Na sử tị tiền da? phật ngôn: A Nan, chư Thiên, Long thần, Bát bộ [5] chi chúng, văn ngã tại, ư Sa La Song Thọ hữu hung nhi ngọa, giai tất cạnh lai chiêm thị ư ngã, tông hư không trung, luy chí ư địa, tứ diện sung mãn, các tam thập nhị Du Đờ Na. Thử Ưu Ba Ma Na Tỳ Kheo, đương ngã tiền lập, Thiên Long bát bộ sanh bất hỷ tâm, tác như thị niệm. Như Lai kim giả tại Song Thọ gian, bất cửu tiện đương nhập bát Niết Bàn ngã đẳng tối hậu chiêm thị chi thời. Nhi thử Tỳ Kheo, đương phật tiền lập, dĩ thị nhân duyên cố lệnh chi tức.

Nhĩ thời Thế Tôn nhi cáo chi ngôn: Nhữ kim bất tu đương ngã tiền ý, Ưu Ba Ma Na tức tức nhất diện. Nhĩ thời A Nan tâm sanh nghi niệm: Ngã thị Phật lai, kinh lịch niên tái, vị tăng kiến phật tác như thử ngữ. Kim nhật hà cố? Bất thính tiền lập. Như Lai kim giả bất cửu tiện đương nhập bát Niết Bàn nhi phục bất thính tại tiền bi khắp.

Ư thị A Nan tức lễ Phật túc, trường quỳ xoa thủ bạch ngôn: Thế Tôn ngã tông tích lai thị Phật chí kim, sở sở tại ư Thế Tôn tiền lập, nhi vị tăng văn lệnh ngã tức thối. Kim giả hà cố ngữ Ưu Ba Ma Na sử tị tiền da? Phật ngôn: A Nan, chư Thiên, Long thần bát bộ chi chúng, văn ngã tại, ư Sa La Song Thọ hữu hung nhi ngọa, giai tất cạnh lai chiêm thị ư ngã, tông hư không trung, luy chí ư địa, tứ diện sung mãn, các tam thập nhị Du Đờ Na. Thử Ưu Ba Ma Na Tỳ kheo, đương ngã tiền lập, Thiên Long bát bộ sanh bất hỷ tâm, tác như thị niệm. Như Lai kim giả tại Song Thọ gian, bất cửu tiện đương nhập bát Niết Bàn ngã đẳng tối hậu chiêm thị chi thời. Nhi

thử Tỳ Kheo, đương Phật tiền lập, dĩ thị nhân duyên cố lệnh chi tức.

A Nan tri bất, kim thử bát bộ, hoặc hữu bi khắp bất năng tự thắng, hoặc hữu áo nùng mê muội dục tuyệt, hoặc hữu dĩ thủ tự bạt đầu phát, hoặc hữu khiến tuyệt nghiêm thân cụ giả, tất giai đồng thanh xưng như thị ngôn: Như Lai kim giả nhập bát Niết Bàn. Hà kỳ tốc tai! Như Lai xuất thế nan khả trị ngộ, như Ưu Đàm Bát hoa thời thời nãi hiện, nhi kim bất cứu nhập bát Niết Bàn. Ô hô khổ tai! Thế gian nhĩ diệt!

Ngã đẳng tông kim thù vi quy đạo, ly dục chư thiên giai tất thán ngôn: Ô hô thế gian! Cực vi vô thường! Vô hữu thụ sanh bất quy diệt giả, hựu bỉ chư thiên, cộng tương vị ngôn: Thế Tôn tích nhật hoặc tại Tỳ Da Ly thành, hoặc tại Vương Xá (Rājagṛha) thành, hoặc tại Xá Vệ (Śrāvastī) quốc tịnh cập dư xứ, an cư cập dĩ. Chư Tỳ kheo chúng tông tứ phương lai, vấn tẩn Thế Tôn: Ngã đẳng nhân thử, đắc ư lộ trắc kiến chư Tỳ kheo lễ bái cúng dường, thỉnh thụ kinh pháp, trường hoạch phúc lợi. Thế Tôn kim giả ký bát Niết Bàn chư Tỳ Kheo tăng, an cư cánh dĩ, vô phục vấn tẩn. Du hành xứ sở, ngã đẳng bất phục đắc ư lộ trắc kiến chư Tỳ Kheo lễ bái cúng dường, thỉnh thụ kinh pháp, tông kim vĩnh thất như thử phúc lợi.

Nhĩ thời Như Lai cáo A Nan ngôn: Nhược Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di, ư ngã diệt hậu, năng cố phát tâm, vãng ngã tứ xứ, sở hoạch công đức bất khả xưng kể, sở sanh chi xứ. Thường tại nhân thiên, thụ lạc quả báo, vô hữu cùng tận. Hà đẳng vi tứ? Nhất giả Như Lai vi Bồ Tát thời, tại Ca Tỳ La (Kapilavastu) bái đầu quốc Lâm Tỳ Ni Viên (Lumbini) sở sanh chi xứ. Nhị giả ư Ma Kiệt Đề (Magadha) [6] quốc,

ngã sơ tọa ư Bồ Đề Thọ Hạ [7] (Boddhidruma), đắc thành A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề xứ. Tam giả Ba La Nại quốc (Vàranasi Benares) Lộc Dã Uyển (Mrgadàva) trung tiên nhân sở trụ chuyển pháp luân xứ. Tứ giả Cưu Thi Na (Kusinagara) quốc, lực sĩ sanh địa, Ni Liên hà (Nairanjana), trắc Sa La Lâm (Sàlavana) trung, Song Thọ chi gian, bát Niết Bàn xứ, thị vi tứ xứ. Nhược Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di tịnh cập dư nhân ngoại đạo đồ chúng, phát tâm dục vãng đáo bỉ lễ bái, sở hoạch công đức, tất như thượng thuyết. Nhĩ thời A Nan văn Phật thử ngữ bạch ngôn: Thế tôn, ngã tòng kim giả đương phổ tuyên cáo chư tứ bộ chúng tri thử tứ xứ. Nhược vãng lễ bái, công đức như thị.

Nhĩ thời A Nan phục bạch Phật ngôn: Nhược hữu thiện tâm chư Ưu bà di, thiện trì giới hành, lạc thính kinh pháp, dục kiến Tỳ kheo. Ngã đẳng tòng kim đương vân hà da? Phật ngôn: Nhữ đẳng tòng kim vật dữ tương kiến A Nan ngôn: Nhược thoát ngộ hội dữ chi tương phùng, đương phục vân hà? Phật ngôn: Vật dữ cộng ngữ, A Nan ngôn: Nhược bất cộng ngữ, kỳ thoát ty thỉnh, dục văn kinh pháp, đương phục vân hà? Phật ngôn: Ưng vi thuyết pháp, dẫn đương thiện nhiếp nhữ thân khẩu ý. Nhĩ thời A Nan nhi bạch Phật ngôn: Ngã đẳng tòng kim như thị phụng hành.

DỊCH NGHĨA:

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

Quyển Trung

Đông Tấn, Bình Dương, Sa môn Thích Pháp Hiển dịch

----- ॐ -----

THỊ HIỆN TƯỚNG NIẾT BÀN PHẨM THỨ MƯỜI

Bấy giờ, từ điện môn đức Như Lai, phóng ra nhiều hào quang: Xanh, vàng, đỏ, trắng, pha lê, sắc hồng. Ngài A Nan liền đỉnh lễ xuống chân Phật, quỳ thẳng, chắp tay, mà bạch Phật rằng: Lạy đức Thế Tôn! Không biết có nhân duyên gì, mà đức Thế Tôn hiện ra thụy tướng ấy?

Đức Phật đáp: Này A Nan! Ông nên biết có hai thời Thế Tôn phóng ra những hào quang sáng lớn: Một là khi Thế Tôn sắp thành Phật ở dưới gốc cây Bồ Đề, phóng ra hào quang sáng lớn. Hai là khi Thế Tôn sắp nhập Niết Bàn, phóng ra hào quang sáng lớn.

Này A Nan! Ông có biết không: Ta thành Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác, thuộc về ban đêm, khi gần sáng, thời khi ta nhập Niết Bàn cũng như thế! Ông nay nên biết: Gần sáng đêm hôm nay, ta sẽ nhập Niết Bàn, khoảng hàng Sa La song thụ bên bờ sông Ni Liên, nơi Lực sĩ sinh địa, thuộc thành Cưu Thi Na! Đức Phật nói lời ấy rồi, các vị Tỳ Kheo, chư Thiên trên hư không, thương xót, kêu khóc, không tự kèm hãm được.

Khi ấy, đức Thế Tôn cùng các vị Tỳ Kheo, đến sông Ca Khuất Ta. Đến đây, đức Thế Tôn liền xuống sông tắm rửa, tắm rửa xong. Ngài lại cùng các vị Tỳ Kheo Tăng, ngồi bên bờ sông.

Lúc đó, ông Thuần Đà, tự trách tâm mình rằng: Đức Thế Tôn vì thụ bữa cơm cúng dàng của ta, sinh ra đau bụng, mà sắp nhập Niết Bàn chẳng?

Đức Thế Tôn biết tâm ông Thuần Đà nghĩ thế, Ngài liền bảo ông A Nan: Này A Nan! Ông nay nên biết: Hết thầy chúng sinh, chớ nên trách mình rằng đức Như Lai vì thụ bữa cơm cúng dàng của ta, đến nỗi bị bệnh trong thân, mà nhập Niết Bàn. Vì sao vậy? Đức Như Lai ra đời, có hai hạng người được phúc hơn hết: Một là khi Như Lai sắp thành Vô Thượng Chính Đẳng, Chính Giác, đem món ăn lại dâng cúng. Hai là khi Như Lai sắp nhập Niết Bàn, cúng dàng bữa cơm sau cùng. Hai hạng người cúng dàng ấy, phúc đều bằng nhau không khác và được quả báo rất nhiều, không thể kể xiết được. Hai hạng người cúng dàng như thế, kể khó gặp được cũng như hoa Ưu Đàm, bao thời, bao thời, mới có một lần!

Đức Thế Tôn liền bảo ông Thuần Đà: Tâm ý ông hiện nay chính có niệm ấy. Ông không nên tự sinh tâm hối trách như thế. Ông đã được sự quý báu vô thượng khó được, ông nên tự sinh ra tấm lòng vui mừng, may mắn. Ông nên biết: Trong trăm, nghìn, muôn kiếp, khó được nghe thấy danh hiệu Phật. Tuy có khi được nghe danh hiệu Phật, nhưng thấy được Phật lại khó hơn. Có khi trông thấy được Phật, nhưng, cúng dàng được lại càng khó hơn. Tuy có khi được cúng dàng, nhưng, được dự vào hai hạng cúng dàng như trên, cũng lại rất khó. Ông nay đã được phúc quả ấy, không bao lâu nữa, ông sẽ được biện tài, trí tuệ, sắc lực và thọ mệnh.

Thuần Đà nghe đức Phật nói lời ấy, tâm sinh vui mừng không xiết, liền bạch với Phật rằng: Thật sung sướng thay, lay đức Thế Tôn! Nay con đã được lợi ích lớn lao như vậy!

Đức Thế Tôn liền nói bài kệ: Người bố thí được phúc, người từ tâm không oán; người làm thiện tránh ác, người ly dục không nã. Nếu làm hạnh như thế, không lâu, chứng Niết Bàn.

Đức Thế Tôn nói bài kệ ấy rồi, Ngài liền bảo ông Thuần Đà: Này Thuần Đà! Nay ông nên đem việc phúc báo trong sự cúng dàng lần cuối cùng này, nói khắp cho mọi người nghe, làm cho những người được nghe ấy, được sự an lạc mãi mãi!

Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo ông A Nan: Nay Ta muốn đi đến khoảng hàng cây Sa La song thụ bên bờ sông Ni Liên Thiên, nơi Lực sĩ sinh địa, thuộc thành Cưu Thi Na! Ngài A Nan bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn! Chúng con xin vâng.

Khi ấy đức Như Lai cùng các vị Tỳ Kheo, vây quanh trước sau, lên đường. Qua sông Ni Liên Thiên, đức Thế Tôn cùng đại chúng dừng lại ngoài rừng cây Sa La, nơi Lực sĩ sinh địa thuộc thành Cưu Thi Na. Ngài bảo ông A Nan rằng: Ông đi vào trong rừng Sa La, thấy nơi nào có hàng Song Thụ, riêng một chỗ ấy, ông quét rửa ở dưới cho sạch sẽ và ông đặt cái giường kết bằng dây ở tại nơi đó, nhưng để đầu quay về hướng Bắc. Nay thân tứ đại Thế Tôn mỗi một lấm rồi!

Ngài A Nan cùng các vị Tỳ Kheo nghe đức Phật nói lời ấy, càng thêm đau xót, buồn bã! Ngài A Nan rơi lệ, vâng lời Phật dạy mà đi. Đến chỗ hàng cây kia, quét rửa, xếp đặt, các việc đều như pháp, rồi trở về bạch Phật: Lạy đức Thế Tôn! Con đã quét rửa, xếp đặt xong!

Bấy giờ, đức Thế Tôn cùng các vị Tỳ Kheo vào trong

rừng Sa La, đến dưới chỗ hàng cây Song thụ. Khi đi đến nơi, Đức Thế Tôn đặt hông bên hữu xuống giường, nằm xếp chân như Sư Tử Vương nằm ngủ, đoan tâm chính niệm.

Khi ấy, hàng cây Sa La song thụ bỗng dựng nở hoa, rơi xuống mình đức Như Lai. Đức Thế Tôn liền hỏi ông A Nan: Ông có thấy cây Sa La kia nở hoa trái mùa để cúng dàng Tôi không? Ông A Nan đáp: Bạch đức Thế Tôn! Con có trông thấy. Lúc đó, chư Thiên, Long thần tám bộ, trong hư không, rải những hoa quý như các hoa: Mạn Đà La, Ma Ha Mạn Đà La, Mạn Thù Sa, Ma Ha Mạn Thù Sa lên trên đức Phật; lại rải những hương Ngưu đầu, Chiên đàn; tấu những kỹ nhạc cõi Thiên và ca hát, tán thán.

Đức Phật bảo ngài A Nan: Ông có thấy chư Thiên tám bộ trong hư không cúng dàng Thế Tôn không? – Ông A Nan bạch Phật: Dạ, lạy đức Thế Tôn! Con có trông thấy. Đức Thế Tôn lại bảo A Nan: Muốn cúng dàng Thế Tôn, để báo ân, bất tất phải dùng đến hương hoa, kỹ nhạc cõi trời. Giữ giới cấm thanh tịnh, đọc tụng kinh sách, suy nghĩ nghĩa thâm diệu của các pháp, thế là cúng dàng Như Lai vậy!

Khi ấy, có một vị Tỳ Kheo tên là Ưu Ba Ma Na ngày xưa khi đức Như Lai chưa đem ông A Nan vào làm thị giả, vị Tỳ Kheo ấy thường giữ việc trông nom đức Như Lai, nay ông Ưu Ba Ma Na, thấy đức Như Lai nằm dưới hàng cây Sa La Song Thụ, tâm ông rất khổ não, ông liền đứng trước đức Phật, để được chiêm ngưỡng đức Phật lần cuối cùng. Đức Thế Tôn liền bảo ông rằng: Này Ưu Ba Ma Na! Hôm nay ông không nên đứng lấp trước mặt Thế Tôn! Ông Ưu Ba Ma Na liền đứng lui về một bên.

Ngài A Nan thấy thế, tâm sinh niệm ngờ vực: Lạ thực, ta hầu Phật từ xưa tới nay trải đã bao năm, ta chưa từng thấy đức Phật nói ra lời như thế, sao ngày nay đức Như Lai lại không cho đứng trước mặt; hay là, nay đức Phật Như Lai sắp nhập Niết Bàn, không cho ai đứng trước mặt buồn rầu, khóc lóc? Nghĩ rồi, ngài A Nan đĩnh lễ xuống chân Phật, quỳ thẳng, chắp tay bạch rằng: Lạy đức Thế Tôn! Từ trước tới nay con hầu Phật, thường thường con đứng trước mặt đức Thế Tôn con chưa từng nghe thấy đức Thế Tôn bảo con đứng lùi ra, nay sao đức Thế Tôn lại bảo ông Ưu Ba Ma Na đứng tránh trước mặt?

Đức Phật dạy: Này A Nan! Đờ chúng của chư Thiên, Long thần tám bộ, nghe thấy Như Lai nằm nghiêng về hông bên hữu dưới hàng cây Sa La Song Thọ này, họ tranh nhau lại trông ngắm, từ trong hư không, dồn đến mặt đất, bốn mặt đầy chật đến ba mươi hai do tuần; Tỳ Kheo Ưu Ba Ma Na này, đứng lấp trước mặt Như Lai, Thiên, Long tám bộ sinh tâm không vui, nghĩ rằng nay đức Như Lai ở dưới hàng cây Sa La Song Thọ này, không bao lâu nữa sẽ nhập Niết Bàn, chúng ta muốn được trông ngắm đức Như Lai lần cuối cùng, mà vị Tỳ Kheo kia lại đứng che lấp trước mặt Phật! Vì nhân duyên ấy nên tôi bảo ông ấy đứng lùi về một bên.

Này A Nan có biết không, nay trong tám bộ đây, hoặc có người thương khóc, không tự kiềm chế được, hoặc có người áo não, mê muội sắp ngất đi, hoặc có người buồn quá, lấy tay nhổ tóc trên đầu mình, hoặc có người xé đứt những đồ trang nghiêm nơi thân mình và đều đồng thanh xưng rằng: Nay đức Như Lai nhập Niết Bàn, sao nhanh

quá vậy thay! Đức Như Lai ra đời, khó gặp gỡ được, như hoa Ưu đàm bao thời, bao thời mới hiện, mà nay không bao lâu nữa, Ngài sẽ nhập Niết Bàn. Than ôi, khổ lắm! Con mắt của thế gian mất rồi từ nay trở đi, chúng ta lấy ai là nơi quy y, dẫn đạo! Chư Thiên nơi Ly Dục cũng đều than rằng: Than ôi, thế gian rất là vô thường, không có cái gì có thụ sinh, mà không hướng về nơi tiêu diệt! Cũng chư Thiên kia, họ cùng bảo nhau: Ngày trước đức Thế Tôn hoặc nơi thành Tỳ Da Ly hoặc ở nơi thành Vương xá hoặc ở trong nước Xá Vệ cùng ở những nơi khác, khi an cư xong, các vị Tỳ Kheo, từ bốn phương về thăm hỏi đức Thế Tôn, nhân thế, chúng ta ở bên đường được trông thấy các vị Tỳ Kheo, lễ bái, cúng dàng, nghe thọ kinh pháp, được nhiều phúc lợi; nay đức Thế Tôn nhập Niết Bàn rồi, các vị Tỳ Kheo, khi an cư xong, không về vấn tẩn như trước nữa, các vị du hành khắp nơi, chúng ta không được ở bên đường trông thấy các vị Tỳ Kheo, lễ bái, cúng dàng, nghe thọ kinh pháp, từ nay chúng ta vĩnh viễn mất những phúc lợi ấy.

Bấy giờ, đức Như Lai bảo ông A Nan: Nếu Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di, sau khi Ta diệt độ, phát tâm, đến bốn nơi của Ta khi trước, sẽ được nhiều công đức không thể tính kể được và nơi sẽ sinh của họ sau này, thường ở trong cõi Nhân, Thiên, hưởng thụ quả báo an vui, không khi nào cùng tận.

Bốn nơi ấy là những nơi nào? Một là nơi khi Như Lai làm Bồ Tát, giáng sinh tại vườn Lâm Tỳ Ni nước Ca Tỳ La Vệ. Hai là nơi Thế Tôn bắt đầu ngồi dưới gốc cây Bồ Đề thành Vô Thượng chính đẳng chính giác, tại nước Ma Kiệt Đề. Ba

là nơi Chuyển Pháp Luân đầu tiên, trong vườn Lộc dã, nơi các Tiên nhân ở trước, nước Ba La Nại. Bốn là nơi Thế Tôn nhập Niết Bàn, khoảng hai hàng cây, trong rừng Sa La, bên bờ sông Ni Liên nơi Lực sĩ sinh địa, nước Cưu Thi Na.

Đó là bốn nơi! Nếu Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di, cùng những đồ chúng ngoại đạo khác, phát tâm đi đến những nơi kia cúng dường lễ bái, đều thành tựu được công đức, như đã nói ở trên.

Ngài A Nan nghe đức Phật nói lời ấy, liền bạch với Phật rằng: Lạy đức Thế Tôn! Từ nay, con xin tuyên cáo khắp cả cho bốn bộ chúng được biết bốn nơi ấy và nếu có ai đi đến lễ bái, được công đức như thế.

Khi ấy, Ngài A Nan lại bạch Phật rằng: Lạy đức Thế Tôn! Nếu các người Ưu bà di có thiện tâm, giữ trọn giới hạnh, ham nghe kinh pháp, muốn yết kiến vị Tỳ Kheo, từ nay chúng con nên xử thế nào? Đức Phật dạy rằng: Từ nay các ông đừng nên tương kiến! Ông A Nan bạch: Nếu bỗng nhiên hội ngộ, nên đối xử ra sao? Đức Phật dạy: Đừng cùng nhau nói chuyện. Ngài A Nan bạch: Nếu không nói chuyện, nhưng, họ có lời thỉnh cầu, muốn nghe kinh pháp nên làm thế nào? Đức Phật dạy rằng: Nên vì họ, thuyết pháp cho họ nghe, nhưng, các ông nên giữ gìn khéo léo thân, khẩu, ý của các ông! Ngài A Nan bạch rằng: Lạy đức Thế Tôn! Từ nay chúng con xin vâng làm như thế.

Chú Thích Từ Ngữ:

[1] Lực sĩ sinh địa: Nơi sinh trưởng của phái Lực sĩ, thành Cưu Thi Na.

[2] Hoa Ưu Đàm: Ưu Đàm gọi đủ là Ưu Đàm Ba La (Udumbara), Hán dịch là Linh thụ, Linh thoại (điềm linh thiêng); Thụ ứng (Ứng vào điềm tốt). Theo Pháp Hoa văn cú nói thời hoa này 3.000 năm một lần hiện, khi hoa ấy hiện ra thời có Kim Luân Vương ra đời.

[3] Sa La (Sàla): Hán dịch là Kiên cố (vững bền). Theo Tuệ Uyển Sư nói thì đức Phật nhập diệt ở khoảng giữa 4 cây Sa La, nhưng mỗi cây này một gốc mọc thành 2 cây, nên gọi là Sa La Song Thụ.

[4] Các hoa cõi Trời: Hoa Man đà la (Mandarava) Hán dịch là hoa Tiểu bạch đoàn; hoa Ma ha Man đà la (Maha Mandarava) Hán dịch là hoa Đại bạch đoàn; hoa Mạn Thù Sa (Manjùsaka) Hán dịch là hoa Tiểu Xích Đoàn; hoa Ma Ha Mạn Thù Sa (Maha Manjùsaka) Tàu dịch là hoa Đại Xích Đoàn.

[5] Bát bộ: Tám bộ chúng. 1/ Thiên (Deva): Các vị trên các cõi Trời. 2/ Long (Nàga): Loài Rồng. 3/ Dạ Xoa (Yaksa): Hoặc gọi là Dược Xoa là loài quỷ thần bay trên hư không. 4/ Càn Thát Bà (Gadharva): Hán dịch là Hương ẩm, nhạc thần nơi Đế Thích Thiên. 5/ A tu la (Asura): Có chỗ gọi là A Tu Luân, Hán dịch là Phi thiên, cũng thuộc loài quỷ thần. 6/ Ca Lô La (Garuda): Chim Kim Sí. 7/ Khẩn Na La (Kimnara): Ca Thần: Nhạc thần nơi Đế thích thiên. 8/ Ma Hầu La Già (Mahoga): Đại mãng thần.

[6] Ma Kiệt Đà quốc - Magadha: (Pali đồng): một cổ quốc thuộc Trung Ấn Độ. Cũng gọi là Ma Đà Đà quốc, Ma Yết Đà quốc, Ma Kiệt Đề quốc, Mặc Kiệt Đà quốc, Mặc Kiệt Đề quốc, Ha Ha Đà Quốc. Dịch ý là Vô Hại Quốc, Bất Ác Xứ quốc, Trí Cam Lộ Xứ Quốc, Thiện Thắng Quốc, là một trong

16 nước lớn thời Phật Đà trụ thế. Ngày nay là tại phía Nam Tỷ Hợp Nhĩ (Bihar) lấy Ba Đặc Na (Patna, Hoa Thị thành [6.1]) và Phật Đà Da làm trung tâm.

[7] BỒ ĐỀ TRÀNG - Bodhi manda: Cũng gọi là BỒ ĐỀ GIÀ DA (Buddha gayā), BỒ ĐỀ ĐẠO TRÀNG, PHẬT ĐÀ GIÀ DA, MA HA BỒ ĐỀ (Mahā bodhi), là nơi Phật thành Chánh giác, nằm tại Bồ Đạt Cát Nhã (Bodhgayā) ngoài thị trấn Già Da 7km, về phía Nam tiểu bang Tỷ Hợp Nhĩ (Bihar) Ấn Độ, mặt hướng về Ni Liên Thiên (Nairanjanā), nay là sông Pháp Nhĩ Cổ (chi lưu của sông Hằng, xứ đó vốn là ngôi làng Ưu Lô Tần Loa (Uruvelā), phía Nam thành Đà Da nước Ma Yết Đà cổ đại Ấn Độ. Theo Kinh điển ghi chép, Phật đà trải qua 6 năm Khổ hạnh, sau đó đi đến nơi này, ngồi Kết Già Phu trên tòa Kim Cang, dưới gốc cây Tất Bát La, chứng ngộ Thập nhị nhân duyên, Tứ đế pháp ... cuối cùng đắc Chánh giác, cho nên Tất Bát La Thọ cũng gọi là BỒ ĐỀ THỌ, có ý nói là Giác Thọ.

[6.1] Câu Tô Ma thành: Nói đủ là Câu Tô Ma Bồ La thành Kusumapura. Dịch ý là Hoa Cung, Hương Hoa Cung thành. Có 2 nơi: 1. Căn cứ Đại Đường Tây Vực Ký quyển 5 Yết Nhã Cúc Xà quốc điều ghi: Là ngôi thành vua cũ của Yết Nhã Cúc Xà quốc Trung Ấn Độ, gọi là Câu Tô Ma Bồ La. 2. Căn cứ Đại Đường Tây Vực Ký quyển 8 Ma Yết Đà quốc điều ghi: Là đô thành cũ của Ma Yết Đà quốc điều ghi: Là đô thành cũ của Ma Yết Đà quốc Trung Ấn Độ, gọi là Câu Tô Ma Bồ La, tức là tên cũ của Ba Trá Ly Tử thành.

Ba Trá Ly – S. Pātaliputra; P. Pātaliputra: Nói đủ là Ba Trá Ly Tử thành, là đô thành của Ma Yết Đà quốc thuộc Trung Ấn Độ. Chữ Pātalī, dịch âm là Ba Trá Ly; chữ Putra, dịch ý

là tử, cũng gọi là Ba La Lợi Phất thành, Ba Trá La thành, Ba Lân thành, dịch ý là Hoa Thị Thành. Nằm tại Nam ngạn sông Hằng, đô thành này kiến lập trong thời đại của vua A Xà Thế.

Trong sách Đại đường Tây Vực Ký, 12 quyển, Ngài Huyền Trang (602 – 664) đời Đường (618 – 907) kể lại, môn nhơn của Ngài là Biện Cơ (Khuy Cơ) vâng lệnh vua Đường Thái Tông (598 – 649) mà biên tập thành, nói tắt là Tây Vực Ký. Sách này ghi chép việc Ngài Huyền Trang thấy nghe khi sang Ấn Độ và Tây Vực trải qua hơn 110 nước và nghe người khác kể nói 28 nước, trong khoảng thời gian 16 năm. Trừ ra những điều thực tình ghi chép về sự truyền bá của các bộ Phật giáo Đại thừa, Tiểu thừa, còn có địa lý, phong tục, ngữ ngôn, truyền thuyết, sản nghiệp, chính trị... đều ghi chép rõ ràng. Trong đó, có nêu ra vị trí quan hệ với Kinh đô thành thị, đối với các xứ Ấn Độ, Tây Vực hưng thịnh từ Thế kỷ 19 đến nay, có thể làm hiện trường khảo chứng các di tích Phật giáo, đầy đủ giá trị của Kim chỉ nam.

CÂU HỎI ÔN TẬP:

1. Cho biết có bao nhiêu lần Phật phóng Đại quang minh, tại những nơi nào?
2. Trình bày tóm tắt phẩm Thị Hiện Niết Bàn?
3. Viết bằng chữ Hán đoạn văn: Bồ thí giả hoạch phúc, từ tâm giả vô oán, vi thiện giả tiêu ác, ly dục giả vô não. Nhược hành như thử hạnh, bất cửu bát Niết Bàn.
4. Cho biết ý nghĩa của Bồ Đề Tràng?

大般涅槃經卷中

東晉平陽沙門釋法顯譯

佛垂般涅槃品第十一

爾時阿難而白佛言：世尊。入於般涅槃後。供養之法。當云何耶？佛言：汝今不應逆憂此事。但自思惟。於我滅後護持正法。以昔所聞。樂為人說。

所以者何？諸天自當供養我身。又婆羅門及以諸王。長者居士。此等自當供養我身。阿難言：雖復天人自興供養。然我不知應依何法。佛言：阿難。供養我身。依轉輪聖王。

阿難又問：供養轉輪聖王。其法云何？佛言：阿難。供養轉輪聖王之法。用新淨綿及以細。合纏其身。如是乃至積滿千重。內金棺中。又作銀棺。盛於金棺。又作銅棺。盛於銀棺。又作鐵棺。盛於銅棺。然後灌以眾妙香油。又復棺內。以諸香華而用塗散。作眾伎樂。歌唄讚頌。然後下蓋。造大寶輿。極令高廣。軒蓋欄楯。眾妙莊嚴。以棺置上。

又於城中作闍維處。掃灑四面極令清淨。以好栴檀及諸名香。聚為大。又於上。

敷舒繒。施大寶帳。以覆其上。然後昇舉。至闍維處。燒香散華。伎樂供養。繞彼香。周迴七匝。然後以棺置香上。而用香油。以澆灑之。然火之法。從下而起。

闍維既竟。收取舍利。內金瓶中。即於彼處。而起兜婆。表刹莊嚴。懸繒幡蓋。諸人民等。恒應日日燒香散華種種供養。阿難當知。供養轉輪聖王之法。其事如是。闍維我身。亦與王等。然起兜婆。有異於王。表刹莊嚴。應懸九繒。

若有眾生。懸繒幡蓋。燒香散華。及然燈燭。禮拜讚歎我兜婆者。此人長夜獲大福利。將來不久他人亦復起大兜婆。供養其身。

阿難當知。一切眾生皆無兜婆。唯有四人得立兜婆。一者謂如來應正遍知明行足善逝世間解無上士調御丈夫天人師佛世尊。慈愍眾生。堪為世間作上福田。應起兜婆。二者謂辟支佛。思惟諸法自覺悟道。亦能福利世間人民。應起兜婆。三者謂阿羅漢。隨所聞法思惟漏盡。亦能福利世間人民。應起

兜婆。四者謂轉輪聖王。宿殖深福。有大威德。王四天下。七寶具足。自行十善。

又復勸於四天下人。亦行十善。應起兜婆。阿難。當知若有眾生以諸供具。而以供養此兜婆者。其所得福。漸次差降

爾時阿難聞佛此語。心生懊懣。悲號啼泣。隱於佛後。相去不遠。而以微聲。作如是言：我今猶是學地之人。於諸法中未得深味。而天人師一旦捨我入般涅槃。我當何時踐解脫路。即便舉手攀一樹枝。搥胸拍頭。悶絕懊惱。

爾時世尊問餘比丘：阿難即時為在何處？比丘答言：阿難今者在如來後。於一樹下。啼泣懊懣。又告比丘：汝可往彼語阿難言：天人之師。今欲見汝。比丘便往。說如來旨。阿難既聞。即便來還。至於佛所。頭面禮足。倚立一面。

世尊於是問阿難言：我於近日已為汝說。一切諸行皆悉無常。合會恩愛必歸別離。汝今何故猶生悲懣。復次阿難。汝從往昔。侍我至今。左右執事進止去來。及通賓客皆得宜節。又復見汝身口及意。皆悉清淨無有瑕穢。汝獲福利不可稱計。

爾時世尊告諸比丘：阿難不應作此悲懷。所以者何？不久當得到解脫處。比丘當知。過去諸佛皆有侍者。如今阿難。未來諸佛亦復如是。比丘當知。今此阿難。智慧深妙聰明利根。我從昔來。所說法藏。阿難皆悉憶持不忘。

復次比丘：阿難善知進止時節。若有人客。欲來見我。阿難即先思量其時。世尊或應某時見諸比丘。或應某時見比丘尼。或應某時見優婆塞。或應某時見優婆夷。或應某時見婆羅門。或應某時見於刹利。或應某時見長者居士。或應某時見諸外道。如是等眾。若來見我及聞說法。皆悉多獲功德福利。**所以者何**？悉是阿難通進見我。得其善根成熟時故。

復次比丘。轉輪聖王。有四奇特希有之法。一者若婆羅門來至轉輪聖王之所。既到見王。顏容端正。威德高顯。心生歡喜。次聞王語。音辭清徹。亦生歡喜。乃至見王。默然無言。又懷踊躍。及與王辭。還歸所止。迴戀顧慕。步步悵快。如飢渴人不得飽滿。二者諸小刹利。三者毘舍。四者首陀羅。亦復如是。

此為轉輪聖王四奇特事。當知阿難。亦
 有此四奇特之事。一者若諸比丘。從遠方
 來。欲問訊我。次見阿難。皆生歡喜。聞其
 說法及見默然。亦復欣悅。辭別而退。戀德
 情深。不能有已。二者比丘尼。三者優婆
 塞。四者優婆夷。亦復如是。汝等當知。阿
 難有此四奇特事

爾時世尊告阿難言：汝今不應自生苦懷
 而作是言。天人之師將般涅槃。我今無復解
 脫之期。所以者何？凡我所說。一切法藏。
 於我滅後。思惟奉持。勤行精進。不久自當
 得於解脫。

PHIÊN ÂM:

ĐẠI BÁT NIẾT BÀN KINH

Quyển Trung

Đông Tấn, Bình Dương, Sa môn Thích Pháp Hiển dịch

----- ॐ -----

PHẬT THÙY BÁT NIẾT BÀN

PHẨM ĐỆ THẬP NHẤT

Nhĩ thời A Nan nhi bạch Phật ngôn: Thế Tôn, nhập ư bát
 Niết Bàn hậu, cúng dường chi pháp, đương vân hà da? Phật
 ngôn: Nhữ kim bất ưng nghịch ưu thử sự, dẫn tự tư duy, ư ngã
 diệt hậu hộ trì chánh pháp, dĩ tích sở văn, lạc vi nhân thuyết.

Sở dĩ giả hà? Chư thiên tự đương cúng dường ngã thân, hựu Bà la môn cập dĩ chư Vương, Trưởng giả, Cư sĩ. Thử đẳng tự đương cúng dường ngã thân. A Nan ngôn: Tuy phục thiên nhân tự hưng cúng dường, nhiên ngã bất tri ưng y hà pháp? Phật ngôn: A Nan cúng dường ngã thân, y Chuyển Luân Thánh Vương [1]. A Nan hựu vấn: Cúng dường Chuyển Luân Thánh Vương. Kỳ pháp vân hà? Phật ngôn: A Nan, cúng dường Chuyển Luân Thánh Vương chi pháp, dụng tâm tịnh miên cập dĩ tế, hợp triền kỳ thân. Như thị nãi chí tích mãn thiên trọng, nội kim quan trung, hựu tác ngân quan, thịnh ư kim quan, hựu tác đồng quan, thịnh ư ngân quan, hựu tác thiết quan, thịnh vu đồng quan.

Nhiên hậu quán dĩ chúng diệu hương du, hựu phục quan nội, dĩ chư hương hoa nhi dụng đồ tán, tác chúng kĩ nhạc, ca bá tán tụng. Nhiên hậu hạ cái, tạo đại bảo dư, cực lệnh cao quảng, hiên cái lan thuẩn, chúng diệu trang nghiêm, dĩ quan trí thượng.

Hựu ư thành trung tác đồ duy xử, tảo sái tứ diện cực lệnh thanh tịnh, dĩ hảo Chiên đàn [2] cập chư Danh hương, tụ vi đại. Hựu ư thượng, phu thư tăng, thi đại bảo trướng, dĩ phúc kỳ thượng, nhiên hậu dư cử, chí đồ duy xử, thiêu hương tán hoa, kĩ nhạc cúng dường, nhiều bỉ hương, chu hồi thất tấp.

Nhiên hậu dĩ quan trí hương thượng, nhi dụng hương du, dĩ kiều sái chi. Nhiên hỏa chi pháp, tòng hạ nhi khởi, đồ duy kí cánh, thân thủ Xá Lợi [3], nội kim bình trung, tức ư bỉ xử, nhi khởi Đâu Bà. Biểu sát trang nghiêm, huyền tăng phiên

cái, chư nhân dân đấng, hằng ứng nhật nhật thiêu hương tán hoa cúng cúng cúng dường. A Nan đương tri, cúng dường Chuyển Luân Thánh Vương chi pháp, kỳ sự như thị, Đồi duy [4] ngã thân, diệt dữ vương đấng. Nhiên khởi Đâu Bà [5], hữu dị ư vương, biểu sát trang nghiêm, ứng huyền cứu tử.

Nhược hữu chúng sanh, huyền tăng phiến cái. thiêu hương tán hoa, cập nhiên đấng chúc, lễ bái tán thán ngã Đâu Bà giả, thử nhân trường dạ hoạch đại phúc lợi, tương lai bất cứu tha nhân diệt phục khởi Đại Đâu Bà, cúng dường kỳ thân. A Nan đương tri. Nhất thiết chúng sanh giai vô Đâu Bà, duy hữu tứ nhân đặc lập Đâu Bà. Nhất giả vị Như Lai, Ứng Chánh Biến Tri, Minh Hành Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn [6], từ mẫn chúng sanh, kham vi thế gian tác thượng phúc điền, ứng khởi Đâu Bà. Nhị giả vị tích chi Phật, tư duy chư pháp tự giác ngộ đạo, diệt năng phúc lợi thế gian nhân dân, ứng khởi Đâu Bà. Tam giả vị A La Hán, tùy sở văn pháp tư duy lậu tận, diệt năng phúc lợi thế gian nhân dân, ứng khởi Đâu Bà. Tứ giả vị Chuyển Luân Thánh Vương, túc thực thâm phúc, hữu đại uy đức, vương tứ thiên hạ, thất bảo cụ túc, tự hành Thập Thiện.

Hựu phục khuyến ư tứ thiên hạ nhân, diệt hành Thập Thiện, ứng khởi Đâu Bà. A Nan, đương tri nhược hữu chúng sanh dĩ chư cung cụ, nhi dĩ cung dưỡng thử Đâu Bà giả, kỳ sở đắc phúc, tiệm thứ sai hàng.

Nhĩ thời A Nan văn Phật thử ngữ, tâm sanh áo nùng, bi hào đề khắp, ẩn ư Phật hậu, tương khứ bất viễn, nhi dĩ vi

thanh, tác như thị ngôn: Ngã kim do thị học địa chi nhân. Ư chư pháp trung vị đắc thâm vị, nhi thiên nhân sư nhất đán xá ngã nhập bát Niết Bàn. Ngã đương hà thì tiền giải thoát lộ, tức tiện cử thủ phàn nhất thụ chi, chùy hung phách đầu, muộn tuyền áo não.

Nhĩ thời Thế Tôn vấn dư Tỳ Kheo [7]: A Nan tức thì vi tại hà xử, Tỳ Kheo đáp ngôn: A Nan kim giả tại như lai hậu. Ư nhất thụ hạ, đề khấp áo? Hựu cáo Tỳ Kheo: Nhữ khả vãng bỉ ngữ A Nan ngôn: Thiên nhân chi sư, kim dục kiến nhữ, Tỳ Kheo tiện vãng, thuyết như lai chỉ. A Nan ký vấn. Tức tiện lai hoàn, chí ư Phật sở, đầu diện lễ túc, ỷ lập nhất diện.

Thế Tôn ư thị vấn A Nan ngôn: Ngã ư cận nhật dĩ vi nhữ thuyết: Nhất thiết chư hành giai tất vô thường, hợp hội ân ái tất quy biệt ly, nhữ kim hà cố do sanh bi? Phục thứ A Nan: Nhữ tòng vãng tích, thị ngã chí kim, tả hữu chấp sự tiến chỉ khứ lai, cập thông tân khách giai đắc nghi tiết. Hựu phục kiến nhữ thân khẩu cập ý, giai tất thanh tịnh vô hữu hà uế, nhữ hoạch phúc lợi bất khả xưng kể.

Nhĩ thời Thế Tôn cáo chư Tỳ Kheo: A Nan bất ưng tác thủ bi nùng. Sở dĩ giả hà? Bất cửu đương đắc đáo giải thoát xứ, Tỳ Kheo đương tri, Quá khứ chư Phật giai hữu thị giả, như kim A Nan, vị lai chư Phật diệc phục như thị. Tỳ Kheo đương tri, Kim thủ A Nan, trí tuệ thâm diệu thông minh lợi căn, ngã tòng tích lai, sở thuyết pháp tạng. A Nan giai tất ức trì bất vong.

Phục thứ Tỳ Kheo: A Nan thiện tri tiến chỉ thì tiết. Nhược hữu nhân khách, dục lai kiến ngã. A Nan tức tiên tư

lượng kỳ thời. Thế Tôn hoặc ứng mõ thời kiến chư Tỳ Kheo, hoặc ứng mõ thì kiến Tỳ Kheo Ni, hoặc ứng mõ thời kiến Ưu bà tắc, hoặc ứng mõ thời kiến Ưu bà di, hoặc ứng mõ thời kiến Bà la môn, hoặc ứng mõ thời kiến ư Sát Lợi, hoặc ứng mõ thời kiến trường giả cư sĩ, hoặc ứng mõ thời kiến chư ngoại đạo. Như thị đẳng chúng. Nhược lai kiến ngã cập văn thuyết pháp, giai tất đa hoạch công đức phúc lợi. Sở dĩ giả hà? Tất thị A Nan thông tiến kiến ngã, đắc kỳ thiện căn thành thực thời cố.

Phục thứ Tỳ Kheo, chuyển luân thánh vương, hữu tứ kỳ đặc hy hữu chi pháp. Nhất giả nhược Bà la môn lai chí Chuyển Luân Thánh Vương chi sở, ký đáo kiến vương, nhan dung đoan chánh, uy đức cao hiển, tâm sanh hoan hỷ, thứ văn vương ngữ, âm từ thanh triệt, diệc sanh hoan hỷ. Nãi chí kiến vương, mặc nhiên vô ngôn. Hựu hoài dũng dực, cập dữ vương từ, hoàn quy sở chỉ, hồi luyến cố mộ, bộ bộ trưởng ưởng, như cơ khát nhân bất đắc bão mãn. Nhị giả chư tiểu Sát Lợi. Tam giả Phệ Xá, Tứ giả Thủ Đà La. Diệc phục như thị. Thử vi Chuyển Luân Thánh Vương tứ kỳ đặc sự, đương tri A Nan. Diệc hữu thử tứ kỳ đặc chi sự: Nhất giả nhược chư Tỳ kheo tòng viễn phương lai, dục vấn tấn ngã, thứ kiến A Nan giai sanh hoan hỷ, văn kỳ thuyết pháp cập kiến mặc nhiên, diệc phục hân duyệt, từ biệt nhi thối, luyến đức tình thâm, bất năng hữu dĩ. Nhị giả Tỳ Kheo Ni, Tam giả Ưu bà tắc. Tứ giả Ưu bà di, diệc phục như thị. Nhữ đẳng đương tri. A Nan hữu thử tứ kỳ đặc sự.

Nhĩ thời Thế Tôn cáo A Nan ngôn: Nhữ kim bất ứng tự sanh khổ nùng, nhi tác thị ngôn: Thiên nhân chi sự tương

bát Niết Bàn. Ngã kim vô phục giải thoát chi kỳ. Sở dĩ giả hà? Phàm ngã sở thuyết, nhất thiết pháp tạng, ư ngã diệt hậu, tư duy phụng trì, cần hành tinh tiến, bất cứu tự đương đắc ư giải thoát.

DỊCH NGHĨA:

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

Quyển Trung

Đông Tấn, Bình Dương, Sa môn Thích Pháp Hiển dịch

----- ॐ -----

PHẬT SẮP NHẬP NIẾT BÀN

PHẨM THỨ MƯỜI MỘT

Sau đó, Ngài A Nan lại bạch Phật rằng: Lạy đức Thế Tôn! Sau khi Như Lai nhập Niết Bàn, phương pháp cúng dàng nên làm thế nào?

Đức Phật dạy: Nay ông không nên lo lắng nhiều vào việc ấy, mà ông chỉ tự suy nghĩ là sau khi Ta diệt độ đi, phải hộ trì chính pháp, đem những điều trước đây nghe được, luôn luôn nói cho người khác nghe. Vì sao vậy? – Vì, chư Thiên tự họ sẽ cúng dàng cho thân Thế Tôn. Và lại, những người Bà la môn cùng các vua, trưởng giả, cư sĩ, cũng tự họ sẽ cúng dàng cho thân Ta!

Ngài A Nan bạch Phật: Lạy đức Thế Tôn! Tuy là, Nhân, Thiên tự khởi tâm cúng dường, nhưng theo ý của con không biết y vào pháp nào? Đức Phật dạy: Này A Nan! Cúng dường thân Ta, nên y theo pháp đối với Chuyển Luân Thánh

Vương. Ngài A Nan lại hỏi: Lạy đức Thế Tôn! Cúng dường như Chuyển Luân Thánh Vương, pháp ấy như thế nào?

Đức Phật dạy: Này A Nan! Phương pháp cúng dàng Chuyển Luân Thánh Vương, là dùng bông mới, sạch cùng lấy những tấm vải nhỏ mịn, hợp lại quấn vào thân Thế Tôn. Cứ như thế, quấn đi, quấn lại, đến đủ một nghìn lần, rồi đặt vào trong áo quan vàng. Lại làm áo quan bạc bên ngoài, để áo quan vàng vào trong; lại làm áo quan đồng bên ngoài, để áo quan bạc vào trong; rồi làm áo quan sắt bên ngoài, để áo quan đồng vào trong. Sau đó lấy nhiều dầu thơm bao rửa, cùng đem những hương, hoa thoa bít và rải đầy trong áo quan, nhiên hậu đậy nắp xuống, làm một cái xe tang, rất to lớn, cao, rộng, dát châu báu, hiên, mui, bao lớn, đều trang nghiêm bằng những thứ tốt đẹp. Xong rồi đặt áo quan lên trên xe.

Lại nữa, nơi làm hỏa đàn ở trong thành, phải quét rửa bốn bên rất trong sạch, lấy những gỗ Chiên đàn tốt cùng những thứ hương thơm, xếp lên thành một đống gỗ lớn. Trên đống gỗ ấy, trải căng những tấm lụa dày đẹp, lại mắc tấm mùng đẹp, lớn, che bên trên. Sau đó, xe tang mới chuyển đến nơi hỏa đàn. Nơi đây, đốt hương, rải hoa, cúng dàng kỹ nhạc, nhiều đống gỗ hương kia, vòng quanh bảy vòng, nhiên hậu đem áo quan để trên đống củi hương ấy và lấy dầu thơm rưới vấy vào đó. Còn phương pháp đốt lửa, thời đốt từ dưới cháy lên. Khi hỏa đàn xong rồi, thu nhật Xá Lợi bỏ vào trong bát vàng, và ngay nơi ấy, xây dựng bảo tháp, ngọn tháp cao vót trang nghiêm, treo phan cái bằng lụa; các người trong nhân gian, ngày ngày thường

nên đốt hương, tán hoa, mọi thứ cúng dàng.

Này A Nan! Ông nên biết: Phương pháp cúng dàng Chuyển Luân Thánh Vương, việc ấy như thế! Việc hỏa táng thân Ta, cũng như phương pháp cúng dàng Chuyển Luân Thánh Vương kia vậy. Nhưng, xây tháp Ta, có khác với tháp của Chuyển Luân Thánh Vương. Tháp Ta, ngọn tháp cao vót, trang nghiêm, nên treo chín cái tán. Và, nếu có chúng sinh nào, treo phan cái thù, đốt hương, tán hoa cùng thấp đèn đuốc, lễ bái, tán thán tháp Ta, người ấy được phúc lợi mãi mãi; đời sau, không lâu người khác cũng lại xây tháp lớn cúng dàng thân họ.

Này A Nan! Nên biết: Hết thầy chúng sinh đều không có tháp, chỉ có bốn hạng người được xây tháp mà thôi: Một là vị được Mười hiệu: Như Lai, Ứng Cúng, Chính Biến Tri, Minh Hành Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn, thương xót chúng sinh và có thể vì thế gian, làm ruộng phúc tốt hơn hết, thời nên xây tháp. Hai là vị Bích Chi Phật, suy nghĩ mọi pháp, tự giác ngộ đạo, cũng có thể đem lại phúc lợi cho nhân dân thế gian, thời nên xây tháp. Ba là vị A La Hán, theo chỗ nghe pháp mà suy nghĩ để dứt sạch lậu nghiệp, phiền não cũng có thể đem lại phúc lợi cho nhân dân thế gian, thời nên xây tháp. Bốn là Chuyển Luân Thánh Vương, xưa trông nhiều phúc, có uy đức lớn, cai trị Tứ thiên hạ, bảy báu đầy đủ, tự làm mười điều thiện lại khuyên nhân dân trong tứ thiên hạ cũng làm mười điều thiện, thời nên xây tháp.

Này A Nan! Nên biết: Nếu có chúng sinh nào, đem mọi đồ cúng dàng, để cúng dàng những tháp ấy, họ vẫn được phúc, song, phúc của họ được, theo thứ bậc có sai khác.

Ngài A Nan nghe đức Phật nói lời ấy, tâm sinh áo não, thương xót kêu khóc, lẩn ra sau Phật, cách Phật không xa mấy, ông nói nhỏ rằng: Nay ta còn là người trong Học Địa chưa biết được ý vị sâu xa trong mọi pháp, mà đấng Thiên Nhân Sư, một sớm bỏ ta nhập Niết Bàn, thời nào ta sẽ lên được đường giải thoát! Nói rồi, ông giơ tay vịn một cành cây; rồi ông đấm ngực, bứt đầu, áo não, buồn bã ngắt đi.

Khi ấy, đức **Thế Tôn** hỏi một vị Tỳ Kheo khác: Giờ này ông A Nan ở chỗ nào? Vị Tỳ Kheo kia đáp: Lạy đức Thế Tôn! Ông A Nan hiện nay ở dưới một gốc cây, phía sau đức Như Lai, ông đang kêu khóc, áo não lắm! Đức Phật bảo vị Tỳ Kheo kia: Ông đến chỗ ông A Nan, bảo ông ấy rằng: Nay đấng Thiên Nhân Sư muốn gặp ông!

Vị Tỳ Kheo kia đến chỗ ông A Nan và nói rõ ý chỉ của Như Lai cho ông A Nan nghe. Ông A Nan nghe rồi, liền trở về nơi chỗ Phật. Đến nơi, đầu mặt ông dính lễ xuống chân Phật, rồi đứng qua một bên.

Đức Thế Tôn hỏi ông A Nan: Ngày gần đây Ta đã nói cho ông nghe: Hết thảy mọi hành tướng, đều thuộc về vô thường; sự ân ái hội hợp, tất về nơi biệt ly, thế mà, sao nay ông còn cứ buồn rầu, áo não như vậy!

Lại nữa, này A Nan! Từ trước tới nay, ông theo hầu Thế Tôn, trông nom công việc trước, sau, khi tiến, khi chỉ, khi đi, khi lại, cùng thông tiếp với tân khách, đều hợp nghi

tiết; Thế Tôn lại thấy thân, khẩu, ý ông đều thanh tịnh, không chút vết nhơ nào, ông được phúc lợi không thể tính kể được!

Đức Thế Tôn quay lại lại bảo các vị Tỳ Kheo: Chính ông A Nan không nên có sự buồn rầu, áo não ấy mới phải! Tại sao vậy? – Vì, không bao lâu nữa, ông sẽ được đến nơi giải thoát. Các vị Tỳ Kheo nên biết: Chư Phật trong đời quá khứ, đều có thị giả, như ông A Nan ngày nay; chư Phật đời sau cũng thế. Các vị Tỳ Kheo nên biết: Nay ông A Nan đây, trí tuệ thâm diệu, thông minh, căn khí linh lợi; từ trước tới nay Thế Tôn nói ra pháp tạng gì, ông A Nan đều ghi nhớ không sót.

Lại nữa, các vị Tỳ Kheo! Ông A Nan biết rõ thời tiết, khi tiến, khi chỉ: Nếu có người khách nào, muốn vào yết kiến Thế Tôn, ông A Nan liền suy tính trước từng giờ: Đức Thế Tôn hoặc giờ nọ tiếp các vị Tỳ Kheo, giờ nọ tiếp các vị Tỳ Kheo Ni, giờ nọ tiếp các vị Ưu bà tắc, giờ nọ tiếp các Ưu bà di, giờ nọ tiếp các vị Bà la môn, giờ nọ tiếp các vị dòng Sát ly, giờ nọ tiếp các vị Trưởng giả, Cư sĩ, giờ nọ tiếp các vị ngoại đạo. Tất cả những vị như trên, nếu trông thấy Ta, cùng nghe Ta thuyết pháp, đều được nhiều công đức, phúc lợi. Sao lại như vậy? Vì đều do ông A Nan thông tiến vào yết kiến Thế Tôn, nên họ được thiện căn thành thực như vậy.

Lại nữa, này các vị Tỳ Kheo! Chuyển Luân Thánh Vương có Bốn pháp lạ lùng hiếm có: Một là nếu người Bà la môn đến chỗ Chuyển Luân Thánh Vương, trông thấy dung nhan nhà vua đoan chính, uy đức nhà vua cao hiển, tâm họ sinh

hoan hỷ; sau khi nghe tiếng nói của nhà vua, âm từ trong suốt, họ cũng sinh tâm hoan hỷ, cho đến lúc thấy nhà vua, im lặng không nói họ cũng ôm ấp sự sung sướng, hớn hờ và khi họ cùng nhà vua từ biệt, về nơi ở cũ, họ vẫn còn nhớ lại mến tiếc, bước bước ngậm ngùi, buồn bực, như người đói khát không được no đủ. Hai là các người dòng Sát Lợi nhỏ. Ba là các người dòng Tỳ Xá. Bốn là các người dòng Thủ Đà La cũng đều như thế. Đó là bốn sự lạ lùng của Chuyển luân thánh vương.

Các vị nên biết: Ông A Nan cũng có Bốn sự lạ lùng: Một là nếu các vị Tỳ Kheo từ phương xa lại, muốn vào thăm hỏi Ta, sau trông thấy ông A Nan, đều sinh tâm hoan hỷ, nghe ông thuyết pháp cùng khi thấy ông im lặng, cũng vui vẻ, đến khi từ biệt lui ra, tình thâm thiết mến đức ông, không có khi nào quên được. Hai là các vị Tỳ Kheo Ni. Ba là các vị Ưu bà tắc. Bốn là các vị Ưu bà di, cũng đều như thế. Các vị nên biết: Ông A Nan có bốn sự lạ lùng ấy!

Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo ông A Nan: Nay ông không nên tự sinh tâm khổ não, mà nói rằng: Đấng Thiên Nhân Sư sắp nhập Niết Bàn, nay thấy không còn có kỳ nào được giải thoát nữa! Sao lại được vậy? – Vì hết thầy Pháp tạng Ta đã nói, sau khi Ta diệt độ, suy nghĩ, vâng theo gìn giữ, siêng làm tinh tiến, không lâu tự mình sẽ được giải thoát!

Chú Thích Từ Ngữ:

[1] Chuyển Luân Thánh Vương: Tiếng Phạn gọi là Chước Ca La Phật Lạt Đế Hạt La Xa (Cakavarti raja): Vua Chuyển Luân Thánh Vương có 32 tướng. Khi tức vị, do thiên cảm nhà

vua được cỗ xe báu (Luân bảo), xe này quay chuyển hàng phục được 4 phương nên gọi là Chuyển Luân Vương. Khi kiếp số tăng lên của nhân loại, người ta thọ đến 2 vạn tuổi trở lên, thời vua Chuyển Luân mới xuất thế. Mà ở kiếp diệt, người ta thọ từ vô lượng tuổi, đến 8 vạn tuổi, thời nhà vua ra đời. Luân Bảo (cỗ xe báu) của nhà Vua có 4 loại: Kim (vàng) ngân (bạc) đồng và thiết (sắt). Bốn cỗ xe báu này lần lượt thống lĩnh 4 đại châu, như Kim Luân vương coi cả 4 châu; Ngân Luân vương coi ba châu: Đông, Tây và Nam; Đồng Luân vương coi 2 châu Đông và Nam; Thiết Luân vương coi 1 châu Nam Diêm Phù Đề.

[2] Chiên đàn (Candana): Tên một thứ gỗ thơm, ở núi Ma la da, Nam Ấn Độ. Núi này hình đầu trâu nên gọi là Ngưu đầu. Có chỗ gọi là Ngưu đầu, Chiên đàn Hán dịch là dữ lạc (cho vui), vì nó chữa được bệnh.

[3] Xá Lợi (Saria): Có chỗ gọi là Thất Ly La, hay Thiết Ly La. Có nghĩa là thân cốt của Phật. Xá Lợi là vô lượng công đức Lục Độ hợp thành, là do sự huân tu giới, định, tuệ mà thành. Xá Lợi có ba hình sắc: Sắc trắng là Xá lợi bằng xương; sắc đen là Xá lợi bằng tóc; sắc đỏ là Xá lợi bằng thịt. Và, có 2 loại Xá lợi: 1/ Toàn thân Xá lợi: Như Xá lợi Phật Đa Bảo (trong kinh Pháp Hoa). 2/ Toái thân xá lợi: Thân đốt vụn ra như thân đức Phật Thích Ca. Lại có hai thứ nữa: 1/ Sinh thân Xá lợi: Thân do tu giới, định, tuệ mà thành, Như Lai sau khi nhập diệt, lưu lại thân cốt, làm cho Nhân, thiên được phúc đức cúng dàng mãi mãi. 2/ Pháp thân Xá lợi: Tức là hết thảy kinh sách, Đại, Tiểu thừa. Cũng gọi là Tam Tạng Pháp Thân Phật, hay Giáo Pháp Pháp Thân.

[6] Bảy báu: Kim, ngân, lưu ly, pha lê, xà cừ, mã não, san hô (thất bảo).

[7] Mười điều thiện: Không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không nói lưỡi đôi chiều, không nói thêu dệt, không nói ác, không tham, không sân, không si (thập thiện).

[9] Tỳ Xá (Vesa): Giai cấp thương mại. Giai cấp thứ 3 trong 4 giai cấp (Bà La Môn, Sát Đế Lợi, Tỳ Xá (Phệ Xá) và Thủ Đà La) của Ấn Độ.

[10] Thủ Đà La (Sùdra): Giai cấp nông dân, nô lệ. Giai cấp thứ 4 trong 4 giai cấp của Ấn Độ.

[5] Tứ Thiên Hạ: Nam Diêm Phù Đề (Jambudvīpa), cũng gọi Nam Thiệm bộ châu. Tây Cồ Da Ni (Aparā godāniya), còn gọi Tây Ngưu hóa châu. Bắc Uất Đan Việt (Uttara kuru), hay Bắc Câu lô châu. Đông Phất Bà Đề (Pūrva vidēha), còn gọi Đông Thắng thần châu.

CÂU HỎI ÔN TẬP:

1. Trước khi nhập Niết Bàn, điều quan trọng nhất Đức Phật dạy Ngài A Nan là gì?

2. Viết bằng chữ Hán đoạn văn: Phàm ngã sở thuyết, nhất thiết pháp tạng, ư ngã diệt hậu, tư duy phụng trì, cần hành tinh tiến, bất cửu tự đương đắc ư giải thoát. 凡我所說。一切法藏。於我滅後。思惟奉持。勤行精進。不久自當得於解脫。

3. Cho biết có mấy hạng người được xây Tháp?

4. Cho biết Bốn phép lạ lòng hy hữu của Chuyển Luân Thánh Vương?

大般涅槃經卷中

東晉平陽沙門釋法顯譯

昔鳩尸那城品第十二

爾時阿難既得如來梵音安慰。憂懷小除。而白佛言：我今心意。如小醒悟。欲有所請。唯願哀愍。

佛即答言：欲請何事。阿難言：此鳩尸那城。比餘大國。極為邊狹。人民又復不能熾盛。唯願世尊。往餘大國。王舍城。毘耶離城。舍衛國城。婆羅奈城。阿踰闍城。瞻波城。俱睽彌城。德叉尸羅城。如是諸城。所處正中。人民熾盛。國土豐樂。皆多信心。智慧聰明。唯願世尊。往彼諸城。而般涅槃。廣利其中諸眾生等。

爾時世尊答阿難言：汝今不應作是請我言。此鳩尸那城為邊狹也。汝當諦聽。今為汝說。

阿難。過去久遠。此鳩尸那城有轉輪聖王。名大善見。七寶具足。王有千子。能伏怨敵。皆以正法化諸人民。爾時此城。名鳩尸婆帝城。東西二門。其間相去。十二踰闍

那。

南北二門。其間相去。八踰闍那。其城四面。周匝七重。其內一重淳以黃金。其第二重淳以白銀。其第三重淳以琉璃。其第四重淳以頗梨。其第五重淳以車磔。其第六重淳以馬瑙。其第七重雜以眾寶。其城樓櫓皆悉七層。牕牖欄楯七寶雕飾。懸眾寶鈴網羅上。其間相去。盡一箭道。

其城四門。門各九重。莊校嚴飾。光麗悅目。七重城外各有灑水。其水澄潔具八功德。皆以七寶而為階陞。諸雜類鳥。鸞鳳孔雀。鳧鴈鴛鴦。翻羯飛舞。鳴集其中。其水復有鳩牟頭華。鬘波羅華。分陀利華。青黃赤白雜色蓮華。

又其岸上。有七行寶樹行各異寶。微風徐起吹彼樹枝。條葉相觸。音如天樂。城中人民皆悉盈滿。安隱豐樂極為熾盛。諸五欲具如忉利天。道路之中懸諸明珠。人民行止。初無晝夜。

此城恒有十種音聲。一者象聲。二者馬聲。三者車聲。四者鼓聲。五者螺聲。六者琴瑟等聲。七者歌聲。八者扣鍾擊磬設大會

聲。九者讚嘆持戒人聲。十者互共說法語論之聲。

大善見王。有諸威德。端正第一。眾人見者無不愛敬。長壽歡樂身無小疾。王性慈仁。愍念一切。猶如慈父憐愛其子。一切人民親敬於王。亦復如父。阿難。大善見王。別於一時欲出園林。遊觀嬉戲。嚴四種兵。各八萬四千。又復後宮夫人嫖女。亦嚴八萬四千乘車。欲隨遊看。

時王又復勅於國中諸婆羅門長者居士。令隨出遊。嚴駕辦已。時主兵臣入白王言。四兵已辦。願王知時。時王即便昇白象輿。與婆羅門長者居士大臣眷屬及以四兵。前後圍繞。出往園中。象行駿疾。猶如風馳。爾時諸臣及婆羅門。長者居士。共諫王言。大王久在深宮之中。外諸人民無緣見王。今者既往園林遊觀。諸人民眾充塞路側。皆悉瞻仰欲見大王。以是事故。願勅御者。不須迅速。王聞此語。即勅御者。令徐徐行。路邊人民。恣意瞻仰。如子見父。

爾時彼王見諸衢巷。無不平坦。又七寶樹。羅列蔭映。而無池水。即勅一臣。夾諸路側。造七寶池。其間相去皆一百弓。又令

栽植種種名華。

又復勅令一一池間給諸侍人。有來浴者。供以香華。又與飲食。恣意取足。如是供給。不捨晝夜。又勅彼臣。自今已後。四遠人民。有來求乞。隨須給與。既到園林。與婆羅門長者居士并餘大臣。遊觀嬉戲。乃至日暮。珠光明曜。如晝無異。不見日影乃知是夜。

時王與諸婆羅門眾長者居士并餘臣民。嬉戲訖已。還歸宮城。別於他日。時婆羅門長者居士及與大臣。持眾名寶。共來獻王。王即語言。我於近日。園林遊戲。勅於某臣。自今已去。有來求索。隨意給與。我之布施。乃至如是。卿等云何。反以眾寶而來獻我。

時王即便心自思惟。此諸人等。所以持寶來獻我者。皆緣國中共貴之故。如此之事。由民貧來。即勅藏臣。出諸珍寶及資生具。置四衢道。搥鍾擊鼓。唱令四遠。大善見王。今開寶藏。以用布施。若有所須隨意來取。王恒如是廣行布施。利益眾生不捨晝夜。

爾時國中諸婆羅門長者居士及以大臣而白王言：大王。常可所居宮殿。極為褊狹。我等每來問訊王時。諸侍從者不相容受。唯願大王。開拓令廣。王聞此語。默然許之。心自念言：我今宜應開闢住處。時天帝釋。知王心念。呼一天子。名毗首建磨。極為妙巧。無事不能。而語之言：今闍浮提。轉輪聖王。名大善見。其今欲更開拓宮城。汝便可下為作監匠。使其居處嚴麗雕飾如我無異。彼天奉勅即便來下。猶如壯士屈伸臂頃。到闍浮提。當王前立。

時王既見彼天子形。風姿端正必知非凡。而問之言：汝是何神而忽來下。天即答言：大王當知。我天帝釋之大臣也。名毗首建磨。極閑工巧。大王心欲開廣宮殿故。天帝釋遣我來下。為作監匠以助於王。王聞此言。心懷歡喜。

時彼天子。即便經始。開廓宮城。城之四門。其間相去。二十四踰闍那。為王起殿。高下縱廣。各八踰闍那。七寶嚴麗如帝釋宮。其殿凡有八萬四千間隔住處。皆有七寶床帳臥具。又復為王起說法殿。高下縱廣。亦八踰闍那。七寶莊嚴無異於前。其殿

四面。有七寶樹。及以名華。列植蔭映。

又造寶池。其水清潔。具八功德。其殿中央。施師子座。七寶莊嚴。極為高廣。覆以寶帳。垂七寶。又為四遠來聽法者。設四寶座。黃金白銀琉璃頗梨。其數凡有八萬四千。毗首建磨。既為彼王造作宮城。皆悉竟已。與王辭別。忽然不現。還歸天上。時大善見王既見宮城皆悉修立。即勅擊鼓唱令國界。

大善見王。却後七日。當為一切說種種法。若欲樂聞。皆可來集說法殿上。時婆羅門長者居士大臣人民。聞此唱令。至於其日。皆悉來集。時王即便上說法殿。登師子座。一切來眾。亦皆坐於四寶之座。

爾時彼王。先為諸人說十善法。然後又為開餘法門。乃至經於萬二千歲。其國眾生。若有曾聞彼王法者。命終生天。不墮三塗。阿難。彼王恒作如此利益一切眾生。

阿難。時大善見王於靜室中。心自念言：我過去世。有何行業？修何善根？生世尊貴。有大威德。色力壽命。人無等者。正當由於過去世中。廣修布施忍辱慈悲故。今

獲得如此報耳。我今宜應更修進勝。而便思惟。不久之間即得初禪。乃至得於第四禪。復更修習四無量心。阿難。大善見王又教夫人及以婬女。令修四禪

大般涅槃經卷中完

爾時雪山。有八萬四千白象。日日來到。列王殿前。時王心念。此諸白象恒來我所經由道路。踐踏眾生。即便勅語主兵臣言。自今已後。不須此象日來我所。經一千歲可令一來。但令四萬二千便足。不必其滿八萬四千。王玉女寶。名曰善賢。與餘夫人及以婬女八萬四千人。於靜室中坐禪思惟。經四萬歲。共相謂言。我等在此坐禪思惟經四萬歲。不見大王。今者宜應禮拜問訊。作此言已。即便相隨。到於王所。其餘宮人。入白王言：善賢今與八萬四千女人。來問訊王。

時王聞已。即便往於說法殿上。昇師子座。俄爾之頃。善賢等至。王即喚前。時善賢等相隨而進。到於王所。頭面禮足。次第而坐。即作是言：我等共在靜室之中。坐禪思惟經四萬歲。不見王久。故來問訊。欲有所說。唯願聽許。王即答言：善哉隨意。

善賢即便而白王言。此閻浮提。西瞿耶尼。北鬱單越。東弗婆提。四方人民極為熾盛。富樂安隱。皆行十善。竝是大王德化力也。此閻浮提。如鳩尸婆帝城者。其數凡有八萬四千。此諸城等。國王臣民及婆羅門。皆悉來此。欲見大王。而王坐禪經多年歲。來朝謁者皆不相見。

譬如孝子不見慈父。又四天下。不見大王遊歷甚久。唯願大王。善將時宜。撫接民人。我等女弱。於國無益。所以坐禪適意久遠。大王處貴統攝內外。一切人民莫不宗仰。豈得如我女人所行。白象車馬。其數各有八萬四千。大王宜應乘之遊觀。大王昔日。恒為一切說種種法。授以十善。頃來坐禪斯事頓廢。于時善賢以如此事。種種諫王。大善見王聞此語已。而答之言：汝於前後每以善事而諫勸我。今聞汝言。殊乖昔意。

爾時善賢聞王此誨。心生懊惱。垂涕念言：我向所以諫大王者。正以所見。謂為得中。不圖乃復更生罪咎。即從座起頂禮王足。而白王言。今我愚癡不識正理。乃以此事而用上諫。唯願大王。聽我懺悔。

爾時大善見王答善賢言：一切諸行皆悉無常。恩愛合會亦復別離。此四天下雖爾熾盛。我亦不久當捨棄之。我於往昔八萬四千歲而為嬰兒。八萬四千歲而為童子。八萬四千歲為灌頂太子。八萬四千歲為灌頂王。然後得成轉輪聖王。領四天下七寶具足。八萬四千歲統理民務。八萬四千歲為諸人民講說諸法。八萬四千歲坐禪思惟。從爾已來。五十八萬八千歲。雖復如此壽命延長。會歸於盡。我今已老。死時將至。古昔諸王尊貴快樂。如我不異。亦復遷謝歸於無常。鳩尸婆帝城。及餘八萬四千大城會亦磨滅。不應於此獨生愛著。長放逸心。我今所以獲此尊勝。皆由往昔積諸善業。今者宜應廣植諸善造來生因。是故坐禪經積年歲。

爾時善賢等聞王此言。心大歡喜。頂禮王足。退還所住。如是不久王得篤疾。自知命盡。即立太子而以為王。集餘大臣及婆羅門長者居士。以四海水灌太子頂。事既畢竟。王即命終。上生梵天。

阿難。大善見王。王四天下而其所居。唯閻浮提大城。雖有八萬四千。而其所處。唯鳩尸婆帝。雪山之中有八萬四千白象之

寶。而王所乘。不過一象。雖有八萬四千駿馬。而王所騎。不過一匹。雖有八萬四千七寶之車。而王常駕。不過一乘。雖有八萬四千夫人。王之所愛。唯在一人。雕飾寶殿。八萬四千。王之所處不過一室。身之所須。飽足而已。而王役慮四方。纏心物務。徒勞精神。於身無益。

阿難。大善見王。豈異人乎。我身是也。我於往昔獲此尊貴。所居國城即在於此。我於此城作轉輪王。不可稱數。成就利益無量眾生。今者諸天充滿虛空。皆是我昔為王之時。以諸善法教化所成。其於今日復在此城。見般涅槃。當令其獲般涅槃果。

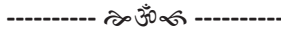
阿難。以是事故。汝云何言此鳩尸那城為邊狹耶？我今決定住於此城而般涅槃。當於如來說此事時。諸天及人億那由他。於諸法中遠塵離垢得法眼淨。即共同聲而白佛言：世尊。往昔無量無邊阿僧祇劫。以諸善法利益我等。今又於此以般涅槃樂安立於我。即散名華。并作天樂。歌唄讚歎。供養如來。爾時阿難。而白佛言：奇哉！世尊。此鳩尸那城。過去乃有斯奇特事。我今不復生小心也。

PHIÊN ÂM:

ĐẠI BÁT NIẾT BÀN KINH

Quyển Trung

Đông Tấn, Bình Dương, Sa môn Thích Pháp Hiền dịch



TÍCH CƯƠNG THI NA THÀNH

PHẨM ĐỆ THẬP NHỊ

Nhĩ thời A Nan ký đắc Như Lai phạm âm an úy, ưu nùng tiểu trừ, nhi bạch Phật ngôn: Ngã kim tâm ý, như tiểu tỉnh ngộ, dục hữu sở thỉnh, duy nguyện ai miễn. Phật tức đáp ngôn: Dục thỉnh hà sự? A Nan ngôn: Thử Cưu Thi Na thành, bỉ dư đại quốc, cực vi biên hiệp, nhân dân hựu phục bất năng sí thịnh. Duy nguyện Thế Tôn, vãng dư đại quốc: Vương Xá thành, Tỳ Da Ly thành, Xá Vệ Quốc thành, Ba La Nại thành, A Du Đồ thành, Chiêm Ba thành, Câu Diệm Di thành, Đức Xoa Thi La thành, như thị chư thành. Sở xứ chánh trung, nhân dân sí thịnh, quốc thổ phong lạc, giai đa tín tâm, trí tuệ thông minh, duy nguyện Thế Tôn, vãng bỉ chư thành, nhi bát Niết Bàn, quảng lợi kỳ trung chư chúng sanh đẳng.

Nhĩ thời Thế Tôn đáp A Nan ngôn: Nhữ kim bất ứng tác thị thỉnh ngã ngôn. Thử Cưu Thi Na thành vi biên hiệp dã, nhữ đương đế thỉnh, kim vi nhữ thuyết: A Nan, quá khứ cửu viễn, thử Cưu Thi Na thành hữu Chuyển Luân Thánh Vương, danh Đại Thiện Kiến, thất bảo cụ túc, vương hữu thiên tử, năng phục oán địch, giai dĩ chánh pháp hóa chư nhân dân. Nhĩ thời thử thành, danh Cưu Thi Bà Đế thành, đông tây

nhị môn, Kỳ gian tương khứ, thập nhị Du Đồ Na [1]. Nam bắc nhị môn, kỳ gian tương khứ, bát Du Đồ Na. Kỳ thành tứ diện, chu táp thất trọng. Kỳ nội nhất trọng thuần dĩ hoàng kim. Kỳ đệ nhị trọng thuần dĩ bạch ngân. Kỳ đệ tam trọng thuần dĩ lưu ly. Kỳ đệ tứ trọng thuần dĩ pha lê. Kỳ đệ ngũ trọng thuần dĩ xa cừ. Kỳ đệ lục trọng thuần dĩ mã não. Kỳ đệ thất trọng tạp dĩ chúng bảo. Kỳ thành lâu lỗ giai tất thất tầng, song dĩ lan thuần thất bảo điều sức, huyền chúng bảo linh võng la thượng. Kỳ gian tương khứ, tận nhất tiến đạo. Kỳ thành tứ môn, môn các cửu trọng, trang giáo nghiêm sức, quang lệ duyệt mục, thất trọng thành ngoại các hữu tiệm thủy. Kỳ thủy trừng khiết cụ Bát Công Đức [2], giai dĩ thất bảo nhi vi giai bệ, chư tạp loại diệu, loan hoàng khổng tước phù nhận uyên ương. phiên yết phi vũ, minh tập kỳ trung. Kỳ thủy phục hữu Cửu Mưu Đầu hoa, Uất Ba La hoa, Phân Đà Lợi hoa, thanh hoàng xích bạch tạp sắc liên hoa. Hựu kỳ ngạn thượng, hữu thất hành bảo thụ hành các dị bảo, vi phong từ khởi xuy bỉ thụ chi, điều điệp tương xúc, âm như thiên nhạc. Thành trung nhân dân giai tất doanh mãn, an ẩn phong nhạc cực vi sí thịnh. Chư ngũ dục cụ như Đao Lợi Thiên, đạo lộ chi trung huyền chư minh châu, nhân dân hành chỉ, sơ vô trú dạ. Thử thành hằng hữu thập chủng âm thanh. Nhất giả tượng thanh. Nhị giả mã thanh. Tam giả xa thanh. Tứ giả cổ thanh. Ngũ giả loa thanh. Lục giả cầm sắt đặng thanh. Thất giả ca thanh. Bát giả khấu chung kích khánh thiết đại hội thanh. Cửu giả tán thán trì giới nhân thanh. Thập giả hổ cộng thuyết pháp ngữ luận chi thanh.

Đại Thiện Kiến vương, hữu chư uy đức, đoan chánh đệ

nhất. Chúng nhân kiến giả vô bất ái kính, trường thọ hoan nhạc thân vô tiểu tật. Vương tính từ nhân, mẫn niệm nhất thiết, do như từ phụ liên ái kỳ tử. Nhất thiết nhân dân thân kính ư vương. Diệc phục như phụ A Nan: Đại Thiện Kiến vương, biệt ư nhất thời dục xuất viên lâm, du quan hy hý, nghiêm Tứ chủng binh [3], các bát vạn tứ thiên. Hựu phục hậu cung phu nhân, thể nữ, diệc nghiêm bát vạn tứ thiên thừa xa, dục tùy du khán. Thời Vương hựu phục sắc ư quốc trung chư Bà la môn, Trưởng giả, Cư sĩ, lệnh tùy xuất du, nghiêm giá bạn dĩ. Thời chủ binh thần nhập bạch Vương ngôn: Tứ binh dĩ bạn, nguyện vương tri thời. Thời Vương tức tiện thăng bạch tượng dư, dĩ Bà la môn, Trưởng giả, Cư sĩ đại thần quyến chúc cập dĩ tứ binh, tiền hậu vi nhiều, xuất vãng viên trung, tượng hành tuần tật, do như phong trì.

Nhĩ thời chư thần cập Bà la môn, Trưởng giả, Cư sĩ, cộng gián vương ngôn. Đại Vương cứu tại thâm cung chi trung, ngoại chư nhân dân vô duyên kiến vương. Kim giả ký vãng viên lâm du quan, chư nhân dân chúng sung tắc lộ trắc, giai tất chiêm ngưỡng dục kiến đại vương, dĩ thị sự cố. Nguyện sắc ngự giả, bất tu tấn tốc. Vương văn thử ngữ. Tức sắc ngự giả, lệnh từ từ hành, lộ biên nhân dân, tứ ý chiêm ngưỡng, như tử kiến phụ.

Nhĩ thời bĩ Vương kiến chư cù hạng, vô bất bình thân, hựu thất bảo thụ, la liệt ẩm ánh, nhi vô trì thủy. Tức sắc nhất thần, giáp chư lộ trắc, tạo thất bảo trì. Kỳ gian tương khứ giai nhất bách cung, hựu lệnh tài thực chủng chủng danh hoa.

Hựu phục sắc lệnh nhất nhất trì gian cấp chư thị nhân, hữu lai dục giả. Cung dĩ hương hoa, hựu dĩ ẩm thực, tứ ý

thủ túc. Như thị cung cấp, bất xá trú dạ, hựu sắc bỉ thần, tự kim dĩ hậu, tứ viễn nhân dân, hữu lai cầu khát, tùy tu cấp dữ, kí đáo viên lâm, dữ Bà la môn, Trưởng giả, Cư sĩ tịnh dư Đại thần, du quan hi hí, nãi chí nhật mộ, châu quang minh diệu, như trú vô di, bất kiến nhật ảnh nãi tri thị dạ.

Thời Vương dữ chư Bà la môn chúng Trưởng giả Cư sĩ tịnh dư thần dân, hy hý cật dĩ, hoàn quy cung thành, biệt ư tha nhật. Thời Bà la môn, Trưởng giả, Cư sĩ cập dữ đại thần, trì chúng danh bảo, cộng lai hiến vương. Vương tức ngữ ngôn: Ngã ư cận nhật, viên lâm du hí, sắc vu mỗ thần, tự kim dĩ khứ, hữu lai cầu tác, tùy ý cấp dữ, ngã chi bố thí. Nãi chí như thị, khanh đẳng vân hà? Phản dĩ chúng bảo nhi lai hiến ngã. Thời Vương tức tiện tâm tự tư duy, thử chư nhân đẳng, sở dĩ trì bảo lai hiến ngã giả, giai duyên quốc trung cộng quý chi cố, như thử chi sự. Do dân bần lai, tức sắc tàng thần, xuất chư trân bảo cập tư sanh cụ, trí tứ cù đọa, chùy chung kích cổ, xướng lệnh tứ viễn. Đại Thiện Kiến vương, kim khai bảo tàng, dĩ dụng bố thí. Nhược hữu sở tu tùy ý lai thủ. Vương hằng như thị quảng hành bố thí, lợi ích chúng sanh bất xá trú dạ.

Nhĩ thời quốc trung chư Bà la môn, Trưởng giả, Cư sĩ cập dĩ đại thần, nhi bạch Vương ngôn: Đại Vương, thường khả sở cư cung điện, cực vi biển hiệp. Ngã đẳng mỗi lai vấn tẩn Vương, thời chư thị tòng giả bất tương dung thụ. Duy nguyện Đại vương, khai thác lệnh quảng, vương văn thử ngữ, mặc nhiên hứa chi, tâm tự niệm ngôn: Ngã kim nghi ưng khai khoát trụ xứ, thời Thiên Đế Thích, tri vương tâm niệm, hô nhất Thiên tử, danh bì thử kiến ma, cực vi diệu xảo,

vô sự bất năng, nhi ngữ chi ngôn:

Kim Diêm Phù Đề, Chuyển Luân Thánh Vương, danh Đại Thiện Kiến, kỳ kim dục canh khai thác cung thành, nữ tiện khả hạ vi tác giam tượng, sử kỳ cư xứ nghiêm lệ điều sức như ngã vô dị, bỉ thiên phụng sắc tức tiện lai hạ. Do như tráng sĩ khuất thân tỵ khoảnh, đáo Diêm Phù Đề, đương vương tiền lập. Thời Vương ký kiến bỉ thiên tử hình, phong tư đoan chánh tất tri phi phạm, nhi vấn chi ngôn: Nữ thị hà thần nhi hốt lai hạ. Thiên tức đáp ngôn: Đại vương đương tri, ngã Thiên Đế Thích [4] chi đại thần dã, danh Tỳ Thủ Kiến Ma, cực nhàn công xảo, Đại vương tâm dục khai quảng cung điện cố. Thiên Đế Thích khiến ngã lai hạ, vi tác giam tượng dĩ trợ ư vương.

Vương văn thử ngôn, tâm hoài hoan hỷ. Thời bỉ thiên tử, tức tiện kinh thủy, khai khuếch cung thành. Thành chi tứ môn, kỳ gian tương khứ, nhị thập tứ Du Đờ Na, vi vương khởi điện, cao hạ tóng quảng. Các bát Du Đờ Na, thất bảo nghiêm lệ như Đế Thích cung, kỳ điện phạm hữu bát vạn tứ thiên gian cách trụ xứ, giai hữu thất bảo sàng trướng ngoại cụ, hựu phục vi vương khởi Thuyết Pháp điện, cao hạ tóng quảng. Diệc bát Du Đờ Na, thất bảo trang nghiêm vô dị ư tiền, kỳ điện tứ diện, hữu thất bảo thụ, cập dĩ danh hoa, liệt thực ấm ánh. Hựu tạo bảo trì, Kỳ thủy thanh khiết, cụ Bát công đức, kỳ điện trung ương, thí sư tử tọa, thất bảo trang nghiêm, cực vi cao quảng, phúc dĩ bảo trướng, thùy thất bảo. Hựu vi tứ viễn lai thính pháp giả, thiết tứ bảo tọa, hoàng kim bạch ngân lưu ly pha lê. Kỳ sở phạm hữu bát vạn tứ thiên, Tỳ Thủ Kiến Ma, ký vi bỉ vương tạo tác cung thành,

giai tất cánh dĩ, dĩ vương từ biệt. Hốt nhiên bất hiện, hoàn quy thiên thượng. Thời Đại Thiện Kiến vương ký kiến cung thành giai tất tu lập, tức sắc kích cổ xướng lệnh quốc giới.

Đại Thiện Kiến Vương, tức hậu thất nhật, đương vi nhất thiết thuyết chủng chủng pháp. Nhược dục lạc văn, giai khả lai tập Thuyết Pháp điện thượng. Thời Bà La môn, Trưởng giả, Cư sĩ, Đại thần nhân dân, văn thử xướng lệnh, chí ư kỳ nhật, giai tất lai tập. Thời Vương tức tiện thượng Thuyết Pháp điện, đăng sư tử tọa, nhất thiết lai chúng, diệc giai tọa ư tứ bảo chi tọa.

Nhĩ thời bỉ Vương, tiên vi chư nhân thuyết Thập Thiện pháp. Nhiên hậu hựu vi khai dư pháp môn, nãi chí kinh ư vạn nhị thiên tuế. Kỳ quốc chúng sanh, nhược hữu tăng văn bỉ Vương pháp giả, mệnh chung sanh thiên, bất đọa tam đồ. A Nan bỉ Vương hằng tác như thử lợi ích nhất thiết chúng sanh. A Nan, thời Đại Thiện Kiến vương ư tĩnh thất trung, tâm tự niệm ngôn: Ngã quá khứ thế, hữu hà hành nghiệp? Tu hà thiện căn? Sanh thế tôn quý hữu đại uy đức, sắc lực thọ mệnh, nhân vô đẳng giả. Chánh đương do ư quá khứ thế trung, quảng tu Bồ thí, Nhẫn nhục, Từ bi cố, kim hoạch đắc như thử báo nhĩ. Ngã kim nghi ứng canh tu tiến thắng, nhi tiện tư duy, bất cứu chi gian tức đắc Sơ thiên, nãi chí đắc ư đệ Tứ thiên. Phục cánh tu tập Tứ Vô lượng tâm [5]. A Nan, Đại Thiện Kiến Vương hựu giáo Phu nhân cập dĩ Thế nữ, lệnh tu Tứ thiên.

Đại Bát Niết Bàn Kinh - Quyển Trung hoàn.

Nhĩ thời Tuyết San [6], hữu bát vạn tứ thiên bạch tượng, nhật nhật lai đáo, liệt vương điện tiền. Thời Vương tâm niệm, thử chư bạch tượng hằng lai ngã sở kinh do đạo lộ, tiền tích chúng sanh, tức tiện sắc ngữ chủ binh thần ngôn: Tự kim dĩ hậu, bất tu thử tượng nhật lai ngã sở, kinh nhất thiên tuế khả lệnh nhất lai, dẫn lệnh tứ vạn nhị thiên tiện túc, bất tất kỳ mãn bát vạn tứ thiên.

Vương Ngọc Nữ Bảo, danh viết Thiện Hiền, dữ dư Phu nhân cập dĩ Thể nữ bát vạn tứ thiên nhân, ư tịnh thất trung tọa thiện tư duy, kinh tứ vạn tuế, cộng tương vị ngôn: Ngã đẳng tại thử tọa thiện tư duy kinh tứ vạn tuế, bất kiến đại vương, kim giả nghi ứng lễ bái vấn tấn, tác thử ngôn dĩ, tức tiện tương tùy, đáo ư vương sở.

Kỳ dư cung nhân, nhập bạch Vương ngôn: Thiện Hiền kim dữ bát vạn tứ thiên nữ nhân, lai vấn tấn vương. Thời Vương văn dĩ, tức tiện vãng ư thuyết pháp điện thượng, thăng sư tử tọa, nga nhĩ chi khoảnh. Thiện Hiền đẳng chí, vương tức hoán tiền. Thời Thiện Hiền đẳng tương tùy nhi tiến, đáo ư vương sở, đầu diện lễ túc, thứ đệ nhi tọa, tức tác thị ngôn: Ngã đẳng cộng tại tịnh thất chi trung, tọa thiện tư duy kinh tứ vạn tuế, bất kiến vương cửu, cố lai vấn tấn, dục hữu sở thuyết. Duy nguyện thỉnh hứa.

Vương tức đáp ngôn: Thiện tai tùy ý. Thiện Hiền tức tiện nhi bạch Vương ngôn: Thử Diêm Phù Đề (Jumbudvipa), Tây Cù Da Ni (Apara godaniya), Bắc Uất Đan Việt (Uttara kura), Đông Phất Bà Đề (Pūrva videha). Tứ phương nhân dân cực vi sí thịnh, phú lạc an ổn, giai hành Thập Thiện, tịnh thị đại

vương đức hóa lực dã. Thử Diêm Phù Đề, như Cư Thi Bà Đế thành giả, Kỳ số phàm hữu bát vạn tứ thiên, thử chư thành đấng, quốc vương thần dân cập Bà La Môn, giai tất lai thử, dục kiến Đại vương, nhi vương tọa thiện kinh đa niên tuế, lai triều yết giả giai bất tương kiến, thí như hiếu tử bất kiến từ phụ; hựu tứ thiên hạ, bất kiến Đại vương du lịch thậm cửu. Duy nguyện Đại vương, thiện tương thời nghi, phủ tiếp dân nhân, ngã đấng nữ nhược, ư quốc vô ích, sở dĩ tọa thiện thích ý cửu viễn, Đại vương xử quý thống nhiếp nội ngoại, nhất thiết nhân dân mạc bất tông ngưỡng, khởi đấng như ngã nữ nhân sở hành, bạch tượng xa mã, kỳ số các hữu bát vạn tứ thiên. Đại vương nghi ứng thừa chi du quan. Đại vương tích nhật, hằng vi nhất thiết thuyết chủng chủng pháp, thụ dĩ Thập Thiện, khoảnh lai tọa thiện tư sự đốn phế. Ư thời Thiện Hiền dĩ như thử sự, chủng chủng gián vương.

Đại Thiện Kiến vương văn thử ngữ dĩ, nhi đáp chi ngôn: Nhữ ư tiền hậu mỗi dĩ thiện sự nhi gián khuyến ngã, kim văn nhữ ngôn, thù quai tích ý.

Nhĩ thời Thiện Hiền văn Vương thử hối, tâm sanh áo não. thùy thể niệm ngôn: Ngã hướng sở dĩ gián Đại vương giả, chánh dĩ sở kiến, vị vi đấng trung, bất đồ nãi phục canh sanh tội cửu, tức tòng tọa khởi đấng lễ vương túc, nhi bạch Vương ngôn: Kim ngã ngu si bất thức chánh lý, nãi dĩ thử sự nhi dụng thượng gián, duy nguyện Đại vương, thính ngã Sám hối [7].

Nhĩ thời Đại Thiện Kiến vương đáp Thiện Hiền ngôn: Nhất thiết chư hành giai tất vô thường. Ân ái hợp hội diệc

phục biệt ly. Thử Tứ thiên hạ [8] tuy nhĩ sí thịnh. Ngã diệc bất cửu đương xá khí chi. Ngã ư vãng tích bát vạn tứ thiên tuế nhi vi Anh Nhi, bát vạn tứ thiên tuế nhi vi Đồng tử, bát vạn tứ thiên tuế vi Quán đỉnh [9] Thái tử, bát vạn tứ thiên tuế vi Quán đỉnh Vương.

Nhiên hậu đắc thành Chuyển Luân Thánh Vương, lĩnh tứ thiên hạ thất bảo cụ túc, bát vạn tứ thiên tuế thống lý dân vụ, bát vạn tứ thiên tuế vi chư nhân dân giảng thuyết chư pháp, bát vạn tứ thiên tuế tọa thiện tư duy. Tòng nhĩ dĩ lai, ngũ thập bát vạn bát thiên tuế, tuy phục như thử thọ mệnh duyên trường, hội quy ư tận. Ngã kim dĩ lão, tử thì tương chí, cổ tích chư vương tôn quý khoái lạc, như ngã bất dị, diệc phục thiên tạ quy ư vô thường, Cưu Thi Bà Đế thành, cập dư bát vạn tứ thiên đại thành hội diệc ma diệt, bất ứng ư thử độc sanh ái trước, trưởng phóng dật tâm, ngã kim sở dĩ hoạch thử tôn thắng, giai do vãng tích tích chư thiện nghiệp. Kim giả nghi ưng quảng thực chư thiện tạo lai sanh nhân, thị cố tọa thiện kinh tích niên tuế.

Nhĩ thời Thiện Hiền đấng văn Vương thử ngôn, tâm đại hoan hỷ, đỉnh lễ vương túc, thối hoàn sở trụ. Như thị bất cửu Vương đắc đốc tậ, tự tri mệnh tận, tức lập Thái tử nhi dĩ vi Vương, tập dư Đại thần cập Bà La Môn, Trường giả, Cư sĩ, dĩ tứ hải thủy quán Thái tử đỉnh, sự ký tất cánh, Vương tức mệnh chung, thượng sanh phạm thiên.

A Nan, Đại Thiện Kiến Vương, Vương Tứ thiên hạ nhi kỳ sở cư, duy Diêm Phù Đề đại thành, tuy hữu bát vạn tứ thiên, nhi kỳ sở xứ, duy Cưu Thi Bà Đế, Tuyết San chi trung hữu bát vạn tứ thiên bạch tượng chi bảo, nhi Vương sở thừa, bất quá

nhất tượng, tuy hữu bát vạn tứ thiên tuần mã, nhi Vương sở kị, bất quá nhất thất, tuy hữu bát vạn tứ thiên thất bảo chi xa, nhi Vương thường giá, bất quá nhất thừa, tuy hữu bát vạn tứ thiên phu nhân, Vương chi sở ái, duy tại nhất nhân, điều sức bảo điện, bát vạn tứ thiên, Vương chi sở xứ bất quá nhất thất, thân chi sở tu, bảo túc nhi dĩ, nhi Vương dịch lự tứ phương, triền tâm vật vụ, đồ lao tinh thần, ư thân vô ích.

A Nan, Đại Thiệ Kiến Vương, khởi dị nhân hồ, ngã thân thị dã. Ngã ư vãng tích hoạch thử tôn quý, sở cư quốc thành tức tại ư thử, ngã ư thử thành tác Chuyển Luân Vương, bất khả xưng số, thành tựu lợi ích vô lượng chúng sanh, kim giả chư thiên sung mãn hư không, giai thị ngã tích vi Vương chi thời, dĩ chư thiện pháp giáo hóa sở thành. Kỳ ư kim nhật phục tại thử thành, kiến bát Niết Bàn, đương lệnh kỳ hoạch bát Niết Bàn quả.

A Nan, dĩ thị sự cố, nhữ vân hà ngôn? Thử Cựu Thi Na thành vi biên hiệp da? Ngã kim quyết định trụ vu thử thành nhi bàn Niết Bàn, đương ư Như Lai thuyết thử sự thời, chư thiên cập nhân ức na do tha, ư chư pháp trung viễn trần ly cấu đặc Pháp nhãn tịnh, tức cộng đồng thanh nhi bạch Phật ngôn:

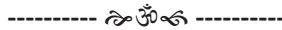
Thế Tôn, vãng tích vô lượng vô biên a tăng kỳ kiếp, dĩ chư thiện pháp lợi ích ngã đẳng. Kim hựu ư thử dĩ bát Niết Bàn lạc an lập ư ngã, tức tán danh hoa, tịnh tác thiên nhạc, ca bá tán thán, cung dường Như Lai. Nhĩ thời A Nan, nhi bạch Phật ngôn: Kỳ tai Thế Tôn! Thử Cựu Thi Na Thành, quá khứ nãi hữu tứ kỳ đặc sự, ngã kim bất phục sanh tiểu tâm dã.

DỊCH NGHĨA:

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

Quyển Trung

Đông Tấn, Bình Dương, Sa môn Thích Pháp Hiển dịch



TÍCH XƯA THÀNH CƯU THI NA

PHẨM THỨ MƯỜI HAI

Ngài A Nan nghe được Phạm Âm của Đức Như Lai an ủi, lòng lo buồn giảm bớt, Ngài liền bạch Phật rằng: Lạy đức Thế Tôn! Tâm ý con hiện nay tỉnh ngộ, con có chút việc muốn thỉnh cầu, cúi xin Thế Tôn thương xót, hoan hỷ chỉ dạy cho!

Đức Phật liền bảo: Ông muốn thỉnh cầu việc gì, Thế Tôn sẽ vì ông mà nói!

Ngài A Nan bạch: Lạy đức Thế Tôn! Thành Cưu Thi Na này so với những nước lớn khác, thì nó rất là nhỏ hẹp, biên địa, nhân dân không được đông đúc, kính xin đức Thế Tôn đi đến những nước lớn khác như: Vương Xá thành, Tỳ Da Ly thành, Xá Vệ Quốc thành, Ba La Nại thành, A Du Xà thành, Chiêm Ba thành, Câu Diễm Di thành, Đức Soa Thi La thành..., các thành ấy vừa ở chính giữa, nhân dân đông đúc, quốc độ giàu có, vui vẻ, có nhiều người tín tâm, trí tuệ thông minh, kính xin đức Thế Tôn đến những thành kia mà nhập Niết Bàn, đem lại lợi ích rộng lớn cho những chúng sinh, ở trong các nơi ấy.

Đức Thế Tôn liền đáp lời A Nan mà dạy rằng: Nay ông

không nên nói lời thỉnh cầu Thế Tôn, là thành Cưu Thi Na này nhỏ hẹp, biên địa. Ông nên lắng nghe, nay Ta sẽ vì ông mà nói! Nay A Nan! Thuở quá khứ lâu xa về trước, nơi thành Cưu Thi Na này có vị Chuyển Luân Thánh Vương, tên là Đại Thiện Kiến. Nhà vua có đầy đủ bảy thứ châu báu, có một nghìn người con, có sức lực đẹp được những oán địch, nhưng đều đem chính pháp giáo hóa nhân dân.

Thành này khi ấy gọi là thành Cưu Thi Bà Đế. Thành này, cửa Đông, cửa Tây cách nhau mười hai do tuần, cửa Nam, cửa Bắc cách nhau tám do tuần. Bốn mặt thành này, chung quanh đều có bảy lớp bao quanh. Lớp thứ nhất bên trong, xây thuần bằng vàng ròng. Lớp thứ hai, xây thuần bằng bạc. Lớp thứ ba, xây thuần bằng lưu ly. Lớp thứ tư, xây thuần bằng pha lê. Lớp thứ năm, xây thuần bằng xà cừ. Lớp thứ sáu, xây thuần bằng mã não. Lớp thứ bảy, xây lẫn tất cả mọi thứ châu báu.

Lầu, mái nhà thành này, đều làm bảy tầng; cửa song, cửa sổ, bao lơn đều điêu khắc, trang sức bằng báu cả; lại treo nhiều cái linh báu, những mạng lưới ở trên. Và, khoảng mỗi tầng cách nhau chừng hai dặm. Bốn cửa của thành ấy, mỗi cửa đều được chín lớp bao quanh và đều trang sức nghiêm chỉnh, sáng ngời vui mắt.

Ngoài bảy lớp quanh thành, đều có những hào nước. Nước của những hào ấy lắng trong, đủ Tám công đức và bờ hào đều xây bằng bảy báu. Trên và trong những hào ấy, có các loại chim bay, liệng, nhảy, múa, kêu, đậu, như chim Loan, chim Phụng, chim Khổng tước, vịt Nước, chim Nhạn,

chim Uyên ương... Trong những hào nước ấy có các thứ hoa, như hoa Cưu Mâu Đầu, hoa Uất Ba La, hoa Phân Đà Lợi cùng những hoa sen xanh, vàng, đỏ, trắng và màu sặc sỡ. Trên bờ hào ấy, có bảy hàng cây báu, mỗi hàng đều có những thứ châu báu khác nhau; gió hiu hiu, thổi từ từ vào những cành cây kia, nhánh lá chạm nhau, tiếng vang lên như thiên nhạc.

Nhân dân trong thành, hết thảy đều đầy đủ sự yên ổn, giàu có, vui vẻ đến chỗ cực thịnh; ngũ dục đầy đủ như cõi trời Đao ly.

Đường xá trong thành đều treo những hạt minh châu; nhân dân đi hay nghỉ, không phân ngày đêm. Trong thành này thường thường có mười thứ tiếng: Một là tiếng voi, hai là tiếng ngựa, ba là tiếng xe, bốn là tiếng trống, năm là tiếng loa, sáu là tiếng đàn cầm, đàn sắt..., bảy là tiếng hát, tám là tiếng chuông, tiếng khánh hợp đại hội, chín là tiếng khen ngợi người tri giới, mười là tiếng thuyết pháp bàn bạc với nhau.

Vua Đại Thiện Kiến, có đầy đủ uy đức, đoan chính đệ nhất, mọi người trông thấy, ai cũng kính mến; sống lâu, vui vẻ, thân không có chút tật bệnh. Tính vua nhân từ, nghĩ thương tất cả, như cha lành thương yêu con mình, hết thảy nhân dân, thân kính nhà vua cũng như cha mình.

Này A Nan! Vua Đại Thiện Kiến, đặc biệt có một thời, nhà vua muốn ra nơi Viên Lâm du quan. Nhà vua cho chinh nghiêm bốn loại binh, mỗi loại là tám vạn bốn nghìn. Lại, những phu nhân, thể nữ hậu cung cũng chinh nghiêm tám

vạn bốn nghìn cỗ xe, muốn theo du ngoạn. Lúc đó, nhà vua lại sắc lệnh cho những dòng Bà la môn, trưởng giả, cư sĩ..., theo vua xuất du.

Chính nghiêm xe ngựa xong, quan chủ binh vào tâu vua: Bốn loại binh đã chuẩn bị xong, xin vua liệu thì giờ xuất du! Nhà vua liền lên xe bạch tượng, cùng Bà la môn, trưởng giả, cư sĩ, đại thần, quyến thuộc và dùng bốn loại binh vây quanh trước sau.

Khi ra đi, để đến lâm viên kia, voi đi nhanh như gió lướt, các quan, Bà la môn, Trưởng giả, Cư sĩ cùng can vua: Đại vương ở mãi trong thâm cung, nhân dân bên ngoài, không có duyên được trông thấy Đại vương, nay Đại vương đến Viên Lâm du quan, nhân dân đông đảo, chật cả bên đường, hết thảy đều trông ngóng muốn thấy Đại vương; vì sự việc ấy, xin Đại vương sắc lệnh cho người coi xe, không nên đi nhanh! Nhà vua nghe lời nói ấy, liền sắc cho người coi xe, nên đi từ từ. Do đi từ từ, nhân dân bên đường, mặc ý chiêm ngưỡng, như con thấy cha.

Bấy giờ vua Đại Thiện Kiến thấy các đường, ngõ, nơi nào cũng bằng phẳng, lại có những hàng cây thất bảo, che rợp, sáng ngời, nhưng, không thấy có một ao nước nào, nhà vua liền sắc cho một Viên quan, giáp bên các đường, đào ao thất bảo và mỗi cái ao cách nhau bằng một trăm cái cung. Lại sai trồng thêm nhiều thứ hoa quý.

Trong mỗi một ao, phải cắt người hầu hạ, có ai lại tắm, đem hương hoa cung cấp cho họ, cùng cho thức ăn, uống, mặc ý dùng đủ; cung cấp như thế, không ngớt ngày

đêm. Lại sắc lệnh cho Viên quan kia, từ nay về sau, nhân dân từ bốn phương xa lại, có ai lại cầu xin tùy họ dùng gì, cung cấp cho họ.

Đến Viên Lâm rồi, nhà Vua cùng Bà la môn, Trưởng giả, Cư sĩ cùng các đại thần du quan, cho đến chiều tối, thấy ánh sáng của châu báu rực rỡ, như ban ngày không khác. Khi không trông thấy bóng mặt trời, mới biết là đã về đêm, bấy giờ nhà Vua cùng các Bà la môn, Trưởng giả, Cư sĩ và các thần dân du ngoạn xong rồi, mới trở về cung thành.

Ngày khác, các Bà la môn, Trưởng giả, Cư sĩ cùng các đại thần, đem mọi thứ châu báu quý giá, lại dâng Vua, nhà Vua bảo rằng: Ngày mới rồi, ta du quan chốn Viên Lâm, ta có sắc lệnh cho Viên quan nọ: Từ nay trở đi, có ai lại xin, tùy ý họ, cung cấp cho họ; đấy việc bố thí của ta như thế, nay các khanh, sao lại còn đem những châu báu đến dâng ta?

Bấy giờ, tâm nhà Vua tự nghĩ: Những người này sở dĩ đem châu báu đến dâng ta đều là duyên cớ làm cho trong nước cùng giàu sang. Sự việc như thế, chắc do dân nghèo mà họ đem lại? Nhà Vua liền sắc lệnh cho Viên quan coi kho, đem những trân bảo cung các đồ tư sinh, để nơi ngã tư đường, rung chuông, đánh trống, xướng lệnh cho bốn phương xa biết rằng vua Đại Thiện Kiến, nay mở kho báu để bố thí, nếu ai cần dùng, tùy ý lại lấy và nhà Vua thường làm việc bố thí rộng rãi như thế, không ngớt ngày đêm.

Các Bà la môn, Trưởng giả, Cư sĩ cùng các đại thần trong nước, khi ấy tâu với vua rằng: Tâu Đại vương! Cung điện của Đại vương thường ở đây, rất chật hẹp; khi chúng

tôi lại thưa hỏi Đại vương, không thể dung cả được những người theo hầu chúng tôi, kính xin Đại vương nên mở mang cho rộng rãi hơn!

Nhà vua nghe lời nói ấy, im lặng nhận lời và tâm tự niệm rằng: Nay ta nên mở rộng trụ xứ này! Bấy giờ, vua Đế Thích biết rõ tâm niệm của nhà Vua, liền gọi một vị Thiên tử tên là Tỳ Thủ Kiến Ma, là người tài nghệ rất khéo, không việc gì là không làm được, mà bảo rằng: Nay cõi Diêm Phù Đề có vị Chuyển Luân Thánh Vương tên là Đại Thiện Kiến, muốn mở mang cung thành, ông có thể hiện xuống làm người thợ trông nom giúp cho vị ấy, làm cho nơi ấy về sự điêu khắc, trang sức được trang nghiêm, mỹ lệ như nơi ta không khác? Vị Thiên tử vâng sắc chỉ của vua Đế Thích hiện xuống nhân gian như người tráng sĩ co **đuối** cánh tay trong chốc lát đã đến cõi Diêm Phù Đề và đứng ngay trước nhà vua.

Lúc đó, nhà vua trông thấy hình dáng vị Thiên tử kia phong tư đoan chính biết hẳn là không phải người phàm, nhà vua liền hỏi rằng: Ngài là vị Thần đức nào, bỗng dưng lại đây? Vị Thiên tử kia đáp: Đại vương nên biết, tôi là đại thần của vua Đế Thích, tên là Tỳ Thủ Kiến Ma là người thợ rất khéo. Tâm Đại vương muốn mở rộng cung điện, nên vua Đế Thích sai tôi xuống đây, làm người thợ trông nom giúp nhà vua. Nhà vua nghe lời nói ấy, trong lòng rất vui mừng.

Vị Thiên tử kia bắt đầu xây dựng mở mang cung thành. Bốn cửa thành, mỗi cửa mở rộng ra, cách nhau hai mươi bốn do tuần. Lại xây cung điện nhà vua. Điện này cao,

sâu, dài, rộng mỗi chiều đều tám do tuần và đều bằng thất bảo, trang nghiêm, mỹ lệ, như cung vua Đế Thích. Trong điện ấy, gồm có tám vạn bốn nghìn căn, cách nhau. Và đều có giưỡng, mùng, ngọa cụ bằng thất bảo.

Sau lại xây điện thuyết pháp cho nhà vua. Điện này cao, sâu, dài, rộng cũng tám do tuần và cũng trang nghiêm bằng thất bảo như trước. Bốn mặt của điện này, đều có cây thất bảo cùng lấy những cây hoa quý, trồng thành hàng, bóng che rợp và sáng rực. Lại đào những ao báu. Nước trong ao báu ấy trong sạch, đủ tám công đức.

Còn chỗ chính giữa của điện ấy, đặt tòa Sư tử rất cao rộng, trang nghiêm bằng thất bảo, lấy mùng báu che đi và để rủ xuống những cái diềm bằng thất bảo. Và, vì những khách xa bốn phương lại nghe pháp, nên lại xây tòa Tứ bảo: Vàng, bạc, lưu ly, pha lê; mà số lượng ngồi trong tòa ấy có đến tám vạn bốn nghìn người. Khi vị Tỳ Thủ Kiến Ma vì vua Đại Thiện Kiến tạo tác cung thành xong rồi, vị ấy từ biệt nhà vua, bỗng dưng không thấy hiện nữa, trở về thiên thượng.

Đại Thiện Kiến Vương, thấy cung thành đều đã xây cất, sửa sang xong, liền ra lệnh cho viên quan trực thuộc, đánh trống, xướng lệnh cho khắp nhân dân trong quốc giới biết: Sau đây bảy ngày, nhà vua sẽ vì hết thảy mọi người, nói nhiều pháp lợi; nếu ai muốn nghe pháp, đều tập họp tại Thuyết Pháp điện.

Bấy giờ, Bà la môn, Trưởng giả, Cư sĩ, đại thần, nhân dân, nghe xướng lệnh ấy, đúng ngày, đều tập họp tại Thuyết Pháp điện.

Lúc đó, nhà vua lên Thuyết Pháp điện, ngồi lên tòa sư tử và hết thảy mọi người đến nghe, cũng đều ngồi vào tòa Tứ bảo. Đại Thiện Kiến Vương, trước tiên vì mọi người nói về pháp Thập Thiện, sau lại khai tuyên nhiều pháp môn khác. Cứ thế, cho đến một vạn hai nghìn năm, chúng sinh trong nước ấy, ai từng nghe pháp của vua Đại Thiện Kiến, khi mệnh chung được sinh lên cõi trời, không phải sa đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Này A Nan! Vua Đại Thiện Kiến thường làm việc lợi ích chúng sinh như thế.

Này A Nan! Khi vua Đại Thiện Kiến ở trong tỉnh thất, tâm nhà vua tự nghĩ: Thuở quá khứ ta có hành nghiệp gì, tu những thiện căn gì, sinh ra đời được sự tôn quý, có uy đức lớn, sắc lực, thọ mệnh, người ta không sánh bằng được? Chính do trong thuở quá khứ, ta tu nhiều về Bồ thí, Nhẫn nhục, Từ bi, nên nay được quả báo ấy! Vậy nay ta nên tu tiến hơn nữa. Nhà vua liền suy nghĩ rằng: Thời gian không bao lâu nữa ta sẽ chứng được Sơ thiền, cho đến được Đệ Tứ thiền và lại tu tập tứ vô lượng tâm: Từ, Bi, Hỷ, Xả! Này A Nan! Không những riêng mình, vua Đại Thiện Kiến lại dạy phu nhân cùng các thể nữ tu về Tứ thiền.

Kinh Đại Bát Niết Bàn - Quyển Trung hết.

Bấy giờ, nơi Tuyết Sơn có tám vạn bốn nghìn con voi trắng, hằng ngày đến sắp hàng trước điện nhà vua. Nhà vua tâm tự nghĩ: Các con voi trắng này thường lại chỗ ta, phải đi trên các con đường, hẳn là dẫm đạp lên chúng sinh! Nghĩ thế, nhà Vua liền ra lệnh cho Viên quan chủ về việc binh, từ nay về sau, không cần những con voi này, hằng

ngày đến chỗ ta nữa; chừng một nghìn năm sẽ đến một lần, song, chỉ cho bốn vạn hai nghìn con là đủ, không cần phải đi đủ cả tám vạn bốn nghìn con.

Khi ấy, Ngọc nữ của nhà vua tên là Thiện Hiền cùng với các Phu nhân, Thế nữ tám vạn bốn nghìn người, ngồi thiền, suy nghĩ ở trong tịnh thất đã bốn vạn năm, cùng bảo nhau rằng: Chúng ta ngồi thiền, suy nghĩ tại nơi đây đã bốn vạn năm, không trông thấy Đại vương, nay chúng ta nên tới nơi lễ bái thưa hỏi! Nói lời ấy rồi, mọi người cùng theo nhau đến chỗ nhà vua.

Lúc đó, cung nhân hiện ở nơi chỗ nhà vua, vào tâu: Nay có Ngọc nữ Thiện Hiền cùng tám vạn bốn nghìn nữ nhân lại thăm hỏi Đại vương!

Nhà vua nghe rồi, liền đi lên Thuyết Pháp Điện, ngồi lên tòa sư tử. Trong giây lát, ngọc nữ Thiện Hiền cùng mọi người đến, nhà vua gọi vào trước điện. Thiện Hiền cùng mọi người theo nhau tiến lên đến chỗ vua ngồi, đầu mặt lễ xuống chân vua. Lễ xong, lần lượt ngồi xuống và tâu rằng: Chị em chúng con cùng ngồi thiền, suy nghĩ ở trong tịnh thất đã bốn vạn năm, lâu không được yết kiến Đại vương, nay chúng con đến nơi đây là để thăm hỏi sức khỏe Đại vương và có chút việc muốn nói, kính xin Đại vương hứa thuận cho! Nhà vua đáp: Quý hóa! Các vị muốn hỏi việc chi tùy ý.

Ngọc nữ Thiện Hiền liền tâu nhà Vua rằng: Bốn phương thiên hạ đây: Nam Diêm Phù Đề, Tây Cồ Da Ni, Bắc Uất Đan Việt, Đông Phát Bà Đề, nhân dân rất đông đảo, giàu sang,

vui vẻ, yên ổn, đều thực hành Thập Thiện, là do đức giáo hóa của Đại vương. Cối Diêm Phù Đề, như thành Cựu Thi Bà Đế này, con số ấy còn có đến tám vạn bốn nghìn thành. Các thành ấy, Quốc vương, thần dân, cùng Bà la môn, đều lại nơi đây, muốn được yết kiến Đại vương. Nhưng, Đại vương ngồi thiền, trải qua nhiều năm, mọi người đi lại triều yết, đều không được thấy, ví như con hiếu không thấy được cha lành. Vả lại, trong Tứ thiên hạ, rất lâu không thấy Đại vương du hành chi cả, kính xin Đại vương khéo dùng thời nghỉ, vỗ về, tiếp dắt nhân dân. Chúng con nữ nhân yếu ớt, đối với nước không ích lợi gì lắm, nên thích ý ngồi thiền lâu lâu, chứ như Đại vương ở nơi tôn quý, thống nhiếp trong ngoài, hết thấy nhân dân, ai cũng tôn ngưỡng, há lại làm như việc làm của nữ nhân chúng con! Voi trắng, xe, ngựa, mỗi loại có đến tám vạn bốn nghìn, Đại vương nên đi du quan! Ngày trước Đại vương, thường vì hết thấy chúng sinh, nói mọi pháp lợi, trao truyền thập thiện, nhưng thời gian gần đây, Đại vương ngồi thiền, việc ấy bỏ mất!

Khi Thiện Hiền đem những việc ấy can vua, vua Đại Thiện Kiến nghe lời nói ấy, đáp rằng: Trước sau nàng thường đem việc thiện khuyên can ta, nhưng, nay ta nghe nàng nói, thấy trái với ý trước!

Bấy giờ, Thiện Hiền nghe nhà vua dạy lời ấy, tâm sinh áo não, rơi lệ nghĩ rằng: Vừa đây ta sờ dĩ can nhà vua, chính là sờ kiến của ta, cho là đúng hợp lý trung đạo, không ngờ lại sinh ra tội lỗi! Nàng liền từ tòa ngồi của mình đứng dậy, đĩnh lễ xuống chân vua và thưa rằng: Nay con ngu si không biết chính lý, đem việc nhỏ ấy khuyên can lên bậc trên, kính

xin Đại vương, cho được sám hối!

Khi ấy, vua Đại Thiện Kiến đáp lời nàng Thiện Hiền rằng: Hết thảy mọi hành tướng, đều là vô thường, ân ái hội hợp cũng phải biệt ly; bốn thiên hạ này tuy là đông đảo, hưng thịnh, không bao lâu nữa ta cũng sẽ bỏ đi. Xưa kia, tám vạn bốn nghìn năm ta làm đấng Anh nhi, tám vạn bốn nghìn năm ta làm Đồng tử, tám vạn bốn nghìn năm ta làm ngôi Thái Tử chịu phép Quán đĩnh, tám vạn bốn nghìn năm lên ngôi Vua chịu phép Quán đĩnh, sau được thành Chuyển Luân Thánh Vương, cai trị bốn phương thiên hạ, đầy đủ thất bảo, tám vạn bốn nghìn năm thống lý việc dân, tám vạn bốn nghìn năm vì các nhân dân giảng thuyết mọi pháp, tám vạn bốn nghìn năm ngồi thiền suy nghĩ. Từ đấy đến nay là năm mươi tám vạn bốn nghìn năm.

Tuy rằng thọ mệnh như thế là lâu dài, nhưng, hội hợp rồi cũng đều về chỗ hết. Nay ta đã già, giờ chết sắp đến; các vua thuở xưa, sự tôn quý và khoái lạc, cũng như ta không khác, song, cũng bị đổi dời về nơi vô thường. Thành Cựu Thi Bà để cùng tám vạn bốn nghìn thành lớn khác, có hội hợp cũng có lúc tan diệt. Vậy, không nên đối với những thành ấy, riêng sinh yêu mến, ham đắm, tăng thêm tâm buông lung. Nay ta sở dĩ được sự tôn thắng này, đều do xưa kia ta tích góp mọi nghiệp thiện. Nay cần trồng nhiều thiện căn, tạo nhân mai sau, nên ta ngồi thiền trải nhiều năm như vậy! Lúc đó, Thiện Hiền cùng mọi người nghe, nghe nhà vua nói lời ấy, tâm rất vui mừng, đĩnh lễ xuống chân vua và lui về chỗ ở.

Như thế, không lâu nhà vua lâm trọng bệnh, tự biết mình mệnh tận, tức lập Thái Tử lên làm vua; tập họp các đại thần cùng Bà la môn, trưởng giả, cư sĩ lại, lấy nước bốn bể rưới lên đầu Thái Tử. Sự việc xong xuôi, nhà vua liền mất và được sinh lên cõi Phạm thiên.

Này A Nan! Vua Đại Thiện Kiến, cai trị tứ thiên hạ, mà nơi ở của nhà vua, chỉ ở một thành lớn trong cõi Diêm phù đề; tuy có tám vạn bốn nghìn thành, nhưng chỗ ở của nhà vua, chỉ một thành Cưu Thi Bà Đế này thôi. Trong Tuyết Sơn có tám vạn bốn nghìn con voi trắng quý báu, nhưng nhà vua cưỡi bất quá cũng chỉ một con. Tuy có tám vạn bốn nghìn con ngựa tốt nhưng, nhà vua cưỡi bất quá cũng chỉ một con. Tuy có tám vạn bốn nghìn xe thất bảo, mà nhà vua thường đi, bất quá cũng chỉ một cỗ. Tuy có tám vạn bốn nghìn phu nhân, nhà vua thương yêu, chỉ có một người. Tuy trang sức bảo điện đến tám vạn bốn nghìn cái, nhưng, nơi ở của nhà vua, bất quá chỉ một nhà. Sự cần dùng của tấm thân, no đủ mà thôi! Thế mà nhà vua phải lo công việc cho bốn phương, buộc lòng vào công việc của chúng sinh, luống mệt tinh thần, thân không ích gì như thế! Này A Nan! Vua Đại Thiện Kiến khi ấy, há là người khác ư, chính là tiền thân của Ta vậy!

Xưa kia Ta được sự tôn quý ấy và quốc thành ta ở tức tại nơi đây. Ta ở thành này làm Chuyển Luân vương, thực hành những việc thành tựu lợi ích vô lượng chúng sinh, không thể nào tính kể được. Nay chư Thiên tới chật ních hư không, đều là những người xưa kia khi Ta làm vua đem những pháp lành giáo hóa mà thành. Và ngày nay tất cả

pháp tại thành này, trông thấy ta nhập Niết Bàn, sẽ đem lại cho họ được quả Bát Niết Bàn.

Này A Nan! Sự việc như thế, sao có thể nói thành Cưu Thi Na này là biên địa nhỏ hẹp ư? Nay Thế Tôn quyết định nhập Niết Bàn tại nơi thành này! Trong khi Như Lai nói về việc ấy, chư Thiên, Nhân số hàng ức ức người, ở trong mọi pháp, xa lìa trần cấu, được pháp nhãn tịnh.

Tức thời cùng nhau đồng thanh bạch với Phật rằng: Lạy đức Thế Tôn! Trong vô số, vô lượng vô biên kiếp về **thuở** trước, Đức Thế Tôn đem mọi pháp lành, làm lợi ích cho chúng con, nay lại ở nơi này, Ngài lấy sự vui của Bát Niết Bàn an lập cho chúng con! Bạch lời trên rồi, họ liền rải những hoa quý, cùng tấu những âm nhạc cõi trời, ca hát tán thán, cúng dàng Như Lai.

Bấy giờ, Ngài A Nan bạch với Phật rằng: Lạ lùng thay, lạy đức Thế Tôn! Thành Cưu Thi Na này, thuở quá khứ đã có những việc kỳ lạ đặc biệt ấy, nay con không còn sinh tâm thắc mắc nghi ngờ hẹp hòi nữa!

Chú Thích Từ Ngữ:

[1] Du Đà Na, Do tuần (Yojana): Theo Thánh giáo chép thời mỗi Do tuần là 16 dặm, mỗi dặm là 576 thước Tây. Như thế mỗi Do tuần chừng 9,216 thước Tây.

[2] Tám công đức (Bát công đức thủy): 1/ Trừng tịnh: Lặng, sạch. 2/ Thanh lãnh: Trong mát. 3/ Cam mỹ: Ngon ngọt. 4/ Khinh nhuyễn: Dịu dàng. 5/ Nhuận trạch: Thấm nhuần. 6/ An hòa. 7/ Khi uống khỏi đói khát và khỏi vô lượng tội lỗi, tai

hoạn. 8/ Uống rồi quyết định nuôi lớn các căn và thân tứ đại thêm ích lợi.

[3] Tứ chủng binh: Voi, ngựa, xe và bộ binh.

[4] Đế Thích 帝釋 S: Śakra Devānām-indra: Dịch âm là Thích Đề Hoàn Nhân Đà La 釋迦提桓因陀羅. Gọi tắt là Thích Đề Hoàn Nhân 釋提桓因、Thích Ca Đề Bà 釋迦提婆. Còn gọi là Thiên Đế Thích 天帝釋, Thiên chủ 天主. Còn có các tên gọi khác là Nhân Đà La 因陀羅, Kiều Thi Ca 憍尸迦, Ta Bà Bà 娑婆婆, Thiên nhãn 千眼. Là vua cõi trời Đao Lợi, một trong 12 vị trời thủ hộ Phật pháp, trấn giữ phương Đông. Vị trời này ở tại thành Thiện Kiến trên núi Tu Di. Vốn là vị thần của Ấn Độ giáo. Nguyên Đế Thích là một người Bà-la-môn của nước Ma Già Đà 摩伽陀, do tu các hạnh Bố thí v.v... mà được sinh lên cõi trời Đao Lợi và làm thiên chủ cung trời này. Hình tượng Đế Thích là hình cỡi voi trắng, tay phải cầm chày tam cổ, tay trái đặt trên thắt lưng. Trong Kim Cương Thai Tạng Giới của Mật giáo còn có các hình tượng Đế Thích tạc theo hình các thần vương.

[5] Tứ Vô lượng tâm: Từ, Bi, Hỷ và Xả.

[6] Tuyết sơn – Himālaya (Pali đồng, T. Gans can): Có ý nói là nơi tàng chứa tuyết. Cũng gọi là Tuyết Lãnh, Đông Vương Sơn. Dãy núi nằm ngang suốt vùng Tây bắc Ấn Độ. Chỗ nói Tuyết Sơn xưa nay không đồng, hoặc có người nói đó là Hỷ Mã Lạp Nhã Sơn, hoặc nói đó là thông lãnh Tây nam, để tổng gọi dãy núi Hưng Đô khổ thập sơn. Vùng đất này từ xưa là con đường phải đi qua từ Trung Quốc đến Ni Bạc Nhã, năm Trinh Quán 15 (641), khi Văn Thành Công Chúa

vào Tây Tạng đã từng đi qua Tuyết Sơn.

[7] Sám Hối: Âm Phạn gọi là Sám Ma (Ksamayati). Chữ sám hối (Cổ đức dạy: Sám giả sám kỳ tiền khiên. Hối giả hối kỳ hậu quá; Sám giả trần lộ tiên ác, Hối giả cải vãng tu lai) chung cả hai tiếng Phạn và tiếng Hán (Sám là sám ma, tiếng Hán gọi là Hối quá). Bộ Chỉ Quán quyển 7 nói: Sám là bày tỏ lỗi ác trước, Hối là cải đổi những lỗi trước, tu tỉnh những việc sau.

[8] Tứ Thiên Hạ: Nói đủ là Tứ Châu Thiên Hạ, tức là Bốn châu gồm: Nam Diêm Phù Đề (Jambudvipa), Tây Cù Da Ni (Apara godaniya), Bắc Uất Đan Việt (Uttara kura), Đông Phất Bà Đề (Pūrva videha).

[9] Quán đỉnh (Abhisecani): Tức là nghi thức dùng nước rưới lên đỉnh đầu, người thọ quán đành liền được tiến lên một địa vị nhất định. Vốn là loại nghi thức của Đế vương cổ đại Ấn Độ lên ngôi và lập Thái tử, Quốc sư dùng nước của Tứ đại hải rưới lên đỉnh đầu, biểu thị chúc phúc.

CÂU HỎI ÔN TẬP:

1. Trình bày tóm tắt phẩm Tích Cương Thi Na Thành, và cho biết những Pháp tu hành chủ yếu của vua Đại Thiện Kiến?
2. Cho biết tên gọi của Tứ Châu Thiên Hạ?

大般涅槃經卷下

東晉平陽沙門釋法顯譯

佛度力士派品第十三

爾時世尊告阿難言：汝今可入鳩尸那城語諸力士道。我今日於後夜分入般涅槃。皆悉令來與我相見。若有所疑。恣意請問。莫令於我般涅槃時不及相見後生悔恨。

爾時阿難聞佛言已。垂泣懊惱。頂禮佛足。攝身威儀。與一比丘俱共入城。

時鳩尸那城。諸力士等。男女大小。始共集聚。論敘如來當般涅槃。各各皆欲往詣佛所。會見阿難。即便問言：我聞世尊在雙樹間將般涅槃。正共言論欲至佛所。

於是阿難具以如來所勅之辭。告諸力士。力士聞已。悲號懊惱。悶絕躃地。互共微聲而相謂言：嗚呼苦哉！世間眼滅。我等從今何所歸依。猶如嬰兒失於慈母。從今已去。人天轉滅。三惡道趣日就增盛。白阿難言。我等眷屬。今欲相隨往至佛所。

是時阿難還白佛言：以世尊語入城宣示。諸力士眾莫不驚絕涕泣歔歔。皆悉當來

瞻奉世尊。諸力士等。男女大小。一切相隨。流淚嗚咽。緣路而進。

是時阿難見諸力士人數甚多。心自念言。若此人眾一一禮佛無有竟時。我今當令家家一時禮。諸力士眾至佛所已。阿難即便普語之言：汝等來眾為不少。若人人禮佛不卒得竟。今可家家一時禮也。力士奉旨即便禮佛。退住一面。而白佛言：

唯願世尊。住壽一劫。若減一劫。不般涅槃。利益一切諸天人民。今諸眾生無有慧眼。唯願世尊。為作開導。

爾時如來告力士言：汝今不應作此請我。所以者何？一切諸行。皆悉無常。恩愛合會。必歸別離。設我住世。若滿一劫。會亦當滅。我所說法。但當憶持。誦念勿忘。此則不異。我在世也。諸力士等聞佛此言。不果所請。心懷愁悴。悲泣懊惱。默然而住

PHIÊN ÂM:

ĐẠI BÁT NIẾT BÀN KINH

Quyển Hạ

Đông Tấn, Bình Dương, Sa môn Thích Pháp Hiển dịch

----- ॐ -----

PHẬT ĐỘ LỰC SĨ PHÁI PHẨM ĐỆ THẬP TAM

Nhĩ thời Thế Tôn cáo A Nan ngôn: Nhữ kim khả nhĩ nhập Cựu Thi Na Thành ngữ chư Lực sĩ đạo, ngã kim nhật ư hậu dạ phân nhập bát Niết Bàn, giai tất linh lai dữ ngã tương kiến, nhược hữu sở nghi, tứ ý thỉnh vấn, mạc linh ư ngã bát Niết Bàn, thời bất cập tương kiến hậu sinh hối hận.

Nhĩ thời A Nan văn Phật ngôn dĩ, thùy khắp áo não đỉnh lễ Phật túc, nhiếp thân uy nghi, dữ nhất Tỳ Kheo câu cộng nhập thành. Thời Câu Thi Na thành, chư Lực sĩ đẳng, nam nữ đại tiểu, thủy cộng tập tụ, luận tự Như Lai đương bát Niết Bàn, các các giai dục vãng nghệ Phật sở, hội kiến A Nan, tức tiện vấn ngôn: Ngã văn Thế Tôn tại Song Thụ gian tương bát Niết Bàn, chánh cộng ngôn luận dục chí Phật sở.

Ư thị A Nan cụ dĩ Như Lai sở sắc chi từ, cáo chư lực sĩ, lực sĩ văn dĩ, bi hào áo não, muộn tuyệt tích địa, hổ cộng vi thanh nhi tương vị ngôn: Ô hô, khổ tai! Thế gian nhãn diệt, ngã đẳng tòng kim hà sở quy y, do như Anh Nhi thất ư từ mẫu, tòng kim dĩ khứ, nhân thiên chuyển giảm, Tam ác đạo [1] thú nhật tựu tăng thịnh, bạch A Nan ngôn: Ngã đẳng quyển thuộc, kim dục tương tùy vãng chí Phật sở.

Thị thời A Nan hoàn bạch Phật ngôn: Dĩ Thế Tôn ngữ nhập thành tuyên kỳ, chư lực sĩ chúng mạc bất kinh tuyệt đề khắp hư hy giai tất đương lai chiêm phụng Thế Tôn. Chư lực sĩ đẳng, nam nữ đại tiểu, nhất thiết tương tùy, lưu lệ ô yết, duyên lộ nhi tiến.

Thị thời A Nan kiến chư lực sĩ nhân sở thậm đa, tâm tự

niệm ngôn: Nhược thử nhân chúng nhất nhất lễ Phật vô hữu cánh thời. Ngã kim đương lệnh gia gia nhất thì lễ, chư lực sĩ chúng chí phật sở dĩ. A Nan tức tiện phổ ngữ chi ngôn: Nhữ đẳng lai chúng vi bất thiếu, nhược nhân nhân lễ Phật bất tốt đắc cánh, kim khả gia gia nhất thời lễ dã. Lực sĩ phụng chỉ tức tiện lễ Phật, thối trụ nhất diện, nhi bạch Phật ngôn:

Duy nguyện Thế Tôn, trụ thọ nhất kiếp, nhược giảm nhất kiếp, bất bát Niết Bàn, lợi ích nhất thiết chư thiên nhân dân, kim chư chúng sanh vô hữu tuệ nhãn, duy nguyện Thế Tôn, vi tác khai đạo.

Nhĩ thời Như Lai cáo Lực sĩ ngôn: Nhữ kim bất ứng tác thử thỉnh ngã. Sở dĩ giả hà? Nhất thiết chư hành giai tất Vô thường [2], ân ái hợp hội tất quy biệt ly, thiết ngã trụ thế, nhược mãn nhất kiếp, hội diệt đương diệt, ngã sở thuyết pháp dẫn đương ức trì tụng niệm vật vong, thử tắc bất dị ngã tại thế dã. Chư lực sĩ đẳng văn Phật thử ngôn, bất quả sở thỉnh, tâm hoài sầu tụy, bi khắp áo não, mặc nhiên nhi trụ.

DỊCH NGHĨA:

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

Quyển Hạ

Đông Tấn, Bình Dương, Sa môn Thích Pháp Hiền dịch

----- 卍 卍 卍 -----

PHẬT ĐỘ PHÁI LỰC SĨ

PHẨM THỨ MƯỜI BA

Khi ấy, đức Thế Tôn bảo ông A Nan: Nay ông nên vào trong thành Cưu Thi Na bảo những người trong phái Lực

sĩ rằng: Hôm nay vào lúc gần sáng Thế Tôn nhập Niết Bàn, Thế Tôn muốn mọi người đều lại cùng Thế Tôn tương kiến; nếu còn điều gì ngờ, mặc ý cho thỉnh vấn, đừng để khi Thế Tôn nhập Niết Bàn, không kịp gặp gỡ, sau sinh lòng hối hận! Ngài A Nan nghe đức Phật nói rồi, rơm rã áo não, đỉnh lễ mà ra đi. Ông giữ thân uy nghi, cùng với một vị Tỳ Kheo nữa, cùng nhau vào thành.

Lúc đó, những già, trẻ, trai, gái phái Lực sĩ, trong thành Cưu Thi Na, mới cùng nhau tụ tập, để tỏ bày, bàn bạc về việc đức Như Lai sắp nhập Niết Bàn và ai ai cũng đều muốn đến nơi Phật.

Đang họp bàn, họ trông thấy Ngài A Nan, họ liền hỏi: Chúng tôi nghe thấy đức Thế Tôn ở khoảng hàng cây Sa La Song Thọ sắp nhập Niết Bàn, chính chúng tôi đang bàn nhau muốn đến nơi Phật, vậy nay việc ấy thế nào, xin ông cho biết! Ngài A Nan liền đem tất cả những lời Phật dạy, bảo những người trong phái Lực sĩ. Những người phái Lực sĩ ấy nghe rồi, thương khóc, áo não, buồn bã ngất lặn ra đất, ghen ngào nói nhỏ với nhau rằng: Than ôi, khổ lắm! Con mắt của thế gian mất rồi, từ nay chúng ta biết quy y vào đâu, cũng như đứa trẻ mất người cha lành; từ nay trở đi, cõi Nhân, Thiên giảm dần, ba đường ác, ngày thêm thịnh!

Thế rồi, họ bạch với Ngài A Nan: Quyển thuộc chúng tôi nay muốn cùng nhau đến nơi đức Phật!

Bấy giờ, Ngài A Nan, giã từ mọi người, trở về nơi Phật và bạch Phật rằng: Con đem lời Thế Tôn vào thành tuyên thị cho các người phái Lực sĩ; các người ấy, ai cũng đều kinh

ngạc, buồn bã, khóc lóc, rưng rức và đều bảo sẽ đến chiêm phụng Thế Tôn!

Sau đó, những người già, trẻ, trai, gái phái Lực sĩ, hết thầy đi theo nhau, đều sa lệ, kêu khóc, nghẹn ngào, theo đường tiến lên.

Ngài A Nan trông thấy số người của phái Lực sĩ rất đông, tâm ông tự nghĩ: Nếu đám người đông này, cứ mỗi người, mỗi người vào lễ Phật, thời không biết thời nào hết; nay ta nên cho mỗi nhà, mỗi nhà nhất thời lễ Phật thôi!

Đám người phái Lực sĩ kia đã đến nơi Phật, ông A Nan liền phổ cáo rằng: Các vị lại đây đông đảo, nếu cứ mỗi người, mỗi người vào lễ Phật, thời không biết thời nào hết được, nay xin mỗi nhà, mỗi nhà nhất thời lễ Phật!

Những người phái Lực sĩ kia, vâng theo ý Ngài A Nan, liền cùng nhau vào lễ Phật, rồi đứng lui về một bên, bạch với Phật rằng: Kính xin Thế Tôn hãy ở lại cõi đời thọ một kiếp hay non một kiếp, đừng nhập Niết Bàn, để đem lại lợi ích cho hết thầy chư thiên, nhân dân. Nay các chúng sinh không có mắt tuệ, kính xin Thế Tôn, vì chúng con khai đạo cho!

Đức Như Lai liền bảo các người Lực sĩ rằng: Nay các vị không nên thỉnh Ta như thế nữa! Vì sao vậy? Hết thầy mọi hành tướng, đều là vô thường, ân ái hội hợp, tất phải quay về chỗ biệt ly; như thế, dù Ta có trụ ở đời đủ một kiếp chẳng nữa, thời hội hợp cũng có lúc sẽ phải tan diệt. Vậy nên, những lời thuyết pháp của Ta, các vị cần ghi nhớ, gìn giữ, tụng niệm đừng quên, thế là không khác gì như Ta còn ở đời! Những người phái Lực sĩ kia nghe đức Phật dạy lời

ấy rồi, biết là không thể nào cầu xin được, theo lời thỉnh của mình, tâm họ héo hon, buồn rầu, thương khóc áo não, rồi đứng im lặng.

Chú Thích Từ Ngữ:

[1] Tam Ác Đạo: Súc sinh, Ngạ quỷ và Địa ngục. Địa Ngục: Là chỗ trừng trị, hành phạt những kẻ phạm tội, là trạng thái bức bách, khổ não của tâm linh. Địa ngục tiếng Phạn gọi là Nê Lê, Hán dịch là Khổ Cự hay Khổ khí, cũng gọi là Bất khả ái lạc (không thể ưa vui), cũng gọi là Vô hữu (không có lợi), cũng gọi là Nại Lạc Ca tức là chỗ không được tự tại, thường bị câu chế bức bách không ngừng. Cũng gọi là Bất khả cứu thế nghĩa là không thể cứu ra dễ dàng. Cũng gọi là Âm Minh tức là chỗ tối tăm không có ánh sáng, không nghe được chánh pháp. Địa ngục có đủ loại, lớn có, nhỏ có, tùy theo nghiệp cảm của chúng sanh mà hiện ra.

[2] Vô Thường: S. Anitya: P. Anicca: Dịch âm là A Ni Đát Dã. Đối xứng với Thường trụ. Tức là nói tất cả Hữu vi pháp sinh diệt thiên lưu không thường trụ. Tất cả Hữu vi pháp đều do nhân duyên sinh ra, dựa vào Tứ tướng: Sinh, Trụ, Di, Diệt. Trong khoảng sát na sinh diệt, mà hình thành trước không nay có, nay có sau không, cho nên tổng gọi là Vô thường.

CÂU HỎI ÔN TẬP:

1. Viết bằng chữ Hán đoạn văn: Nhất thiết chư hành giai tất Vô thường, ân ái hợp hội tất quy biệt ly, thiết ngã trụ thế, nhược mãn nhất kiếp, hội diệt đương diệt, ngã sở thuyết pháp dẫn đương ức trì tụng niệm vật vong, thử tắc

bất dị ngã tại thế dã. 一切諸行。皆悉無常。恩愛合會。必歸別離。設我住世。若滿一劫。會亦當滅。我所說法。但當憶持。誦念勿忘。此則不異。我在世也。

2. Cho biết Phái Lực sĩ ở Thành, thuộc nước gì?

大般涅槃經卷下

東晉平陽沙門釋法顯譯

佛度須跋陀羅品第十四

爾時鳩尸那城。有一外道。年百二十。名須跋陀羅。聰明多智。誦四毘陀經。一切書論無不通達。為一切人之所宗敬。其聞如來在娑羅林雙樹之間將般涅槃。心自思惟。我諸書論。說佛出世極為難遇。如優曇鉢花時一現耳。其今在於娑羅林中。我有所疑。試往請問。瞿曇若能決我疑者。便是實得一切種智。作此念已。往到佛所。在於林外。逢見阿難。即語之言：我書論中說佛興世極難值遇。億千萬劫時時乃出。如優曇鉢華不可數覩。在世教化。我初不見。今聞在此娑羅林中當般涅槃。我有所疑。欲往請問。汝可為我白世尊言：道我今者欲希相見。

爾時阿難。聞其此語。心自思惟。世尊今者四大不和。接對來久。已自增惡。若復與此外道相見。必有言論。容致損劇。即答之言：世尊今者四大不和。寢臥林中極苦身痛。汝今不須見如來也。莫臨世尊般涅槃時而作障礙。須跋陀羅如是三請。阿難亦復如

是三答。

爾時世尊以淨天耳。聞須跋陀羅請阿難聲。又觀其根。是可度時。即以梵音告阿難言：汝莫於我最後弟子獨作留礙。聽須跋陀羅前來。我欲見之。此人質直聰慧易悟。所以來進欲決疑難。非為故來論勝負也。於是阿難即承佛教。語須跋陀羅。世尊今已勅聽汝前。

須跋陀羅聞佛許前。歡喜踊躍。不能自勝。而心念言：沙門瞿曇。決定是得一切種智。即前佛所。互相問訊坐於一面。而白佛言：瞿曇。欲有所問。唯願聽許。

佛言：善哉善哉！須跋陀羅。恣汝所問。須跋陀羅即問佛言：今者世間沙門婆羅門外道六師。富蘭那迦葉。末伽利拘賒梨子。刪闍夜毘羅毗子。阿耆多翅舍欽婆羅。迦羅鳩駄迦旃延。尼犍陀若提子等。各各自說。是一切智。以餘學者。名為邪見。言其所行。是解脫道。說他行者。是生死因。互相是非。

云何而得知其虛實？何師應得沙門之稱？何師定是解脫之因？

爾時如來即答之曰。善哉善哉。須跋陀羅。乃能問我如此之義。諦聽諦聽。吾為汝說。須跋陀羅。諸法之中若不見有八聖道法。當知無有一沙門名。二及三四。亦復不有。既無沙門。亦無解脫。解脫既無。非一切種智。

須跋陀羅。若諸法中。有八聖道法。當知必有四沙門名。有沙門名。則有解脫。既有解脫。是一切種智。須跋陀羅。唯我法中。有八聖道。有四沙門名。是解脫道。是一切種智。彼諸外道。富蘭那迦葉等。其說法中。無八聖道。無沙門名。非是解脫及一切種智。

若言有者。當知必是虛誑之說。須跋陀羅。一切眾生。聞我所說。信受思惟。當知其人必不空聞要得解脫。須跋陀羅。我在王宮未出家時。一切世間皆為六師之所迷醉。初未見有沙門之實。

須跋陀羅。我年二十有九。出家學道。三十有六。於菩提樹下。思八聖道究竟源底。成阿耨多羅三藐三菩提。得一切種智。即往波羅捺國鹿野苑中仙人住處。為阿若憍陳如等五人。轉四諦法輪。其得道跡。

爾時始有沙門之稱。出於世間福利眾生。須跋陀羅。當知我法能得解脫。如來實是一切種智。

爾時須跋陀羅。既聞如來說八聖道。心生歡喜。舉身毛豎。渴仰欲聞八聖道義。而白佛言。唯願世尊。為我分別八聖道義。於是世尊即便為其分別廣說。須跋陀羅既聞佛說八聖道義。心意開朗。豁然大悟。於諸法中遠塵離垢得法眼淨。即白佛言：我今欲於佛法出家。

於是世尊即便喚之：善來比丘。鬚髮自落。袈裟著身。即成沙門。世尊又為廣說四諦。即獲漏盡。成阿羅漢

爾時世尊告阿難言：汝今當知。我於道場。成阿耨多羅三藐三菩提。最初說法。度阿若憍陳如等五人。今日在於娑羅林中。臨般涅槃。最後說法。度須跋陀羅。諸天及人。無復更應聞我說法而得度者。若有善根應得解脫。當來皆是我之弟子。展轉相教。

阿難。須跋陀羅。雖是外道。而其善根。應成熟時。唯有如來。能分別知。我般涅槃後。若有外道。欲於我法求出家者。汝

等不應便聽許之。先令四月誦習經典。觀其意性為虛為實。若見其行質直柔軟於我法中實有深樂。然後方可聽其出家。阿難。所以然者。汝等小智。不能分別眾生之根。是故令汝先觀之耳。

爾時須跋陀羅而白佛言：我於向者。欲求出家。世尊若令先於佛法四十年中讚誦經典。然後聽我而出家者。我亦能爾。豈況四月。

爾時世尊即告之言：如是如是。須跋陀羅。我觀汝意。於我法中慇懃渴仰。今作此言。非為虛設。

爾時須跋陀羅前白佛言：我不今忍見天人尊入般涅槃。我於今日。欲先世尊入般涅槃。佛言：善哉！時須跋陀羅。即於佛前。入火界三昧而般涅槃。

PHIÊN ÂM:

ĐẠI BÁT NIẾT BÀN KINH

Quyển Hạ

Đông Tấn, Bình Dương, Sa môn Thích Pháp Hiển dịch

----- ॐ -----

PHẬT ĐỘ TU BẠT ĐÀ LA

PHẨM ĐỆ THẬP TỨ

Nhĩ thời Cưu Thi Na thành, hữu nhất ngoại đạo, niên bách nhị thập, danh Tu Bạt Đà La [1] (Subhadra), thông minh đa trí, tụng tứ Tỳ Đà kinh [2]. Nhất thiết thư luận vô bất thông đạt, vi nhất thiết nhân chi sở tông kính. Kỳ văn Như Lai tại Sa La Lâm Song Thọ chi gian tương bát Niết Bàn. Tâm tự tư duy, ngã chư thư luận, thuyết Phật xuất thế cực vi nan ngộ, như Ưu Đàm Bát hoa thời nhất hiện nhĩ. Kỳ kim tại ư Sa La Lâm trung, ngã hữu sở nghi, thí vãng thỉnh vấn Cù Đàm [3] nhược năng quyết ngã nghi giả. Tiện thị thật đắc Nhất Thiết Chủng Trí. Tác thử niệm dĩ, vãng đáo Phật sở, tại ư lâm ngoại, phùng kiến A Nan, tức ngữ chi ngôn: Ngã thư luận trung thuyết Phật hưng thế cực nan trị ngộ, ức thiên vạn kiếp thời thời nãi xuất, như Ưu Đàm Bát hoa bất khả sở đắc, tại thế giáo hóa, ngã sơ bất kiến, kim văn tại thử Sa La Lâm trung đương bát Niết Bàn, ngã hữu sở nghi, dục vãng thỉnh vấn, nhữ khả vi ngã bạch Thế Tôn ngôn: Đạo ngã kim giả dục hy tương kiến.

Nhĩ thời A Nan, văn kỳ thử ngữ, tâm tự tư duy: Thế Tôn kim giả Tứ đại [4] bất hòa, tiếp đối lai cưu, dĩ tự tăng ác. Nhược phục dữ thử ngoại đạo tương kiến, tất hữu ngôn luận, dung trí tổn kịch. Tức đáp chi ngôn: Thế Tôn kim giả tứ đại bất hòa, tầm ngoại lâm trung cực khổ thân thống, nhữ kim bất tu kiến Như Lai dã. Mặc lâm Thế Tôn bát Niết Bàn thời nhi tác chướng ngại, Tu Bạt Đà La như thị tam thỉnh, A Nan diệc phục như thị tam đáp.

Nhĩ thời Thế Tôn dĩ tịnh thiên nhĩ, văn Tu Bạt Đà La thỉnh A Nan thanh, hựu quán kỳ căn, thị khả độ thời. Tức dĩ

phạm âm cáo A Nan ngôn: Nhữ mạc ư ngã tối hậu đệ tử độc tác lưu ngại, thính Tu Bát Đà La tiền lai, ngã dục kiến chi, thử nhân chất trực thông tuệ dịch ngộ, sở dĩ lai tiến dục quyết nghi nan, phi vi cố lai luận thắng phụ dã.

Ư thị A Nan tức thừa Phật giáo, ngữ Tu Bát Đà La: Thế Tôn kim dĩ sắc thính nhữ tiền. Tu Bát Đà La văn Phật hứa tiền, hoan hỉ dững dưng, bất năng tự thắng, nhi tâm niệm ngôn: Sa môn Cù Đàm, quyết định thị đắc Nhất Thiết Chúng Trí. Tức tiền Phật sở, hổ tương vấn tấn tọa vu nhất diện, nhi bạch Phật ngôn: Cù Đàm dục hữu sở vấn, duy nguyện thính hứa.

Phật ngôn: Thiện tai, thiện tai! Tu Bát Đà La tứ nhữ sở vấn. Tu Bát Đà La tức vấn Phật ngôn: Kim giả thế gian Sa môn, Bà la môn, Ngoại đạo Lục sư [5]: Phú Lan Na Ca Diếp (Purana Kàsyapa), Mạt Già Ly Câu Sa Lê Tử (Maskàri Gosaliputra), A Kỳ Đà Sí Xá Khâm Bà La (Ajtakesakambala), Ca La Cưu Đà Ca Chiên Diên (Kakuda Kàtyàyand), Ni Kiền Đà Nhã Đề Tử (Nirgranta Jnatiputra) đẳng, các các tự thuyết thị Nhất Thiết Trí dĩ dư học giả, danh vi tà kiến, ngôn kì sở hành, thị giải thoát đạo. Thuyết tha hành giả, thị sanh tử nhân, hổ tương thị phi. Vân hà nhi đắc tri kì hư thật? Hà sư ứng đắc Sa môn chi xưng? Hà sư định thị giải thoát chi nhân?

Nhĩ thời Như Lai tức đáp chi viết: Thiện tai, thiện tai! Tu Bát Đà La nãi năng vấn ngã như thử chi nghĩa, để thính đế thính, ngô vi nhữ thuyết.

Tu Bát Đà La chư pháp chi trung nhược bất kiến hữu Bát Thánh đạo pháp, đương tri vô hữu nhất sa môn danh,

nhị cập tam tứ; diệc phục bất hữu, kí vô Sa môn, diệc vô giải thoát. Giải thoát ký vô, phi Nhất Thiết Chúng Trí.

Tu Bạt Đà La nhược chư pháp trung, hữu Bát Thánh đạo pháp, đương tri tất hữu tứ Sa môn danh, hữu Sa môn danh, tắc hữu giải thoát, ký hữu giải thoát, thị Nhất Thiết Chúng Trí.

Tu Bạt Đà La, duy ngã pháp trung, hữu Bát thánh đạo, hữu tứ Sa môn danh, thị giải thoát đạo, thị nhất thiết chúng trí, bĩ chư ngoại đạo. Phú Lan Na Ca Diếp đẳng. Kỳ thuyết pháp trung, vô Bát Thánh đạo, vô Sa môn danh, phi thị giải thoát cập Nhất Thiết Chúng Trí.

Nhược ngôn hữu giả, đương tri tất thị hư cuống chi thuyết. Tu Bạt Đà La, nhất thiết chúng sanh, văn ngã sở thuyết, tín thụ tư duy, đương tri kì nhân tất bất không văn yếu đắc giải thoát.

Tu Bạt Đà La, ngã tại vương cung vị xuất gia thời nhất thiết thế gian giai vi lục sư chi sở mê tụy, sơ vị kiến hữu Sa môn chi thật.

Tu Bạt Đà La, ngã niên nhị thập hữu cửu, xuất gia học đạo, tam thập hữu lục. Ư Bồ Đề thụ hạ, tư Bát thánh đạo cứu cánh nguyên để, thành A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, đắc Nhất Thiết Chúng Trí. Tức vãng Ba La Nại quốc Lộc Dã Uyển, trung tiên nhân trụ xứ. Vi A Nhã Kiều Trần Như [6] đẳng ngũ nhân, chuyển Tứ Đế Pháp Luân, kỳ đắc đạo tích.

Nhĩ thời thủy hữu Sa môn chi xưng, xuất ư thế gian phúc lợi chúng sanh. Tu Bạt Đà La, đương tri ngã pháp năng đắc giải thoát, Như Lai thật thị Nhất Thiết Chúng Trí.

Nhĩ thời Tu Bạt Đà La kỳ văn như lai thuyết bát thánh đạo, tâm sanh hoan hỷ, cử thân mao thụ, khát ngưỡng dục văn Bát Thánh Đạo nghĩa, nhi bạch Phật ngôn: Duy nguyện Thế Tôn, vi ngã phân biệt Bát Thánh Đạo nghĩa. Ư thị Thế Tôn tức tiện vi kỳ phân biệt quảng thuyết. Tu Bạt Đà La ký văn Phật thuyết Bát Thánh Đạo nghĩa, tâm ý khai lãng, khoát nhiên đại ngộ. Ư chư pháp trung viễn trần ly cấu đố Pháp Nhãn tịnh, tức bạch Phật ngôn: Ngã kim dục vu Phật pháp xuất gia.

Ư thị Thế Tôn tức tiện hoán chi: Thiện lai Tỳ Kheo! Tu phát tự lạc, Ca sa trước thân, tức thành Sa môn. Thế Tôn hựu vi quảng thuyết Tứ Đế, tức hoạch lậu tận, thành A La Hán.

Nhĩ thời Thế Tôn cáo A Nan ngôn: Nhữ kim đương tri, ngã ư đạo tràng, thành A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, tối sơ thuyết pháp, độ A Nhã Kiều Trần Như đẳng ngũ nhân. Kim nhật tại ư Sa La Lâm Trung, lâm bát Niết Bàn, tối hậu thuyết pháp, độ Tu Bạt Đà La. Chư thiên cập nhân, vô phục cánh ưng văn ngã thuyết pháp nhi đắc độ giả. Nhược hữu thiện căn ưng đắc giải thoát, đương lai giai thị Ngã chi đệ tử, triển chuyển tương giáo.

A Nan, Tu Bạt Đà La tuy thị ngoại đạo, nhi kỳ thiện căn, ưng thành thực thời, duy hữu Như Lai, năng phân biệt tri, Ngã bát Niết Bàn hậu. Nhược hữu ngoại đạo, dục ư Ngã pháp cầu xuất gia giả. Nhữ đẳng bất ưng tiện thính hứa chi, tiên lệnh tứ nguyệt tụng tập kinh điển, quan kỳ ý tính vi hư vi thật. Nhược kiến kỳ hành chất trực nhu nhuyễn ư Ngã pháp trung thật hữu thâm lạc, nhiên hậu phương khả thính

kỳ xuất gia.

A Nan, sở dĩ nhiên giả, nhữ đẳng tiểu trí, bất năng phân biệt chúng sanh chi căn. Thị cố linh nhữ tiên quan chi nhĩ.

Nhĩ thời Tu Bạt Đà La nhi bạch Phật ngôn: Ngã ư hướng giả, dục cầu xuất gia, Thế Tôn nhược lệnh tiên ư Phật pháp tứ thập niên trung tán tụng kinh điển, nhiên hậu thính Ngã nhi xuất gia giả. Ngã diệc năng nhĩ, khởi hướng tứ nguyệt.

Nhĩ thời Thế Tôn tức cáo chi ngôn: Như thị, như thị. Tu Bạt Đà La, Ngã quán nhữ ý ư Ngã pháp trung ân cần khát ngưỡng, kim tác thử ngôn, phi vi hư thiết.

Nhĩ thời Tu Bạt Đà La tiền bạch Phật ngôn: Ngã bất kim nhẫn kiến Thiên Nhân Tôn [3], nhập bát Niết Bàn. Ngã ư kim nhật, dục tiên Thế Tôn nhập bát Niết Bàn. Phật ngôn: Thiện tai! Thời Tu Bạt Đà La, tức ư phạt tiền, nhập Hỏa Giới Tam Muội [3] nhi bát Niết Bàn.

DỊCH NGHĨA:

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

Quyển Hạ

Đông Tấn, Bình Dương, Sa môn Thích Pháp Hiển dịch

----- 卍 卍 卍 -----

TU BẠT ĐÀ LA QUY Y PHẬT

PHẨM THỨ MƯỜI BỐN

Khi ấy, trong thành Cưu Thi Na có một người ngoại đạo, một trăm hai mươi tuổi, tên Tu Bạt Đà La. Người này thông minh đa trí, tụng suốt bốn kinh Phệ Đà, hết thảy

sách, luận đều thông đạt cả, nên được hết thảy mọi người tôn kính.

Ông Tu Bạt Đà La nghe biết được Đức Như Lai ở khoảng song thụ trong rừng Sa La sắp nhập Niết Bàn. Tâm ông tự nghĩ: Các sách, luận của đạo ta nói đức Phật ra đời rất là khó gặp, cũng như hoa Ưu Đàm bao thời mới hiện một lần. Nay Ngài ở trong rừng Sa La, ta còn có chỗ ngờ, ta thử đến thỉnh vấn, nếu Sa Môn Cồ Đàm giải quyết được sự ngờ vực của ta, thời thực là người được Nhất Thiết Chứng Trí.

Ông nghĩ thế rồi, liền đi đến nơi Phật. Còn ở ngoài rừng Tu Bạt Đà La gặp Ngài A Nan, Tu Bạt Đà La nói với ông A Nan rằng: Trong sách, luận đạo tôi nói đức Phật ra đời rất khó gặp được, ức nghìn, vạn kiếp, từng thời, từng thời mới hiện ra, như hoa Ưu Đàm không thể thường thấy được. Đức Phật giáo hóa tại thế gian, mà tôi vẫn không được trông thấy. Nay tôi nghe biết Ngài ở trong rừng Sa La này, sắp nhập Niết Bàn; tôi có chỗ nghi ngờ, muốn đến thỉnh vấn Ngài, vậy mong ông vì tôi bạch lên đức Thế Tôn là nay tôi muốn được yết kiến Ngài một chút!

Ngài A Nan nghe lời nói ấy của ông Tu Bạt Đà La tâm ông tự nghĩ: Nay đức Thế Tôn bốn đại không được an hòa, Ngài tiếp đối lâu, là tự mình tăng thêm việc ác, nghĩa là, nếu ta lại cho người ngoại đạo vào yết kiến đức Thế Tôn, tất nhiên phải có ngôn luận, dung thể sẽ tổn kịch thêm! Ngài A Nan nghĩ thế rồi liền đáp: Nay đức Thế Tôn bốn đại không được an hòa, nằm nghỉ trong rừng, thân đau cực

khổ, vậy nay xin ông không nên vào yết kiến đức Như Lai! Xin ông đừng tới khi đức Thế Tôn sắp nhập Niết Bàn, có sự chướng ngại!

Ông Tu Bạt Đà La thỉnh cầu ông A Nan đến ba lần như thế, Ngài A Nan cũng lại đáp lại ba lần như thế. Bấy giờ đức Thế Tôn dùng Thiên nhĩ thanh tịnh, nghe thấy tiếng ông Tu Bạt Đà La thỉnh cầu ông A Nan; Ngài lại quán sát căn khí của ông ấy, Ngài biết là đã đến thời có thể độ được ông ấy, Ngài liền dùng Phạm âm bảo ông A Nan: Ông đừng làm trở ngại người đệ tử tối hậu của Ta, ông nên thuận cho ông Tu Bạt Đà La lại trước Ta, Ta muốn được trông thấy ông ấy. Ông ấy là người chất trực, thông tuệ, giác ngộ dễ dàng. Ông ấy sở dĩ đến nơi Ta là muốn được giải quyết điều ngờ vực, không phải là cố ý lại để tranh luận hơn, kém đâu!

Lúc đó, Ngài A Nan vâng lời Phật dạy mới bảo ông Tu Bạt Đà La rằng: Nay đức Thế Tôn đã dạy tôi, thuận để ông vào gặp Thế Tôn.

Ông Tu Bạt Đà La nghe biết đức Phật thuận cho ông vào trước Ngài, vui mừng hơn hở, không tự hãm được, tâm ông nghĩ rằng: Sa môn Cồ Đàm quyết định là người chứng được Nhất thiết chủng trí!

Nghĩ rồi, ông liền đi vào nơi Phật ở. Thăm hỏi lẫn nhau rồi, ông ngồi về một bên và bạch Phật rằng: Thưa Cồ Đàm Sa môn! Nay tôi có điều muốn hỏi, xin Ngài hoan hỷ thuận cho!

Đức Phật đáp: Quý hóa thay, quý hóa thay! Ông Tu Bạt Đà La, tha hồ ông muốn hỏi gì, cứ hỏi!

Ông Tu Bạt Đà La liền hỏi Phật: Nay ở thế gian này, các vị Sa Môn, Bà La Môn, Lục sư ngoại đạo như: Phú Lan Na Ca Diếp, Mạt Già Ly Câu Sa Lê Tử, A Kỳ Đà Sí Xá Khâm Bà La, Ca La Cư Đà Ca Chiên Diên, Ni Kiền Đà Nhã Đề Tử..., đều tự nói là được Nhất Thiết Trí, cho những học giả khác là tà kiến; họ cho hành động của đạo họ, là đạo giải thoát, hành động của đạo khác chỉ là nhân sinh tử. Phải, trái lẫn lộn, sao biết được đấng nào là hư, thực; thầy nào được gọi là Sa môn, thầy nào quyết định là nhân giải thoát?

Đức Như Lai đáp: Quý hóa thay, quý hóa thay, ông Tu Bạt Đà La! Nay ông hỏi Tôi được nghĩa ấy, ông hãy nghe cho kỹ, nghe cho kỹ, tôi sẽ vì ông mà nói về vấn đề ấy.

Ông Tu Bạt Đà La! Trong các pháp, nếu pháp nào không có pháp Bát thánh đạo, sẽ biết là nơi ấy không có tên một bậc Sa môn, cho đến tên hai và ba, bốn bậc Sa môn cũng lại không có. Đã không có Sa môn, cũng không có giải thoát; giải thoát đã không có, thời không phải là được Nhất thiết chủng trí!

Ông Tu Bạt Đà La! Nếu trong các pháp có Bát thánh đạo, nên biết rằng nơi ấy quyết định có tên của bốn bậc Sa môn. Có tên bậc Sa môn thời có giải thoát; đã có giải thoát, là được Nhất Thiết chủng trí!

Ông Tu Bạt Đà La! So sánh các pháp, duy trong pháp Tôi có Bát thánh đạo, có tên bốn bậc Sa môn, là đạo giải thoát, là Nhất thiết chủng trí. Các ngoại đạo kia như Phú Lan Na Ca Diếp vân vân, trong chỗ thuyết pháp của họ, không có Bát thánh đạo, không có tên bậc Sa môn, không

phải là giải thoát và Nhất Thiết chủng trí. Nếu họ nói là có, thời biết lời nói ấy quyết là lời nói dối trá!

Ông Tu Bạt Đà La! Hết thầy chúng sinh nghe pháp Tôi nói, tin thụ, suy nghĩ, thời biết người ấy tất không nghe không, mà quyết được giải thoát!

Ông Tu Bạt Đà La! Khi Tôi còn ở vương cung chưa đi xuất gia, hết thầy thế gian đều bị hàng lục sư mê hoặc, chưa thấy có cái thực Sa môn!

Ông Tu Bạt Đà La! Năm hai mươi chín tuổi Ta xuất gia học đạo, năm ba mươi sáu tuổi, Ta ngồi dưới gốc cây Bồ Đề, suy nghĩ về nguyên để cứu cánh của Bát Thánh Đạo, thành Vô Thượng Chính đẳng Chính giác, chứng được Nhất thiết chủng trí. Chứng ngộ rồi, Ta đi đến vườn Lộc Dã, là nơi trụ xứ của các tiên nhân thuở xưa, thuộc nước Ba la nại, Ta vì nhóm ông Kiền Trần Như năm người, chuyển pháp luân Tứ Đế, họ nghe được dấu tích của đạo, khi ấy mới có tên Sa Môn ra đời, đem phúc lợi cho chúng sinh!

Ông Tu Bạt Đà La! Ông nên biết rằng pháp Tôi được giải thoát, Như Lai thực là Nhất thiết chủng trí!

Ông Tu Bạt Đà La nghe đức Như Lai nói về Bát thánh đạo rồi tâm sinh hoan hỷ, khắp mình sớn lông, khát ngưỡng muốn được nghe về nghĩa của Bát Thánh Đạo, ông bạch Phật rằng: Kính xin Thế Tôn, vì con mà phân biệt và nói rộng nghĩa của Bát thánh đạo cho!

Đức Thế Tôn lại vì ông ấy phân biệt và nói rộng nghĩa của Bát thánh đạo. Ông Tu Bạt Đà La nghe đức Phật nói nghĩa của Bát Thánh Đạo rồi, tâm ý ông mở tỏ, bỗng dưng

đại ngộ và ở trong mọi pháp ông xa lìa được trần cấu, được pháp nhãn tịnh, ông liền bạch Phật rằng: Lạy đức Thế Tôn! Nay con muốn xuất gia trong Phật pháp, mong đức Thế Tôn chấp thuận!

Đức thế Tôn liền gọi: Thiện Lai Tỳ Kheo! Râu tóc ông tự sạch, Ca sa mặc vào mình, tức thành Sa môn. Đức Thế Tôn lại nói rộng về Tứ đế cho ông nghe, ông liền được lậu tận, thành A La Hán.

Bấy giờ, Đức Phật bảo Ngài A Nan: Nay ông nên biết rằng Ta ở nơi đạo tràng, thành Vô thượng chính đẳng chính giác, lần đầu tiên thuyết pháp độ cho bọn ông Kiều Trần Như năm người, ngày nay trong rừng Sa La, sắp nhập Niết Bàn, lần thuyết pháp cuối cùng này, Ta độ cho ông Tu Bạt Đà La. Từ đây, chư Thiên, nhân dân không ai được nghe Ta thuyết pháp mà đắc độ nữa, nhưng, nếu người có thiện căn cũng sẽ được giải thoát, sau đây đều do đệ tử của Ta, dạy bảo lẫn nhau!

Này A Nan! Ông Tu Bạt Đà La, tuy là ngoại đạo, mà thiện căn của ông ấy, hợp thời thành thực, duy có Như Lai phân biệt biết được. Sau khi Ta nhập Niết Bàn nếu có người ngoại đạo, muốn xin xuất gia trong giáo pháp Ta, các ông không nên thuận ngay cho họ; trước tiên yêu cầu họ phải tụng tập kinh sách trong bốn tháng, xem ý tính của họ là hư hay thực. Nếu thấy hạnh họ chất trực, nhu hòa và đối với trong giáo pháp Ta, thực có ý muốn sâu xa, sau mới ưng thuận cho họ xuất gia. Này A Nan! Sở dĩ thế, là vì các ông trí tuệ ít, không thể phân biệt được căn khí chúng sinh ngay,

nên buộc các ông trước phải xem xét họ đã!

Khi ấy, ông Tu Bạt Đà La bạch Phật rằng: Lạy đức Thế Tôn! Trước đây con muốn xin xuất gia, đức Thế Tôn nếu buộc con trước phải ở trong Phật pháp bốn mươi năm đọc tụng kinh sách, sau mới cho con xuất gia, con cũng chịu được, phương chi là chỉ có bốn tháng! Đức Thế Tôn bảo ông Tu Bạt Đà La: Đúng thế, đúng thế, ông Tu Bạt Đà La! Ta xem xét ý ông, đối với trong pháp Ta ân cần khát ngưỡng, nay ông nói ra lời ấy, không phải là hư thiết.

Liền đấy, ông Tu Bạt Đà La tới trước Phật, bạch Phật rằng: Lạy đức Thế Tôn! Con không nở trông thấy đấng Thiên Nhân Tôn nhập Niết Bàn, hôm nay con muốn nhập Niết Bàn trước đức Thế Tôn! Đức Phật dạy: Quý hóa thay! Tốt được lắm! Lúc đó, ông Tu Bạt Đà La ngay ở trước mặt Phật dùng sức thần vào Hỏa Giới tam muội, mà nhập Niết Bàn.

Chú Thích Từ Ngữ:

[1] Tu Bạt Đà La (Subhadra): Dịch là Hảo Hiền, ông là người đệ tử cuối cùng của Phật. Khi ông quy y Phật thì đã 120 tuổi rồi.

Nguyên trước kia ông là người ngoại đạo, khi nghe Phật sắp nhập Niết Bàn, ông đến chỗ Phật xin vào yết kiến và cầu pháp. Phật nghe thấy mới kêu cho vào và nói pháp Bát Chánh Đạo cho ông nghe. Nghe xong, ông Tu Bạt Đà La chứng được sơ quả.

Dự lưu hương – Srotāpatti pratipannaka: Chỉ cho địa vị khi nhập kiến đạo, mới thấy lý của Tứ thánh đế, đắc Vô lậu thanh tịnh trí huệ nhãn (cũng gọi là thanh tịnh pháp nhãn,

Tịnh pháp nhẫn). Cũng vì thẳng đến Dự Lưu quả, không đọa Tam ác thú, cho nên cũng gọi là Vô Thối Đọa Pháp. Nhưng bậc Thánh của địa vị này chưa chứng nhập quả vị, cho nên không gọi là Quả, mà gọi là Hướng, tức là nắm lấy nghĩa đó để tiến đến Sơ quả.

Dự lưu quả - Srotāpanna: Dịch âm là Tu đà hoàn, Suất Lộ Đa A Bán Na. Tân dịch là Dự Lưu, Cựu dịch là Nhập Lưu, cũng dịch là Nghịch lưu, là Sơ quả trong Tứ quả của Tiểu thừa Thanh văn, cũng là một trong Thập bát hữu học. Có ý chỉ cho quả vị tham dự Vô Lậu thánh đạo. Người Thanh văn thừa đoạn kiến hoặc của Tam giới đã xong, mới đạt được nghịch dòng Sinh tử, gọi là Nghịch lưu quả. Vì chữ Lưu, là chỉ cho dòng của Thánh đạo. Đây là Thánh quả đầu tiên của Thanh văn, cho nên gọi là Sơ quả.

[2] Tứ Tỳ Đà kinh: Cũng gọi là Tứ Phệ Đà - Vêđa vốn nghĩa là hiểu biết. Vêđa có 4 tập là Rích Vêđa, Xama Vêđa, Yagiua Vêđa, và Atácva Vêđa. Ba tập Vêđa trên gồm những bài ca và những bài cầu nguyện phản ánh tình hình người Arya tràn vào Ấn Độ, tình hình tan rã của chế độ thị tộc, tình hình cư dân đấu tranh với thiên nhiên như hạn hán, lũ lụt. Trong đó, Rích Vê đa với 1028 bài thơ là tập quan trọng nhất. Còn Atácva Vêđa chủ yếu bao gồm các bài chú nhưng nội dung mà tập Vê đa này đề cập đến gồm các mặt như chế độ đẳng cấp, việc hành quân, chữa bệnh, đánh bạc và cả tình yêu nữa.

Ca ngợi thần sét Indra, Rích Vêđa viết: Tôi muốn ca ngợi sự tích anh hùng của thần Indra, Những chiến công của

vị thần Thiên Lô ấy, Ngài đã chém con ác long cho nước mưa tuôn chảy, và mở toang các hang động trên non cao. Nói về uy quyền của đẳng cấp Bà la môn khi họ làm cố vấn tôn giáo cho nhà vua, Atácva Vêđa viết: Sắc hơn lưỡi búa, Sáng hơn ngọn lửa, Vang hơn tiếng sét của Indra. Cố vấn của con người như thế chính là ta. Trong Atácva Vêđa cũng có những bài thơ tỏ tình: Như gió lay ngọn cỏ, Anh lay chuyển lòng em, Rồi em sẽ yêu anh, Và không rời anh nữa. Kế tiếp theo 4 tập Vêđa và có liên quan với Vêđa còn có các tác phẩm Bramana (Phạn thư), Araniaca (sách rừng rậm) Ypannisát (sách nghĩa sâu) v.v... Những sách này đều viết bằng văn xuôi, nội dung bao gồm những bài cầu nguyện, thần chú, những nghi thức cúng bái, những bài thuyết pháp, những lời giải thích triết lý trong kinh **Vêđa (Phệ Đà)** chứ về văn học thì không có giá trị gì đáng kể.

[3] Tứ đại: 四大是地水火風: S. Mahabhuta – P. Catudhatuvavatthana Bốn yếu tố lớn cấu tạo nên vạn hữu. Bốn thành phần:

Địa Đại: S. Prithin – P. Pathavi - Đất (tóc, răng, móng, da, thịt, xương, thận, tim, gan, bụng, lá lách, phổi, bao tử, ruột, phần, và những chất cứng khác). Địa Đại là thành phần vật chất mở rộng hay thể nền của vật chất, nên nó thuộc về Địa Đại

Thủy Đại: S. Apas – P. Apo - Nước (đàm, mủ, máu, mồ hôi, nước trong máu, mũi dãi, tất cả các chất nước). Không giống như địa đại, nó không thể nắm được. Thủy đại giúp cho các nguyên tử vật chất kết hợp lại với nhau.

Hỏa Đại: S. Tjas - Tejo - Lửa (những món gây ra sức nóng để làm ấm thân và làm tiêu hóa những thứ ta ăn uống vào). Bao gồm cả hơi nóng lạnh, và chúng có sức mạnh làm xác thân tăng trưởng, chúng là năng lượng sinh khí. Sự bảo tồn và phân hủy là do thành phần này.

Phong Đại: S. Vayu – P. Vayo - Gió (những chất hơi thường lay chuyển, hơi trong bao tử, hơi trong ruột, hơi trong phổi). Gió là phần chuyển động trong thân thể.

[4] Ngoại đạo Lục sư: Phú Lan Na Ca Diếp (Purana Kàsyapa), Mạt Già Lỵ Câu Sa Lê Tử (Maskàri Gosaliputra), A Kỳ Đà Sí Xá Khâm Bà La (Ajtakesakambala), Ca La Cưư Đà Ca Chiên Diên (Kakuda Kàtyàyand), Ni Kiền Đà Nhã Đề Tử (Nirgranta Jnatiputra).

[5] A Nhã Kiền Trần Như (Ajnata Kaundinya): A Nhã là tên, dịch nghĩa là Giải (hiểu biết), cũng dịch là Vô Tri (không có điều nào là không biết). Trần Như là họ, dịch là Hỏa Khí.

Khi Phật mới thành đạo, liền đi thẳng đến vườn Lộc Dã nói pháp tứ đế độ năm anh em ông Kiền Trần Như, trong số đó ông Kiền Trần Như hiểu được lý Vô Tri Diệu Trí, trước nhất nên được gọi là A Nhã.

CÂU HỎI ÔN TẬP:

1. Viết bằng chữ Hán đoạn văn: Nhĩ thời Thế Tôn cáo A Nan ngôn: Nhữ kim đương tri, ngã ư đạo tràng, thành A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, tối sơ thuyết pháp, độ A Nhã Kiền Trần Như đẳng ngũ nhân. Kim nhật tại ư Sa La Lâm Trung, lâm bát Niết Bàn, tối hậu thuyết pháp, độ Tu Bạt Đà La. Chư thiên cập nhân, vô phục cánh ưng văn ngã thuyết

pháp nhi đắc độ giả. Nhược hữu thiện căn ưng đắc giải thoát, đương lai giai thị Ngã chi đệ tử, triển chuyển tương giáo.

2. Cho biết Tên của Lục sư ngoại đạo? (Như: Phú Lan Na Ca Diếp, Mạt Già Lỵ Câu Sa Lê Tử, A Kỳ Đà Sí Xá Khâm Bà La, Ca La Cư Đà Ca Chiên Diên....).

大般涅槃經卷下

東晉平陽沙門釋法顯譯

佛說遺教品第十五

爾時如來告阿難言：汝勿見我入般涅槃便謂正法於此永絕。何以故？我昔為諸比丘。制戒波羅提木叉。及餘所說種種妙法。此即便是汝等大師。如我在世。無有異也。

阿難。我般涅槃後。諸比丘等。各依次第。大小相敬。不得呼姓。皆喚名字。互相伺察。無令眾中有犯大戒。不應闕求覓他細過。車匿比丘。應與重罰。阿難問佛。與何重罰。佛言：阿難。與重罰者。一切比丘勿與共語。於是阿難。如教奉行。

爾時世尊。告諸比丘：汝等今者若有疑難。恣意請問。莫我滅後生悔恨言。如來近在娑羅林中。我於爾時。不往諮決。致令今日情有所滯。我今雖復身體有疾。猶堪為汝等解釋疑惑。若欲於我般涅槃後奉持正法利益天人。今宜速來決所疑也。世尊乃至如是三告。諸比丘等默然無有求決疑者。爾時阿

難即白佛言：奇哉世尊。如是三誨。而此眾中無有疑者。佛言：如是如是。阿難。今此眾中。五百比丘。未得道者。我般涅槃後。未來世中。當得盡漏。汝亦當在此中數也

爾時世尊告諸比丘：汝等若見我身口意脫相犯觸。汝當語我。時諸比丘聞佛此語。流淚懊惱而白佛言：如來豈當有身口意微細過耶。於是如來即便說偈：

諸行無常是生滅法生滅滅已寂滅為樂

爾時如來。說此偈已。告諸比丘。汝等當知。一切諸行。皆悉無常。我今雖是金剛之體。亦復不免無常所遷。生死之中極為可畏。汝等宜應勤行精進。速求離此生死火坑。此則是我最後教也。我般涅槃。其時已至。時諸比丘。及餘天人。聞佛此誨。悲號涕泣。悶絕躡地。如來即便普告之言：汝等不應生此悲惱。諸行性相。皆悉如是。

PHIÊN ÂM:

ĐẠI BÁT NIẾT BÀN KINH

Quyển Hạ

Đông Tấn, Bình Dương, Sa môn Thích Pháp Hiển dịch

----- ॐ -----

PHẬT THUYẾT DI GIÁO

PHẨM ĐỆ THẬP NGŨ

Nhĩ thời Như Lai cáo A Nan ngôn: Nhữ vật kiến ngã nhập bát Niết Bàn tiện vị chánh pháp ư thử vĩnh tuyện. Hà dĩ cố? Ngã tích vi chư Tỳ Kheo, chế giới Ba La Đề Mộc Xoa [1], cập dư sở thuyết chủng chủng Diệu pháp [2], thử tức tiện thị nhữ đẳng Đại sư, như ngã tại thế, vô hữu dị dã. A Nan, ngã bát Niết Bàn hậu. Chư Tỳ Kheo đẳng, các y thứ đệ, đại tiểu tương kính, bất đắc hô tính, giai hoán danh tự, hữ tương tý sát, vô lệnh chúng trung hữu phạm đại giới, bất ưng khuy cầu mịch tha tế quá. Xa Nặc Tỳ kheo, ưng dữ trọng phạt. A Nan vấn Phật: Dữ hà trọng phạt? Phật ngôn: A Nan, dữ trọng phạt giả, nhất thiết Tỳ Kheo vật dữ cộng ngữ. Ư thị A Nan, như giáo phụng hành.

Nhĩ thời Thế Tôn, cáo chư Tỳ Kheo: Nhữ đẳng kim giả nhược hữu nghi nan, tứ ý thỉnh vấn, mặc ngã diệt hậu sanh hối hận ngôn, Như Lai cận tại Sa La Lâm trung, ngã ư nhĩ thời, bất vãng ty quyết, trí lệnh kim nhật tình hữu sở trệ, ngã kim tuy phục thân thể hữu tật, do kham vi nhữ đẳng giải thích nghi hoặc, nhược dục ư ngã bát Niết Bàn hậu phụng trì chánh pháp lợi ích thiên nhân. kim nghi tức lai quyết sở nghi dã. Thế Tôn nãi chí như thị tam cáo, chư Tỳ Kheo đẳng mặc nhiên vô hữu cầu quyết nghi giả.

Nhĩ thời A Nan tức bạch Phật ngôn: Kỳ tai Thế Tôn. Như thị tam hối, nhi thử chúng trung vô hữu nghi giả. Phật ngôn: Như thị, như thị. A Nan, kim thử chúng trung. ngũ bách Tỳ Kheo, vị đắc đạo giả, ngã bát Niết Bàn hậu. vị lai thế trung,

đương đắc tận lậu, nhữ diệt đương tại thử trung số dã.

Nhĩ thời Thế Tôn cáo chư Tỳ Kheo: Nhữ đẳng nhược kiến, ngã thân khẩu ý, thoát tương phạm xúc, nhữ đương ngữ ngã. Thời chư Tỳ Kheo văn Phật thử ngữ, lưu lệ áo não, nhi bạch Phật ngôn: Như Lai khởi đương hữu thân khẩu ý vi tế quá da? Ư thị Như Lai tức tiện thuyết kệ:

Chư hành vô thường, Thị sanh diệt pháp,
Sanh diệt diệt dĩ, Tịch diệt vi lạc [3].

Nhĩ thời Như Lai, thuyết thử kệ dĩ, cáo chư Tỳ Kheo: Nhữ đẳng đương tri, nhất thiết chư hành, giai tất vô thường. Ngã kim tuy thị kim cương chi thể, diệt phục bất miễn vô thường sở thiên, sanh tử chi trung cực vi khả úy. Nhữ đẳng nghi ưng cần hành tinh tiến, tốc cầu ly thử sanh tử hỏa khanh, thử tắc thị ngã tối hậu giáo dã, ngã bát Niết Bàn, kỳ thời dĩ chí.

Thời chư Tỳ Kheo, cập dư thiên nhân, văn Phật thử hối, bi hào thế khắp, muộn tuyệt tích địa. Như Lai tức tiện phổ cáo chi ngôn: Nhữ đẳng bất ứng sanh thử bi não, chư hành tính tương, giai tất như thị.

DỊCH NGHĨA:

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

Quyển Hạ

Đông Tấn, Bình Dương, Sa môn Thích Pháp Hiển dịch

----- ॐ -----

PHẬT THUYẾT DI GIÁO

PHẨM THỨ MƯỜI LĂM

Bấy giờ, đức Như Lai bảo Ngài A Nan: Ông đừng thấy Như Lai nhập Niết Bàn, cho là chính pháp của Như Lai ở đây mất hẳn. Vì sao vậy? Xưa Như Lai vì các vị Tỳ Kheo chế ra giới Ba La Đề Mộc Xoa, và nói ra nhiều môn Diệu pháp, những giới pháp ấy tức là Đại Sư của các vị và cũng giống như đức Như Lai còn trụ ở đời không khác!

Này A Nan! Sau khi Như Lai nhập Niết Bàn, các vị Tỳ Kheo đều phải theo thứ tự, lớn, nhỏ, cung kính lẫn nhau; không được gọi tên họ, mà đều gọi tên tự; cùng xem xét lẫn nhau, đừng để trong chúng có sự phạm trọng giới; không nên soi bói lỗi nhỏ của người. Xa Nặc Tỳ Kheo cần phải phạt nặng!

Ngài A Nan hỏi Phật: Lạy đức Thế Tôn! Thế nào là phạt nặng? Đức Phật bảo: Ông A Nan! Phạt nặng là hết thầy Tỳ Kheo cùng ông ấy nói chuyện! Ông A Nan bạch Phật: Chúng con xin vâng làm theo lời dạy của Thế Tôn!

Khi ấy đức Thế Tôn bảo các vị Tỳ Kheo: Nay các ông nếu còn ngờ vực gì, mặc ý các ông thỉnh vấn, đừng để sau khi Như Lai nhập diệt, hối hận rằng Như Lai gần nhập Niết Bàn trong rừng Sa La, lúc đó ta không dám đến hỏi để Như Lai giải quyết cho, đến nỗi ngày nay tâm tình ta có chỗ trệ trọc! Tuy nay thân thể Thế Tôn có bệnh, nhưng, còn có thể vì các ông giải thích những điều ngờ vực. Nếu các ông muốn vâng giữ chính pháp, lợi ích Nhân, Thiên, sau khi Thế Tôn nhập Niết Bàn, nay các ông nên hỏi nhanh lên, Thế Tôn giải quyết cho chỗ còn nghi ngờ của các ông!

Đức Thế Tôn bảo như thế đến ba lần, các vị Tỳ Kheo

vẫn im lặng, không có ai xin Ngài quyết nghị gì cả. Lúc đó, ông A Nan liền bạch Phật rằng: Lạ thay, lạ đức Thế Tôn! Đức Thế Tôn dạy đến ba lần như thế, mà trong chúng này, không có ai ngờ gì cả!

Đức Phật dạy: Đúng thế, đúng thế! Nay A Nan! Nay trong chúng này, có năm trăm vị Tỳ Kheo chưa đắc đạo, sau khi Ta nhập Niết Bàn, trong đời vị lai các vị ấy, lậu nghiệp sẽ được hết và chính ngay ông cũng là một người ở trong số ấy!

Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các vị Tỳ Kheo: Các vị nếu thân, khẩu, ý Thế Tôn bỗng dưng có phạm điều gì không phải, các vị nên trình lên Thế Tôn! Các vị Tỳ Kheo nghe đức Phật nói lời ấy buồn rầu rơi lệ, bạch với Phật rằng: Như Lai làm gì còn có lỗi nhỏ nhặt về thân, khẩu, ý? Đức Như Lai liền nói kệ:

Các hành vô thường, Là pháp sinh diệt;
Diệt sinh diệt rồi, Tịch diệt là vui.

Đức Như Lai nói bài kệ ấy rồi, Ngài bảo các vị Tỳ Kheo: Các vị nên biết: Hết thảy mọi hành tướng, đều là vô thường; thân Thế Tôn nay tuy là thể Kim Cương, nhưng cũng không khỏi lẽ vô thường biến thiên. Trong nẻo sinh tử, rất đáng sợ hãi, các vị nên siêng làm hạnh tinh tiến, cần mau ra khỏi hố lửa sinh tử này, đó là lời dạy cuối cùng của Thế Tôn!

Thời nhập Niết Bàn của Như Lai đã đến! Các vị Tỳ Kheo cùng các Thiên, Nhân khác nghe đức Phật dạy lời ấy, thương xót, kêu khóc, buồn bã ngất lặn ra đất.

Đức Như Lai liền bảo tất cả mọi người: Các vị không

nên sinh ra sự buồn rầu ấy, tính tướng của mọi sự vật, thảy đều như vậy!

Chú Thích Từ Ngữ:

[2] Ba La Đề Mộc Xoa: 波羅提木叉; S: prātimokṣa; P: pātimokkha; Hán Việt: Biệt giải thoát (別解脫), Tùy thuận giải thoát (隨順解脫), Cấm giới (禁戒);

Ba La Đề Mộc Xoa: Là dịch âm Phạn Prātimokṣa, hoặc Pratimkṣa (P. Pātimokkha, Pātimokkha), chỉ cho giới luật của Thất Chúng thọ trì ngăn ngừa Thất Chi tội của thân Khẩu, để xa lìa các Phiền não hoặc Nghiệp mà được giải thoát. Cũng gọi là Ba La Tỳ Mộc Xoa, Bát La Đề Mộc Xoa; dịch ý là Tùy thuận giải thoát, Xứ xứ giải thoát, Biệt giải thoát, Biệt biệt giải thoát, Tối thắng, Vô đẳng học. Giới này dùng để phòng hộ các căn, tăng trưởng Thiện pháp, là môn đầu tiên trong các Thiện pháp, cho nên gọi là Ba La Đề Mộc Xoa (婆羅提木叉).

Giới Bốn – S. Prātimokṣa; P. Pātimokkha: Dịch âm là Ba La Đề Mộc Xoa, là sách tập hợp các điều mục của Học Xứ (P. Sikkhāpada, Giới cấm) của Tỳ Kheo (bhikṣu; P. Bhikkhu) và Tỳ Kheo Ni (Bhikṣunī; P. Bhikkhunī) thọ trì, là do phiên dịch mà thành, hoặc trong Quảng luật như Tứ Phần Luật, Ngũ Phần Luật có đầy đủ Giới luật) tuyển lấy các điều Giới luật mà biên tập thành, như Tứ Phần Giới Bốn, tức là Tứ Phần Tăng Giới Bốn, Thập Tụng Luật, Bồ Tát Giới Bốn.

Tỳ Nại Da: Là dịch âm tắt Phạn ngữ Vinaya pitaka, dịch âm đủ là Tỳ Nại Da tỷ Trá Ca. Nói tắt là Tỳ Ni, Tỳ Nại Da, hoặc Phạn Hán dùng trung gọi là Tỳ Ni tạng, Tỳ Nại Da Tạng, là

một trong Tam tạng. Tỳ Nại Da (Vinaya) dịch là Luật, Tỳ Trá Ca (Pitaka) dịch là Tạng. Dịch ý là Luật Tạng, Điều Phục Tạng. Chữ Điều, là điều hòa chế ngự; chữ Phục, là ngăn cấm diệt trừ. Cũng tức là điều hòa Thân ngữ khởi nghiệp để chế phục diệt trừ Ác nghiệp.

[2] Diệu pháp: Xảo, Thắng, Vi và Tuyệt Diệu Pháp.

[3] Kệ Sanh Diệt: Chư hành vô thường, Thị sanh diệt pháp, Sanh diệt diệt dĩ, Tịch diệt vi lạc.

諸行無常，是生滅法，生滅滅已，寂滅為樂

CÂU HỎI ÔN TẬP:

1. Trình bày ý nghĩa Ba La Đề Mộc Xoa?
2. Trình bày danh đề và ý nghĩa của Bốn Diệu Pháp.
3. Cho biết ý nghĩa và Sự Đồng Dị của Giới Bốn và Tỳ Nại Da (Tỳ Nại Da tỳ Trá Ca. Nói tắt là Tỳ Ni)?
4. Viết bằng chữ Hán và nói ý nghĩa bài Kệ Sanh Diệt trong Phẩm Phật Di Giáo.

大般涅槃經卷下

東晉平陽沙門釋法顯譯

佛入涅槃品第十六

於是如來。即入初禪。出於初禪。入第二禪。出於二禪。入第三禪。出於三禪。入第四禪。出第四禪。入於空處。出於空處。入於識處。出於識處。入無所有處。出無所有處。入於非想非非想處。出於非想非非想處。入滅盡定。爾時阿難。既見如來湛然不言。身體肢節不復動搖。即便流淚而作是言：世尊今已入般涅槃。

爾時阿樓駄語阿難言：如來即時。未般涅槃。所以湛然身不動者。正是入於滅盡定耳。

爾時世尊出滅盡定。更還入於非想非非想處。乃至次第入於初禪。復出初禪。入第二禪。出於二禪。入第三禪。出於三禪。入第四禪。即於此地入般涅槃。

爾時阿樓駄語阿難言：世尊已於第四禪地入般涅槃。於是阿難及四部眾。聞阿樓駄作此言已。悲號嗚咽。悶絕躡地。其中或有舉手拍頭搥胸大叫。共相謂言：世間眼滅。

一何速哉。一切眾生。從今已去。誰為導者。人天方滅。惡道日增。時虛空中天龍八部。涕泣滂沱猶如驟雨。互相謂言：我等從今誰為歸依。猶若嬰兒失於慈母。三惡道逕日就開闢。解脫之門方巨重關。一切眾生。沈淪苦海。亦如病人遠於良醫。又似盲者失所牽導。我等既去無上法王。煩惱之賊日見侵逼。唱此言已。悶絕懊惱不能自禁。

時鳩尸那城諸力士眾。皆悉勇健。猶如香象。既見如來入般涅槃。神情憔悴。如病新起。當於爾時大地震動天鼓自鳴。四大海水波浪翻倒。須彌山王自然傾搖。狂風奮發。林木摧折簫索枯悴。駭異於常。爾時大梵天王。即說偈言：

過去與未來	及以今現在
無有諸眾生	不歸無常者
如來天人尊	金剛身堅固
猶不免無常	而況於餘人
一切諸眾生	愛惜保其身
薰餘以香華	不知當毀滅
如來金色身	相好以莊嚴
會亦皆棄捨	應入般涅槃
永斷諸煩惱	成一切種智

猶尚不得免 況餘結累者
爾時天帝釋即說偈言：
一切諸行性 實是生滅法
兩足最勝尊 亦復歸於盡
三毒熾然火 恒燒諸眾生
無有大悲雲 誰能雨令滅

爾時阿樓駄。即說偈言：
如來於今日 諸根不搖動
心意會諸法 而棄於此身
恬然絕思慮 亦復無諸受
如燈盡光滅 如來滅亦然

爾時阿難。即說偈言：
大地忽震動 狂風四激起
海水波翻倒 須彌寶山搖
天人心悲痛 泣淚猶如雨
皆悉大恐怖 如被非人執
由佛般涅槃 故有如此事

爾時眾中。有未得道比丘人天。既見如來已般涅槃。心生懊惱。宛轉于地。已得道者。深歎世間無常之苦。悲號啼泣不能自勝。是時阿樓駄語諸比丘及以天人。汝等不應生大憂惱。如來。前已為汝等說諸行性相

法皆如是。云何猶故而悲泣耶。

爾時阿難即便普語四遠來眾。如來今已入般涅槃。爾時眾人聞阿難言：悲號啼泣悶絕懊惱。而以微聲語阿難言：今此人眾極為闐塞。三十二喻闐那。皆悉充滿。唯願尊者。各令我等次第得前親見如來。最後瞻仰禮拜供養。如來出世難可值遇。如優曇鉢華時時乃現。今者親在此般涅槃。願必哀愍。令我得見。

爾時阿難聞眾人言：心自思惟。如來出世。極為難值。最後供養亦復甚難。我今當令誰在於先供養佛者。今者宜使諸比丘尼及優婆夷。得在前來供養佛身。所以然者。斯等女弱。昔來之時。不必得到如來之所。以是因緣故宜在先。作此念已。即便普唱諸比丘尼及優婆夷。皆聽前於如來身所。諸比丘尼及與無量優婆夷等。俱到佛所。既見如來已般涅槃。啼泣懊惱。圍繞禮拜。種種供養。

爾時有一貧窮優婆夷。年一百歲。見諸婆羅門。并及刹利長者居士。力士妻女長幼大小。以妙香華種種供養。自傷貧乏獨絕此願。心自思惟。如來出世極為難值。最後

供養復為甚難。而今窮罄無以自表。作此念已。倍增悲慟。臨佛足上心大懊惱。涕泣流連汗如來足。願我將來所生之處。常得見佛。諸比丘尼及優婆夷。供養畢已。即還本處。

爾時阿難。又復普告諸餘人言：諸比丘尼及優婆夷。供養已畢。汝等可前次第供養。時諸人眾以次而來。到佛身所。既見如來已般涅槃。號泣宛轉心大悲惱。以諸供具而用供養。

PHIÊN ÂM:

ĐẠI BÁT NIẾT BÀN KINH

Quyển Hạ

Đông Tấn, Bình Dương, Sa môn Thích Pháp Hiển dịch

----- 卍 卍 卍 -----

PHẬT NHẬP NIẾT BÀN

PHẨM ĐỆ THẬP LỤC

Ư thị Như Lai tức nhập Sơ thiền, xuất ư Sơ thiền, nhập đệ Nhị thiền, xuất ư Nhị thiền, nhập đệ Tam thiền, xuất ư Tam thiền, nhập đệ Tứ thiền, xuất đệ Tứ thiền [1], nhập ư Không xứ, xuất ư Không xứ, nhập ư Thức xứ, xuất ư Thức xứ, nhập Vô Sở Hữu xứ, xuất Vô Sở Hữu xứ, nhập ư Phi Tưởng Phi Phi Tưởng xứ, xuất ư Phi Tưởng Phi Phi Tưởng xứ [2], nhập Diệt Tận Định [3]. Nhĩ thời A Nan, ký kiến Như Lai

trạm nhiên bất ngôn, thân thể chi tiết bất phục động điều, tức tiện lưu lệ, nhi tác thị ngôn: Thế Tôn kim dĩ nhập bát Niết Bàn.

Nhĩ thời A Lô Đà (Aniruddha) [4] ngữ A Nan ngôn: Như Lai tức thời vị bát Niết Bàn, sở dĩ trạm nhiên thân bất động giả, chánh thị nhập ư Diệt Tận Định nhĩ. Nhĩ thời Thế Tôn xuất Diệt Tận Định, cánh hoàn nhập ư Phi Tưởng Phi Phi Tưởng xứ, nãi chí thứ đệ nhập ư sơ thiền, phục xuất sơ thiền, nhập đệ nhị thiền, xuất ư nhị thiền, nhập đệ tam thiền, xuất ư tam thiền, nhập đệ tứ thiền, xuất đệ tứ thiền, tức ư thứ địa nhập bát Niết Bàn [5].

Nhĩ thời A Lô Đà, ngữ A Nan ngôn: Thế Tôn dĩ ư đệ Tứ Thiền địa, nhập bát Niết Bàn. Ư thị A Nan cập tứ bộ chúng, văn A Lô Đà tác thử ngôn dĩ, bi hào ô yết, muộn tuyệt tích địa kỳ trung hoặc hữu cử thủ phách đầu chùy hung đại khiêu, cộng tương vị ngôn: Thế gian nhãn diệt, nhất hà tốc tai! Nhất thiết chúng sinh, tòng kim dĩ khứ, thù vi đạo giả, nhân thiên phương giảm, ác đạo nhật tăng.

Thời hư không trung, Thiên long bát bộ, thế khắp bàn đà do như sậu vũ, hổ tương vị ngôn: Ngã đẳng tòng kim thù vị quy y, do nhược Anh Nhi thất ư từ mẫu, tam ác đạo kính nhật tự khai khoáng, giải thoát chi môn, phương cự trọng quan, nhất thiết chúng sinh trần luân khổ hải, diệc như bệnh nhân viễn ư lương y, hựu tự manh giả thất sở khiên đạo. Ngã đẳng ký khứ Vô Thượng Pháp Vương [6], phiền não chi tặc, nhật kiến xâm bức. Xương thử ngôn dĩ, muộn tuyệt áo não, bất năng tự cấm.

Thời Cựu Thi Na Thành chư Lục sĩ chúng, giai tất dũng kiện, do như hương tượng, ký kiến Như Lai nhập bát Niết Bàn, thần tình tiêu tụy, như bệnh tâm khởi. Đương ư nhĩ thời đại địa chấn động thiên cổ tự minh, tứ đại hải thủy ba lãng phiêu đào, Tu Di Sơn Vương tự nhiên khuynh diêu, cuồng phong phấn phát, lâm mộc tồi chiết tiêu tác khô tụy, hải vị ư thường. Nhĩ thời Đại Phạm Thiên Vương, tức thuyết kệ ngôn [7.1]: Quá khứ dĩ vị lai.

Cập dĩ kim hiện tại
 Vô hữu chư chúng sinh
 Bất quy vô thường giả
 Như Lai Thiên nhân tôn
 Kim Cương thân kiên cố
 Do bất miễn vô thường
 Nhi hưởng ư dư nhân
 Nhất thiết chư chúng sinh
 Ái tích bảo kỳ thân
 Luân dư dĩ hương hoa
 Bất tri đương hủy diệt
 Như Lai kim sắc thân
 Tướng hảo dĩ tự nghiêm
 Hội diệt giai khí xả
 Ưng nhập bát Niết Bàn
 Vĩnh đoạn chư phiền não
 Thành Nhất Thiết Chủng Trí
 Do thượng bất đắc miễn
 Hưởng dư kết luy giả.

Nhĩ thời Thiên Đế Thích, tứ thuyết kệ ngôn [7.2]:

Nhất thiết chư hạnh tính
 Thật thị sinh diệt pháp
 Lương Túc tối thắng tôn
 Diệt phục quy ư tận
 Tam độc xí nhiên hỏa
 Hằng thiêu chư chúng sinh
 Vô hữu Đại Bi vân
 Thùy năng vũ linh diệt.

Nhĩ thời A Lô Đà, tức thuyết kệ ngôn [7.3]:

Như Lai ư kim nhật
 Chư căn bất điều động
 Tâm ý hội chư pháp
 Nhi khí ư tử thân
 Điem nhiên tuyệt tư lự
 Diệt phục vô chư thụ
 Như đặng tận quang diệt
 Như Lai diệt diệt nhiên.

Nhĩ thời A Nan, tức thuyết kệ ngôn [7.4]:

Đại địa hốt chấn động
 Cuồng phong tứ kích khởi
 Hải thủy ba phiên đảo
 Tu Di Bảo Sơn diêu
 Thiên nhân tâm bi thống
 Khấp lệ do như vũ
 Giai tất đại khủng bố
 Như thị phi nhân chấp
 Do Phật bát Niết Bàn

Cố hữu như thử sự.

Nhĩ thời chúng trung, hữu vị đắc đạo, Tỳ Kheo nhân thiên, ký kiến Như Lai dĩ bát Niết Bàn tâm sinh áo não, uyển chuyển ư địa, dĩ đắc đạo giả, thâm thán thế gian vô thường chi khổ, bi hào đề khắp bất năng tự thắng. Thị thời A Lô Đà ngữ chư Tỳ Kheo, cập dĩ thiên nhân: Nhữ đẳng bất ưng sinh đại ưu não. Như Lai tiền dĩ vi nhữ đẳng thuyết chư hành tánh tướng pháp giai như thị. Vân hà do cố nhi bi khắp da?

Nhĩ thời A Nan tức tiện phổ ngữ tứ viễn lai chúng, Như Lai kim dĩ nhập bát Niết Bàn. Nhĩ thời chúng nhân văn A Nan ngôn, bi hào đề khắp, muộn tuyệt áo não, nhi dĩ vi thịnh ngữ A Nan ngôn: Kim thử nhân chúng cực vi điền tắc, tam thập nhị dụ Đờ Na, giai tất sung mãn. Duy nguyện Tôn giả, các linh nhữ đẳng thứ đệ đắc tiền thân kiến Như Lai, tối hậu chiêm ngưỡng lễ bái cúng dường. Như Lai xuất thế nan khả tri ngộ, như Ưu Đàm Bát Hoa thời thời nãi hiện, kim giả thân tại thử bát Niết Bàn, nguyện tất ai mãn, linh ngã đắc kiến.

Nhĩ thời A Nan văn chúng nhân ngôn, tâm tự tư duy. Như Lai xuất thế, cực vi nan tri, tối hậu cúng dường diệt phục thậm nan. Ngã kim đương linh thù tại ư tiên cúng dường Phật giả. Kim giả nghi sử chư Tỳ Kheo Ni cập Ưu Bà Di, đắc tại tiền lai cúng dường Phật thân. Sở dĩ nhiên giả, tư đẳng nữ nhược, tích lai chi thời, bất tất đắc đạo Như Lai chi sở, dĩ thị nhân duyên cố nghi tại tiên, tác thử niệm dĩ. Tức tiện phổ xướng: Chư Tỳ Kheo ni cập Ưu Bà Di, giai thính tiền ư Như Lai thân sở. Chư Tỳ Kheo Ni cập dữ vô lượng Ưu Bà Di đẳng, câu đạo Phật sở. Ký kiến Như Lai dĩ bát Niết Bàn, đề khắp áo não, vi nhiều lễ bái, chủng chủng cúng dường.

Nhĩ thời hữu nhất bàn cùng Ưu Bà Di, niên nhất bách tuế, kiến chư Bà La Môn, tịnh cập Sát lợi, Trưởng giả, Cư sĩ, Lực sĩ thê nữ, trưởng ấu đại tiểu, dĩ diệu hương hoa chủng chủng cúng dường, tự thương bản pháp độc tuyệt thủ nguyện, tâm tự tư duy: Như Lai xuất thế cực vi nan tri, tối hậu cúng dường, phục vi thậm nan, nhi kim cùng khánh, vô dĩ tự biểu. Tác thủ niệm dĩ, bội tăng bi đống, lâm Phật túc thương tâm đại áo não, thế khắp lưu liên ô Như Lai túc, nguyện ngã tương lai sở sinh chi xứ, thường đắc kiến Phật. Chư Tỳ Kheo Ni cập Ưu Bà Di, cúng dường tất dĩ, tức hoàn bổn xứ.

Nhĩ thời A Nan, hựu phục phổ cáo chư dư nhân ngôn: Chư Tỳ Kheo Ni cập Ưu Bà Di, cúng dường dĩ tất. Nhữ đẳng khả tiền thứ đệ cúng dường. Thời chư nhân chúng dĩ thứ nhi lai, đáo Phật thân sở, ký kiến Như Lai dĩ bát Niết Bàn, hào khắp uyển chuyển tâm đại bi não, dĩ chư cúng cụ nhi dụng cúng dường.

DỊCH NGHĨA:

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

Quyển Hạ

Đông Tấn, Bình Dương, Sa môn Thích Pháp Hiển dịch

----- ॐ -----

PHẬT NHẬP NIẾT BÀN

PHẨM THỨ MƯỜI SÁU

Ngay khi ấy đức Như Lai vào Sơ thiên; ra Sơ thiên, vào Nhị thiên; ra Nhị thiên, vào Tam thiên; ra Tam thiên, vào Tứ

thiền; ra Tứ thiền, vào Không xứ; ra Không xứ, vào Thức xứ; ra Thức xứ, vào Vô sở hữu xứ; ra Vô sở hữu xứ, vào Phi tướng, phi phi tướng xứ; ra Phi tướng phi phi tướng xứ, vào Diệt Tận định.

Lúc đó, Ngài A Nan, đã thấy đức Như Lai im bật không nói, thân thể chi tiết không dao động, liền sa lệ nói rằng: Đức Thế Tôn nay đã nhập Niết Bàn rồi!

Bấy giờ Ngài A Nâu Lô Đà, bảo Ngài A Nan rằng: Ngay bây giờ đức Như Lai chưa nhập Niết Bàn đâu! Sở dĩ Ngài im bật, thân không dao động, chính là Ngài nhập Diệt Tận định! Đức Thế Tôn ra Diệt Tận Định, lại trở vào Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ và lần lượt cho đến vào Sơ thiền. Rồi Ngài lại ra Sơ thiền, vào Nhị thiền; ra Nhị thiền, vào Tam thiền; ra Tam thiền, vào Tứ thiền. Và, ngay nơi ấy Ngài nhập Niết Bàn.

Khi ấy, Ngài A Nâu Lô Đà bảo Ngài A Nan: Đức Thế Tôn đã ở nơi Tứ thiền nhập Niết Bàn rồi! Ngài A Nan và bốn bộ chúng, nghe Ngài A Nâu Lô Đà nói lời ấy rồi, thương xót, kêu khóc, nghẹn ngào, buồn bã ngất lặn ra đất. Trong chúng ấy, hoặc có người khoa tay, bứt đầu, đâm ngực gào to, cùng bảo nhau rằng: Con mắt của thế gian mất đi, nhất đán sao chóng vậy thay! Từ nay trở đi, hết thấy chúng sinh, ai là người lãnh đạo và Nhân, Thiên sẽ giảm đi, đường ác ngày càng thêm!

Lúc đó, Thiên, Long tám bộ trong hư không, nước mắt chảy chan chứa như mưa dào, bảo lẫn nhau rằng: Từ nay ai là người quy y của chúng ta; chúng ta cũng như đứa trẻ

mất mẹ hiền; ba đường ác, ngày mở rộng thêm, cửa giải thoát đóng kín nhiều lần! Hết thầy chúng sinh, trầm luân bể khổ, cũng như người đau xa cách lương y, như người mù mất người dắt dẫn! Chúng ta xa cách đấng vô thượng Pháp vương, giặc phiền não xâm bức hàng ngày! Xướng lên lời ấy rồi, họ buồn bã, áo não, không tự kiềm hãm được.

Bấy giờ, các người phái Lực sĩ, trong thành Cư Thi Na, đều là những người khỏe mạnh, như con Hương Tượng, thế mà khi họ trông thấy đức Như Lai nhập Niết Bàn rồi, thân hình họ tiêu tụy, như người mới phát bệnh.

Đương lúc đó, cõi đất rung động, trống trời bỗng kêu, sóng bốn bể lớn giề giập lung tung, ngọn núi Tu Di tự nhiên rung ngã, gió cuồng bốc mạnh, rừng gỗ gãy tung, dây nợ héo khô, sợ kinh khác lạ!

Khi ấy, Đại Phạm Thiên Vương nói bài kệ rằng:

Quá khứ và vị lai,
 Cùng ngay trong hiện tại;
 Không có chúng sinh nào,
 Không hướng về vô thường.
 Như Lai: Thiên Nhân Tôn,
 Thân kim cương kiên cố;
 Còn không khỏi vô thường,
 Hưởng là những người khác!
 Hết thầy mọi chúng sinh,
 Mến tiếc bảo vệ thân;
 Sức thêm hương hoa khác,
 Không biết sẽ hủy diệt!

Như Lai thân sắc vàng,
 Trang nghiêm bằng tướng tốt,
 Hội hợp cũng xả ly,
 Ứng nhập Bát Niết Bàn.
 Dứt hẳn mọi phiền não,
 Thành Nhất thiết chủng trí;
 Vẫn còn không khỏi được,
 Huống người phiền não buộc!

Tiếp đó, Thiên Đế Thích nói bài kệ rằng:

Tính của mọi hành tướng,
 Thực là pháp sinh diệt;
 Đấng Lưỡng Túc tối tôn,
 Cũng về nơi diệt tận.
 Lửa ba độc cháy bùng,
 Thường thiêu đốt chúng sinh;
 Không có mây Đại Bi,
 Gì cho mưa tắt được?

Ông A Nâu Lô Đà cũng nói bài kệ:

Ngày nay đức Như Lai,
 Mọi căn không dao động;
 Tâm ý hội các pháp,
 Mà bỏ nơi thân này.
 Đằm nhiên bất lo nghĩ,
 Cũng không tiếp thụ gì;
 Như đèn tắt, sáng hết,
 Như Lai diệt cũng vậy!
 Tới đây, ông A Nan liền nói tiếp bài kệ:
 Cõi đất bỗng động rung,

Gió cuồng bốn mặt bốc;
 Sóng biển vỗ lung tung,
 Núi Tu Di chuyển, ngã.
 Tâm Thiên, Nhân buồn, khổ,
 Nước mắt khóc như mưa;

Thầy đều sinh sợ hãi như bị Phi nhân giữ: Do Phật nhập Niết Bàn, Nên có việc như vậy!

Bấy giờ, có các vị Tỳ Kheo cùng Nhân, Thiên ở trong chúng chưa đắc đạo, thấy đức Như Lai nhập Niết Bàn rồi, tâm sinh áo não, vật vã ra đất; người đắc đạo rồi, than hoài về cái khổ của thế gian vô thường, thương xót, kêu khóc không tự hãm được.

Lúc đó, Ngài A Nâu Lô Đà, bảo các vị Tỳ Kheo cùng cả Nhân, Thiên rằng: Các vị không nên sinh tâm ưu não quá, trước đây Như Lai đã vì các vị nói rõ là tính tướng của các sự vật đều như thế, sao các vị còn cố thương khóc vậy ư?

Khi ấy Ngài A Nan liền phổ cáo tất cả mọi người từ bốn phương xa lại rằng: Đức Như Lai nay đã nhập Niết Bàn rồi! Mọi người nghe ông A Nan nói thế, thương xót, kêu khóc, buồn bã, áo não nghẹn ngào nói với ông A Nan: Nay chúng nhân tại đây, quá đông đảo, chật chội, đến ba mươi hai do tuần, cũng đều đầy nich, vậy kính xin Tôn giả cho chúng tôi được lần lượt tới trước trông thấy tôn dung đức Như Lai để lần cuối cùng chúng tôi được chiêm ngưỡng, lễ bái và cúng dàng. Vì, Như Lai ra đời khó được gặp gỡ, như hoa Ưu Đàm bao thời, bao thời mới hiện. Nay chúng tôi thân ở nơi đức Thế Tôn nhập Niết Bàn đây, xin Tôn giả

thương xót chúng tôi, để cho chúng tôi được trông thấy chân dung Phật!

Ngài A Nan nghe lời chúng nhân, tâm tự suy nghĩ: Đức Như Lai ra đời, rất khó được gặp, được cúng dàng lần cuối cùng cũng là rất khó, nay ta nên cho những ai cúng dàng Phật trước? Nay ta nên cho các vị Tỳ Kheo Ni cùng Ưu bà di, được tới trước cúng dàng thân Phật. Vì sao vậy? Họ là những người nữ lưu yếu ớt, vả lại, từ xưa tới nay họ không thường được đến chốn đức Phật. Do nhân duyên ấy, ta cho họ tới trước!

Ngài nghĩ thế rồi, liền phổ xướng cho các Tỳ Kheo Ni, cùng Ưu bà di, đều được đến trước nơi thân đức Như Lai nhập Niết Bàn. Các Tỳ Kheo Ni cùng vô lượng Ưu bà di, đều cùng nhau đến chốn Phật. Đến nơi họ trông thấy đức Như Lai nhập Niết Bàn rồi, họ kêu khóc áo não, đi nhiễu, lễ bái và cúng dàng mọi thứ.

Khi ấy, có một bà Ưu bà di nghèo cùng, đã một trăm tuổi, bà thấy những vợ cùng con gái lớn, nhỏ, của các phái Bà la môn, Sát ly, trưởng giả, cư sĩ, đem hương hoa tốt, mọi thứ cúng dàng Phật, bà tự thương mình nghèo thiếu, riêng chịu mất nguyện tốt nơi đây, tâm bà tự nghĩ: Đức Như Lai ra đời rất là khó gặp, cúng dàng Ngài lần cuối cùng cũng lại rất khó, mà nay ta bần cùng, khánh kiệt, không lấy gì biểu lộ tâm thành mình được! Bà nghĩ thế rồi, càng thêm thương xót, cảm động, bà tới chỗ chân Phật, tâm áo não quá, khóc lóc thướt mướt, nước mắt chảy xuống chân Phật, làm như chân Phật, bà nguyện: Nguyện con đời sau

sinh ra nơi nào, con thường được thấy Phật! Các Tỳ Kheo Ni cùng Ưu bà di, cúng dàng xong rồi, liền về chỗ mình.

Bấy giờ, Ngài A Nan, lại phổ cáo cho mọi người khác biết rằng các Tỳ Kheo Ni cùng Ưu bà di cúng dàng xong rồi, các vị có thể lần lượt tới trước thân Phật cúng dàng. Mọi người nghe rồi, lần lượt đến nơi thân Phật nhập Niết Bàn. Đến nơi họ trông thấy đức Như Lai nhập Niết Bàn rồi, kêu khóc vật vã, tâm rất sâu não, họ đem mọi đồ cúng dàng, cúng dàng lên Phật.

Chú Thích Từ Ngữ:

[1] Đệ Tứ Thiên: Theo biểu đồ sau chúng tôi trình thuật về Tam giới gồm Cửu địa qua Tứ Thiên; Ba giới và Chín địa:

- a). Dục giới: 1. Ngũ thú tạp cư địa.
- b). Sắc giới: 2. Ly, sanh, hỷ lạc địa.
- 3. Định, sanh, hỷ lạc địa.
- 4. Ly hỷ, diệu lạc địa.
- 5. Xả niệm thanh tịnh địa.
- c). Vô sắc giới: 6. Không vô biên xứ địa.
- 7. Thức vô biên xứ địa.
- 8. Vô sở hữu xứ địa.
- 9. Phi tưởng phi phi tưởng xứ địa.

Chín Phẩm Tập Khí.

(2) Sắc giới gồm bốn tầng Thiên. **Sơ Thiên Thiên** gồm **ba cõi trời**: Phạm Chúng Thiên, Phạm Phụ Thiên và Đại Phạm Thiên. **Nhị Thiên Thiên** cũng có **ba**: Thiếu Quang Thiên, Vô

Lượng Quang Thiên và Quang Âm Thiên. **Tam Thiên Thiên cũng có ba:** Thiếu Tịnh Thiên, Vô Lượng Tịnh Thiên và Biến Tịnh Thiên. Sau cùng **Tứ Thiên Thiên gồm 9 cõi trời:** Vô Vân Thiên, Phúc Sinh Thiên, Quảng Quả Thiên, Vô Tướng Thiên, Vô Phiền Thiên, Vô Nhiệt Thiên, Thiện Kiến Thiên, Thiện Hiệm Thiên và Sắc Cứu Cánh Thiên.

(3) Bốn cõi Vô sắc là Không Vô Biên Xứ, Thức Vô Biên Xứ, Vô Sở Hữu Xứ và Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ.

(4) Ngũ Bất Hoàn Thiên: Hành giả Tịnh tu cầu chứng Bồ Đề, tức đã dứt sạch **Chín phẩm tập khí**.

Sắc Giới 色界 ; S. Rūpa dhātu (Pali đồng): Sắc, có nghĩa là Biến ngại, Thị hiện. Hai chữ Sắc giới có ý là cõi thuộc về Sắc, là một trong Tam giới. Cũng gọi là Sắc thiên, Sắc hành thiên. Tổng gọi chúng sinh và khí thể giới cõi đó có sắc chất tịnh diệu, nằm trên Dục giới là nơi cư trú của Thiên nhân. Chúng sinh cõi này tuy là Dâm dục, không nhiễm Sắc pháp thô ác, nhưng còn bị Sắc pháp thanh tịnh vi tế trói buộc, cho nên ở trên Dục giới và ở dưới Vô sắc giới, mà gọi là Sắc giới. Thiên chúng cõi này không có phân biệt nam nữ, y phục tự nhiên mà đến, dùng quang minh làm thức ăn và ngôn ngữ. Cõi này lại nương vào Thiền định thứ tự sâu cạn mà phân ra 4 địa (tức là Tứ thiên thiên, Tứ tinh lục xứ). Sơ thiên thiên tổng gọi là Ly sanh hỷ lạc địa, Nhị thiên thiên tổng gọi là Định sanh hỷ lạc địa, Tam thiên thiên tổng gọi là Ly hỷ diệu lạc địa, Tứ thiên thiên tổng gọi là Xả niệm thanh tịnh địa.

Vô Sắc Giới 無色界 ; S. Ārūpya dhātu; P. Arūpa dhātu: Cũng gọi là Vô sắc thiên, Vô sắc hành thiên, cùng với Dục giới

và Sắc giới gọi chung là Tam giới. Chỉ cho thể giới siêu vật chất, là thể giới cõi thiên mà người chán lia Sắc tướng vật chất mà tu Tứ Vô Sắc Định thì được sinh lên thiên giới đó. Sự sinh tồn của Hữu tình trong thế giới này, chắc chắn không có Sắc pháp, không có cung điện trường sở, mà từ không gian hư vô cao thấp khác nhau, nhưng do quả báo hơn kém sai biệt mà phân ra 4 tầng: 1/ Không vô biên xứ thiên. 2/ Thức vô biên xứ thiên. 3/ Vô sở hữu xứ thiên. 4/ Phi tướng phi phi tướng xứ thiên [2].

[3] Diệt Tận Định: H 滅盡定 P. Nirodhasamàpatti: Là pháp Thiền Định Diệt Tận, cũng gọi Diệt Thọ Tướng Định, Diệt Tận Tam Muội, Tịch Diệt Định. Diệt Tận Định là pháp viên mãn rốt ráo trong: Bát giải Thoát Tam Muội, Cửu Thứ Đệ Định. Bậc Thánh giả nhập định và xuất định có hai phương thức: Thuận định và Nghịch định.

[4] A Lôu Đà: H. 阿樓駄, 阿免樓駄 . S. Anurudha: Cựu gọi là A Na Luật Đà, A Na Luật, A Lôu Đà, A Ni Lôu Đà, A Nê Lô Đậ v.v... Hoa dịch là Như Ý, Vô Tham. Tên gọi là A Nê Luật Đà, dịch là Vô Diệt Như Ý. Là một vị Tỳ kheo, đại đệ tử của Phật, được Phật khen là Thiên Nhân Đệ Nhất.

Trong Niết Bàn Kinh, quyển 30 có chép: A Ni Lôu Đà dùng Thiên Nhân mà thấy khắp mọi vật trong cõi Tam thiên đại thiên thế giới, từ cảnh vật dương cho đến cảnh vật âm, thấy một cách rõ ràng, như người ta nhìn thấy trái Am Ma Lặc trong bàn tay.

[5] Niết Bàn Tịch Tĩnh: 涅槃寂靜, (Santam nirvānam), cũng gọi là Niết Bàn Tịch Diệt Ấn, Tịch Diệt Niết Bàn Ấn, nói

tất là Niết Bàn Ấn. Tất cả Chúng sinh không biết Khổ của Sinh tử mà khởi Hoặc tạo Nghiệp, lưu chuyển trong Tam giới, cho nên Phật thuyết pháp Niết Bàn, khiến cho chúng sinh thoát khỏi Khổ của Sinh tử, chứng đắc Niết Bàn Tịch Diệt. Hai chữ Tịch Tĩnh chỉ cho Khổ tịch tịnh, Phiền não tịch tĩnh, Bất tổn não hữu tình tịch tĩnh và Xả tịch tĩnh.

[6] Vô Thượng Pháp Vương: 無上法王 : Biệt hiệu của Phật, đối với tất cả các Pháp được tự tại, không có Chướng Ngại, thấu hiểu rõ ràng cùng tột, không gì trên hơn, nên gọi Vô Thượng Pháp Vương.

[7] Bốn Bài Kệ: Đại Phạm Thiên Vương nói bài kệ về lẽ vô thường, không ai thoát được. Thiên Đế Thích cũng nói về lẽ ấy và than tiếc chúng sinh ngày nay bị lửa Tam độc bức cháy, không còn nước Đại Bi rưới tắt. Ngài A Nâu Lô Đà nói về: Đức Như Lai xả thân này cũng như đèn tắt ánh sáng hết. Ngài A Nan nói: Tâm trạng buồn rầu của tất cả đại chúng khi Phật Niết Bàn. Các vị chưa đắc đạo, thương xót áo não, các vị đắc đạo rồi, than lẽ vô thường của thế gian! Đồng thời phổ cáo cho mọi người biết là đức Như Lai đã nhập Đại Định Niết Bàn.

CÂU HỎI ÔN TẬP:

1. Trình bày bài kệ của Thiên Đế Thích nói khi Đức Thế Tôn nhập Niết Bàn?

2. Viết bằng chữ Hán đoạn văn: Ư thị Như Lai tức nhập Sơ thiền, xuất ư Sơ thiền, nhập đệ Nhị thiền, xuất ư Nhị thiền, nhập đệ Tam thiền, xuất ư Tam thiền, nhập đệ Tứ thiền, xuất đệ Tứ thiền, nhập ư Không xứ, xuất ư Không xứ,

nhập ư Thức xứ, xuất ư Thức xứ, nhập Vô Sở Hữu xứ, xuất Vô Sở Hữu xứ, nhập ư Phi Tưởng Phi Phi Tưởng xứ, xuất ư Phi Tưởng Phi Phi Tưởng xứ, nhập Diệt Tận Định.

3. Cho biết tên gọi của 18 tầng trời của Sắc giới qua Tứ Thiên?

4. Trình bày biểu đồ Tam giới – Cửu địa?

大般涅槃經卷下

東晉平陽沙門釋法顯譯

闍維之法品第十七

爾時諸力士眾。皆悉集聚。共相謂言：我等今者。云何闍維如來之身？世尊臨欲般涅槃時。應有遺勅。即便共往。問阿難言。我等今者欲共闍維如來之身。其法云何？世尊臨可般涅槃時。當有遺旨。唯願見告。

爾時阿難語力士言：如來遺勅闍維之法。令與轉輪聖王等無有異。阿難即便具說佛向所勅之事。諸力士等聞阿難言：皆共嚴辦闍維之具。先造寶輿雕鏤莊麗。以如來身置寶輿上。燒香散華。作眾伎樂。歌頌讚歎。於音樂中。而說苦空無常無我不淨之法。

時諸力士白阿難言：如來今者既般涅槃。最後供養極為難遇。我等請留如來之身。七日七夜恣意供養。令諸天人長夜獲安。阿難即便以力士言問阿樓駄。

阿樓駄答阿難言：善哉隨意。阿難爾時告諸力士。聽留佛身七日七夜恣意供養。時諸力士聞阿難言。心大悲慶。即於林中種種供養。滿七日已。

時諸力士以新淨綿及以細纏如來身。然後內以金棺之中。其金棺內散以牛頭栴檀香屑及諸妙華。即以金棺內銀棺中。又以銀棺內銅棺中。又以銅棺內鐵棺中。又以鐵棺置寶輿上。作諸伎樂歌唄讚歎。諸天於空。散曼陀羅花。摩訶曼陀羅花。曼殊沙花。摩訶曼殊沙花。并作天樂。種種供養。然後次第下諸棺蓋。時力士等共相謂言。七日之期今者已滿。我等宜應舁如來棺。周匝繞城。令諸人民恣意供養。然後往於城南闍維。作此言已。即便共舁如來之棺。盡其身力而不能起。各共驚怪不知何故。而以問於阿樓駄。我等諸人欲舁佛棺。周匝繞城。還趣南門供養闍維。盡竭身力而不能舉。不知此是何等事相。唯願尊者為我說之。

時阿樓駄語眾人言：所以然者。虛空諸天欲令佛棺周匝繞城。從北門入住於城中。聽諸天人種種供養。然後應從東門而出。往於寶冠支提之所。而闍維之。彼諸力士聞此語已。共相謂言：諸天意爾。宜應順從。即舁佛棺。繞城一匝。從北門入。住城之中。聽諸天人恣意供養。作妙伎樂。燒香散華。歌唄讚歎。諸天於空。雨曼陀羅花。摩訶曼

陀羅華。曼殊沙花。摩訶曼殊沙花。并作天樂。種種供養。供養訖已。即便從城東門而出。往於寶冠支提之所。既到彼處。比丘比丘尼。優婆塞優婆夷。天龍八部。感結悲哽不能自勝。而便聚積牛頭栴檀及諸雜香。又於上。敷舒繒。施大寶帳以覆其上。昇舉寶棺。繞彼香周迴七匝。燒香散花。作眾伎樂。而以寶棺置香上。取妙

香油周澆灑之。時四部眾并諸天人。戀慕懊懷不能自勝。即便以火從下燒之。火不肯然乃至再三。亦復不然。時諸人眾不知所以。即以此事問阿樓駄。三燒香。何故不然？阿樓駄言：所以然者。尊者摩訶迦葉在鐸叉那耆利國。聞於如來欲般涅槃。與五百比丘從彼國來。欲見世尊。是以如來不令火然。爾時大眾聞此語已。深歎奇特

爾時摩訶迦葉在鐸叉那耆利國。遙聞如來在鳩尸那城。欲般涅槃。心大悲戀。與五百比丘緣路而來。去城不遠。身患疲極在於路邊。與諸比丘坐於樹下。見一外道。手執曼陀羅華。迦葉問言：汝從何來。答言：我從鳩尸那城來。迦葉又問。汝知我師應正遍知不。

其即答言：識。汝大師在鳩尸那城娑羅林中雙樹之間。已般涅槃。得今七日。即時正在寶冠支提。將欲闡維。天人充滿。互競供養故。我於彼得此天華。

爾時迦葉聞此言已。悲號哽咽。諸比丘眾悶絕躡地。而以微聲共相謂言：嗚呼苦哉。世間眼滅。於是迦葉而安慰之。汝等不應作此苦懷。諸行性相皆悉如是。如來天尊猶尚不免。況復餘人而得脫耶。宜應精進求離世苦。今可速起前於寶冠支提之所禮拜瞻仰。

爾時眾中有餘比丘。晚暮出家愚癡無智。共相謂言：佛在世時。禁呵我等。不得縱意。既般涅槃。何其快哉？

是時迦葉與諸比丘。進鳩尸那城。到於寶冠支提之所。見如來棺。在香上。悲泣流淚圍繞七匝。而登香。至寶棺所。在於足處號咷嗚咽。頭面作禮。

爾時如來於寶棺內。而出雙足。迦葉見此。倍增悲驚。時諸天人既覩奇特希有之事。莫不嗟歎。深生苦戀。爾時迦葉見佛足上而有點汗。即便迴顧。問阿難言：如來足上何緣有此？

阿難答言：如來初可般涅槃時。四眾充滿。我時思惟。若令大眾同時進者。女人羸弱。不必得前。即便先聽諸比丘尼及優婆夷到如來所禮拜供養。

爾時有一貧窮優婆夷。年一百歲。見諸婆羅門。及以刹利長者居士。力士妻女。長幼大小。以妙香華種種供養。自傷貧乏無以表心。作此念已。倍增悲慟。臨佛足上。心大懊懷。涕泣流連。汗如來足。

爾時迦葉既聞此語。心懷惆悵。怪責阿難曾不呵止致此點汗。即以香華。供養佛棺。禮拜讚歎。皆悉畢已。於是雙足自然還入。迦葉即便還下於地。以佛力故香自然。四面火起。經歷七日。寶棺融盡。於時諸天。雨火令滅。諸力士眾收取舍利。以千張纏佛身者。最裏一張及外一重。如本不然。猶裹舍利。當爾之時。虛空諸天雨眾妙華。并作伎樂。歌唄讚歎。供養舍利。

時諸來眾及以力士。皆悉各設種種供養。諸力士眾。即以金甕收取舍利。置寶輿上。燒香散華。作眾伎樂。還歸入城。起大高樓而以舍利置於樓上。即嚴四兵。防衛守護。唯聽比丘及比丘尼。得入禮拜。種種供

養。其餘國王及婆羅門。長者居士。一切人民。皆不聽前。

PHIÊN ÂM:

ĐẠI BÁT NIẾT BÀN KINH

Quyển Hạ

Đông Tấn, Bình Dương, Sa môn Thích Pháp Hiền dịch

----- 卍 卍 卍 -----

PHÁP ĐỒ DUY PHẬT THÂN

PHẨM ĐỆ THẬP THẤT

Nhĩ thời chư Lực sĩ chúng, giai tất tập tụ, cộng tương vị ngôn: Ngã đẳng kim giả, vân hà ĐỒ DUY [1] Như Lai chi thân? Thế Tôn lâm dục bát Niết Bàn thời, ưng hữu di sắc, tức tiện cộng vãng, vấn A Nan ngôn: Ngã đẳng kim giả dục cộng ĐỒ DUY Như Lai chi thân. Kỳ pháp vân hà? Thế Tôn lâm khả bát Niết Bàn thời, đương hữu di chỉ, duy nguyện kiến cáo.

Nhĩ thời A Nan ngữ Lực sĩ ngôn: Như Lai di sắc ĐỒ DUY chi pháp, lệnh dữ Chuyển Luân Thánh Vương đẳng vô hữu dị. A Nan tức tiện cụ thuyết Phật hương sở sắc chi sự. Chư Lực sĩ đẳng vấn A Nan ngôn: Giai cộng nghiêm bàn ĐỒ DUY chi cụ, tiên tạo bảo dư điều lữ trang lệ, dĩ Như Lai thân trí bảo dư thượng, thiêu hương tán hoa, tác chúng kỹ nhạc, ca tụng tán thán, ư âm nhạc trung, nhi thuyết: Khổ không, Vô thường, Vô ngã, Bất tịnh chi pháp [2].

Thời chư Lực sĩ bạch A Nan ngôn: Như Lai kim giả ký bát Niết Bàn, tối hậu cúng dường cực vi nan ngộ, ngã đẳng thỉnh

lưu Như Lai chi thân, thất nhật thất dạ tứ ý cúng dường, lệnh chư thiên nhân trường dạ hoạch an. A Nan tức tiện dĩ Lực sĩ ngôn vấn A Lô Đà.

A Lô Đà đáp A Nan ngôn: Thiện tai, tùy ý. A Nan, nhĩ thời cáo chư Lực sĩ, thính lưu Phật thân thất nhật thất dạ tứ ý cúng dường. Thời chư Lực sĩ vấn A Nan ngôn, tâm đại bi khánh, tức ư lâm trung chủng chủng cúng dường, mãn thất nhật dĩ.

Thời chư Lực sĩ dĩ tâm tịnh miên, cập dĩ tế triền Như Lai thân. Nhiên hậu nội dĩ, kim quan chi trung, kỳ kim quan nội tán dĩ, Ngưu đầu, Chiên đàn hương tiết cập chư diệu hoa. Tức dĩ kim quan nội ngân quan trung, hựu dĩ ngân quan nội đồng quan trung, hựu dĩ đồng quan nội thiết quan trung, hựu dĩ thiết quan trí bảo dư thượng, tác chư kỹ nhạc ca bài tán tán, chư thiên ư không, tán Mạn Đà La hoa [3], Ma ha Mạn Đà La hoa, Mạn Thù Sa hoa, Ma ha Mạn Thù Sa hoa, tịnh tác thiên nhạc, chủng chủng cúng dường. Nhiên hậu thứ đệ hạ chư quan cái, thời Lực sĩ đẳng cộng tương vị ngôn: Thất nhật chi kỳ kim giả dĩ mãn, ngã đẳng nghi ưng dư Như Lai quan, chu táp nhiểu thành, lệnh chư nhân dân tứ ý cúng dường. Nhiên hậu vãng ư thành Nam Đồ duy, tác thử ngôn dĩ, tức tiện cộng dư như lai chi quan, tận kì thân lực nhi bất năng khởi, các cộng kinh quái, bất tri hà cố? Nhi dĩ vấn ư A Lô Đà: Ngã đẳng chư nhân dục dư Phật quan, chu táp nhiểu thành, hoàn thú nam môn cúng dường Đồ duy, tận kiệt thân lực nhi bất năng cử, bất tri thử thị, hà đẳng sự tương, duy nguyện tôn giả vi ngã thuyết chi?

Thời A Lô Đà, ngũ chúng nhân ngôn: Sở dĩ nhiên giả, hư không chư thiên dục lệnh Phật quan chu táp nhiều thành, tòng Bắc môn nhập trụ ư thành trung. thính chư thiên nhân chủng chủng cúng dường. Nhiên hậu ứng tòng Đông môn nhi xuất, vãng ư Bảo quan chi đề chi sở, nhi Đề Duy chi, bỉ chư Lực sĩ văn thử ngữ dĩ, cộng tương vị ngôn: Chư thiên ý nhĩ, nghi ưng thuận tòng, tức dư Phật quan, nhiều thành nhất táp, tòng Bắc môn nhập, trụ thành chi trung, thính chư thiên nhân tứ ý cung dưỡng, tác diệu kĩ nhạc, thiêu hương tán hoa, ca bá tán thán, chư thiên ư không, vũ Mạn Đà La hoa, Ma ha Mạn Đà La hoa, Mạn Thù Sa hoa, Ma ha Mạn Thù Sa hoa, tịnh tác thiên nhạc, chủng chủng cúng dường. Cúng dường cật dĩ, tức tiện tòng thành Đông môn nhi xuất, vãng ư Bảo quan chi đề chi sở, ký đáo bỉ xứ, Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Ưu bà tắc, Ưu bà di, Thiên long bát bộ, cảm kết bi ngạnh bất năng tự thắng, nhi tiện tụ tích, ngưu đầu chiên đàn, cập chư tạp hương, hựu ư thượng phu thư tăng, thi đại bảo trưởng dĩ phúc kỳ thượng, dư cử Bảo quan, nhiều bỉ hương chu hồi thất táp, thiêu hương tán hoa, tác chúng kĩ nhạc, nhi dĩ Bảo quan trí hương thượng, thủ diệu hương du chu kiêu sái chi.

Thời Tứ bộ chúng tịnh chư thiên nhân, luyến mộ áo nồng bất năng tự thắng, tức tiện dĩ hỏa tòng hạ thiêu chi, hỏa bất khảng nhiên nãi chí tái tam, diệc phục bất nhiên. Thời chư nhân chúng bất tri sở dĩ, tức dĩ thử sự vấn A Lô Đà: Tam thiêu hương. Hà cố bất nhiên? A Lô Đà ngôn: Sở dĩ nhiên giả, Tôn giả Ma ha Ca Diếp tại Đạc Xoa Na Kỳ Lợi quốc, văn ư Như Lai dục bát Niết Bàn, dữ ngũ bách Tỳ kheo tòng bỉ quốc lai, dục kiến Thế Tôn, thị dĩ Như Lai bất lệnh hỏa nhiên.

Nhĩ thời đại chúng văn thử ngữ dĩ, thâm thán kỳ đặc.

Nhĩ thời Ma Ha Ca Diếp (Mahākāśyapa) [4] tại Đạc Xoa Na Kỳ Lợi quốc, diêu văn Như Lai tại Cưu Thi Na Thành dục bát Niết Bàn, tâm đại bi luyến, dữ ngữ bách Tỳ kheo duyên lộ nhi lai, khứ thành bất viễn, thân hoạn bì cực tại ư lộ biên, dữ chư Tỳ Kheo tọa ư thụ hạ, kiến nhất ngoại đạo, thủ chấp Mạn Đà La Hoa. Ca Diếp vấn ngôn: Nhữ tòng hà lai? Đáp ngôn: Ngã tòng Cưu Thi Na Thành lai. Ca Diếp hựu vấn: Nhữ tri ngã sư Ứng Chánh Biến Tri bất.

Kỳ tức đáp ngôn: Thức, nhữ Đại sư tại Cưu Thi Na Thành, Sa La lâm trung Song Thụ chi gian, dĩ bát Niết Bàn, đắc kim thất nhật. Tức thì chánh tại Bảo quan chi đề, tương dục Đồ Duy, thiên nhân sung mãn, hỷ cạnh cúng dường cố, ngã ư bỉ đắc thử thiên hoa.

Nhĩ thời Ca Diếp văn thử ngôn dĩ, bi hào ngạnh yết, chư Tỳ Kheo chúng muện tuyệt tích địa, nhi dĩ vi thanh cộng tương vị ngôn: Ô hô, khổ tai! Thế gian nhẫn diệt, ư thị Ca Diếp nhi an úy chi, nhữ đẳng bất ứng tác thử khổ nòng, chư hành tính tương giai tất như thị. Như Lai thiên tôn do thượng bất miễn, huống phục dư nhân nhi đắc thoát da? Nghi ứng tinh tiến cầu ly thế khổ, kim khả tốc khởi tiền ư Bảo quan chi đề chi sở lễ bái chiêm ngưỡng.

Nhĩ thời chúng trung hữu dư Tỳ Kheo, văn mộ xuất gia ngu si vô trí, cộng tương vị ngôn: Phật tại thế thời cấm a ngã đẳng, bất đắc túng ý, ký bát Niết Bàn, hà kỳ khoái tai?

Thị thời Ca Diếp dữ chư Tỳ Kheo, tiến Cưu Thi Na thành, đáo ư Bảo quan chi đề chi sở, kiến Như Lai quan, tại hương

thượng, bi khắp lưu lệ vi nhiều thất táp, nhi đặng hương. Chí Bảo quan sở, tại ư túc xử hào đào ô yết, đầu diện tác lễ.

Nhĩ thời Như Lai ư Bảo quan nội, nhi xuất song túc, Ca Diếp kiến thử, bội tăng bi kinh. Thời chư thiên nhân ký đồ kỳ đặc hy hữu chi sự, mạc bất ta thán, thâm sanh khổ luyện. Nhĩ thời Ca Diếp kiến Phật túc thượng nhi hữu điểm ô, tức tiện hồi cố, vấn A Nan ngôn: Như Lai túc thượng hà duyên hữu thử?

A Nan đáp ngôn: Như Lai sơ khả bát Niết Bàn thời, tứ chúng sung mãn, ngã thì tư duy, nhược lệnh đại chúng đồng thì tiến giả, nữ nhân luy nhược, bất tất đắc tiền, tức tiện tiên thính chư Tỳ kheo ni, cập Ưu bà di đáo Như Lai sở lễ bái cúng dường.

Nhĩ thời hữu nhất bần cùng Ưu bà di, niên nhất bách tuế, kiến chư Bà la môn, cập dĩ Sát lợi, Trưởng giả, Cư sĩ, Lực sĩ thê nữ, trường ấu đại tiểu, dĩ diệu hương hoa chủng chủng cúng dường, tự thương bần phạp vô dĩ biểu tâm, tác thử niệm dĩ, bội tăng bi đồng, lâm Phật túc thượng, tâm đại áo nòng, thể khắp lưu liên, ô Như Lai túc.

Nhĩ thời Ca Diếp ký văn thử ngữ, tâm hoài trừ trướng, quái trách A Nan tăng bất a chỉ trí thử điểm ô, tức dĩ hương hoa, cung dưỡng Phật quan, lễ bái tán thán, giai tất tất dĩ. Ư thị song túc tự nhiên hoàn nhập, Ca Diếp tức tiện hoàn hạ ư địa, dĩ Phật lực cố hương tự nhiên, tứ diện hỏa khởi, kinh lịch thất nhật, Bảo quan dung tận. Ư thời chư thiên, vũ hỏa lệnh diệt, chư Lực sĩ chúng thu thủ Xá Lợi, dĩ thiên trưng triền Phật thân giả, tối lý nhất trưng cập ngoại nhất trọng,

như bốn bất nhiên, do khóa Xá Lợi. Đương nhĩ chi thời, hư không chư thiên vũ chúng diệu hoa, tịnh tác kỹ nhạc, ca bá tán thán, cúng dường Xá Lợi.

Thời chư lai chúng cập dĩ Lực sĩ, giai tất các thiết chủng chủng cúng dường. Chư Lực sĩ chúng, tức dĩ kim anh thu thủ Xá Lợi, trí bảo dư thượng, thiêu hương tán hoa, tác chúng kỹ nhạc, hoàn quy nhập thành, khởi Đại cao lâu nhi dĩ Xá Lợi trí ư lâu thượng, tức nghiêm tứ binh, phòng vệ thủ hộ, duy thính Tỳ Kheo cập Tỳ Kheo Ni, đắc nhập lễ bá, chủng chủng cúng dường, kỳ dư Quốc vương cập Bà la môn, Trưởng giả, Cư sĩ, nhất thiết nhân dân, giai bất thính tiền.

DỊCH NGHĨA:

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

Quyển Hạ

Đông Tấn, Bình Dương, Sa môn Thích Pháp Hiền dịch

----- ༄ ཨ ༄ -----

PHÁP HỎA TÁNG THÂN PHẬT

PHẨM THỨ MƯỜI BẢY

Lúc đó, các người phái Lực sĩ, đều tụ tập lại, cùng bảo nhau rằng: Nay chúng ta làm sao hỏa táng thân Như Lai? Đức Thế Tôn khi sắp Niết Bàn, chắc Ngài đã có lời Di Sắc? Nói rồi, họ liền cùng nhau vào hỏi Ngài A Nan: Nay chúng tôi muốn cùng nhau tới làm việc hỏa táng thân Như Lai, vậy phép hỏa táng này như thế nào, chắc khi Thế Tôn sắp nhập Niết Bàn có di chỉ lại, kính xin Tôn giả bảo cho chúng tôi biết để làm!

Ngài A Nan bảo các người phái Lực sĩ rằng: Đức Như Lai dạy phương pháp hỏa táng Ngài như phương pháp hỏa táng Chuyển Luân Thánh Vương không khác! Ngài A Nan liền nói đầy đủ những việc đức Phật di sắc trước đây cho họ nghe. Các người phái Lực sĩ nghe lời ông A Nan nói, đều cùng nhau sắm đủ những đồ trong việc hỏa táng. Trước tiên, họ sắm cỗ xe báu, chạm trổ trang nghiêm, mỹ lệ; họ đặt thân Như Lai trên xe báu kia, đốt hương tán hoa, tấu mọi kỹ nhạc, ca tụng, tán thán; trong tiếng âm nhạc, gióng lên những pháp: Khổ, không, vô thường, vô ngã, bất tịnh.

Khi ấy, những người phái Lực sĩ, bạch Ngài A Nan rằng: Nay đức Như Lai nhập Niết Bàn rồi, sự cúng dàng lần cuối cùng này rất là khó gặp, chúng tôi muốn thỉnh lưu thân Như Lai lại bảy ngày, bảy đêm, mặc ý cho mọi người cúng dàng để cho chư Thiên, Nhân được an vui mãi mãi được không?

Ngài A Nan đem lời thỉnh cầu của những người phái Lực sĩ hỏi ông A Nâu Lô Đà. Ngài A Nâu Lô Đà đáp lời ông A Nan: Quý hóa thay! Ông cho tùy ý họ!

Ngài A Nan bảo những người phái Lực sĩ rằng: Thuận cho các ông lưu thân Phật lại bảy ngày bảy đêm, mặc ý cho mọi người cúng dàng! Các người phái Lực sĩ nghe lời Ngài A Nan nói, tâm họ buồn, vui xen lẫn, ngay trong rừng ấy, họ sắm sửa mọi thứ cúng dàng.

Đủ bảy ngày rồi, các người phái Lực sĩ lấy bông mới, sạch cùng lấy vải nhỏ, mịn quấn vào thân Như Lai. Sau mới lấy áo quan vàng để trong cùng; trong áo quan vàng này, rắc những bột hương Ngưu đầu Chiên đàn cùng các hoa

quý. Họ lại đem áo quan vàng để trong áo quan bạc; đem áo quan bạc để trong áo quan đồng; đem áo quan đồng để trong áo quan sắt; đem áo quan sắt để trên xe báu, rồi tấu mọi kỹ nhạc, ca hát, tán thán. Chư Thiên trong hư không rắc hoa Mạn Đà La, hoa Ma ha Mạn Đà La, hoa Mạn Thù Sa, hoa Ma ha, Mạn Thù Sa, cùng tấu thiên nhạc, mọi thứ cúng dàng. Cúng dàng xong rồi, nhiên hậu lần lượt hạ các nắp quan xuống.

Bấy giờ, các người phái Lực sĩ cùng bảo nhau: Nay kỳ hẹn bảy ngày đã đủ, chúng ta nên khênh áo quan đức Như Lai đi vòng quanh thành để cho nhân dân tùy ý cúng dàng, sau chúng ta mới khênh đến hỏa đàn phía Nam thành. Họ nói lời ấy rồi, liền cùng nhau khênh áo quan đức Như Lai lên, nhưng, họ dùng hết thân lực mà không thể khênh nổi lên được. Thấy thế, họ đều kinh ngạc, không biết có sao, họ đem việc ấy hỏi ông A Nâu Lô Đà: Chúng tôi tất cả mọi người muốn khênh áo quan Phật, đi vòng quanh thành, rồi trở về vào cửa Nam. Tới chỗ cúng dàng hỏa đàn, thế mà chúng tôi kiệt cả thân lực, vẫn không thể khênh nổi lên được, chúng tôi không biết thế là những sự tướng gì, kính xin Tôn giả vì chúng tôi, nói cho chúng tôi nghe về sự việc hy hữu ấy!

Ông A Nâu Lô Đà bảo mọi người rằng: Sở dĩ có việc như thế là vì chư Thiên trên hư không muốn để áo quan Phật đi vòng quanh thành, rồi từ cửa Bắc vào, dừng nghỉ ngay giữa thành, để chư Thiên, Nhân cúng dàng mọi thứ, sau mới từ cửa Đông ra, đến chỗ tháp Bảo quan, mà làm lễ hỏa táng.

Các người Lực sĩ kia, nghe được lời ấy rồi, cùng bảo nhau rằng: Ý chư Thiên như vậy, chúng ta nên thuận theo. Liền đó, họ khênh áo quan Phật, quanh thành một vòng, từ cửa Bắc vào, dừng nghỉ giữa thành để chư Thiên, Nhân mặc ý cúng dàng, tấu kỹ nhạc hay, đốt hương tán hoa, ca hát ngợi khen. Chư Thiên trên không rắc hoa Mạn Đà La, hoa Ma ha Mạn Đà La, hoa Mạn Thù Sa, hoa Ma ha Mạn Thù Sa, cùng tấu thiên nhạc, mọi thứ cúng dàng.

Cúng dàng xong rồi, từ cửa Đông thành ra, đến chỗ tháp Bảo quan. Đến nơi kia, các Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Ưu bà tắc, Ưu bà di, Thiên, Long tám bộ cảm động thương khóc nghẹn ngào, không tự kiềm chế được, mà cùng nhau nhặt những gỗ Ngưu đầu Chiên đàn và các thứ gỗ thơm khác, xếp lên thành đống. Trên đống gỗ ấy, trải căng những tấm vải lụa dày đẹp, mắc tấm màn đẹp lớn, che phủ lên trên. Xong rồi, khênh áo quan Phật, quanh đống gỗ thơm kia bảy vòng; đốt hương, rải hoa, tấu mọi kỹ nhạc; nâng áo quan Phật để trên đống gỗ thơm, lấy dầu thơm tốt, rưới khắp cả.

Bấy giờ, bốn bộ chúng cùng chư Thiên, Nhân, thương mến áo não, không tự kiềm được, cùng nhau lấy lửa, đốt từ dưới đốt lên. Nhưng, lửa không chịu cháy, đốt cho đến đến ba lần, gỗ vẫn không cháy. Mọi người không biết do đâu, liền đem việc ấy hỏi ông A Nâu Lô Đà rằng: Chúng tôi đốt đống gỗ thơm ba lần, sao mà vẫn không cháy?

Ông A Nâu Lô Đà đáp rằng: Có ra sự ấy vì, Tôn giả Ma Ha Ca Diếp ở nước Đạc Soa Na Kỳ Ly, nghe biết đức Như Lai sắp nhập Niết Bàn, Tôn giả cùng năm trăm Tỳ Kheo từ

nước kia về, muốn được trông thấy đức Thế Tôn, nên đức Thế Tôn không cho lửa cháy! Đại chúng nghe lời ấy rồi, rất tán thán cho là lạ lùng.

Khi ấy, Tôn giả Ma ha Ca Diếp ở nước Đạt Soa Na Kỳ Ly, xa nghe đức Như Lai sắp nhập Niết Bàn ở thành Cưu Thi Na, tâm rất thương kính, Tôn giả liền cùng năm trăm vị Tỳ Kheo, lên đường đi về.

Cách thành không bao xa, Tôn giả bị đau mình mệt quá, ngồi ngay bên đường, không đi được nữa. Lúc Tôn giả cùng các Tỳ Kheo ngồi ở dưới gốc cây, thấy một người ngoại đạo, tay cầm hoa Man Đà La, Tôn giả Ma ha Ca Diếp hỏi: Ông từ đâu lại đây? Người kia đáp: Tôi từ thành Cưu Thi Na lại! Tôn giả Ca Diếp lại hỏi: Ông có biết Thầy tôi là bậc Ứng Biến Tri không? Người kia liền đáp: Tôi biết bậc Đại Sư Ngài ở khoảng hàng cây Song Thọ trong rừng Sa La, thuộc thành Cưu Thi Na, nhập Niết Bàn rồi, nay đã được bảy ngày và giờ này chính ở chỗ tháp Bảo quan, sắp làm lễ hỏa táng; Thiên, Nhân đông chật, tranh nhau cúng dàng, nên tại đây tôi lấy được tràng bông thiên hoa này.

Tôn giả Ma ha Ca Diếp nghe lời nói ấy rồi, thương khóc nghẹn ngào, các vị Tỳ Kheo buồn bã, ngắt lẩn ra đất, bảo nhỏ cùng nhau rằng: Than ôi, khổ lắm! Con mắt của thế gian mất rồi!

Bấy giờ, Tôn giả Ma ha Ca Diếp, an ủi các vị: Các vị không nên sinh ra sự khổ não ấy, vì tính tướng của mọi sự vật đều như thế cả! Như Lai Thiên Tôn còn không khỏi được, huống là người khác thoát được ư? Các vị nên tinh

tiến, cần xa lìa đời khổ! Nay nên đứng dậy, đi nhanh về nơi tháp Bảo quan, lễ bái, chiêm ngưỡng thân Như Lai.

Lúc đó, trong chúng có ít vị Tỳ Kheo khác, đi xuất gia muộn, ngu si vô trí, lại bảo nhau rằng: Khi Phật còn tại thế, luôn ngăn cấm, quở trách chúng ta, chúng ta không được mặc ý hành động, nay Phật nhập Niết Bàn rồi, thật sung sướng quá!

Khi ấy, Tôn giả Ca Diếp cùng các Tỳ Kheo, tiến về thành Cư Thi Na. Đến tháp Bảo quan, trông thấy áo quan Như Lai, trên đống gỗ thom tất cả đều thương khóc thướt mướt, đi nhiều bảy vòng, rồi trèo lên đống gỗ thom đến chỗ áo quan Phật, ở ngay phía chân, than khóc nghẹn ngào và đầu mặt làm lễ chân Phật.

Bấy giờ, thân đức Như Lai ở trong áo quan báu, tự nhiên thò hai bàn chân ra ngoài. Tôn giả Ma ha Ca Diếp trông thấy thế, càng thêm thương xót, kinh sợ. Chư Thiên, nhân trông thấy sự lạ lòng hiềm có ấy, ai cũng ta thán, sinh lòng đau khổ, thương mến kính tiếc.

Tôn giả Ma ha Ca Diếp thấy trên chân Phật có vết nhơ, liền quay lại, hỏi ông A Nan: Trên chân Như Lai sao có vết nhơ ấy? Ông A Nan đáp: Bắt đầu khi Như Lai nhập Niết Bàn, bốn chúng đông ních, khi ấy tôi nghĩ rằng nếu cho đại chúng đồng thời tiến đến trước Phật để cúng dàng, thời nữ nhân yếu đuối, bất tất tiến đến trước được, tôi liền cho các vị Tỳ Kheo Ni cùng Ưu bà di vào trước đến chỗ thân Như Lai lễ bái, cúng dàng. Lúc đó, có một Ưu Bà Di bần cùng, đã một trăm tuổi, thấy vợ và con gái, lớn, nhỏ của các dòng Bà

La Môn, Sát Ly, Trưởng giả, Cư sĩ, Lực sĩ..., đem hương hoa tốt, mọi thứ cúng dàng, bà tự thương mình nghèo thiếu, không lấy gì biểu tâm nguyện được; bà nghĩ thế rồi, càng thêm thương xót, cảm động, bà tới chân Phật, tâm áo nảo quá, bà khóc thướt murót, nước mắt chảy xuống, làm như chân Phật như thế.

Tôn giả Ma ha Ca Diếp nghe lời ấy rồi, mang tâm buồn rầu, quả trách ông A Nan là không biết can ngăn bà, để đến nỗi làm như chân Phật như thế! Tôn giả liền đem hương hoa, cúng dàng áo quan Phật. Lễ bái, tán thán, các việc xong rồi, hai bàn chân Phật tự nhiên thụt vào. Tôn giả Ca Diếp liền trở xuống đất.

Và do sức thần của Phật, đồng gỗ thơm kia tự nhiên bốn mặt lửa bốc cháy, suốt trong bảy ngày đêm, áo quan báu kia cháy tan hết. Bảy giờ, không trung chư Thiên mưa xuống, ngọn lửa tắt đi, các người phái Lực sĩ thu nhặt Xá Lợi; họ gỡ lấy nghìn trượng vải quần thân Phật ra thì trong cùng một trượng, bên ngoài một trượng vẫn như cũ và còn bọc Xá Lợi.

Khi ấy, các hàng chư Thiên trên hư không, rải các thứ hoa quý, cùng tấu kỹ nhạc, ca hát, tán thán, cúng dàng Xá Lợi. Những người nhóm họp lại đây cùng các người phái Lực sĩ, đều đặt mọi thứ cúng dàng.

Các người phái Lực sĩ liền đem chóa vàng, nhặt lấy Xá Lợi để vào chóa, rồi đặt lên trên xe báu, đốt hương, tán hoa, tấu mọi kỹ nhạc, trở về trong thành, cất một cái lầu cao lớn, đặt Xá Lợi ở trên lầu, nghiêm bị bốn loại binh,

để phòng vệ, giữ gìn và chỉ cho các vị Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni được vào lễ bái, dâng mọi thứ cúng dàng mà thôi, còn vua quan các hàng Bà La Môn, trưởng giả, cư sĩ, hết thảy nhân dân nước khác, đều không cho đến gần chỗ tôn trí Xá Lợi.

Chú Thích Từ Ngữ:

[1] Xà Duy, Đờ Duy 闍維 : Tiếng Phạn gọi Xà Duy có nghĩa là: Đốt xác, Hỏa táng. Ấn Độ có Bốn cách mai táng: Thủy táng, Hỏa táng, Thổ táng và Lâm táng.

[2] Khổ không, Vô thường, Vô ngã, Bất tịnh: Cũng gọi là Tứ Niệm Xứ Quán (四念處觀).

[3] Mạn Đà La 曼陀羅: Tên một loài hoa, dịch ý là Thiên diệp, Duyệt ý, Thích ý (天妙, 悅意, 適意), còn có tên Mạn Đà Lặc Hoa (曼陀勒華), Mạn Na La Hoa (曼那羅華), Mạn Đà La Phạn Hoa (曼陀羅梵華), Mạn Đà La Phàm Hoa (曼陀羅帆華), là một trong 4 loại hoa (曼陀羅花。摩訶曼陀羅花。曼殊沙花。摩訶曼殊沙花) trên Thiên giới.

[4] Ma Ha Ca Diếp (S. Mahākāśyapa, P. Maha-kassapa): Tôn giả Ma ha Ca Diếp, là sơ tổ của Thiền tông Tây Trúc. Trong Bắc Bản Niết Bàn Kinh quyển 2, hay sách Thiền Tông Tụng Cổ Liên Châu Thông Tập (禪宗頌古聯珠通集) quyển 6 có ghi rằng: Niệm hoa ngã Phật tại Linh sơn, Ca Diếp đầu đà hốt phá nhan, kim khẩu mật ngôn thân phú chúc, bất duy thiên thượng dữ nhân gian,拈花我佛在靈山,迦葉頭陀忽破顏,金口密言親付囑,不唯天上與人間。

CÂU HỎI ÔN TẬP:

1. Trình bày tóm tắt phẩm Hỏa Táng Thân Phật?
2. Viết bằng chữ Hán đoạn văn: Nhĩ thời chúng trung hữu dư Tỳ Kheo, văn mộ xuất gia ngu si vô trí, cộng tương vị ngôn: Phật tại thế thời cấm a ngã đẳng, bất đắc túng ý, ký bát Niết Bàn, hà kỳ khoái tai?
3. Cho biết khi đức Phật nhập Niết Bàn, bấy giờ Tôn giả Ca Diếp giáo hóa ở đâu, mấy ngày mới về đến nơi Hỏa Đàn làm lễ Xà Duy?
4. Đọc chánh văn đoạn: Nhĩ thời Như Lai ư Bảo quan nội, nhi xuất song túc, Ca Diếp kiến thử, bội tăng bi kinh. Thời chư thiên nhân, ký đồ kỳ đặc, hy hữu chi sự, mạc bất ta thán, thâm sanh khổ luyến.

大般涅槃經卷下

東晉平陽沙門釋法顯譯

供養舍利品第十八

爾時韋提希子阿闍世王。聞彼力士收佛舍利。置高樓上。而嚴四兵防衛守護。心大悲惱。又復忿怒。諸力士輩。即便遣信。語力士言：世尊在世。亦是我師。般涅槃時。恨不臨見。我之族姓。及與世尊。皆是刹利。汝今云何？獨收舍利。置高樓上。而嚴四兵防衛守護。不分餘人。汝便可以一分與我。我欲於國起妙兜婆。興諸供養。若能見許。永通國好。不見許者。興兵伐汝。餘七國王及毗耶離。諸離車等。遣使之法。皆亦如是。

時婆羅門。長者居士。亦各遣信。白力士言：世尊亦是我等之師。願能哀愍。賜舍利分。時諸國使到力士所。具宣王意。力士聞已。深懷不平。答諸使言：佛來我國而般涅槃。舍利自然應屬我等。欲於國界興造兜婆莊嚴供養。此不可得。若兜婆成。恣汝等意。快共來此供養禮拜。

若欲興兵。而見向者。此國軍眾。亦足

相擬。時彼諸使。各歸本國。人人向王說如此事。諸王聞已。益懷瞋忿。各嚴四兵而往攻伐。時諸力士。亦嚴戰具。以擬來敵。

鳩尸那城中。有一婆羅門。名徒盧那。聰明多智。深信三寶。心自思惟。彼八國王及諸離車。身力壯健。軍眾精銳。又且力士勇猛難當。若交戰者必無兩全。而即便語諸力士言。汝等雖復勇銳果敢。彼八國王。齊力同心。人眾雲集。軍陣猛盛。若戰鬪者。理無兩全。鋒刃既交。必有傷害。如來在世。教人行慈。而於今日。忽相殺戮。汝等不應憫惜舍利。宜分諸國及離車等。各於其界。造立兜婆。稱於世尊往昔之訓。又使汝等普獲福利。

諸力士眾。聞此語已。心意解悟。即答之言。汝之所說。實得於理。聽如汝言。彼婆羅門。見力士眾皆悉解甲。即便出城。語諸王言：汝今為法何故興兵。

諸王答言：我為法故。遠求舍利。而見拒逆。不肯分與。是以今者興兵共來。

時婆羅門。復語王言：我已相為和。諸力士皆悉與汝舍利之分。可取寶瓶。為汝分

之。八王歡喜。奉授金瓶。彼婆羅門。受諸金瓶。持以還歸。於高樓上而分舍利。以與八王。

于時八王。既得舍利。踴躍頂戴。還於本國各起兜婆。彼婆羅門從諸力士。乞分舍利瓶自起兜婆。諸力士等取其一分。於闍維處。合餘灰炭而起兜婆。如是凡起十處兜婆。

如來從始欲般涅槃。及般涅槃後至於闍維。起諸兜婆。其事如是。其後迦葉共於阿難及諸比丘。於王舍城。結集三藏。

大般涅槃經卷下完

PHIÊN ÂM:

ĐẠI BÁT NIẾT BÀN KINH

Quyển Hạ

Đông Tấn, Bình Dương, Sa môn Thích Pháp Hiển dịch

----- ❧ ❧ ❧ -----

CÚNG DƯỜNG XÁ LỢI

PHẨM ĐỆ THẬP BÁT

Nhĩ thời Vi Đề Hy (Vaidehi) tử A Xà Thế (Ajātasatru) Vương, văn bỉ Lực sĩ thân Phật xá Lợi [1], trí cao lâu thượng, nhi nghiêm tứ binh, phòng vệ thủ hộ, tâm đại bi não, hựu phục phần nộ, chư lực sĩ bối. Tức tiện khiển tín, ngữ Lực sĩ

ngôn: Thế Tôn tại thế, diệc thị ngã sư, bát Niết Bàn thời, hận bất lâm kiến, ngã chi tộc tính, cập dữ Thế Tôn, giai thị Sát Lợi. Nhữ kim vân hà? Độc thân Xá Lợi, trí cao lâu thượng, nhi nghiêm tứ binh, phòng vệ thủ hộ, bất phân dư nhân, nhữ tiện khả dĩ nhất phân dữ ngã, ngã dục ư quốc, khởi Diệu Đầu Bà, hưng chư cúng dường. Nhược năng kiến hứa, vĩnh thông quốc hảo; bất kiến hứa giả, hưng binh phạt nhữ, dư Thất Quốc Vương cập Tỳ Da Ly, chư Ly Xa đẳng, khiển sử chi pháp, giai diệc như thị.

Thời Bà La Môn, Trưởng giả, Cư sĩ diệc các khiển tín, bạch Lực sĩ ngôn: Thế Tôn, diệc thị ngã đẳng chi sư, nguyện năng ai mãn, tứ Xá Lợi phân, thời chư quốc Sứ, đáo Lực sĩ sở, cụ tuyên vương ý, Lực sĩ văn dĩ, thâm hoài bất bình, đáp chư Sứ ngôn: Phạt lai ngã quốc nhi bát Niết Bàn, Xá Lợi tự nhiên ưng chúc ngã đẳng, dục ư quốc giới hưng tạo Đầu Bà trang nghiêm cúng dường, thử bất khả đắc. Nhược Đầu Bà Thành, tứ nhữ đẳng ý, khoái cộng lai thử cúng dường lễ bái. Nhược dục hưng binh, nhi kiến hướng giả, thử quốc quân chúng, diệc túc tương nghị. Thời bỉ chư Sứ, các quy bốn quốc, nhân nhân hướng vương thuyết như thử sự, chư vương văn dĩ, ích hoài sân phẫn, các nghiêm tứ binh nhi vãng công phạt, thời chư Lực sĩ, diệc nghiêm chiến cụ, dĩ nghị lai địch.

Cư Thi Na Thành trung, hữu nhất Bà La Môn danh Đồ Lô Na, thông minh đa trí, thâm tín Tam Bảo, tâm tự tư duy. Bỉ Bát Quốc Vương cập chư Ly Xa, thân lực tráng kiện, quân chúng tinh duệ, hựu thả Lực sĩ dũng mãnh nan đương, nhược giao chiến giả tất vô lưỡng toàn, nhi tức tiện ngữ chư Lực sĩ ngôn: Nhữ đẳng tuy phục, dũng duệ quả cảm, bỉ Bát

Quốc Vương, tề lực đồng tâm, nhân chúng vân tập, quân trận mãnh thịnh. Nhược chiến đấu giả, lý vô lưỡng toàn, phong nhấn (đao) ký giao, tất hữu thương hại. Như Lai tại thế, giáo nhân hành từ, nhi ư kim nhật, hốt tướng sát lục, nhữ đẳng bất ưng khế tích xá Lợi, nghi phân chư quốc cập Ly Xa đẳng, các ư kỳ giới, tạo lập Đâu Bà [2], xưng ư Thế Tôn vãng tích chi huấn, hựu sử nhữ đẳng phổ hoạch phúc lợi.

Chư Lực sĩ chúng văn thử ngữ dĩ, tâm ý giải ngộ, tức đáp chi ngôn: Nhữ chi sở thuyết, thật đắc ư lý, thính như nhữ ngôn. Bỉ Bà la môn, kiến Lực sĩ chúng giai tất giải giáp, tức tiện xuất thành, ngữ chư vương ngôn: Nhữ kim vi pháp hà cố hưng binh? Chư Vương đáp ngôn: Ngã vi pháp cố, viễn cầu xá Lợi, nhi kiến cự nghịch, bất khảng phân dữ, thị dĩ kim giả, hưng binh cộng lai. Thời Bà La Môn, phục ngữ Vương ngôn: Ngã dĩ tương vi hòa, chư Lực sĩ giai tất dữ nhữ xá Lợi chi phân, khả thủ bảo bình, vi nhữ phân chi. Bát Vương hoan hỷ, phụng thọ kim bình, bỉ Bà La Môn, thọ chư kim bình, trì dĩ hoàn quy, ư cao lâu thượng nhi phân xá Lợi, dĩ dữ Bát Vương.

Vu thời Bát Vương, ký đắc xá Lợi, dũng dục đỉnh đài, hoàn ư bốn quốc, các khởi Đâu Bà. Bỉ Bà La Môn tòng chư Lực sĩ nhất phân xá Lợi bình tự khởi Đâu Bà. Chư Lực sĩ đẳng thủ kỳ nhất phân, ư Đờ Duy xứ, hợp dư hôi thán nhi khởi Đâu Bà. Như thị phạm khởi Thập Xứ Đâu Bà.

Như Lai tòng thủy dục bát Niết Bàn... cập bát Niết Bàn hậu chí ư Đờ Duy, khởi chư Đâu Bà, kỳ sự như thị, kỳ hậu Ca Diếp cộng ư A Nan cập chư Tỳ kheo, ư Vương xá Thành, kết tập Tam Tạng.

DỊCH NGHĨA:

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

Quyển Hạ

Đông Tấn, Bình Dương, Sa môn Thích Pháp Hiền dịch

----- ॐ -----

CÚNG DƯỜNG XÁ LỢI

PHẨM THỨ MƯỜI TÁM

Khi ấy, Vua A Xà Thế con bà Vi Đề Hy nghe thấy phái Lực sĩ kia, thu lấy Xá Lợi Phật, đặt trên lầu cao, nghiêm bị bốn loại binh để phòng vệ, thủ hộ, tâm rất buồn rầu, áo não, lại phẫn nộ với những người phái Lực sĩ kia, nhà vua liền cho người đưa tin đến bảo phái Lực sĩ kia rằng: Đức Thế Tôn tại thế, cũng là Thầy của ta, khi ngài nhập Niết Bàn ta ân hận không tới yết kiến được; vả lại, họ ta và họ Thế Tôn đều thuộc dòng Sát Lợi, nay sao các ông, riêng thu Xá Lợi Ngài đặt trên lầu cao, nghiêm bị bốn loại binh, để phòng vệ, thủ hộ, mà không chia cho người khác? Các ông nên đem một phần cho ta, ta muốn tại nơi nước ta, xây một ngôi tháp quý, sắm mọi thứ cúng dàng để cúng dàng Ngài. Các ông nếu thuận cho, thời hai nước thông hảo mãi, bằng các ông không thuận, ta sẽ dấy binh sang đánh nước các ông!

Đồng thời bảy Quốc vương khác cùng các người phái Ly Xa, thành Tỳ Da Ly..., cũng đều sai sứ sang với phương pháp như thế. Ngay cả đến Bà la môn, trưởng giả, cư sĩ, cũng đều sai sứ đem tin sang nói với phái Lực sĩ rằng: Đức

Thế Tôn cũng là Thầy chúng tôi, mong các ông thương xót tới, cho chúng tôi một phần Xá Lợi. Sứ giả của các nước đến chỗ phái Lực sĩ, tuyên ngôn đầy đủ ý của các Quốc vương của họ.

Phái Lực sĩ nghe rồi, mang tâm bất bình lắm, đáp các sứ giả rằng: Đức Phật đến đất nước chúng tôi. Ngài nhập Niết Bàn, Xá Lợi của Ngài tự nhiên thuộc về chúng tôi. Nếu các người muốn xây tháp trang nghiêm cúng dàng trên quốc giới mình, việc ấy không thể được. Khi nào Tháp ở đây hoàn thành, mặc ý các ông cùng lại đây cúng dàng lễ bái vui vẻ với chúng tôi. Còn nếu các ông muốn dấy binh, hướng về nước này, thì quân chúng nước này cũng đủ để chống chọi.

Bấy giờ, các sứ giả của các nước kia, đều trở về nước mình, mỗi người mỗi người đều hướng lên Quốc vương mình, nói rõ công việc như thế. Các Quốc vương nghe rồi, càng mang lòng sân hận, đều nghiêm bị bốn loại binh đi công phạt nước kia. Và, phái Lực sĩ kia cũng nghiêm bị chiến cụ, để chống chọi với kẻ địch lại đánh.

Trong thành Cưu thi na, có một người Bà La Môn tên là Đồ Lô Na, là người thông minh, đa trí, thâm tín Tam Bảo, tâm tự suy nghĩ: Tám Quốc vương kia cùng các người phái Ly Xa... thân lực tráng kiện, quân chúng tinh nhuệ; vả lại, sức dũng mãnh của Lực sĩ khó đương nổi, nếu họ giao chiến, quyết không lưỡng toàn được!

Ông liền bảo các người Lực sĩ kia rằng: Các ông tuy dũng nhuệ, quả cảm, nhưng tám Quốc vương kia đồng lực,

đồng tâm, nhân chúng tập hợp, quân trận hùng mạnh, nếu các ông chiến đấu, lý không lưỡng toàn, giáo nhọn đã giao tranh, quyết định có sự thương hại. Vả lại, Như Lai tại thế, dạy người ta làm lành, ngày nay bỗng dưng đi chém giết nhau! Vậy các ông không nên sèn tiếc chút Xá Lợi, các ông nên chia cho các nước, cùng phái Ly xa...; mỗi nơi đều ở nước họ, xây tháp cúng dàng; không những hợp với lời dạy của đức Thế Tôn xưa kia, lại làm cho các ông đều được phúc lợi!

Các người phái Lực sĩ, nghe lời nói ấy rồi, tâm ý giải ngộ, liền đáp lời ông ấy rằng: Lời ông nói thực hợp lý, chúng tôi xin theo như lời ông nói!

Ông Bà la môn kia, thấy những người phái Lực sĩ đều giải giáp, ông liền đi ra ngoài thành, nói chuyện với các Quốc vương rằng: Nay các Ngài nói vì pháp mà đến, sao lại dấy binh?

Các vị Quốc vương đáp: Chúng tôi vì pháp, nên từ nơi xa đến đây cầu Xá Lợi, chúng tôi thấy họ chống cự, không chịu chia cho chúng tôi, nên nay chúng tôi phải cùng nhau dấy binh đến đây!

Khi ấy, người Bà la môn kia, lại nói với các Quốc vương rằng: Tôi đã cùng họ giải hòa, các người phái Lực sĩ kia đều vui lòng chia phần Xá Lợi cho các ngài, vậy các ngài mang bình báu vào, tôi sẽ vì các ngài mà phân chia Xá Lợi! 𣵒 Tám vị Quốc vương hoan hỷ, xin trao bình vàng cho ông. Người Bà la môn kia nhận các bình vàng rồi, cầm đem về ở trên lầu cao phân chia Xá Lợi, đem cho tám quốc vương.

Lúc đó tám vị Quốc vương, được Xá Lợi rồi, hớn hở đội lên đầu, trở về nước mình, đều xây tháp báu. Bà la môn Đò Lô Na và các người phái Lực Sĩ... lấy một phần và ở nơi hỏa đàn, vun những tro than còn lại, xây dựng tháp cúng dàng. Như thế là cả thầy có mười nơi xây tháp.

Thế là, trước khi đức Như Lai sắp nhập Niết Bàn, cùng sau khi nhập Niết Bàn cho đến việc hỏa táng, xây các tháp, việc ấy như thế! Tiếp theo đó Tôn giả Ca Diếp cùng ông A Nan và các Tỳ Kheo kết tập Tam tạng ở thành Vương Xá.

Chú Thích Từ Ngữ:

[1] Xá Lợi: S. Sarira, P. Sarira, H. 舍利 Dịch âm là Thật Lợi (實利), Thiết Lợi La (設利羅), Thất Lợi La (室利羅); ý dịch là Tử Thi (死屍), Di cốt, Di thân (遺骨, 遺身). Thường từ này dùng để chỉ cho Di cốt của Đức Phật, nên có tên là Phật cốt (佛骨), Phật Xá Lợi (佛舍利). Về sau chỉ cho phần xương cốt lưu lại sau khi hỏa thiêu của các vị cao tăng, bảo tháp nơi an trí Xá Lợi Phật, được gọi là Xá Lợi Tháp (舍利塔), bình có an trí Xá Lợi thì gọi Xá Lợi Bình (舍利瓶), pháp hội cúng dường Xá Lợi Phật thì gọi là Xá Lợi Hội (舍利會). Như trong Hợp Bộ Kim Quang Minh Kinh (合部金光明經) quyển 8 định nghĩa rằng: Thử Xá Lợi giả, thị giới, định, huệ chi sở huân tu, thậm nan khả đắc, tối thượng phước điền 此舍利者, 是戒定慧之所熏修, 甚難可得最上福田 Xá Lợi này được huân tu do giới định tuệ, thật khó có được, là ruộng phước tối thượng.

[2] Tháp – S. Stupa, P. Thupa, H. 塔 : Dịch âm là Tốt Đổ Bà (宰堵婆, 宰睹婆) Cũng gọi là Đâu Bà 兜婆, Suất Đô Bà,

Tốt Đô Bà, Tốt Đổ Ba, Tẩu Đầu Bà (率都婆, 宰堵婆, 宰都婆, 宰睹波, 藪斗婆). Nói tắt là Tháp Bà, Đầu Bà, Phù Đờ, Tháp (塔婆, 兜婆, 浮屠, 塔, 佛塔). Trong sách Ma Ha Tăng Kỳ Luật (摩訶僧祇律), quyển 33; Pháp Hoa Nghĩa Sớ (法華義疏), quyển 11... có phân biệt rõ rằng nơi nào có Xá Lợi của Phật thì gọi là Tháp, nơi nào không có là Chi Đề. Căn cứ vào đó, 8 ngôi tháp có an trí Xá Lợi Phật khi Ngài Bát Niết Bàn như: Câu Thi Na Yết La (拘尸那揭羅), Ba Bà (波波), Giá La (遮羅), La Ma Già (羅摩伽), Tỳ Lưu Đề (毘留提), Ca Tỳ La (迦毘羅), Tỳ Xá Ly (毘舍離), Ma Kiệt Đà (摩揭陀)... là Tốt Đổ Ba, là Phật Tháp; còn các ngôi tháp nơi Đức Phật đản sinh ở Ca Tỳ La Vệ (S. Kapilavastu, P. Kapilavatthu, H. 迦毘羅衛), nơi thành đạo dưới cây Bồ Đề ở Phật Đà Già Da (S. Buddhagaya, H. 佛陀伽耶), nơi Chuyển Pháp Luân ở Vườn Lộc Uyển (鹿苑), nơi đại thần thông của Tinh Xá Kỳ Viên (精舍祇園), nơi có ba đường bậc cấp báu (khi Đức Phật từ cung Trời Đao Lợi 忉利 xuống) ở gần Khúc Nữ Thành (曲女城), nơi tuyên thuyết kinh điển Đại Thừa ở núi Kỳ Xà Quật (耆闍崛山), nơi Cư sĩ Duy Ma Cật (維摩詰) thị hiện tướng bệnh ở Am La Vệ Lâm (菴羅衛林), nơi Đức Phật nhập Niết Bàn ở rừng Sa La Song Thọ (娑羅雙樹), được gọi là Bát Đại Linh Tháp (八大靈塔 tám ngôi tháp linh thiêng) đều thuộc về Chi Đề.

CÂU HỎI ÔN TẬP:

1. Trình bày tóm tắt phẩm Cúng Dường Xá Lợi?
2. Viết bằng chữ Hán đoạn văn: Vu thời Bát Vương, ký đắc Xá Lợi, dũng được đỉnh đá, hoàn ư bốn quốc, các khởi Đầu Bà. Bỉ Bà La Môn tông chư Lực sĩ khát phân Xá Lợi bình

tự khởi Đâu Bà. Chư Lục sĩ đẳng thủ kỳ nhất phân, ư Đờ Duy xứ, hợp dư hôi thán nhi khởi Đâu Bà. Như thị phàm khởi Thập Xứ Đâu Bà.

3. Cho biết sự sai khác giữa Tháp và Chi Đờ?

4. Cho biết Bát Đại Linh Tháp an trí cúng dàng Đức Thích Tôn ở những nơi nào?

THƯ MỤC THAM KHẢO



Bản Việt Ngữ:

- Hòa Thượng Thích Thanh Kiểm, *Luật Học Đại Cương*, Thành Hội PG. TP. HCM ấn hành - 1991.
- Thích Thiện Tâm, soạn giả *Niệm Phật Thập Yếu*. NXB. Tôn Giáo, Hà Nội 2009.
- Hòa Thượng Thích Hoàn Quan, *Phật Tổ Ngũ Kinh*. NXB. Tôn Giáo, Hà Nội 2007.
- Hòa Thượng Thích Thiện Hoa, *Phật Học Phổ Thông*. NXB. Tôn Giáo, Hà Nội 2009.
- HT. Thích Thanh Kiểm, *Lược Sử Phật Giáo Ấn Độ*. NXB. Tôn Giáo, Hà Nội 2006.
- HT. Thích Từ Thông, *Pháp Hoa Kinh Thâm Nghĩa Đề Cương*. NXB. Tôn Giáo, Hà Nội 2010.
- HT. Thích Trí Tịnh dịch, *Kinh Đại Bảo Tích*, (9 tập). NXB. Tôn Giáo, Hà Nội 2012.
- HT. Thích Chơn Hỷ, *Thiền Lâm Nghi Thức*, tập 1 - 4. NXB. Văn Hóa - Văn Nghệ, Tp. HCM 2013.
- HT. Thích Chơn Hỷ, *Thiền Lâm Nghi Thức*, tập 5. NXB. Tôn Giáo, Hà Nội 2016.
- HT. Thích Từ Thông, *Đại Bát Niết Bàn Kinh*, Trục Chỉ Đề Cương. NXB. Tôn Giáo, Hà Nội 2010.
- Thượng Tọa Thích Trí Hải, *Giáo Trình Kinh Viên*

Giác. NXB. Tôn Giáo, Hà Nội 2016.

- TT. Thích Trí Hải, *Giáo Trình Kinh Hoa Nghiêm*. NXB. Tôn Giáo, Hà Nội 2016 (tái bản).

- TT. Thích Trí Hải, *Giáo Trình Kinh Đại Bát Niết Bàn*. NXB. Tôn Giáo, Hà Nội 2017.

Bản Hán Ngữ:

01). 大正藏第 26 冊 No. 1519 妙法蓮華經憂波提
CBETA 電子佛典 2014.04, 依大正藏所編輯

02). 大正藏第 09 冊 No. 0264 添品妙法蓮華經 CBETA
電子佛典 2014.04, 依大正藏所編輯

03). 大正藏第 09 冊 No. 0262 妙法蓮華經 CBETA 電子
佛典 2014.04, 依大正藏所編輯

04). 大正藏第 09 冊 No. 0263 正法華經 CBETA 電子佛
典 2014.04, 依大正藏所編輯

05). 御製大乘妙法蓮華經序 No. 262 [Nos. 263, 264]

06). 大正藏第 09 冊 No. 0269 佛說法華三昧經 CBETA
電子佛典 2014.04, 依大正藏所編輯

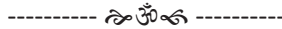
07). 大智度論 Taishō Vol. 25, No. 1509

08). 大方廣佛華嚴經疏 Taishō Vol. 35, No. 1735

09). 佛說救拔焰口餓鬼陀羅尼經 CBETA 電子版, 大
正新脩大正藏經 Vol. 21, No. 1313

10). 敕修百丈叢林清規 Taishō Vol. 48, No. 2025

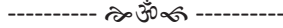
MỤC LỤC



Lời nói đầu	7
Tổng luận.....	9
Phẩm 1. Duyên Khởi Niết Bàn.....	43
Phẩm 2. Như Lai Thọ Lượng	57
Phẩm 3. Đại Chúng Ai Thán.....	75
Phẩm 4. Phật Độ Ly Xa Phái	85
Phẩm 5. Tứ Thánh Đế	117
Phẩm 6. Tứ Quyết Thuyết	129
Phẩm 7. Phất Ba Dục Đế	145
Phẩm 8. Thuần Đà Cúng Phật.....	153
Phẩm 9. Phật Độ Phất Ca Sa.....	163
Phẩm 10. Thị Hiện Niết Bàn	183
Phẩm 11. Phật Thùy Bát Niết Bàn	205
Phẩm 12. Tích Cưu Thi Na Thành	223
Phẩm 13. Phật Độ Lực Sĩ Phái	259
Phẩm 14. Phật Độ Tu Bạt Đà La.....	267
Phẩm 15. Phật Thuyết Di Giáo	287
Phẩm 16. Phật Nhập Niết Bàn.....	295
Phẩm 17. Đồ Duy Chi Pháp	315
Phẩm 18. Cúng Dường Xá Lợi	335
Thư Mục Tham Khảo	347

GIÁO TRÌNH KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

Biên dịch: TT. THÍCH TRÍ HẢI



NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

53 Tràng Thi – Q. Hoàn Kiếm - Hà Nội

ĐT: (024) 37822845 – Fax: (024).37822841

Email: nhaxuatbantongiao@gmail.com

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc – Tổng Biên tập

TS. BÙI THANH HÀ

Biên tập : Nguyễn Thị Thanh Thủy

Sửa bản in : Thích Nữ Hạnh Tâm

Trình bày : Diệp Nguyễn

Bìa : Nguyễn Ngọc Phúc

Liên kết xuất bản:

TT. THÍCH TRÍ HẢI

Chùa Thiền Lâm, Tân Nhuận Đông, Châu Thành, Đồng Tháp.

In 1.000 cuốn, khổ 14,5 x 20,5 cm

Tại **CÔNG TY CỔ PHẦN IN KHUYẾN HỌC PHÍA NAM**

Trụ sở: 128/7/7 Trần Quốc Thảo, P. 7, Q. 3, Tp. HCM

Nhà máy in: Lô B5-8, đường D4, KCN Tân Phú Trung, Củ Chi, Tp.HCM

Số ĐKXB: 3637 - 2019/CXBIPH/ 04 - 100/TG

QĐXB số: 352/QĐ - NXBTG, ngày 20/ 09/ 2019

Số ISBN: 978-604-61-6507-1

In xong và nộp lưu chiểu Quý IV năm 2019

Gia đình Phật tử
Thủy Tiên - Công Vinh
ấn tổng 1.000 quyển
GIÁO TRÌNH KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

